

Tuần:
Tiết: 55
Môn: Làm
Văn Ngày
soạn:

CÁC HÌNH THỨC KẾT CẤU CỦA VĂN BẢN THUYẾT MINH

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

- **Tên bài học:** CÁC HÌNH THỨC KẾT CẤU CỦA VĂN BẢN THUYẾT MINH

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên
lớp

- **Chuẩn bị của GV và**

HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có).
Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để
kiểm

tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài
trong SGK Ngữ văn 10, Tập một. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu
cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

B: Xác định nội dung – chủ đề bài học:

- Các hình thức kết cấu của trong văn bản thuyết minh.

C: Xác định mục tiêu bài học.

1. Về kiến thức

– Văn thuyết minh, các loại văn bản thuyết
minh.

– Yêu cầu xây dựng văn bản thuyết
minh.

– Một số hình thức kết cấu của văn bản thuyết
minh.

2. Về kỹ năng

– Nhận diện và phân tích sự hợp lí về hình thức kết cấu trong một số văn bản thuyết
minh.

– Xác định hình thức kết cấu của một số vấn đề thuyết
minh.

– Vận dụng các hình thức kết cấu phù hợp để viết bài văn thuyết
minh.

3. Về thái độ, phẩm chất:

Yêu quê hương, đất nước

4. Phát triển năng lực:

Giúp HS hình thành một số năng lực trong các năng lực
sau:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, , Năng lực giải quyết vấn đề và sáng
tạo, CNTT...

- *Năng lực riêng*: sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt

D: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG 1 – KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
------------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chiếu đoạn video về danh lam thắng cảnh “Tam Cốc Bích Động”.(Ninh Bình). Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi. Đoạn video có nội dung gì? Em có nhận xét gì về cách thuyết minh trên?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Học sinh báo cáo thực hiện kết quả.

-Bước 4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới:

*** Giới thiệu bài mới:** Trong thực tế cuộc sống, vì điều kiện và hoàn cảnh thực tế, chúng ta có thể ko được đi thăm quan mọi thắng cảnh, di tích lịch sử- văn hóa nổi tiếng, thưởng thức các sản vật quý của nhiều vùng quê, ko biết hết về cuộc đời, sự nghiệp của nhiều danh nhân hay các tác giả, tác phẩm VH nổi tiếng, có giá trị,... Nhưng chúng ta cũng có thể nắm bắt được những đặc điểm của chúng qua các bài văn thuyết minh. ở cấp II, các em đã được học về văn thuyết minh về một thể loại văn học, một phương pháp và một danh lam thắng cảnh. Vậy VB thuyết minh có các hình thức kết cấu ntn? Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu vấn đề đó.

- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.
- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.
- Có thái độ tích cực, hứng thú.

HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của GV&HS	Nội dung kiến thức cơ bản
---------------------	---------------------------

<p><u>Thao tác 1:</u> Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>HD HS ôn tập về khái niệm và phân loại VB TM.</p> <p>Bước 1: Gv giao nhiệm vụ cho học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại k/n về VBTM? - Các loại VB thuyết minh? <p>Loại thiên về trình bày, giới thiệu gồm 3 thể nhỏ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thuyết minh về một tác giả, tác phẩm VH. + Thuyết minh về một danh lam thắng 	<p><u>*Kháiniêmvàphânloại</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - K/n: VB thuyết minh là kiểu VB nhằm giới thiệu, trình bày chính xác, khách quan về cấu tạo, tính chất, quan hệ, giá trị,... của một sự vật, hiện tượng, một vấn đề thuộc tự nhiên, xã hội và con người. - Phân loại: có nhiều loại, với 2 loại chính: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ yếu thiên về trình bày, giới thiệu. + Chủ yếu thiên về miêu tả.
---	---

<p>cảnh, di tích lịch sử. + Thuyết minh về một phương pháp. Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Học sinh báo cáo thực hiện kết quả. Bước 4: gv nhận xét.</p> <p>*Thao tác 2: HD HS tìm hiểu mục I. (gồm văn bản : “Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân”, “ Bưởi Phúc Trạch” Bước 1: Gv giao nhiệm vụ cho học sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hiểu thế nào là kết cấu VB? - Kết cấu VB phụ thuộc vào các yếu tố nào? <p>Hs đọc VB. Gv chia hs thành 4 tổ thảo luận, trả lời các câu hỏi trong sgk:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đối tượng và mục đích thuyết minh? - Nội dung thuyết minh của VB? - Phân tích cách sắp xếp ý trong VB? Giải thích cơ sở của cách sắp xếp ấy? <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Học sinh báo cáo thực hiện kết quả.</p> <p>Nhóm 1:- Đối tượng thuyết minh: Hội thi thổi cơm ở Đồng Vân- Đồng Tháp - Đan Phượng - Hà Tây một lễ hội dân gian. -Nhóm 2: Mục đích thuyết minh: Giúp người đọc (người nghe) hình dung được thời gian, địa điểm, diễn biến, ý nghĩa của lễ hội.</p> <p>- Nhóm 3: Nội dung thuyết</p>	<p>minh: + Địa điểm: Hà Tây. + Thời gian: ngày rằm tháng giêng hàng</p>
--	---

I. Kết cấu của văn bản thuyết minh

* **Kết cấu VB:** là sự tổ chức, sắp xếp các thành tố của VB thành một đơn vị thống nhất, hoàn chỉnh, có ý nghĩa.

Kết cấu phụ thuộc vào đối tượng, mục đích và người tiếp nhận văn bản.

1. Tìm hiểu ngữ liệu

a. VB

1: Hội thi thổi cơm ở Đồng Vân

- **Đối tượng thuyết minh:** Hội thi thổi cơm ở Đồng Vân- Đồng Tháp - Đan Phượng - Hà Tây một lễ hội dân gian.

- **Mục đích thuyết minh:** Giúp người đọc (người nghe) hình dung được thời gian, địa điểm, diễn biến, ý nghĩa của lễ hội.

- **Nội dung thuyết minh:**

+ Địa điểm: làng Đồng Vân, xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.

+ Thời gian: ngày rằm tháng giêng hàng năm.

+ Diễn biến:

Thi nấu cơm: - Thủ tục bắt đầu.

- Lấy lửa.

- Nấu cơm.

Chấm thi: - Tiêu chuẩn.

- Cách chấm.

+ Ý nghĩa của lễ hội đối với đời sống tinh thần của nhân dân.

- **Cách sắp xếp các ý:**

+ Theo trình tự logic: Giới thiệu thời gian, địa điểm, diễn biến, ý nghĩa của lễ hội đối với đời sống tinh thần

<p>năm.</p> <p>+ Diễn biến: Thi nấu cơm và chấm thi.</p> <p>+ Ý nghĩa của lễ hội đối với đời sống tinh thần của nhân dân.</p> <p>-Nhóm 3: Cách sắp xếp các ý</p> <p>GV dẫn dắt để sang văn bản 2:</p> <p>Bước 1: Gv giao nhiệm vụ cho học sinh Hs đọc VB, chia lớp 4 nhóm thảo luận, trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - N1: Đối tượng và mục đích thuyết minh của VB 2? - N 2: Nội dung thuyết minh của VB 2? - N 3: Phân tích cách sắp xếp ý trong VB? - N4: Giải thích cơ sở của cách sắp xếp ấy? <p>- Từ việc tìm hiểu 2 VD trên, em hãy nêu các hình thức kết cấu chủ yếu của văn bản thuyết minh?(Thảo luận chung)</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Học sinh báo cáo thực hiện kết quả.</p> <p>Giới thiệu một đặc sản quả nổi tiếng: bưởi Phúc Trạch về các mặt: địa điểm, hình dáng, cấu tạo, màu sắc, mùi vị, giá trị dinh dưỡng...</p> <p>Các ý chính: Các loại bưởi nổi tiếng ở Việt Nam. Hình dáng quả, màu sắc vỏ, mùi bưởi. vẻ ngon lành, hấp dẫn của tép bưởi, thơm bưởi. Giá trị hấp dẫn và bổ dưỡng. Danh tiếng của bưởi Phúc Trạch. d) Các ý sắp xếp theo các quan hệ kết hợp: Quan hệ không gian: từ ngoài vào trong. Quan hệ lôgic: các phương diện</p>	<p>của người dân.</p> <p>+ Theo trình tự thời gian: phân kể về diễn biến của lễ hội được sắp xếp theo trình tự thời gian: thủ tục bắt đầu cuộc thi, diễn biến cuộc thi, chấm thi.</p> <p><u>b.VB2:BưởiPhúcTrạch</u></p> <p>- Đối tượng thuyết minh: bưởi Phúc Trạch- Một loại trái cây nổi tiếng.</p> <p>- Mục đích thuyết minh: Giúp người đọc (người nghe) nhận biết được đặc điểm và giá trị của bưởi Phúc Trạch.</p> <p>- Nội dung thuyết minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các loại bưởi nổi tiếng của Việt Nam . + Đặc điểm của bưởi Phúc Trạch: hình dáng quả, đặc điểm vỏ, cùi bưởi; vẻ ngon lành, hấp dẫn của múi bưởi, tép bưởi. + Giá trị và sự bổ dưỡng của bưởi. + Danh tiếng của bưởi Phúc Trạch. <p>- Cách sắp xếp các ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quan hệ không gian: từ ngoài vào trong. + Quan hệ lôgic: các phương diện khác nhau của quả bưởi (hình dáng, vỏ, múi tép, màu sắc, hương vị, cảm giác). + Quan hệ nhân- quả: giá trị danh tiếng của bưởi Phúc Trạch. <p>Quan hệ hỗn hợp.</p> <p>- Cơ sở sắp xếp: Do mục đích thuyết minh.</p> <p><u>2. Các hình thức kết cấu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo trình tự thời gian. - Theo trình tự không gian. - Theo trình tự lôgic. - Theo trình tự hỗn hợp.
---	--

III. Luyện tập:

Bài 1: Thuyết minh về bài Tỏ lòng
của Phạm Ngũ Lão.

- Hình thức kết cấu: hỗn hợp.

khác nhau của quả bưởi: hình dáng, vỏ, mùi, tép, màu sắc, hương vị, cảm giác.

Quan hệ nhân - quả (giữa các ý: 1- 2,

Bước 4: GV nhận xét.

Thao tác_3: HD HS luyện tập.

Bước 1: Gv giao nhiệm vụ cho học sinh

Yêu cầu hs thảo luận, thực hành làm bài tập
1: Thuyết minh về bài Tỏ lòng của Phạm
Ngũ Lão?

- Xác định hình thức kết cấu VB thuyết minh?

- Nội dung thuyết minh?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Học sinh báo cáo thực hiện kết quả

1/Nếu cần thuyết minh bài *Tỏ lòng*

(*Thuật hoài*) của Phạm Ngũ Lão, có thể tổ chức kết cấu như sau :

- Giới thiệu khái quát về tác giả Phạm Ngũ Lão và bài thơ *Tỏ lòng*.

- Thuyết minh về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ :

+ Giá trị nội dung của bài thơ.

+ Giá trị nghệ thuật của bài thơ.

Chú ý : Có thể thuyết minh giá trị nghệ thuật của bài thơ trước rồi mới thuyết minh giá trị nội dung hoặc đan xen.

- Khẳng định về giá trị của bài thơ.

Bước 4: GV nhận xét.

Thuyết minh về Đèn Hùng.

- Thuyết minh về di tích Đền Hùng?

- Xác định các nội dung chính cần thuyết minh?

Bước 1: Gv giao nhiệm vụ cho học sinh

- Nội dung thuyết minh:

+ Giới thiệu về tác giả Phạm Ngũ Lão- một người văn võ toàn tài, một vị tướng giỏi, trước là môn khách sau là con rể của Trần Quốc Tuấn.

+ Giới thiệu về nội dung bài thơ:

Hai câu đầu: Vẻ đẹp, sức mạnh của con người và quân đội nhà Trần đồng thời là bức chân dung tự họa của dũng tướng Phạm Ngũ Lão.

Hai câu sau: Chí làm trai và tâm tình của tác giả.

Bài 2:

Nội dung thuyết minh cơ bản về di tích Đền Hùng:

- Đường đến, địa điểm.

- Khung cảnh thiên nhiên...

- Cụm di tích văn hóa: Đền Hạ, đền Trung, đền Thượng và đền Giếng.

-Vài nét về truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ.

- Lễ hội Đền Hùng hàng năm....

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Học sinh báo cáo thực hiện kết quả

Nếu phải thuyết minh một di tích, một thắng cảnh của đất nước, có thể giới thiệu dựa theo gợi ý sau :

- Giới thiệu chung về di tích hoặc thắng cảnh : tên gọi, giá trị nổi bật,...

- Thuyết minh cụ thể về đặc điểm, giá trị các mặt của di tích hoặc thắng cảnh : vị trí, quang cảnh, sự tích, đặc điểm và giá trị tiêu biểu,...

Có thể thuyết minh theo trình tự thời gian, không gian, quan hệ lôgic,... hoặc phối hợp một cách linh hoạt, tự nhiên các trình tự kết cấu.

- Khẳng định, nhấn mạnh về đặc điểm cũng như giá trị của đối tượng đã thuyết minh.

Bước 4: GV nhận xét.

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV&HS	Nội dung kiến thức cơ bản
--------------------------------	----------------------------------

<p>GV cho HS thực hành qua bài tập luyện tập.</p> <p><i>Mục tiêu: Hs củng cố các kiến thức về kết cấu của văn bản thuyết minh và vận dụng vào làm các bài luyện tập cụ thể</i></p> <p><i>Hình thức: HS làm việc nhóm</i></p> <p><i>Phương pháp: Phát vấn, kỹ thuật khăn trải bàn</i></p> <p><i>B1: GV chia lớp thành 2 nhóm.</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>B1: GV chia lớp thành 2 nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1 lập dàn ý thuyết minh bài Tỏ lòng (Thuật hoài) của Phạm Ngũ Lão - Nhóm 2 lập dàn ý thuyết minh một di tích, một thắng cảnh của đất nước. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>1. Nếu cần thuyết minh bài Tỏ lòng (Thuật hoài) của Phạm Ngũ Lão, có thể tổ chức kết cấu như sau:</p> <p>Giới thiệu khái quát về tác giả Phạm Ngũ Lão và bài thơ Tỏ lòng.</p> <p>Thuyết minh về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá trị nội dung của bài thơ. • Giá trị nghệ thuật của bài thơ. <p>Chú ý: Có thể thuyết minh giá trị nghệ thuật của bài thơ trước rồi mới thuyết minh giá trị nội dung hoặc đan xen.</p> <p>Khẳng định về giá trị của bài thơ.</p> <p>2. Nếu phải thuyết minh một di tích, một thắng cảnh của đất nước, có thể giới thiệu dựa theo gợi ý sau:</p>
---	---

<p><i>* Hoạt động nhóm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức: 	<ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu chung về di tích hoặc thắng cảnh: tên gọi, giá trị nổi bật,... • Thuyết minh cụ thể về đặc điểm, giá trị các mặt của di tích hoặc thắng cảnh: vị trí, quang cảnh, sự tích, đặc điểm và giá trị tiêu biểu,... • Có thể thuyết minh theo trình tự thời gian, không gian, quan hệ lôgic,... hoặc phối hợp một cách linh hoạt, tự nhiên các trình tự kết cấu. • Khẳng định, nhấn mạnh về đặc điểm cũng như giá trị của đối tượng đã thuyết minh.
--	--

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG, TÌM TÒI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV&HS	Nội dung kiến thức cơ bản
<p>GV hướng dẫn HS vận dụng, mở rộng, nâng cao.</p> <p><i>Hình thức:</i> HS làm việc cá nhân ở nhà</p> <p><i>Mục tiêu:</i> Hs nắm được những nét cơ bản nhất về nd và nt của bài học. <i>Phương pháp:</i> Phát vấn, kỹ thuật trình bày 1 phút</p> <p>GV yêu cầu HS sưu tầm những bài viết thuyết minh theo các kiểu kết cấu khác nhau để làm tư liệu học tập.</p>	

.....

.....

.....

Tuần:
Tiết: 56
Môn: Làm
Văn Ngày
soạn:

LẬP DÀN Ý BÀI VĂN THUYẾT MINH

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết

- **Tên bài học:** LẬP DÀN Ý BÀI VĂN THUYẾT MINH

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và HS:**

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập một. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: Dàn ý bài văn thuyết minh.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Về kiến thức

- Dàn ý và yêu cầu của mỗi phần trong dàn ý của một bài văn thuyết minh.
- Cách lập dàn ý khi triển khai bài văn thuyết minh.

2. Kỹ năng

- Vận dụng những kiến thức đã học về văn thuyết minh và kỹ năng lập dàn ý để lập được dàn ý cho một bài văn thuyết minh có đề tài gần gũi, quen thuộc.

- Thực hành lập dàn ý cho bài văn thuyết minh có đề tài gần gũi, quen thuộc.

3. Thái độ: Yêu quê hương, đất nước

4. Năng lực: Giúp HS hình thành một số năng lực trong các năng lực sau:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, , Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, CNTT...

- **Năng lực riêng:** sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG 1 – KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
Khởi động: GV đưa ra câu hỏi: Trước khi viết văn em có lập dàn ý không? HS trả lời có hoặc không GV hỏi tiếp: Vậy trước khi viết văn tại sao e lại lập dàn ý? (hoặc khi không	

<p>lập dàn ý em gặp phải khó khăn gì khi viết?)</p> <p>HS trả lời:</p> <p>GV dẫn dắt giới thiệu bài mới: Như vậy việc lập dàn ý là rất quan trọng. Văn thuyết minh cũng vậy. Dàn ý của bài văn thuyết minh có bố cục và cách sắp xếp như thế nào, tiết học hôm nay chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu những lí thuyết đó và tiến hành luyện tập.</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của GV&HS	Nội dung cần đạt
<p>Thao tác 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh ôn lại những kiến thức về dàn ý bài văn thuyết minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được những kiến thức về dàn ý bài văn thuyết minh - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Thao tác 2: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần : Dàn ý bài văn thuyết minh.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại bố cục ba phần của một bài văn và nhiệm vụ của mỗi phần. - Bố cục của ba phần của một bài làm 	<p>I. Dàn ý văn thuyết minh</p> <p>1. Bố cục của một bài văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gồm ba phần: + Mở bài: Giới thiệu sự vật, sự việc, đối tượng, hiện tượng của bài viết + Thân bài: Trình bày nội dung chính của bài viết. + Kết luận: Nêu suy nghĩ, cảm nhận của người viết. <p>2. Bố cục trên cũng phù hợp với văn bản</p>

văn có phù hợp với đặc điểm của văn thuyết minh không? Tại sao?

- Các kiểu kết cấu của văn bản thuyết minh?

- So với phần mở bài và kết bài của một bài văn tự sự thì phần mở bài và kết bài của một bài văn thuyết minh có những điểm tương đồng và khác biệt nào?

- Sắp xếp trình tự của một bài văn thuyết minh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: nhớ lại kiến thức đã học, theo dõi SGK, tìm hiểu yêu cầu của từng câu hỏi.

* Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi.

* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận, thống nhất ý kiến

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi.

- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức

thuyết minh vì: Văn bản thuyết minh cũng là kết quả của thao tác làm văn, cũng có lúc phải miêu tả, nêu cảm xúc, trình bày sự việc.

3. Văn bản tự sự và văn bản thuyết minh có sự tương đồng ở phần mở bài và kết bài. Song kết bài vẫn có điểm khác: Văn bản tự sự cần nêu cảm nghĩ của người viết, còn văn bản thuyết minh cần trở lại đề tài để lưu lại những cảm xúc, suy nghĩ lâu bền trong lòng người đọc.

4. Các trình tự sắp xếp:

- Trình tự thời gian: trước - nay

- Trình tự không gian: gần - xa; trong - ngoài; trên - dưới;

- Trình tự nhận thức con người: quen - lạ; dễ - khó

- Trình tự chứng minh - phản bác.

II. Lập dàn ý bài văn thuyết minh:

✉**Đề:** Để giới thiệu vẻ đẹp của kinh đô Huế cho du khách, em sẽ thực hiện như thế nào?

1. Xác định đề tài:

- Giới thiệu Huế là một kinh đô với nhiều vẻ đẹp từ vật chất đến tinh thần: danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hoá; tính cách tâm hồn người Huế...

2. Lập dàn ý:

a. Mở bài:

- Nêu được đề tài bài viết.

- Cho người đọc nhận ra kiểu văn

	<p>bản thuyết minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hút sự chú ý của người đọc đối với đề tài. <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm ý, chọn ý: các ý phải bảo đảm tính chính xác, khoa học, khách quan và phù hợp với yêu cầu thuyết minh của đề bài. - Sắp xếp ý: theo trật tự phù hợp với yêu cầu thuyết minh, không lạc đề. Các ý phải đủ để làm rõ được điều cần thuyết minh, không sơ sài, thiếu sót. Các ý phải được sắp xếp theo một hệ thống thống nhất để không bị trùng lặp hay chồng chéo. <p>c. Phần kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trở lại đề tài vừa thuyết minh. - Nhấn mạnh những điểm đáng lưu ý cho độc giả. <p>* Ghi nhớ: SGK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: Giới thiệu sự vật, sự việc, nội dung cần đề cập. - Thân bài: Triển khai nội dung chính của bài viết. - Kết bài: Bày tỏ suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc của người viết. <p>Phù hợp với VB thuyết minh. Vì VB thuyết minh cũng là kết quả của thao tác làm văn, người viết cũng cần giới thiệu, trình bày rõ các nội dung thuyết minh, có lúc cần miêu tả, nêu cảm xúc, trình bày sự việc,...</p> <p>2. So sánh phần mở bài và kết bài của bài văn tự sự và bài văn thuyết minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống: cơ bản tương đồng ở phần mở bài. - Khác: ở phần kết bài. <ul style="list-style-type: none"> + VB tự sự: chỉ nêu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật (người viết). + VB thuyết minh: vừa trở lại đề tài thuyết minh vừa lưu lại cảm xúc, suy
--	---

nghĩ lâu bền trong lòng độc giả.

<p>Thao tác 3: Giáo viên hướng dẫn học sinh lập dàn ý bài văn thuyết minh.</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh nắm chắc cách lập dàn ý bài văn thuyết minh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV nêu vấn đề: Để giới thiệu vẻ đẹp của kinh đô Huế cho du khách, em sẽ thực hiện như thế nào?</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Xác định đề tài?</p> <p>(?) Ta sẽ chọn những ý chính nào?</p> <p>a. MB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về vẻ đẹp của đất và người xứ Huế. - Trình bày để người đọc nhận ra đâu là vẻ đẹp của đất và người xứ Huế. - Thu hút người đọc bằng chính sự quyến rũ duy nhất của Huế mà không nơi nào có được. <p>b. TB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm ý, chọn những chi tiết đặc sắc của Huế để giới thiệu với bạn bè. - Thuyết phục người đọc bằng những dẫn chứng cụ thể, so sánh Huế với những nơi khác... - Sắp xếp ý theo trình tự không gian thời gian hợp lý... <p>c. KB</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vẻ đẹp của Huế. 	<p>- Nhấn mạnh những điểm đáng lưu ý</p>
--	--

3. Trình tự sắp xếp ý ở phần thân bài

- Thời gian: xưa nay.
- Không gian: xa gần; ngoài trong; dưới trên,...
- Nhận thức: dễ khó; quen lạ.
- Trình tự chứng minh: phản bác-chứng minh.

III. Lập dàn ý bài văn thuyết minh

1. Xác định đề tài

Xác định rõ đối tượng thuyết minh:

- Một danh nhân văn hóa.
- Một tác giả văn học.
- Một nhà khoa học.
- Một danh lam thắng cảnh.
- Một phương pháp...

2. Lập dàn ý

a. Mở bài

- Nội dung chính: nêu được đề tài (giới thiệu được đối tượng thuyết minh).
- Yêu cầu:
 - + Giúp người đọc nhận ra kiểu bài thuyết minh.
 - + Thu hút được sự chú ý của người đọc

b. Thân bài

- Nội dung chính: triển khai các nội dung chính cần thuyết minh.
- Các bước cần làm:
 - + Tìm ý, chọn ý.
 - + Sắp xếp các ý theo trình tự không gian, thời gian, nhận thức hoặc trình tự chứng minh.

c. Kết bài

- Trở lại đề tài của bài văn thuyết minh.
- Lưu lại những suy nghĩ, cảm xúc.

của vẻ đẹp xứ Huế.

* Hoạt động cá nhân: Xác định đề tài

* Hoạt động cặp đôi: Mỗi cặp đôi thảo luận và trình bày những hiểu biết về đề tài.

* Hoạt động nhóm: GV chia HS thành 4 nhóm và chuyển giao nhiệm vụ: Từ những hiểu biết về đề tài của HS và một số kiến thức GV cung cấp, các nhóm thảo luận thống nhất ý kiến

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: HS xác định đề tài

* Hoạt động nhóm:

- HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp.

- HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv:

- Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm

- Chốt kiến thức:

? Đề lập dàn ý cho bài văn thuyết minh tốt cần có những yêu cầu nào?

Bước 1: Gv giao nhiệm vụ cho học

sinh

- Nhắc lại bố cục của một bài làm văn và nhiệm vụ của mỗi phần?
- Bố cục 3 phần của một bài làm văn có phù hợp với đặc điểm của bài văn

thuyết minh ko? Vì sao?

- So sánh sự giống và khác của phần mở bài và kết bài trong bài văn tự sự với bài văn thuyết minh?

- Nêu trình tự sắp xếp ý ở phần thân bài của VB thuyết minh?

- Những nội dung chính cần nêu ở phần mở bài bài văn thuyết minh?

- Yêu cầu đối với mở bài của VB thuyết minh?

- Các bước cần làm để có dàn ý phần thân bài?

- Các việc cần làm ở phần kết bài?

Yêu cầu hs thảo luận, lập dàn ý cho 2 bài văn thuyết minh:

Đề 1: Trình bày cách chế biến mónđâuphurán?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Học sinh báo cáo thực hiện kết quả

Bước 4: gv nhận xét, chốt kiến thức.

Đề 2:

Bước 1: Gv giao nhiệm vụ cho học sinh

Giới thiệu về tác giả văn học Nguyễn Trãi?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Học sinh báo cáo thực hiện kết quả

- MB: giới thiệu chung về tác giả Nguyễn Trãi.

- TB:

IV. Luyện

tập

Đề 1

Trình bày cách chế biến món đậu
phụ

r

á

n

.

- MB: Giới thiệu món đậu phụ
rán.

- T

B

:

+ Nguyên
liệu.

+ Cách chế
biến.

+ Yêu cầu thành
phẩm.

- K

B

:

+ Trở lại
vấn đề.

+ Nêu suy nghĩ, đánh
giá.

Đ

ề

2

Giới thiệu về tác giả văn học
Nguyễn

T

r

ã

i

.

- MB: Giới thiệu sơ lược về tác giả
Nguyễn Trãi (tên, hiệu, quê hương,
gia đình và tầm vóc của ông trong
lịch sử

+ Giới thiệu các sự kiện nổi bật trong cuộc đời Nguyễn Trãi. + Giới thiệu về sự nghiệp thơ văn - KB: + Đánh giá vị trí của Nguyễn Trãi trong lịch sử dân tộc. Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.	văn học dân tộc.) - TB: + Giới thiệu các sự kiện nổi bật trong cuộc đời Nguyễn Trãi. + Giới thiệu về sự nghiệp thơ văn - KB: + Đánh giá vị trí của Nguyễn Trãi trong lịch sử dân tộc. + Nêu cảm xúc, suy nghĩ.
--	--

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV&HS	Nội dung cần đạt
<p>Giáo viên hướng dẫn học sinh lập dàn ý bài văn thuyết minh.</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh nắm chắc cách lập dàn ý bài văn thuyết minh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu</i> - <i>Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi</i> - <i>Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm.</i> - <i>Các bước thực hiện:</i> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV nêu vấn đề: Đề giới thiệu về đẹp của kinh đô Huế cho du khách, em sẽ thực hiện như thế nào?</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Xác định đề tài?</p> <p>(?) Ta sẽ chọn những ý chính nào?</p> <p>a. MB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về vẻ đẹp của đất và người xứ Huế. - Trình bày để người đọc nhận ra đâu là vẻ đẹp của đất và người xứ Huế. - Thu hút người đọc bằng chính sự quyến rũ duy nhất của Huế mà không 	<p>✉Đề: Đề giới thiệu về đẹp của kinh đô Huế cho du khách, em sẽ thực hiện như thế nào?</p> <p>1. Xác định đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu Huế là một kinh đô với nhiều vẻ đẹp từ vật chất đến tinh thần: danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hoá; tính cách tâm hồn người Huế... <p>2.Lập dàn ý:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đề tài bài viết. - Cho người đọc nhận ra kiểu văn bản thuyết minh. - Thu hút sự chú ý của người đọc đối với đề tài. <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm ý, chọn ý: các ý phải bảo đảm tính chính xác, khoa học, khách quan và phù hợp với yêu cầu thuyết minh của đề bài. - Sắp xếp ý: theo trật tự phù hợp với yêu cầu thuyết minh, không lạc đề. Các ý phải đủ để làm rõ được điều cần thuyết minh, không sơ sài, thiếu sót. Các ý phải được sắp xếp theo một hệ thống

nơi nào có được.

b. TB:

- Tìm ý, chọn những chi tiết đặc sắc của Huế để giới thiệu với bạn bè.
- Thuyết phục người đọc bằng những dẫn chứng cụ thể, so sánh Huế với những nơi khác...
- Sắp xếp ý theo trình tự không gian thời gian hợp lý...

c. KB

- Khẳng định vẻ đẹp của Huế.
- Nhấn mạnh những điểm đáng lưu ý của vẻ đẹp xứ Huế.

* Hoạt động cá nhân: Xác định đề tài

* Hoạt động cặp đôi: Mỗi cặp đôi thảo luận và trình bày những hiểu biết về đề tài.

* Hoạt động nhóm: GV chia HS thành 4 nhóm và chuyển giao nhiệm vụ: Từ những hiểu biết về đề tài của HS và một số kiến thức GV cung cấp, các nhóm thảo luận thống nhất ý kiến

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: HS xác định đề tài

* Hoạt động nhóm:

- HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp.

- HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

thống nhất để không bị trùng lặp
hay chồng chéo.

c. Phần kết bài:

- Trở lại đề tài vừa thuyết minh.
- Nhấn mạnh những điểm
đáng lưu ý cho độc giả.

Gv: - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức: ? Đề lập dàn ý cho bài văn thuyết minh tốt cần có những yêu cầu nào?	
--	--

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV&HS	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS mở rộng, nâng cao <i>Hình thức:</i> HS làm việc cá nhân ở nhà để trả lời câu hỏi: <i>Mục tiêu:</i> Hs nắm được những nét cơ bản nhất về nd và nt của bài học <i>Phương pháp:</i> Phát vấn.. GV Yêu cầu HS tìm hiểu và làm bài tập thu hoạch ở nhà. Nộp sản phẩm vào buổi học sau. " <i>sưu tầm những bài thuyết minh hay để làm tư liệu học tập</i> "	- HS về nhà làm bài tập - Năng lực giao tiếp, tự học

HOẠT ĐỘNG, TÌM TÀI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV&HS	Nội dung cần đạt
GV hướng dẫn HS mở rộng, nâng cao <i>Hình thức:</i> HS làm việc cá nhân ở nhà để trả lời câu hỏi: <i>Mục tiêu:</i> Hs nắm được những nét cơ bản nhất về nd và nt của bài học <i>Phương pháp:</i> Phát vấn.. GV Yêu cầu HS tìm hiểu và làm bài tập thu hoạch ở nhà. Nộp sản phẩm vào buổi học sau. " <i>sưu tầm những bài thuyết minh hay để làm tư liệu học tập</i> "	- HS về nhà làm bài tập - Năng lực giao tiếp, tự học

.....
.....
.....
.....

Tuần:
Tiết: 57, 58
Môn: Đọc Văn
Ngày soạn:

PHÚ SÔNG BẠCH ĐẰNG (Tiết 1)
- Trương Hán Siêu -

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết

- **Tên bài học:** PHÚ SÔNG BẠCH ĐẰNG

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và HS:**

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập hai. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học:

Niềm tự hào về những chiến công trên dòng sông Bạch Đằng lịch sử.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức

- Niềm tự hào về truyền thống yêu nước và truyền thống đạo lí nhân nghĩa của dân tộc.

- Sử dụng lối "chủ - khách đối đáp", cách dùng hình ảnh điển cố chọn lọc, câu văn tự do phóng túng,...

2. Kỹ năng

Đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

3. Thái độ: biết trân trọng LS của dân tộc; yêu quê hương, đất nước

4. Phát triển năng lực: Giúp HS hình thành một số năng lực trong các năng lực sau:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, , Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, CNTT...

- **Năng lực riêng:** sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt

a. Năng lực

Giúp HS hình thành một số năng lực trong các năng lực sau:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

CNTT...

- **Năng lực riêng:** sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG 1 – KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của gv & hs	Nội dung cần đạt
<p>* Gv tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”: Gọi các nhóm HS, nhóm nào ghi nhanh lên bảng tên những nhân vật thời Trần và những chiến công thời Trần nhóm đó thắng.</p> <p>- HS chơi trò chơi</p> <p>- GV dẫn dắt, chuyển</p> <p>Hoặc: - GV giao nhiệm vụ:</p> <p>+Trình chiếu video clip về chiến thắng Bạch Đằng, tranh ảnh tác giả Trương Hán Siêu, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)</p> <p>+Chuẩn bị bảng lắp ghép</p> <p>* HS:</p> <p>+ Nhìn hình đoán tác giả</p> <p>+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả</p> <p>+ Đọc, ngâm thơ liên quan đến bài phú</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức; dẫn vào bài mới: <i>Dòng sông Bạch Đằng gắn liền với những chiến công vang dội của dân tộc ta (Ngô Quyền thắng giặc Nam Hán, quân dân nhà Trần thắng giặc Nguyên-Mông). Địa danh lịch sử này đã trở thành nguồn đề tài cho nhiều nhà thơ xưa khai thác: Trần Minh Tông với bài Bạch Đằng giang (trong đó có hai câu: “Ánh nước chiều hôm màu đỏ khé/ Tưởng rằng máu giặc vẫn chưa khô”), Nguyễn Trãi với Bạch Đằng hải khẩu, Nguyễn Sưởng với bài Bạch Đằng giang,... Khác với các tác giả trên, Trương Hán Siêu</i></p>	<p>Dòng sông Bạch Đằng gắn liền với những chiến công vang dội của dân tộc ta (Ngô Quyền thắng giặc Nam Hán, quân dân nhà Trần thắng giặc Nguyên-Mông). Địa danh lịch sử này đã trở thành nguồn đề tài cho nhiều nhà thơ xưa khai thác: Trần Minh Tông với bài Bạch Đằng giang (trong đó có hai câu: “Ánh nước chiều hôm màu đỏ khé/ Tưởng rằng máu giặc vẫn chưa khô”), Nguyễn Trãi với Bạch Đằng hải khẩu, Nguyễn Sưởng với bài Bạch Đằng giang,... Khác với các tác giả trên, Trương Hán Siêu cũng viết về địa danh lịch sử đó nhưng lại sử dụng thể phú. Bài <i>Phú sông Bạch Đằng</i> của ông được đánh giá là mẫu mực của thể phú trong VHTĐ.</p>

cũng viết về địa danh lịch sử đó nhưng lại sử dụng thể phú. Bài Phú sông Bạch Đằng của ông được đánh giá là mẫu mực của thể phú trong văn học trung đại

HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của gv & học sinh	Nội dung cần đạt
<p>Thao tác 1: HD HS tìm hiểu phần tiểu dẫn.</p> <p>Bước 1: Gv giao nhiệm vụ cho học sinh</p> <p>Hs đọc phần Tiểu dẫn- sgk.</p> <p>-Nhóm 1: Nêu những nét chính về tác giả Trương Hán Siêu? Vị trí địa lí và những chiến công gắn với địa danh sông Bạch Đằng? Em có hiểu biết gì về thể phú?</p> <p>Nhóm 2:</p> <p>Hs đọc diễn cảm bài phú.</p> <p>? Hoàn cảnh sáng tác của bài phú?</p> <p>- Tìm bố cục của bài phú?</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>I. TÌM HIỂU CHUNG</p> <p>1. Tác giả Trương Hán Siêu (?-1354)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự: Thăng Phủ. - Quê quán: làng Phúc Thành- huyện Yên Ninh (nay thuộc thị xã Ninh Bình). - Là môn khách của Trần Hưng Đạo. - Khi mất được vua tặng tước Thái bảo, Thái phó, được thờ ở Văn Miếu. - Con người: cương trực, học vấn uyên thâm, được vua Trần tin cậy, nhân dân kính trọng. - Tác phẩm của ông để lại không nhiều, hiện còn 4 bài thơ và 3 bài văn, trong đó có Phú sông Bạch Đằng. <p>2. Địa danh lịch sử sông Bạch Đằng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là một nhánh sông đổ ra biển thuộc Quảng Ninh, gần Thủy Nguyên (Hải Phòng) - Gắn với các chiến công chống quân Nam Hán (Ngô Quyền - 938), đại thắng quân Nguyên- Mông (Trần Quốc Tuấn- 1288). - Sông Bạch Đằng- danh thắng lịch sử và là nguồn đề tài văn

<p>Ninh (Ninh Bình).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính tình cương trực, học vấn uyên thâm. - Từ đặc điểm của thể phú cổ thể hãy phân chia bố cục của bài <i>Phú sông Bạch Đằng</i> <p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại phú. - Ra đời khoảng 50 năm sau chiến thắng quân Mông Nguyên lần 3 (1288). - Bố cục một bài phú thường có bốn đoạn: đoạn mở, đoạn giải thích, đoạn bình luận và đoạn kết. Bố cục <i>Bài phú sông Bạch Đằng</i> của Trương Hán Siêu cũng giống bố cục của một bài phú nói chung - Bố cục: 4 phần. <p>(HS Vận dụng kiến thức văn thuyết minh, lịch sử, địa lí để tìm hiểu vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh ra đời : khi vương triều nhà Trần đang có biểu hiện suy thoái, cần phải nhìn lại quá khứ anh hùng để củng cố niềm tin trong hiện tại. Hệ thống cấu tứ của bài phú theo lối kể chuyện: có 1 vị khách <p>“giong thuyền chơi sông” qua nhiều cảnh đẹp, qua cửa Đại Than, ngược bến Đông Triều, đến sông Bạch Đằng, được nghe các bô lão địa phương kể về những chiến công ngày trước. Hết lời kể có lời ca về chiến công. Khách nhân nghe cũng có lời ca tiếp.</p> <p>Bài phú có 2 nhân vật: khách và các bô lão địa phương.</p> <p>Thao tác 2: HD HS tìm hiểu chi tiết bài phú.</p> <p>Hoạt động 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản</p>	<p><i>Mục tiêu: Cảm nhận được hình tượng nhân vật khách</i></p>
--	---

kết bằng thơ. Bố cục gồm 4 đoạn: mở, giải thích, bình luận, kết.

+ **Phú Đường luật (phú cận thể)**: xuất hiện từ thời Đường, có vần, có đối, theo luật bằng trắc. Bố cục thường có 6 đoạn.

b. Hoàn cảnh

sáng tác

THS làm bài phú khi dạo chơi sông

Bạch Đằng dự đoán khoảng 50 năm sau chiến thắng 1288

c. Bố

cụ

c

- **Đoạn mở**: từ đầu “còn lưu!”

Tráng chí và cảm xúc của nhân vật khách trước cảnh sắc trên sông Bạch

Đ

ã

n

g.

- **Đoạn giải thích**: tiếp “nghìn xưa ca ngợi”

Các bộ lão kể lại các chiến tích trên sông Bạch Đằng.

- **Đoạn bình luận**: tiếp “chừ lệ chan”

Các bộ lão suy ngẫm và bình luận về nguyên nhân chiến thắng trên sông

Bạch

Đằng.

- **Đoạn kết**:

còn lại.

Lời ca khẳng định, đề cao vai trò, đức độ của con người Đại Việt của các bộ lão và nhân vật khách.

II. ĐỌC HIỂU

1. Hình tượng nhân vật khách

a. Giới thiệu

không gian nghệ thuật bốn phương trong bài phú với biển lớn (gi-ng buồm) tràn ngập ánh trăng và phiêu

<p>- <i>Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu</i></p> <p>- <i>Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi</i></p> <p>- <i>Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm.</i></p> <p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm:</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <p>- HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp.</p> <p>- HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ.</p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>Gv:</p> <p>- Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm</p> <p>- Chốt kiến thức</p>	<p>bồng con thuyền thơ của bậc tao nhân mặc khách, với sông hồ, cùng những vùng đất nổi tiến</p> <p>+ Các tính từ miêu tả xuất hiện liên tiếp mở thêm không gian tung hoành cho nhân vật khách: "chơi với, mãi miết, tha thiết, tiêu dao, bồng bênh, thướt tha...</p> <p>+ Thời gian nghệ thuật mang tầm vóc vũ trụ. Sự thay thế liên tiếp của không gian là hóa thân của thời gian tốc độ nhanh chóng, các từ chỉ thời gian luân phiên liên tục: sớm(triều), chiều(mộ)</p> <p>=> Không gian, thời gian đã nâng tầm vóc của khách sánh ngang vũ trụ. Con người hiện ra trong tư thế hoàn toàn chủ động ngang dọc tung hoành. Một loạt các hành động luân phiên liên tiếp của chủ thể như: giương(quải), chứa(thôn), lần thăm(u thám), chơi(thập), biết(kinh duyệt)... Cho thấy thái độ nhập cuộc say sưa chủ động của khách. Khách còn hiện ra trong lời phú là một con người có tâm hồn thơ mộng, phóng túng đầy chí khí hòa bão lớn lao: "Đầm Vân Mộng..tha thiết".</p> <p>- Những cuộc phưu lưu trong bài phú cùng nhân vật Tử Trường mà Trương Hán Siêu tự lấy làm gương đã nói với chúng ta về cái sở học sâu nặng của vị khách sông biển này.</p> <p>=>> Cuộc du ngoạn đã chọn điểm dừng đầy ý nghĩa ở Bạch Đằng để chúng ta biết thêm một nét đẹp của tâm hồn nhân vật khách: con người nhập thể tích cực, tha thiết với quê hương đất nước, với quá khứ hào hùng của dân tộc.</p> <p><i>b/ BD trong con mắt của Trương Hán Siêu là một dòng sông thơ mộng, hùng vĩ:</i></p> <p>"Bát ngát sóng kinh muôn dặm Thướt tha đuôi trĩ một màu Nước trời: một sắc, phong cảnh: ba</p>
--	---

thu"

<p>Thao tác 3: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản (tìm hiểu trận BD qua sự hồi tưởng của các bô lão....).</p> <p><i>Mục tiêu: Cảm nhận được hình tượng các bô lão và lời ca của khách</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Hoạt động nhóm: Bô lão là ai? Thái độ tiếp khách của các bô</p>	<p>* <i>Đối lập với một BD diễm lệ là BD hoang vu, đìu hiu, lạnh lẽo, BD của cõi chiến trường xưa"Bờ lau....xương khô". Có lẽ cái nhìn về chiến trường xưa đồng nghĩa với chốn tử địa của quân thù đã làm cho cảnh hiện lên hoàn toàn khác: hoang vắng và lạnh lẽo như thiếu hơi người, tạo nên ngã rẽ đột ngột của tâm trạng nhân vật khách:"Buồn vì...còn lưu".</i></p> <p>=> Trước cảnh tượng đó, tâm hồn nhạy cảm của nhà thơ vừa vui, tự hào; vừa buồn đau, nuối tiếc, ngậm ngùi. Vui trước cảnh sông nước hùng vĩ, thơ mộng; tự hào trước dòng sông từng ghi bao chiến tích. Và buồn đau, nuối tiếc vì chiến trường xưa một thời oanh liệt nay trở trọi, hoang vu, dòng thời gian đang làm mờ dần bao dấu vết.</p> <p>2, Trận Bạch Đằng qua sự hồi tưởng của các bô lão.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc xuất hiện các bô lão trong bài phú đã làm sống dậy không khí hào hùng. Tiếng hô khải khí xin"đánh" ngày ấy như rung chuyển cả Điện Diên Hồng kết tinh ý chí của toàn dân tộc. - Phải chăng điều"sở cầu" của khách là muốn được sống lại thời khắc lịch sử dữ dội mà vĩ đại của dân tộc trong chiến thắng Bạch Đằng buổi"Trạch Hưng nhị thánh bắt Ô Mã"? - Bạch Đằng chiến trường đã hiện lên thật sống động, binh đao. Mở màn là những giây phút căng thẳng, gay cấn như"nghìn cân treo sợi tóc", đặt người kể, người đọc, người nghe vào trạng thái chờ đợi, hồi hộp. - Thủ pháp đối lập được sử dụng triệt để tạo màu sắc sáng tối cho bức tranh chiến trận. Đó là sự đối lập giữa địch và ta.Trận đánh diễn ra gay go, quyết liệt"được thua chưa phân","bắc nam chống đối". Đó là sự đối lập không chỉ
--	--

lão?

<p>* Hoạt động nhóm: GV chia lớp thành 4 nhóm:</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức: 	<p>về lực lượng mà còn đối đầu về ý chí.</p> <p>- Tác giả chú ý đến việc sử dụng ngôn từ khoa trương, phóng đại để tạo thành hình ảnh hoành tráng cho bối cảnh chiến trường: cảnh thuyền bè san sát nối đuôi nhau kéo dài hàng ngàn dặm, cờ quạt phấp phới bay theo chiều gió, sự xuất hiện của đội quân hùng dũng, đông đúc như ong vỡ tổ, giáo gươm tua tủa. Chiến trường dữ dội, khốc liệt tới mức tưởng như sấm tôi cả đất trời"<i>Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ - Bầu trời đất chừ sắp đổi.</i>"</p> <p>=> Lời kể sôi nổi, hào hùng, người đọc người nghe cảm tưởng như nghe thấy tiếng reo hò rung chuyển đất trời của tướng sĩ.</p> <p>- Với lối so sánh chồng chất thường gặp trong thể phú, sự ngạo ngược vênh vác của kẻ thù được chồng chất thêm bởi các sự kiện:</p> <p><i>Kìa: Tất Liệt thế cường, Lưu Cung chước dối</i> <i>Quét sạch Nam bang bốn cõi"</i></p> <p>- Kết quả: Cuối cùng ta giành được chiến thắng vẻ vang, được so sánh với các trận thắng lớn trong lịch sử:</p> <p><i>Khác nào khi xưa:</i> <i>Trận Xích Bích quân Tào Tháo tan tác tro bay,</i> <i>Trận Hợp Phì giặc Bồ Kiên hoàn toàn chết trụi.</i></p> <p>=> Mượn tích xưa để nói lên sự thất bại nhục nhã, ê chề của kẻ thù và những chiến công oanh liệt của ta.</p> <p>- Thời gian trôi qua, nước sông vẫn chảy, chiến công vang dội còn nổi nhục của quân thù không rửa nổi. Bởi vậy Chiến thắng BĐ như là một cuộc sinh nở lần thứ 2 của cũi trụ để sáng tạo ra đất nước "Tái tạo công lao, nghìn xưa ca ngợi"</p>
---	---

3, Lời bình luận và ngợi ca

*** *Lời của các bô***

lão:

- Bình pháp cổ cho rằng trong chiến

<p>Thao tác 4: Tổng kết Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu. Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ</p>	<p>tranh, muốn thắng lợi phải có ba nhân tố cơ bản: thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Trên cơ sở đó, các bộ lão nói gọn lại: sự trợ giúp của trời và tài năng của người chèo lái cuộc chiến :</p> <p>Trời đất cho nơi hiểm trở, nhưng điều quyết định là có "Nhân tài giữ cuộc điện an".</p> <p>- Bài phú cũng nói đến 3 yếu tố: thiên thời(trời đất cũng chiều lòng người), địa lợi(đất hiểm), nhân hòa(nhân tài). Tuy nhiên, thắng giặc không cốt ở đất hiểm mà chủ yếu là đức lớn, chính là sức mạnh của con người. Điều này khẳng định vị trí quan trọng của con người. Tầm vóc của con người càng được tôn thêm bởi nghệ thuật khoa trương, phóng đại và so sánh đối lập liên tiếp của thể phú.</p> <p>- Tiếp đó là những lời ca của các bộ lão mang ý nghĩa tổng kết. Lời ca có giá trị như một tuyên ngôn về chân lý:"bất nghĩa tiêu vong" còn nhân nghĩa thì lưu danh thiên cổ.</p> <p>* Lời của khách:</p> <p>- Khách ca ngợi sự anh minh của hai vị thánh quân: Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông- 2 vị vua dưới triều nhà Trần góp công sức xây dựng và bảo vệ đất nước.</p> <p>- Khách ca ngợi chiến tích của dòng sông BĐ: Dòng sông BĐ là hóa thân cảm nhận về sự vận động vô tận không ngừng của thời gian, của sự sống; là biểu hiện cho dòng chảy của lịch sử dân tộc đang ở những khúc hùng vĩ và hào sảng nhất trong hành trình xây dựng và bảo vệ gấm vóc này. Nó là dòng sông son, dòng sông chiến thắng. Bởi vậy dòng sông BĐ trở thành một niềm tin, một quyết tâm làm nên những Chi Lăng, Xương Giang, Đống Đa..</p>
---	--

- Hai câu cuối: khách vừa
bình luận vừa khẳng định
chân lý trong mối

<p><i>thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Em hãy khái quát những giá trị về nội dung và nghệ thuật của bài phú?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân suy nghĩ, tìm ra một giá trị về nội dung và nghệ thuật.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thảo luận cặp đôi và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm vào phần xung quanh bảng phụ. - HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>quan hệ giữa địa linh và nhân kiệt. Khách đã khẳng định nhân kiệt là yếu tố quan trọng "Bởi đâu đất hiểm cốt mình đức cao"</p> <p>III/ Tổng kết</p> <p>1/ Giá trị nội dung</p> <p>Bài phú là sự hòa quyện của hai nguồn cảm hứng lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cảm hứng yêu nước và tự hào dân tộc. + Cảm hứng nhân văn: thái độ trân trọng qua khứ và triết lý về sự trường tồn của con người có nhân có nghĩa. <p>2/ Giá trị nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Ghi nhớ/sgk trang 7
--	--

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

HOẠT ĐỘNG CỦA GV \$ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
------------------------	------------------

<i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	<u>Câu 1:</u> Bài phú là tác phẩm tiêu biểu cho
--	---

<p>Câu 1: Nêu giá trị của bài Phú?</p> <p>Câu 2: <i>Hào khí Đông A qua bài thơ</i></p> <p>Bước 2: <i>Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>Bước 3: <i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p>Bước 4: <i>Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>Hình thức: HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi:</p> <p>Mục tiêu: Hs luyện tập để nắm được những nét cơ bản nhất về bài học</p> <p>Phương pháp: Phát vấn, làm việc nhóm.</p> <p>B1: GV chia lớp thành 4 nhóm, cùng làm bài tập trắc nghiệm, nhóm nào có tín hiệu trước sẽ trả lời.</p> <p>B2: Các nhóm thảo luận thống nhất đáp án.</p> <p>B3: Nhóm có đáp án nhanh nhất cử đại diện trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung.</p> <p>B4: GV nhận xét chốt đúng/sai, cho điểm..</p> <p>1. Bài “Bạch Đằng giang phú” của Trương Hán Siêu ra đời vào thời gian nào?</p> <p>a. Khoảng 20 năm sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông thắng lợi.</p> <p>b. Khoảng 30 năm sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông thắng lợi.</p> <p>c. Khoảng 40 năm sau cuộc</p>	<p><i>kháng chiến chống quân Nguyên</i></p>
---	---

văn học yêu nước thời Lí – Trần.

+ Bài phú thể hiện lòng yêu nước và niềm tự hào DT, tự hào về truyền thống AH bất khuất và truyền thống đạo lí nhân nghĩa sáng ngời của DTVN.

+ Bài phú thể hiện tư tưởng nhân văn cao đẹp qua việc đề cao vai trò, vị trí của con người.

HS làm bài tập trắc

nghiệm Câu 1: d

Câu 2: b

Câu 3: d

Câu 4: c

Câu 5: d

Câu 6: a

– Mông thắng lợi.

d. Khoảng 50 năm sau cuộc
kháng chiến chống quân

Nguyên

– Mông thắng lợi.

2. Trong những địa danh sau, địa
danh nào không lấy trong điển
cổ Trung Quốc?

a. Cửu Giang.

b. Cửa Đại Than.

c. Tam Ngô.

d. Ngũ Hồ.

3. Nhận định nào nói chính xác
nhất bút pháp và dụng ý của việc
nhắc đến các danh thắng nổi
tiếng của Trung Quốc trong
đoạn đầu bài phú?

a. Dùng lối tả thực để ca
ngợi cảnh đẹp Trung Hoa.

b. Dùng lối tả thực để ca
ngợi cảnh đẹp Việt Nam.

c. Dùng lối tả thực để so sánh
cảnh đẹp Trung Hoa với
cảnh đẹp Việt Nam.

d. Dùng tưởng tượng, biểu
tượng để nói về thú ngao du sơn
thủy. 4. Phong cảnh sông Bạch
Đằng được gợi lên trong đoạn
từ Qua cửa Đại Than, ngược
bến Đông Triều đến tiếc thay
dấu vết luống còn lưu toát ra vẻ
đẹp riêng của:

a. Một cảnh tượng thiên
nhiên thơ mộng gợi niềm vui
thanh thoát.

b. Một cảnh tượng in dấu tích
bi thương gợi nhớ quá khứ
buồn đau.

c. Một cảnh tượng hùng vĩ, bi
tráng gợi nhớ lịch sử hào hùng.

d. Một cảnh tượng hoang sơ,

buồn thảm gợi những bài học cay đắng.

5. Nhân vật “khách” hiện lên

trong đoạn đầu bài phú là người mang cốt cách của:

a. Một kẻ giang hồ lãng tử, muốn rũ bỏ mọi vướng bận của cuộc đời.

b. Một người chuyên đi tìm kiếm vẻ đẹp của một thời đã qua.

c. Một kẻ ẩn dật, tìm đến thiên nhiên để lánh xa cuộc đời.

d. Một người thích du ngoạn khắp nơi để thỏa mãn tráng chí của mình.

6. Qua lời kể chuyện với khách, ta hiểu gì về thái độ và giọng điệu của các bộ lão?

a. Nhiệt huyết, tự hào, là cảm hứng của người trong cuộc.

b. Tự cao, khoe khoang.

c. Lạnh lùng, thản nhiên.

d. Thái độ tôn kính.

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

HOẠT ĐỘNG CỦA GV \$ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
------------------------	------------------

<p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> Từ bài phú, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của tuổi trẻ hiện nay với Tổ quốc</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết ơn, trân trọng - Phần đầu học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức...
--	---

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÀI MỞ RỘNG

HOẠT ĐỘNG CỦA GV \$ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p><i>GV hướng dẫn HS mở rộng, nâng cao</i></p> <p><i>Hình thức: HS làm việc cá nhân ở nhà để trả lời câu hỏi:</i></p> <p><i>Mục tiêu: Hs nắm được những nét cơ bản nhất về nd và nt của văn bản..</i></p> <p><i>Phương pháp: Phát vấn, kỹ thuật trình bày 1 phút</i></p> <p><i>GV Yêu cầu HS tìm hiểu và làm bài tập thu hoạch ở nhà. Nộp sản phẩm vào buổi học sau.</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Tìm đọc những tác phẩm có hình ảnh Sông Bạch Đằng.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p style="text-align: center;">Cửa biển Bạch Đằng</p> <p style="text-align: center;">Gió biển bắc phương về giá buốt Buồm reo vượt cửa khẩu sông Đằng Núi như kinh ngạc phân đôi đoạn Đất tựa kích đao rải ngồn ngang Hai chống hàng trăm, trời yểm trợ Nhiều nên hào kiệt, đất tiềm tàng Ôi, quay đầu lại ôn muôn sự Ánh nước nhìn ra, ý nặng vương.</p>

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Môn: Làm Văn

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

TÍNH CHUẨN XÁC, HẤP DẪN CỦA VĂN BẢN THUYẾT MINH

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết

- Tên bài học: TÍNH CHUẨN XÁC, HẤP DẪN CỦA VĂN BẢN THUYẾT MINH

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: Tính chuẩn xác, hấp dẫn của văn bản thuyết minh..

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức

- Nắm được những kiến thức cơ bản về một số phương pháp thuyết minh thường gặp.

2. Về kĩ năng:

- Bước đầu vận dụng được những kiến thức đã học để viết được những văn bản thuyết minh có sức thuyết phục cao.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ

- Có ý thức chủ động thể hiện quan điểm, kiến thức bản thân một cách chuẩn xác, hấp dẫn..

- Thấy được việc nắm vững phương pháp thuyết minh là cần thiết không chỉ cho những bài tập làm văn trước mắt mà còn cho cuộc sống sau này.

b. Phẩm chất

- Sống yêu thương:

- Sống tự chủ.

- Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực

thâm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG 1 – KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>** Thao tác 1: HD HS ôn tập về văn bản thuyết minh.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhắc lại khái niệm về VB thuyết minh? Theo em, yêu cầu đối với tri thức và trình bày của VB thuyết minh ntn?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận (nhóm trưởng báo cáo)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tri thức trong VB thuyết minh đòi hỏi phải khách quan, hữu ích, xác thực cho người tiếp nhận. - Yêu cầu trình bày: chuẩn xác, rõ ràng, chặt chẽ và hấp dẫn. <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu vấn đề - HS đàm thoại, phát biểu - GV chuyển vào bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: VB thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống, nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng và sự vật trong thiên nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích. - Tri thức trong VB thuyết minh đòi hỏi phải khách quan, hữu ích, xác thực cho người tiếp nhận. - Yêu cầu trình bày: chuẩn xác, rõ ràng, chặt chẽ và hấp dẫn. <p>* Nêu vấn đề: Theo em, trong việc giới thiệu các sản phẩm, người ta có cần quan tâm tới sự hấp dẫn cũng như giá trị của sản phẩm không? Nếu cần giới thiệu về Nhân lòng quê em, em sẽ giới thiệu như thế nào để đảm bảo tính chính chuẩn xác và hấp dẫn của sản phẩm?</p>

HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu tính chuẩn xác, hấp dẫn của văn bản thuyết minh.</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu thế nào là tính chuẩn xác và tính hấp dẫn, vai trò biện pháp thực hiện, luyện tập về tính chuẩn xác, hấp dẫn của văn bản thuyết minh.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm. 	<p>I. Tính chuẩn xác trong văn bản thuyết minh:</p> <p>1. Tính chuẩn xác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn xác: Là rất đúng, rất đúng. Nó là chuẩn được chọn làm mốc để nói, làm cho đúng. - Vai trò: Tính chuẩn xác trong văn bản thuyết minh là trình bày về vấn đề gì phải đúng với chân lí, với chuẩn mực được thừa nhận thì văn bản

<p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV nêu vấn đề:</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: Trình bày khái niệm tính chuẩn xác, tính hấp dẫn. * Hoạt động cặp đôi: Mỗi cặp đôi thảo luận và cho một ví dụ về tính chuẩn xác, tính hấp dẫn của văn bản thuyết minh * Hoạt động nhóm: GV chia HS thành 4 nhóm và chuyển giao nhiệm vụ: <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Mục đích, vai trò, biện pháp thực hiện tính chuẩn xác của văn bản thuyết minh? - Nhóm 2: Trả lời các câu hỏi phần I.2 - Nhóm 3: Tính hấp dẫn và một số biện pháp tạo tính hấp dẫn của văn bản thuyết minh? - Nhóm 4: Trả lời các câu hỏi phần luyện tập <p>II.2</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ. * Hoạt động nhóm: <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm 	<p>- Chốt kiến thức:</p>
--	--------------------------

thuyết minh mới có giá trị. Chuẩn xác là yêu cầu cơ bản, đầu tiên của văn bản thuyết minh.

- Biện pháp thực hiện:

+ Tìm hiểu thấu đáo, phải quan sát tỉ mỉ, kĩ càng, nếu là một cuốn sách phải đọc đi đọc lại nhiều lần .

+ Thu thập tài liệu tham khảo. Chú ý tài liệu tham khảo phải có tên tuổi nghĩa là của các nhà khoa học đầu ngành hoặc các cơ quan có thẩm quyền quyết định về vấn đề thuyết minh.

+ Luôn luôn nhận thông tin mới, những thay đổi thường xuyên để vấn đề thuyết minh có tính thời sự như thuyết minh về dân số, về sản lượng hàng năm.

2. Luyện tập:

a. Đối chiếu với SGK Ngữ văn lớp 10, ta thấy người nào đó viết như vậy là không chuẩn xác.

Vì:

+ Chương trình ngữ văn 10 không phải chỉ có văn học dân gian

+ Chương trình ngữ văn 10 về văn học dân gian không phải chỉ có ca dao, tục ngữ mà còn có truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười.

+ Chương trình văn học dân gian lớp 10 không có câu đố.

b. “Thiên cổ hùng văn” là áng hùng văn của nghìn đời. Vì vậy nếu một người nào đó viết “Đai cáo bình Ngô là áng thiên cổ hùng văn vì đó là bài văn hùng tráng đã được viết ra từ nghìn năm trước” là không chuẩn xác.

<p>Thao tác 3: Giáo viên hướng dẫn học sinh luyện tập Mục tiêu: Giúp học sinh rèn kỹ năng làm bài luyện tập, củng cố và hiểu rõ hơn những lý thuyết đã học. Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu. Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm. Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm. Các bước thực hiện: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ học tập: Các nhóm đọc đoạn trích và phân tích tính hấp dẫn của nó Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, xem lại lý thuyết về tính hấp dẫn của văn bản thuyết minh * Hoạt động nhóm: - HS thảo luận, chỉ ra tính hấp dẫn của văn bản thuyết minh, thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ. Những ý kiến khác biệt ghi xung quanh bảng phụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi.</p>	<p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả</p>
---	---

Nghìn đời khác với nghìn năm.

c. Cả văn bản không hề thuyết minh, làm rõ Nguyễn Bình Khiêm là một nhà thơ, ta không thể dùng để thuyết minh về Nguyễn Bình Khiêm với tư cách một nhà thơ.

II. Tính hấp dẫn của văn bản thuyết minh:

1. Tính hấp dẫn

- Hấp dẫn là sự lôi cuốn, thu hút.
- Tính hấp dẫn trong văn bản thuyết minh .

Người viết hoặc trình bày đã tạo ra sự lôi cuốn, hấp dẫn người nghe người đọc về một vấn đề nào đó.

- Vai trò: Tính hấp dẫn trong văn bản thuyết minh vô cùng quan trọng. Bởi lẽ không hấp dẫn thì người ta không đọc, không nghe. Khi người ta không đọc, không nghe thì văn bản thuyết minh sẽ không có tác dụng gì.

- Một số biện pháp làm cho văn bản thuyết minh hấp dẫn:

+ Đưa ra những chi tiết cụ thể, sinh động, những con số chính xác để bài văn không trừu tượng, mơ hồ.

+ So sánh để làm nổi bật sự khác biệt để tạo ấn tượng cho người người đọc, người nghe.

+ Kết hợp, sử dụng nhiều kiểu câu làm cho bài văn thuyết minh không đơn điệu.

+ Phối hợp nhiều hiểu biết về tự nhiên, xã hội, các ngành, nghề... để bài viết hoặc nói phong phú về nhiều mặt.

2. Luyện tập:

a. Luận điểm “ Nếu bị tước đi môi trường kích thích, bộ não của đứa trẻ

thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

sẽ phải chịu đựng sự kìm hãm” được trình bày trở nên dễ hiểu, cụ thể, sinh động nhờ việc đưa ra các chi tiết, số liệu, so sánh, ví dụ.

b. Nếu chỉ nói “ Hổ Ba Bể... Việt Nam” thì cũng đúng và chính xác nhưng chưa hấp dẫn. Khi gắn hồ Ba Bể với truyền thuyết Pò Giá Mải thì hồ Ba Bể trở nên hấp dẫn, dễ nhớ hơn.

III. Luyện tập:

Đoạn văn của Vũ Bằng là văn bản thuyết minh về phở ở Việt Nam. Cách viết của nhà văn rất hấp dẫn. Bởi người viết sử dụng linh hoạt các câu. Đó là câu đơn.

+ Người bán hàng... vào bát

Đó là câu ghép:

+ “Một bó hành hoa... cũng có” Câu nghi vấn:

+ “Qua lần cửa kính ta thấy gì?” Câu cảm thán:

+ “Trông mà thèm quá”

Ngoài ra, đoạn văn của Vũ Bằng còn sử dụng từ ngữ giàu hình tượng.

+ “Xanh như lá mạ”

“Dăm quả ớt đỏ”

“Thịt bò tươi, chấm cỏ, tai có, gầu có...”

Đặc biệt huy động nhiều giác quan và liên tưởng khi quan sát: Mắt nhìn, mũi phát hiện mùi phở, vị giác cảm nhận sự ngon lành. Tác giả so sánh những người ăn phở trong quán “như những ông tiên đánh cờ trong rừng mùa thu”. Đoạn văn của Vũ Bằng rất hấp dẫn.

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập phân Luyện tập</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được tính chuẩn xác và hấp dẫn của văn bản thuyết minh, áp dụng vào làm một số bài tập.</i></p> <p>- <i>Kỹ thuật dạy học: công não – thông tin phản hồi, thảo luận nhóm.</i></p> <p>- <i>Hình thức tổ chức dạy học: học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc, phân tích câu hỏi trong phần Luyện tập của SGK</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS: suy nghĩ, trao đổi. GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả HS trình bày. HS khác nhận xét, góp ý GV quan sát, hỗ trợ.</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>BT-SGK/</p> <p>- Sự linh hoạt trong việc sử dụng các kiểu câu: ngắn, dài, nghi vấn, cảm thán.</p> <p>- Từ ngữ: giàu tính hình tượng (kết hợp biện pháp so sánh): + <i>Mùi phở có sức huyền bí quyến rũ- mây khói chùa Hương.</i> + <i>Bó hành xanh- lá mạ.</i> + <i>Làn khói từ nồi nước dùng- một làn sương mỏng, mơ hồ như một bức tranh tàu.</i></p> <p>- Sự kết hợp các giác quan và liên tưởng: + Các giác quan: thị giác, khứu giác và vị giác. + Liên tưởng: qua các so sánh. + Biểu cảm trực tiếp: <i>trông mà thèm quá, có ai lại dừng vào ăn cho được.</i></p>

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG, MỞ RỘNG

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>B1: GV giao nhiệm vụ cho HS GV yêu cầu HS Vận dụng kiến thức của bài học để viết 1 bài văn thuyết minh (đảm bảo tính chuẩn xác và hấp dẫn) về một món ăn truyền thống trong mâm cơm ngày Tết cổ truyền của dân tộc.</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ câu trả lời</p> <p>B3: Báo cáo kết quả HS trả lời câu hỏi trong tiết học sau</p> <p>B4: GV nhận xét, rút kinh nghiệm</p>	<p>Một số gợi ý về các bước chuẩn bị thuyết minh về một món ăn:</p> <p>- <i>Bước 1:</i> + Xác định đối tượng thuyết minh: đó là món ăn nào? + Sưu tầm, ghi chép và lựa chọn các tư liệu về món ăn. + Nguồn gốc, ý nghĩa tên gọi món ăn, đặc sản. + Đặc điểm riêng của món ăn, đặc sản: dáng vẻ, màu sắc, hương vị.</p>

	+ Cách thức chế biến, thưởng thức. + Lựa chọn phương pháp thuyết minh phù hợp – <i>Bước 2: Lập dàn ý</i> – <i>Bước 3: Viết bài văn thuyết minh.</i>
--	--

.....

.....

.....

Tuần:

Tiết: 60 – 61

Môn: Đọc Văn

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ

- Nguyễn Trãi –

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết

- Tên bài học: TÁC GIẢ NGUYỄN TRÃI, TÁC PHẨM “ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ”.

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và

HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học:

+ Nét chính về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Trãi

+ Giá trị nội dung và nghệ thuật của “Đại cáo bình Ngô”

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức:

- Nắm được những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn

Trãi-

- Thấy được vị trí của Nguyễn Trãi trong văn học dân tộc
- Hiểu rõ giá trị nội dung và nghệ thuật của “Đại cáo bình Ngô”.

+ Là bản tuyên ngôn về chủ quyền độc lập dân tộc, bản cáo trạng tội ác kẻ thù, bản hùng ca về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, là áng văn yêu nước lớn, áng văn chói ngời tư tưởng nhân văn.

+ Đại cáo bình ngô là áng văn chính luận xuất sắc trong văn học trung đại Việt Nam; kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén, lời văn cân xứng; vừa hào hùng, vừa tha thiết, hình tượng nghệ thuật sinh động, phong phú.

2. **Kĩ năng:** - Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu về tác giả văn học

- Rèn kĩ năng đọc- hiểu tác phẩm chính luận viết bằng thể văn biền ngẫu.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ

- Bồi dưỡng tình cảm yêu quý, trân trọng đối với nhà văn ,nhà thơ Nguyễn Trãi

b. Phẩm chất

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

-Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Khởi động: GV trình chiếu trích đoạn phim tài liệu về chiến thắng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn để từ đó dẫn dắt, tạo tâm thế cho HS vào bài mới.</p> <p>- GV dẫn dắt: Trong lịch sử VHVN, ba áng thơ văn kiệt xuất được coi là các bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc là: <i>Nam quốc sơn hà</i> (Lí Thường</p>	

Kiệt), <i>Bình Ngô đại cáo</i> (Nguyễn Trãi) và <i>Tuyên ngôn độc lập</i> (Hồ Chí Minh). Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc ta.	
--	--

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về cuộc đời tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét chính về cuộc đời tác giả Nguyễn Trãi. - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến tác giả Nguyễn Trãi.</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào phần tiểu dẫn / SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh các nhóm sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Xuất thân và quê quán của Nguyễn Trãi? - Nhóm 2: Nêu nét chính trong cuộc đời và con người Nguyễn Trãi trước khởi nghĩa Lam Sơn? - Nhóm 3: Nêu nét chính trong cuộc đời và con người Nguyễn Trãi trong khởi nghĩa Lam Sơn? - Nhóm 4: Nêu nét chính trong cuộc 	<p>I- Cuộc đời:</p> <p>1. Thân thế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trãi sinh năm 1380, hiệu là Úc Trai, quê ở Chi Ngại - Chí Linh - Hải Dương. Sau dời về Nhị Khê - Thường Tín - Hà Tây. - Cha là Nguyễn Phi Khanh, học giỏi - đỗ Thái học sinh. - Mẹ là Trần thị Thái, con của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán - một quý tộc đời Trần. <p>=> Nguyễn Trãi xuất thân trong một gia đình có hai truyền thống là: yêu nước và văn hoá, văn học.</p> <p>2. Cuộc đời và con người của Nguyễn Trãi:</p> <p>a- Trước khởi nghĩa Lam Sơn (1380-1418):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trãi mất mẹ khi 5 tuổi, ông ngoại mất khi 10 tuổi. - Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh năm 1400 (20 tuổi). Và cùng cha ra làm quan cho nhà Hồ (quan ngự sử). - Năm 1407 giặc Minh cướp nước ta, Nguyễn Trãi đã nghe lời cha ở lại lập chí “rửa hận cho nước báo thù cho cha”. - Nguyễn Trãi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi đứng đầu. <p>b- Nguyễn Trãi trong khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1428):</p>

<p>đời và con người Nguyễn Trãi sau khởi nghĩa Lam Sơn?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về cuộc đời tác giả vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là một trong những người đầu tiên đến với khởi nghĩa Lam Sơn. Năm 1420 dâng "Bình Ngô Sách" với chiến lược cơ bản là tâm công được Lê Lợi và bộ tham mưu của cuộc khởi nghĩa vận dụng thắng lợi. - Nguyễn Trãi trở thành cố vấn đắc lực của Lê Lợi. Ông được giữ chức "Thừa chỉ học sĩ" thay Lê Lợi soạn thảo công văn giấy tờ. c- Nguyễn Trãi sau khởi nghĩa Lam Sơn (1428-1442): - Nhà Lê quá chú ý đến ngai vàng. - Nguyễn Trãi hăm hở tham gia vào công cuộc xây dựng lại đất nước. Nhưng với tài năng, nhân cách cao cả của mình, Nguyễn Trãi luôn bị bọn gian thần đố kỵ. Ông bị nghi oan, bị bắt rồi lại được tha. Từ đó ông không còn được trọng dụng. - Năm 1439 ông đã cáo quan về Côn Sơn ở ẩn, năm 1440 Lê Thái Tông vời Nguyễn Trãi ra làm quan, 1442 cái chết đột ngột của Lê Thái Tông ở Lệ Chi viên là bi kịch đối với Nguyễn Trãi và dòng họ ông chu di tam tộc. <p>=> Đây là bi kịch lớn nhất trong lịch sử dân tộc. Nguyễn Trãi đã rơi đầu dưới lưỡi gươm của triều đình mà ông từng kì vọng. Vụ án Lệ Chi Viên thực chất là mâu thuẫn nội bộ của triều đình phong kiến. Năm 1464 Lê Thánh Tông minh oan cho Nguyễn Trãi, cho tìm lại con cháu và di sản tinh thần của ông.</p> <p>*Tóm lại: Cuộc đời Nguyễn Trãi nổi lên hai điểm cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là bậc anh hùng dân tộc, là một nhân vật toàn tài hiếm có của lịch sử Việt Nam. - Là người chịu những oan khiên thảm khốc. <p>II-Sự</p>
---	--

**nghi
ệp:**

học sinh tìm hiểu chung về sự nghiệp tác giả

- Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét chính về sự nghiệp tác giả Nguyễn Trãi.

- Phương tiện: máy chiếu

- Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi.

- Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

- Các bước thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến tác giả Nguyễn Trãi.

GV chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào phần tiểu dẫn / SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh các nhóm sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nhóm 1,2: Tại sao nói Nguyễn Trãi - nhà văn chính luận kiệt xuất? Em hãy minh chứng cho nhận định trên?

- Nhóm 3,4: Nét trữ tình sâu sắc được thể hiện như thế nào trong thơ Nguyễn Trãi? Lấy ví dụ minh họa.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân

đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu, kể tên các tác phẩm chính của Nguyễn Trãi.

* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về sự nghiệp tác giả vào bảng phụ dựa trên các câu hỏi thảo luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi.

- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả

1. Những tác phẩm chính

- Nguyễn Trãi sáng tác trên nhiều thể loại, có nhiều thành tựu lớn
- Sau thảm họa chu di tam tộc, các tác phẩm bị thất lạc nhiều:

a- Văn học chữ Hán: Quân trung từ mệnh tập, Đại cáo bình Ngô, Úc Trai thi tập (150 bài), Chí Linh sơn phú,....

b- Văn học chữ Nôm: Quốc âm thi tập (254 bài).

- Nguyễn Trãi là tác giả xuất sắc về nhiều thể loại văn học, trong sáng tác chữ Hán với chữ Nôm, trong

2. Nguyễn Trãi - nhà văn chính luận kiệt xuất

- Nguyễn Trãi là nhà văn chính luận kiệt xuất của dân tộc.

- Thể hiện ở tinh thần trung quân ái quốc, yêu nước thương dân, nhân nghĩa, anh hùng chống ngoại xâm.

- Nghệ thuật mẫu mực từ việc xác định đối tượng, mục đích để sử dụng bút pháp thích hợp đến kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén (Quân trung từ mệnh tập, Đại cáo bình Ngô).

3. Nguyễn Trãi - nhà thơ trữ tình sâu sắc

- Lí tưởng của người anh hùng là hoà quyện giữa nhân nghĩa với yêu nước, thương dân. Lí tưởng ấy lúc nào cũng thiết tha, mãnh liệt.

- Tình yêu của Nguyễn Trãi dành cho nhiều cho thiên nhiên, đất nước, con người, cuộc sống.

- Thiên nhiên bình dị, dân dã, từ quả núc nác, giậu mồng tơi, bèo rau

muống.

- Niềm tha thiết với bà con thân thuộc quê nhà

- Văn chương nâng cao nhận thức mở rộng tâm hồn con người, gắn liền với cái đẹp, tác

thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	giả ý thức được tư cách của người cầm bút. - Văn chương Nguyễn Trãi sáng ngời tinh thần chiến đấu vì lí tưởng độc lập, vì đạo đức và vì chính nghĩa. III- Kết luận - SGK.
---	---

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu chung.</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được hoàn cảnh sáng tác, thể loại, bố cục của tác phẩm</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Em hãy nêu hoàn cảnh sáng tác, xác định thể loại và bố cục của bài Bình Ngô đại cáo? Giải thích nhan đề bài cáo?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc phần tiểu dẫn suy nghĩ, trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá câu trả lời của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản</p>	<p>I- Tìm hiểu chung</p> <p>1. Hoàn cảnh sáng tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 1/1428, dân tộc ta kết thúc công cuộc kháng chiến chống của giặc minh xâm lược thắng lợi. Nguyễn Trãi thay nhà vua (Lê Lợi) viết bài Cáo. <p>2. Thể cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - SGK. <p>3. Đại cáo bình Ngô.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc trưng của thể cáo: kết cấu gồm 4 phần lớn: + Nêu luận đề chính nghĩa. + Vạch rõ tội ác của kẻ thù. + Kể lại quá trình chinh phạt gian khổ và vất vả của cuộc khởi nghĩa. + Tuyên bố chiếm quả, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa. <p>II- Đọc - hiểu</p> <p>1. Nêu luận đề chính nghĩa</p> <p>*Nguyên lí chính nghĩa: có tính chất chung của dân tộc, của thời đại, chân lí về tồn tại độc lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân nghĩa là mối quan hệ tốt đẹp giữa

<p><i>Mục tiêu: Hiểu được luận đề chính nghĩa, tội ác của giặc Minh.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu</i> - <i>Kĩ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi</i> - <i>Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm.</i> - <i>Các bước thực hiện:</i> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm:</p> <p><u>Nhóm 1, Nhóm 2</u>: Em hiểu nhân nghĩa là như thế nào?</p> <p>Chủ quyền của nước Đại Việt được khẳng định như thế nào? (So sánh với “Nam quốc sơn hà”)</p> <p><u>Nhóm 3; Nhóm 4</u>: Tội ác của giặc Minh được thể hiện như thế nào?</p> <p>Tội ác của chúng được khái quát ở hình ảnh nào?</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Những âm mưu và tội ác của kẻ thù:</i> 	<p>+ Âm mưu xâm lược quở quyết của giặc Minh:</p> <p>“Vừa rồi: Nhân họ Hồ chính sự phiền hà, Để trong nước lòng dân oán hận. Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa”. Chữ “nhân”, “thừa cơ” vạch rõ luận</p>
---	---

con người với con người dựa trên cơ sở tình thương và đạo lý. => Nhân nghĩa là yên dân, trừ bạo ngược, tham tàn, bảo vệ cuộc sống yên ổn cho nhân dân.

- Nguyễn Trãi đã xác định được mục đích nội dung của việc nhân nghĩa chủ yếu là yên dân trước hết lo trừ bạo.

- Nhân nghĩa là chống xâm lược, bóc trần luận điệu xảo trá của địch, phân định rạch ròi ta là chính nghĩa giặc là phi nghĩa.

*Chân lí tồn tại độc lập và chủ quyền của dân tộc.

- Tính chất hiển nhiên vốn có, lâu đời

của nước Đại Việt: từ trước, vốn có, đã chia, cũng khác.

- Yếu tố xác định độc lập của dân tộc:

+ Cương vực lãnh thổ.

+ Phong tục tập quán.

+ Nền văn hiến lâu đời.

+ Lịch sử riêng, chế độ (triều đại) riêng.

=> Phát biểu hoàn chỉnh về quốc gia dân tộc.

- Yếu tố văn hiến là yếu tố bản chất nhất là hạt nhân để xác định chủ quyền của dân tộc.

- So sánh Đại Việt với Trung Quốc ngang hàng - “mỗi bên xưng đế một phương”.

=> Nguyên lí chính nghĩa, chân lí tồn tại độc lập và chủ quyền của dân tộc ta là không gì có thể thay đổi được. Truyền thống dân tộc, chân lí tồn tại sẽ

là tiền đề tất yếu để chúng ta chiến thắng mọi cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa.

2. Tổ cáo tội ác quân giặc

- Nguyễn Trãi viết bản cáo trạng đánh thép tội ác giặc Minh.

+ Vạch trần âm mưu xâm lược,

+ Lên án chủ trương cai trị thâm độc của

điệu giả nhân giả nghĩa, “mượn gió bẻ măng” của kẻ thù.

Nguyễn Trãi đứng trên lập trường dân tộc.

+ Tổ cáo chủ trương, chính sách cai trị vô nhân đạo, vô cùng hà khắc của kẻ thù:

Tàn sát người vô tội - “*Nướng dân đen... tai vạ*”.

Bóc lột tàn tệ, dã man: “*Nặng thuế...núi*”.

Hủy diệt môi trường sống: “*Người bị ép...cây cỏ*”.

Nguyễn Trãi đứng trên lập trường nhân bản.

- **Hình ảnh nhân dân**: tội nghiệp, đáng thương, khốn khổ, điêu linh, bị dồn đuổi đến con đường cùng. Cái chết đợi họ trên rừng, dưới biển: “*Nặng nề... canh cửi*”,...

- **Hình ảnh kẻ thù**: tàn bạo, vô nhân tính như những tên ác quỷ: “*Thằng há miệng... chưa chán*”.

- **Nghệ thuật viết cáo trạng**:

+ Dùng hình tượng để diễn tả tội ác của kẻ thù:

“Nướng dân đen ...tai vạ”.

+ Đối lập:

Hình ảnh người dân vô tội Kẻ thù

bị bóc lột, tàn sát dã man.tàn bạo, vô nhân tính.

+ Phóng đại: “*Độc ác thay, trúc Nam Sơn ko ghi hết tội/ Dơ bẩn thay, nước Đông Hải ko rửa sạch mùi*”

Trúc Nam Sơn- tội ác của kẻ thù.

Nước Đông Hải- sự nhơ bẩn của kẻ thù.

+ Câu hỏi tu từ: “*Lẽ nào...chịu được?*” tội ác trời không dung, đất không tha của quân thù.

+ Giọng điệu: uất hận trào sôi, cảm thương tha thiết, ghen ngào đến tằm tức.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv:

giặc Minh,

+ Tổ cáo mạnh mẽ hành động tội ác của kẻ thù,

- Nhà hồ cướp ngôi của nhà Trần chỉ là nguyên nhân để nhà minh gây họa.

- Tổ cáo tội ác của quân giặc Nguyễn Trãi đứng trên lập trường nhân bản.

+ Hủy hoại con người bằng hành động tuyệt chủng,

+ Hủy hoại môi trường sống,

+ Bóc lột và vợ vét,

- "Nướng dân đen","vùi con đỏ" diễn tả tội ác dã man thời trung cổ, vừa mang tính khái quát vừa khắc sâu vào tâm bìa căm thù để muôn đời nguyên rủa

- Hình ảnh của tên xâm lược: há miệng nhe răng, âm mưu đủ muôn nghìn kế, tội ác thì "nát cả đất trời". Chúng là những con quỷ đội lốt người.

=> Tổ cáo tội ác của quân giặc diễn tả khối căm hờn chất chứa của nhân dân ta.

- Kết thúc bản cáo trạng bằng lời văn đầy hình tượng

+ Lấy cái vô hạn để nói cái vô hạn - trúc Nam Sơn - tội ác giặc Minh.

+ Lấy cái vô cùng để nói cái vô cùng - nước Đông Hải - thảm họa mà giặc Minh gieo rắc ở nước ta.

*Tóm lại: đứng trên lập trường nhân bản, đứng về quyền sống của người dân vô tội để tố cáo lên án giặc Minh. Đoạn này của Đại cáo bình Ngô xứng là một bản tuyên ngôn nhân quyền. Và Nguyễn Trãi kết luận:

“Lẽ nào trời đất dung tha.

Ai bảo thân dân chịu được”

- Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm

- Chốt kiến thức:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Thao tác 3: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu quá trình chiến đấu và chiến thắng của quân dân Đại Việt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh nắm được Quá trình chiến đấu và chiến thắng của quân dân Đại Việt. - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến quá trình chiến đấu và chiến thắng của quân dân Đại Việt</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào phần SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, các em hãy thảo luận trả lời các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Hình tượng của Lê Lợi hiện lên như thế nào? <p>(So sánh với Trần Quốc Tuấn) – Nhóm 2: Cuộc khởi nghĩa trải qua khó khăn như thế nào? Ta làm gì để khắc phục khó khăn?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 3: Khí thế chiến thắng của ta được ví với hình ảnh nào? Thất bại của kẻ thù thể hiện ở hình ảnh nào? <p>? Khung cảnh chiến trường hiện lên như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 4: Hình ảnh của kẻ thù xâm lược hiện lên như thế nào. Bản chất của giặc Minh như thế nào? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc 	<p>3. Quá trình chiến đấu và chiến thắng của quân dân Đại Việt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình tượng Lê Lợi: <ul style="list-style-type: none"> + Là người có nguồn gốc xuất thân bình thường, + Có lòng căm thù quân giặc sâu sắc, + Có hoài bão lớn và quyết tâm cao để thực hiện lí tưởng. <p>=> Nguyễn Trãi khắc hoạ Lê Lợi bằng cảm hứng anh hùng và truyền thống dân tộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buổi đầu cuộc khởi nghĩa gặp muôn vàn khó khăn: <ul style="list-style-type: none"> + Thiếu nhân tài, thiếu quân lương nghiêm trọng. + Nghĩa quân phải tự mình khắc phục. <p>=> Mặc dù vậy, nhưng với ý chí, lòng quyết tâm, đặc biệt là tinh thần đoàn kết, nghĩa quân Lam Sơn đã từng bước lớn mạnh và giành được những chiến thắng quan trọng.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Phản công và tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân dân Đại Việt: <ul style="list-style-type: none"> + Thể hiện bằng hình tượng kì vĩ của thiên nhiên + Chiến thắng của ta: "sấm vang chớp giật"; "trúc tre tro bay"... + Thất bại của quân giặc: "máu chảy thành sông"; "thây chất đầy nội" + Khung cảnh chiến trường: "sắc phong vân phải đổi"; "áng nhật nguyệt phải mờ" <p>=> Quân Lam Sơn thắng thế, giặc Minh đang trên đà của sự thất bại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiến thắng hiện lên dồn dập liên tiếp, nhịp điệu của triều dâng sóng dậy hết lớp

phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.

* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại câu trả lời vào bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi.
- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

sinh tìm hiểu về tuyên bố độc lập và tổng kết nội dung, nghệ thuật.

- Mục tiêu: Học sinh nắm được nội dung

Thao tác 4: Giáo viên hướng dẫn học

này đến lớp khác.

- Giặc Minh mỗi tên mỗi vẻ đều giống nhau ở cảnh ham sống, sợ chết, hèn nhát.

- Tiếp đến là những sai lầm tiếp theo của kẻ xâm lược ngoan cố:

“Thằng nhãi con Tuyên Đức động binh không ngừng,
Đồ nhút nhát Thạnh Thảng đem dầu chữa cháy”.

=> Mĩa mai và coi thường.

- Với nền tảng chính nghĩa và mưu trí, nghĩa quân Lam Sơn và cả dân tộc đã chứng minh cho giặc Minh thấy bọn chúng đáng cười cho tất cả thế gian.

+ Liễu Thăng cụt đầu,

+ Quân Vân Nam vỡ mật mà tháo chạy...

=> “Cứu binh hai đạo tan tành”, giặc chỉ còn nước ra hàng vô điều kiện. Hình ảnh thảm bại nhục nhã của kẻ thù làm tăng thêm khí thế hào hùng của dân tộc và nghĩa quân. Hơn thế, tính chính nghĩa, truyền thống nhân đạo dân tộc ta một lần nữa được khẳng định sáng ngời, cao cả. Sức mạnh của ngòi bút Nguyễn Trãi.

4. Tuyên bố độc lập dân tộc

- Đất nước độc lập, bền vững ngàn năm.

- Đất nước sạch bóng quân thù là cơ hội mới, phát triển.

- Viễn cảnh đất nước tươi sáng huy hoàng: đó là quá khứ hào hùng, hiện thực hôm nay, tương lai ngày mai. Tự

hào quá khứ, yêu hiện tại và vui sướng hướng tới tương lai.

III. Tổng kết

1- Nội dung: Đại cáo bình Ngô là áng văn cổ hùng vĩ thể hiện rõ hào khí một thời đại oai hùng của toàn dân tộc.

<p>phần 4 và tổng kết nội dung, nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy cho biết nội dung phần tuyên bố độc lập. Đánh giá khái quát về nội dung, nghệ thuật của bài cáo?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu. * Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>2- Nghệ thuật: sử dụng các biện pháp so sánh ẩn dụ, điệp từ làm tăng tính hình tượng của câu văn.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Hình thức: HS làm việc nhóm</p> <p>Mục tiêu: Hs luyện tập để nắm được những nét cơ bản nhất về bài học Phương pháp: Phát vấn, làm việc nhóm. B1: GV chia lớp thành 2 nhóm, cùng làm phiếu học tập, nhóm nào nhanh nhất sẽ là người chiến thắng.</p> <p>Câu 1? Hãy cảm nhận câu thơ sau của Nguyễn Trãi:</p>	<p>1/ Gợi ý: Câu thơ thể hiện rõ tấm lòng của Nguyễn Trãi với dân với nước, dù trong hoàn cảnh nào, khi đang làm quan hay về ở ẩn ông đều thể hiện tấm lòng yêu dân tha thiết....</p>

"Bui một tác lòng ưu ái cũ

Đêm ngày cuộn cuộn nước triều dâng"

B2: Các nhóm thảo luận thống nhất đáp án.

B3: Nhóm có đáp án nhanh nhất cử đại diện trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung.

B4: GV nhận xét chốt đúng/ sai, cho điểm.

TRÒ CHƠI Ô CHỮ

B1: GV chia lớp thành 4 đội, phổ biến luật chơi

Luật chơi:

+ 6 ô chữ hàng ngang

+ 1 ô chữ hàng dọc

+ Sau khi nghe câu hỏi gợi ý, đội nào có tín hiệu nhanh được quyền trả lời. Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm. Từ ô hàng ngang thứ 3 đội nào có tín hiệu sẽ có quyền trả lời ô hàng dọc, nếu trả lời đúng được 40 điểm, trả lời sai mất quyền được chơi tiếp.

B2: Các nhóm thảo luận thống nhất đáp án.

B3: Nhóm có đáp án nhanh nhất cử đại diện trình bày.

B4: GV nhận xét chốt đúng/ sai, cho điểm hoặc gọi nhóm khác.

* **Gợi ý về ô chữ hàng dọc: (có 6 chữ cái)** Từ nêu lên giá trị của bài bình Ngô đại cáo?

* Gợi ý về ô chữ hàng ngang:

- **Ô chữ số 1 (có 6 chữ cái):** Nguyễn Trãi đã giúp Lê Lợi trong cuộc khởi nghĩa nào?

- **Ô chữ số 2:** (có 7 chữ cái) Trong bài cáo Nguyễn Trãi đã so sánh ai với lá

2/

Trò chơi giải ô chữ.

Ô chữ hàng dọc: **LỊCH SỬ**

Ô chữ hàng ngang:

- ô số 1: LAM SƠN

- ô số 2: NHÂN TÀI

- ô số 3: CON ĐỒ

- ô số 4: BỐN PHẦN

- ô số 5: CÔN SƠN

- ô số 6: BIÊN NGÃU

							L	A	M	S	O	N
	N	H	A	N	T	A	I					
							C	O	N	Đ	O	
			B	O	N	P	H	A	N			
				C	O	N	S	O	N			
B	I	E	N	N	G	A	U					

mùa
thu?

<p>- Ô chữ số 3: (có 5 chữ cái) Điền từ còn thiếu vào chỗ trống? “Vùi...xuống hằm tai vạ”</p> <p>- Ô chữ số 4: (có 7 chữ cái) Từ nêu lên bố cục của bài Bình Ngô đại cáo?</p> <p>- Ô chữ số 5: (có 6 chữ cái) Địa danh Nguyễn Trãi từng ở ẩn?</p> <p>- Ô chữ số 6: (có 8 chữ cái): Bài Bình Ngô đại cáo viết theo lối văn nào?</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Hoạt động 4,5: Vận dụng, mở rộng, nâng cao.</p> <p>Hình thức: HS làm việc cá nhân ở nhà</p> <p>Mục tiêu: Hs nắm được những nét cơ bản nhất về bài học</p> <p>Phương pháp: Phát vấn, kỹ thuật trình bày 1 phút</p> <p>GV Yêu cầu HS tìm hiểu và làm bài tập thu hoạch ở nhà. Nộp sản phẩm vào buổi học sau.</p> <p>Hãy viết bài văn thuyết minh về tác giả Nguyễn Trãi.</p> <p>?Hãy lập sơ đồ khái quát trình tự lập luận trong đoạn 1 của văn bản ?(Làm ở nhà)</p> <p>+ HS làm việc ở nhà, GV chia 4 nhóm, chọn nhóm tốt nhất cho điểm.</p> <p>+ GV thu sản phẩm của HS chấm cho điểm vào đầu tiết sau.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày</p> <p>- Phiếu học tập</p> <p>- Vẽ sơ đồ tư duy.</p>

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + So sánh điểm giống nhau và khác nhau trong lời tuyên bố độc lập giữa Bình Ngô đại cáo với Sông núi nước Nam (Lí Thường Kiệt) -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Dựa vào tác phẩm, so sánh 2 nội dung tuyên ngôn để phát hiện điểm giống và khác nhau .

.....

.....

.....

Tuần:

Tiết: 62 -63

Môn:

Ngày soạn:

Ngày dạy :

PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết

- Tên bài học: PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và

HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: các phương pháp thuyết minh.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. kiến thức

Nắm được những kiến thức cơ bản về một số phương pháp thuyết minh thường gặp.

2. Về kĩ năng:

- Bước đầu vận dụng được những kiến thức đã học để viết được những văn bản thuyết minh có sức thuyết phục cao.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. *Thái độ:* Thấy được việc nắm vững phương pháp thuyết minh là cần thiết không chỉ cho những bài tập làm văn trước mắt mà còn cho cuộc sống sau này.

b. Phẩm chất

- Sống yêu thương:
- Sống tự chủ.
- Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p>Khởi động: GV trình chiếu một đoạn văn hấp dẫn, chính xác thuyết minh về trường Tạ Uyên và yêu cầu HS nêu cảm nhận. Từ đó GV dẫn dắt vào bài mới.</p>

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu phương pháp thuyết minh.</p> <p>Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được vai trò và một số phương pháp thuyết minh.</p> <p>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</p> <p>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</p> <p>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm. Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>Các nhóm đọc SGK và thảo luận trả lời các câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Khi cần thuyết minh vấn đề nào đó phải ta cần lưu ý gì? <p>Học sinh nêu những phương pháp thuyết minh đã học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 2: Tìm hiểu ví dụ SGK Tr 48 <p>+Xác định phương pháp thuyết minh được sử dụng trong văn bản? Tác dụng</p>	<p>I- Tầm quan trọng của phương pháp thuyết minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải hiểu biết rõ ràng, chính xác, đầy đủ về sự vật, hiện tượng cần được thuyết minh. - Phải thực lòng mong muốn truyền đạt những tri thức ấy cho người đọc (người nghe). - Phương pháp truyền đạt cho người đọc người nghe cần dễ hiểu, rõ ràng, chính xác, khoa học và trong sáng. <p>II- Một số phương pháp thuyết minh</p> <p>1. Ôn tập các phương pháp thuyết minh đã học</p> <p>a. Những phương pháp thuyết minh đã học: nêu định nghĩa, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân loại, phân tích</p> <p>* Tìm hiểu ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu nhận định về nhân vật lịch sử Trần Quốc Tuấn, rồi liệt kê bằng số

<p><i>của việc sử dụng phương pháp thuyết minh đó?</i></p> <p>- <i>Nhóm 3: Thế nào là thuyết minh chú thích, Thuyết minh bằng cách giảng giải nguyên nhân-kết quả?</i></p> <p><i>Muốn làm bài văn thuyết minh có kết quả thì phải như thế nào?</i></p> <p>- <i>Nhóm 4: Những phương pháp thuyết minh thường gặp đó là gì.</i></p> <p><i>Việc lựa chọn, vận dụng và phối hợp các phương pháp thuyết minh cần tuân theo những nguyên tắc nào?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p><i>* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, nhớ lại lí thuyết về phương pháp thuyết minh đã học ở cấp 2</i></p> <p><i>* Hoạt động nhóm:</i></p> <p>- <i>HS thảo luận, thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ. Những ý kiến khác biệt ghi xung quanh bảng phụ.</i></p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- <i>HS trả lời câu hỏi.</i></p> <p>- <i>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</i></p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p><i>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</i></p>	<p>liệu cụ thể để giải thích.</p> <p>- Dùng bút pháp phân tích, giải thích.</p> <p>- Dùng số liệu để so sánh rồi phân loại và nêu ví dụ phân tích đưa ra kết luận.</p> <p>- Đưa ra nhận định về nhạc cụ của một điệu hát, phân loại rồi phân tích âm thanh các nhạc cụ.</p> <p>b. Tác dụng: lời văn thêm truyền cảm, sinh động, hấp dẫn, chuẩn xác.</p> <p>2. Tìm hiểu thêm một số phương pháp thuyết minh</p> <p>- Thuyết minh bằng cách chú thích.</p> <p>- Thuyết minh bằng cách giảng giải nguyên nhân- kết quả.</p> <p>III. Yêu cầu đối với việc vận dụng phương pháp thuyết minh</p> <p>1. Muốn làm bài văn thuyết minh có kết quả, người làm bài phải nắm được phương pháp thuyết minh.</p> <p>2. Những phương pháp thuyết minh thường gặp: định nghĩa, chú thích, phân tích, phân loại, liệt kê, giảng giải nguyên nhân-kết quả, nêu ví dụ, so sánh, dùng số liệu,...</p> <p>3. Việc lựa chọn, vận dụng và phối hợp các phương pháp thuyết minh cần tuân theo các nguyên tắc:</p> <p>- Không xa rời mục đích thuyết minh;</p> <p>- Làm nổi bật bản chất và đặc trưng của sự vật, hiện tượng;</p> <p>- Làm cho người đọc (người nghe) tiếp nhận dễ dàng và hứng thú.</p> <p>IV. yện tập</p>
--	--

Tiết: 64

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN THUYẾT MINH

RA ĐỀ BÀI SỐ 5 (BÀI LÀM Ở NHÀ)

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết

- Tên bài học: + LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN THUYẾT MINH.

+ RA ĐỀ BÀI SỐ 5 (BÀI LÀM Ở NHÀ)

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: kĩ năng viết đoạn văn thuyết minh các phương pháp thuyết minh.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức:

Về kiến thức: - củng cố vững chắc kĩ năng viết đoạn văn đã học; đồng thời, thấy được mối liên quan chặt chẽ giữa các kĩ năng đó với kĩ năng lập dàn ý.

2. Về kĩ năng: - Vận dụng các kĩ năng đó để viết được một đoạn văn thuyết minh có đề tài gần gũi với cuộc sống hoặc công việc học tập của các em.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ

- Thấy được việc nắm vững phương pháp viết đoạn văn thuyết minh là cần thiết không chỉ cho những bài tập làm văn trước mắt mà còn cho cuộc sống sau này.

b. Phẩm chất

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ,

năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của GV&HS	Nội dung kiến thức cơ bản
<p>Bước 1: giao nhiệm vụ học tập Nhắc lại các phương pháp thuyết minh?</p> <p>- GV nêu vấn đề</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Bước 3: học sinh báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS đàm thoại, phát biểu</p> <p>- Bước 4: GV nhận xét và chuyển vào bài: <i>Giới thiệu bài mới:</i> Kiểu bài làm văn thuyết minh là một trong những kiểu bài quan trọng trong chương trình Ngữ Văn 10. Các em đã được tìm hiểu về đặc điểm, cách lập dàn ý và các phương pháp thuyết minh thường dùng. Để hiện thực hóa những hiểu biết đó trong một bài văn cụ thể, các em cần phải viết được các đoạn văn thuyết minh rõ ý, sáng lời. Bài học hôm nay chúng ta chủ yếu sẽ luyện tập thực hành thao tác đó.</p>	<p>Khởi động: GV trình chiếu một đoạn văn thuyết minh có lỗi cả về hình thức và nội dung, yêu cầu HS chỉ ra lỗi của đoạn văn. Từ đó GV dẫn dắt vào bài.</p>

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
-------------------------------	-----------------------------------

<p>Thao tác 1: Tìm hiểu đoạn văn thuyết minh:</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được đặc điểm, yêu cầu, các phần của đoạn văn thuyết minh.</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thế nào là đoạn văn? - Giữa đoạn văn tự sự và thuyết minh có sự giống, khác nhau như thế nào? - Một đoạn văn thuyết minh có thể gồm bao nhiêu phần chính, các ý trong đoạn văn thuyết minh có thể sắp xếp theo các trình tự, thời gian, không gian, nhận thức, phản bác, chứng minh không? Vì sao? <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân suy nghĩ, tìm ra đặc điểm của đoạn văn.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ. <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực</i></p>	<p>I. Đoạn văn thuyết minh:</p> <p>1. Quan niệm về đoạn văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn nằm giữa hai chỗ xuống dòng. Nó phải thể hiện được yêu cầu sau: + Tập trung làm rõ ý chung, một chủ đề chung thống nhất. + Liên kết chặt chẽ với các đoạn văn đứng trước và sau nó. + Diễn đạt chính xác, trong sáng. + Gọi cảm hùng hồn. <p>2. So sánh đoạn văn tự sự và đoạn văn thuyết minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống nhau vì cùng trình bày về một sự kiện, miêu tả về một sự vật. Người viết đều phải quan sát cẩn thận. - Khác nhau: Đoạn văn thuyết minh phải căn cứ vào mục đích để có các phương pháp: giải thích, liệt kê, định nghĩa, so sánh, phân tích. Trong khi đó tự sự là kể lại. <p>3. Các phần chính của đoạn văn thuyết minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng phần chính của đoạn thuyết minh hoàn toàn phụ thuộc vào đối tượng thuyết minh. Ví dụ thuyết minh lại buổi sinh hoạt cuối tuần ở lớp thì các phần chính gồm 2 phần: - Nhận định về tình hình lớp trong tuần + Tinh thần ý thức trong học tập + Điểm số + Gương tiêu biểu
--	--

<p><i>hiện nhiệm vụ</i></p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>Thao tác 2: Luyện tập viết đoạn văn thuyết minh:</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh rèn kỹ năng viết đoạn văn thuyết minh.</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc yêu cầu đề bài trong SGK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phác qua dàn ý đại cương. - Chứng minh về một tác phẩm văn học - Cách thức tiến hành viết đoạn văn như thế nào? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc yêu cầu.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ. 	<ul style="list-style-type: none"> + Hiện tượng cần phê phán - Phương hướng tuần tới <p>Các ý của đoạn văn được sắp xếp theo trật tự thời gian.</p> <p>Theo nhận thức, theo phản bác hoặc chứng minh. Người ta gọi đó là kết cấu theo lôgic của văn bản thuyết minh chính vì kết cấu lôgic, theo thứ tự mà sử dụng các thao tác phản bác hoặc chứng minh đều được.</p> <p>II. Viết đoạn văn thuyết minh</p> <p>Giới thiệu tác phẩm “Đại cáo bình Ngô” của Nguyễn Trãi, phần thân bài.</p> <p>a. Bài báo cáo ra đời trong hoàn cảnh nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tháng 1/1428 (tức tháng Chạp năm Đinh Mùi âm lịch) khi đất nước sạch bóng quân thù. + Nguyễn Trãi đã viết trong hoàn cảnh xúc cảm đặc biệt. <p>b. Nguyễn Trãi dựa vào đâu để đưa ra luận đề chính nghĩa?</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tư tưởng nhân nghĩa + Quyền tự chủ độc lập <p>c. Nguyên nhân và quá trình chinh phục thắng lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> + Âm mưu và tội ác kẻ thù + Lấy chí nhân thay cường bạo + Khắc phục gian nan + Quyết tâm chiến đấu + Chiến đấu thắng lợi
---	---

d. Tuyên bố cho toàn dân tộc biết
thắng lợi vĩ đại

<p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Khẳng định chủ quyền độc lập trên toàn vẹn lãnh thổ + Tác giả rút ra bài học lịch sử * Nhờ có sức mạnh truyền thống * Chỉ có thể giành được độc lập mới mở ra thời đại huy hoàng. <p><i>Tham khảo:</i></p> <p>Chỉ hai tiếng “Kinh Bắc” thôi đã đủ gọi lại cho mỗi người Việt chúng ta một quá vãng đẹp, hào hùng có lúc đến bi tráng, một không gian xa mà vẫn biêng biếc gần gũi chan chứa yêu thương của dân tộc.</p> <p>Trên đầu, nghe vi vút tiếng bay ngựa sắt đưa Thánh Gióng về Trời, một ông Gióng đánh tan giặc xâm lược vừa xong đã trút bỏ giáp trụ mà đăng vân.</p> <p>Về phía Tây, dòng Tiêu Tương còn mãi mãi vẳng lên tiếng hát Trương Chi “Người thì thậm xấu” hản lời ca vẫn da diết yêu, ai oán nhớ, ta vẫn nghe dòng lệ Mị Nương ràn rụa rơi xuống chén gỗ bạch đàn như một điệu hò cảm tiếc hận đắng đắng và thương xót không cùng.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh rèn kỹ năng viết đoạn văn thuyết minh.</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật</i></p>	<p>1. Viết đoạn văn: thuyết minh về tình yêu thiên nhiên của Nguyễn Trãi</p> <p>Các ý chính cần nêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện vẻ đẹp nhiều mặt của

<p><i>khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc yêu cầu đề bài trong SGK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phác qua dàn ý đại cương. - Chứng minh về một tác phẩm văn học - Cách thức tiến hành viết đoạn văn như thế nào? <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc yêu cầu.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ. <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>Gv đưa ra một số đề văn thuyết minh, yêu cầu HS lựa chọn, lập dàn ý sơ bộ, tập viết một đoạn văn về một trong các ý của bài, đọc trước lớp. Gv nhận xét, đánh giá, bổ sung.</p> <p>Đề 1: Thuyết minh về tác giả văn học Nguyễn Trãi.</p>	<p>thiên nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thiên nhiên hoành tráng, kì vĩ: “Kình ngạc bám vằm non mấy khúc/ Giáo gươm chìm gãy bãi bao tàng”,... + Thiên nhiên mỹ lệ, thơ mộng, phảng phất phong vị Đường thi: “Nước biếc non xanh thuyền gối bãi/ Đêm thanh, nguyệt bạc, khách lên lầu”, “Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc/ Thuyền chở yên hà nặng vạy then”,... + Thiên nhiên bình dị, dân dã: “Ao cạn vót bèo cấy muống/ Đìa thanh phát cỏ ương sen”,... <ul style="list-style-type: none"> - Coi thiên nhiên là bầu bạn của mình: “Láng giềng một áng mây nổi/ Khách khứa hai ngàn núi xanh”,... - Giao cảm với thiên nhiên vừa mãnh liệt, nồng nàn vừa tinh tế, nhạy cảm, trang trọng trước vẻ đẹp của thiên nhiên: “Hé cửa đêm chờ hương quế lọt/ Quét hiên ngày lệ bóng hoa tan”. <p>2. Viết đoạn văn thuyết minh về Phú sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu.</p>
---	--

Đề 2: Thuyết minh về di tích Côn

Son.

Gv hướng dẫn HS tìm hiểu đoạn văn trong sgk:

- Nội dung của đoạn văn? Phương pháp thuyết minh được sử dụng? ý nghĩa của đoạn văn?

GV hướng dẫn học sinh trên cơ sở kiến thức đã học để viết đoạn văn thuyết minh về Phú sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu.

Gọi 1 vài học sinh đọc đoạn văn. GV nhận xét.

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>- Vận dụng để viết 1 đoạn văn thuyết minh với đề bài: Giới thiệu về 1 món ăn đặc sản quê em.</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p>	<p>*Lưu ý: Sử dụng linh hoạt các phương pháp thuyết minh</p>

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p><i>Anh(chị) hãy tìm thêm những bài văn thuyết minh hay.</i></p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực</i></p>	

hiện nhiệm vụ(tiết sau)	
-------------------------	--

.....

.....

.....

RA ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 5

SỞ GD&ĐT NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT TẠ UYÊN

BÀI VIẾT SỐ 5
Môn: Ngữ văn 10
Năm học: 2017-2018
(Học sinh làm bài ở nhà)

A. Mục đích kiểm tra, đánh giá

- Tiếp tục củng cố những kiến thức và kỹ năng làm văn thuyết minh, cũng như các kỹ năng lập dàn ý, diễn đạt...
- Vận dụng những hiểu biết đó để làm được một bài văn thuyết minh vừa rõ ràng chuẩn xác lại vừa sinh động, hấp dẫn về một sự vật, sự việc, hiện tượng, con người gần gũi, quen thuộc trong đời sống.
- Thấy rõ hơn nữa trình độ làm văn của bản thân, từ đó, rút ra những kinh nghiệm cần thiết để làm văn thuyết minh đạt kết quả tốt hơn.

Mức độ NLĐG	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
--------------------	------------------	-------------------	-----------------	---------------------	-------------

I. Đọc hiểu - Ngữ liệu: 01 đoạn trích hoặc văn bản. - Tiêu chí: + Dài khoảng 200 chữ. + Nội dung đề cập những vấn đề gần gũi, phù hợp với	- Nhận biết: + phương thức biểu đạt của văn bản. + Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. + 4 biện pháp tu từ: Ẩn dụ, hoán dụ,	- Khái quát được chủ đề, nội dung... của văn bản. - Hiểu được quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản. - Hiểu được nghĩa của từ, câu,	- Nhận xét, đánh giá tư tưởng, quan điểm, tình cảm... của tác giả trong văn bản. - Nhận xét về một giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản. - Rút ra bài học cuộc		
---	---	--	--	--	--

tâm lí, trình độ học sinh.	phép điệp, phép đối.	hình ảnh... trong văn bản - Phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ: Ẩn dụ, hoán dụ, phép điệp, phép đối.	sống từ văn bản. - Trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản		
<i>Số câu</i>	<i>01</i>	<i>02</i>	<i>01</i>		<i>04</i>
<i>Số điểm</i>	<i>0,5</i>	<i>1,5</i>	<i>1,0</i>		<i>3,0</i>
<i>Tỉ lệ</i>	<i>5%</i>	<i>15%</i>	<i>10%</i>		<i>30%</i>
II. Tạo lập văn bản				Tích hợp các kiến thức, kĩ năng để làm bài văn thuyết minh về ngày tết ở địa phương	
<i>Số câu</i>			<i>0</i>	<i>01</i>	<i>01</i>
<i>Số điểm</i>			<i>0</i>	<i>7</i>	<i>7</i>
<i>Tỉ lệ</i>			<i>0%</i>	<i>100%</i>	<i>100%</i>
Tổng cộng					
<i>Số câu</i>	<i>01</i>	<i>02</i>	<i>01</i>	<i>01</i>	<i>05</i>
<i>Số điểm</i>	<i>0,5</i>	<i>1,5</i>	<i>1,0</i>	<i>7,0</i>	<i>10</i>
<i>Tỉ lệ</i>	<i>0,5%</i>	<i>15%</i>	<i>10%</i>	<i>70%</i>	<i>100%</i>

C.B n soạn đề thi

PHẦN ĐỌC HIỂU:(3,0điểm) Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi lại nhìn, như đôi mắt trẻ thơ
Tổ Quốc tôi. Chưa đẹp thế bao giờ!
Xanh núi, xanh sông, xanh đồng, xanh biển.
Xanh trời, xanh của những giấc mơ.

(Vui thế hôm nay – Tố Hữu)

Câu 1: (0,5đ) Chỉ ra phương thức biểu đạt của đoạn thơ?

Câu 2: (1,0đ) Chỉ ra hai biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên? Tác dụng của biện pháp đó?

Câu 3: (0,5) Nhận xét về các kiểu câu được sử dụng trong đoạn thơ trên?

Câu 4:(1,0) Cảm nhận cảm xúc của nhà thơ được thể hiện trong đoạn thơ trên? (Hãy trình bày thành đoạn văn từ 7- 10 dòng)

PHẦN VIẾT: (7,0 điểm) : Hãy giới thiệu về nét đặc sắc của ngày Tết cổ truyền ở quê em.

ĐÁP ÁN BÀI VIẾT SỐ5

PHẦN ĐỌC HIỂU:

Câu 1: (0,5đ) Phương thức biểu đạt: Biểu cảm, miêu tả

Câu 2: Biện pháp tu từ:(1,0đ)

- So sánh: “nhìn như đôi mắt trẻ thơ” => cảm nhận mới mẻ của nhà thơ về quê hương
- Điệp từ: “Xanh” => Nhấn mạnh sức sống mới của quê hương

Câu 3: (0,5đ) Nhà thơ sử dụng linh hoạt các kiểu câu: Câu trần thuật, câu cảm than, câu rút gọn..

Câu 4: (1,0đ)- Đoạn văn cần đảm bảo bố cục, có liên kết chặt chẽ

- Hs cảm nhận được cảm xúc: vui sướng, tự hào của nhà thơ trước sự đổi mới tràn đầy sức sống của quê hương.

PHẦN VIẾT:

1. Yêu cầu chung: - Học sinh biết cách làm bài nghị luận xã hội.

- Đảm bảo bố cục, triển khai các ý mạch lạc,
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận;
- Không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp;

2. Yêu cầu cụ thể:

a, Đảm bảo cấu trúc bài: (0,5đ)

Có đầy đủ các phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề

b, Xác định đúng đối tượng thuyết minh: Nét đặc sắc trong ngày Tết cổ truyền ở địa phương (1,0đ)

c, Triển khai vấn đề thành các luận điểm,: (Gv có thể tham khảo gợi ý) (4,5đ)

***Giới thiệu khái quát về đối tượng thuyết minh:**

***Giới thiệu cụ thể về đối tượng:**

- + Giới thiệu về địa phương nơi em ở: vị trí địa lí, đặc trưng trong lối sống của người dân.
- + Thời gian diễn ra ngày tết cổ truyền là khi nào?
- + Điểm nổi bật nhất của ngày tết ở quê em là gì? (miêu tả tỉ mỉ, tránh kể lể)
- + Giá trị của điểm đặc sắc đó trong đời sống tinh thần của người dân địa phương

***Khái quát lại bài viết, nêu suy nghĩ của bản thân**

d, Sáng tạo: (0,5đ)

Thể hiện sự tìm tòi trong diễn đạt, dùng đa dạng các kiểu câu phù hợp với mục đích trình bày. Sử dụng từ ngữ có chọn lọc.

e, Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu: (0,5đ)

Tuần:

Tiết: 65

Môn: Đọc Văn

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA

(Trích Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba)

Thân Nhân Trung

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- Tên bài học: HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và

HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: vai trò của người hiền tài.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1- Về kiến thức

- Khẳng định tầm quan trọng của hiền tài đối với quốc gia: cs quan hệ sống còn đối với sự thịnh suy của đất nước.

- Khắc bia tiến sĩ là việc làm khích lệ nhân tài không những có nghĩa lớn với đương thời mà còn có ý nghĩa lâu dài với hậu thế.

- Về nghệ thuật: Kết cấu chặt chẽ, lập luận khúc chiết, giàu sức thuyết phục.

2- Về kĩ năng: Đọc hiểu văn bản kí trung đại

3. Về thái độ, phẩm chất

a. **Thái độ:** Thấy được chính sách trọng nhân tài của triều đại Lê Thánh Tông. Từ đó có thể rút ra những bài học lịch sử quý giá.

.b. Phẩm chất

+ Sống yêu thương:

- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: giao nhiệm vụ học tập Những hình trên có nội dung gì?</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Bước 3: học sinh báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS đàm thoại, phát biểu</p> <p>- Bước 4: GV nhận xét và chuyển vào bài: Trong Văn Miếu- Quốc Tử Giám Hà Nội, từ thế kỉ X (triều Lí) đã có dựng những hàng bia đá ghi họ tên, năm thi đỗ của các tiến sĩ Đại Việt. Đó là một việc làm độc đáo, đầy ý nghĩa của các vương triều phong kiến VN. Bài đọc thêm này trích từ một trong những văn bia đó.</p>	<p>Khởi động: Gv trình chiếu những hình ảnh về việc khuyến học, khuyến tài, trọng dụng hiền tài của nhà nước ta, đặc biệt ở địa phương mình. Từ đó GV dẫn dắt vào bài mới.</p>

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu chung:</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát tác giả, thể loại, bố cục.</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kĩ thuật dạy học: kĩ</i></p>	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả Thân Nhân Trung: (1418-1499), tự Hậu Phủ, quê Bắc Giang...</p> <p>2. Văn bản:</p>

<p><i>thuật phản hồi...</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Em hãy nêu những nét khái quát về tác giả Thân Nhân Trung và xuất xứ của văn bản học?</i></p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn và khái quát ý.</p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p><i>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản</i></p> <p><i>Mục tiêu: Cảm nhận được vai trò của hiền tài, ý nghĩa của việc khắc bia tiến sĩ...</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu</i> - <i>Kĩ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi</i> - <i>Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm.</i> - <i>Các bước thực hiện:</i> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p>	<p>GV chia lớp thành 4 nhóm:</p> <p><u>Nhóm 1</u>: Hiền tài có vai trò quan trọng đối với đất nước như thế nào?</p> <p><u>Nhóm 2</u>: Ý nghĩa, tác dụng của việc khắc bia ghi tên tiến sĩ đối với đương</p>
--	---

- Thể loại: Văn bia: Là bài văn khắc trên bia đá, gồm 3 loại: văn bia ghi công đức; bia ghi việc xây dựng các công trình kiến trúc; bia lăng mộ.
- Mục đích: Ghi chép những sự việc trọng đại hoặc tên tuổi, cuộc đời của những con người có công đức lớn để lưu truyền cho đời sau.
- Bố cục: 3 phần...

II. Tìm hiểu văn bản:

1. Tầm quan trọng của hiền tài đối với quốc gia:

- Hiền tài là nguyên khí của quốc gia: người tài cao, học rộng, là khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của đất nước, xã hội. Hiền tài có quan hệ lớn đến sự thịnh suy của đất nước.
- Nhà nước đã từng đãi trọng hiền tài, làm đến mức cao nhất để khích lệ nhân tài, đề cao danh tiếng, phong chức tước, cấp bậc, ghi tên ở bảng vàng, ban yến tiệc...
- Những việc đã làm chưa xứng với vai trò, vị trí của hiền tài, vì vậy cần phải khắc bia tiến sĩ để lưu danh sử

thời và các thế hệ sau?

Nhóm 3: Theo em, bài học lịch sử rút ra từ việc khắc bia ghi tên tiến sĩ là gì?

Nhóm 4: Lập một sơ đồ về kết cấu của bài văn bia nói trên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.

* Hoạt động nhóm:

- HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp.

- HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv:

- Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm

- Chốt kiến thức:

sách.

2. Ý nghĩa, tác dụng của việc khắc bia ghi tên tiến sĩ

- Khuyến khích nhân tài “khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua”.

- Noi gương hiền tài, ngăn ngừa điều ác, “kẻ ác lấy đó làm răn, người thiện theo đó mà gắng”.

- Làm cho đất nước hưng thịnh, bền vững lâu dài “dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai, vừa để rèn giũa danh tiếng cho sĩ phu, vừa để củng cố mệnh mạch cho nhà nước”.

3. Bài học lịch sử rút ra từ việc khắc bia ghi tên tiến sĩ.

- Thời nào hiền tài cũng “là nguyên khí của quốc gia”, phải biết quý trọng nhân tài.

- Hiền tài có mối quan hệ sống còn đối với sự thịnh suy của đất nước.

- Thấm nhuần quan điểm của nhà nước ta: Giáo dục là quốc sách, trọng dụng nhân tài. Thấm nhuần quan điểm của Hồ Chí Minh: một dân tộc dốt là một dân tộc yếu.

Sơ đồ kết cấu:

Vai trò quan trọng của hiền tài	
Khuyến khích hiền tài	
Việc đã làm.	Việc tiếp tục làm
Ý nghĩa tác dụng của việc khắc bia	

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
Kỹ thuật Đặt câu hỏi,	

<p>Hình thức: HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi:</p> <p>Mục tiêu: Hs luyện tập để nắm được những nét cơ bản nhất về bài học</p> <p>Phương pháp: Phát vấn, làm việc nhóm.</p> <p>B1: GV chia lớp thành 4 nhóm, cùng làm bài tập trắc nghiệm, nhóm nào có tín hiệu trước sẽ trả lời.</p> <p>B2: Các nhóm thảo luận thống nhất đáp án.</p> <p>B3: Nhóm có đáp án nhanh nhất cử đại diện trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung.</p> <p>B4: GV nhận xét chốt đúng/ sai, cho điểm..</p> <p>1. Thân Nhân Trung đỗ tiến sĩ năm nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> • a. 1442. • b. 1469. • c. 1478. • d. 1480. <p>2. Dòng nào dưới đây nêu thông tin không đúng về tiểu sử, thân thế của Thân Nhân Trung?</p> <ul style="list-style-type: none"> • a. Tự là Hậu Phủ, sinh năm 1418, mất năm 1499. • b. Người làng Yên Ninh, huyện Yên Dũng (Bắc Giang) • c. Đỗ tiến sĩ năm 1469. • d. Được vua Lê Thái Tông phong chức danh Tao đàn phó nguyên súy. <p>3. Thể loại mà Thân Nhân Trung sáng tác nhiều và đặc sắc nhất là:</p> <ul style="list-style-type: none"> • a. Văn bia • b. Thơ • c. Phú 	<ul style="list-style-type: none"> • d. Sử kí
--	--

Luyện tập: HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: b

Câu 2: d

Câu 3: a

Câu 4: b

Câu 5: b

Câu 6: b

<p>4. Thông tin nào sau đây về đoạn trích Hiền tài là nguyên khí của quốc gia là không chính xác?</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trích từ Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba (1442). b. Do tiến sĩ Thân Nhân Trung viết năm 1484 thời Đại Bảo. c. Trước phần trích còn có một đoạn nói rằng trước đây dù triều đình rất quý trọng hiền tài, nhưng chưa có điều kiện dựng bia tiến sĩ. d. Cuối bài là danh sách 33 vị đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất. <p>5. Hai chữ Hiền tài được dành riêng để chỉ?</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Người hiền lành và có tài. b. Người tài cao, học rộng và có đạo đức. c. Người tài có đạo đức. d. Người vừa có tài vừa có đức. <p>6. Dòng nào dưới đây giải thích chính xác nhất hai chữ nguyên khí?</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của sự vật. b. Chất làm nên sự sống còn và phát triển của đất nước, xã hội. c. Khí chất ban đầu là gốc rễ nuôi dưỡng sự sống còn của sự vật. d. Chất ban đầu là cơ sở cho sự sống còn và phát triển của xã hội, đất nước. 	
---	--

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học	- Vai trò của người hiền tài rất

tập.

- Em hãy nêu suy nghĩ của mình về tầm quan trọng hiền tài với đất nước? Chính sách thu hút nhân tài ở nước ta?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động nhóm:

- HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp.

- HS trong từng nhóm thống nhất ý

kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

quan trọng

- Có chính sách để khuyến khích nhân tài....

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÒI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Hình thức: HS làm việc cá nhân ở nhà để trả lời câu hỏi: Viết bài văn nghị luận về vai trò của hiền tài</p> <p>Mục tiêu: Nắm chắc những kiến thức của bài học. Biết vận dụng bài học vào cuộc sống.</p> <p>Phương pháp: Phát vấn, kỹ thuật trình bày 1 phút</p> <p>GV Yêu cầu HS tìm hiểu và làm bài tập thu hoạch ở nhà. Nộp sản phẩm vào buổi học sau.</p>	<p>- Học sinh học bài ở nhà.</p>

Tuần:

Tiết: 66

Môn: Đọc Văn

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

Đọc thêm

TỰA TRÍCH ĐIỂM THI TẬP

-Hoàng Đức Lương-

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- Tên bài học: TỰA TRÍCH ĐIỂM THI TẬP

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: trân trọng, tự hào và ý thức trách nhiệm của tác giả đối với di sản thơ ca dt trong việc bảo tồn di sản văn' của tiền nhân (người trước)- ông cha.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1- Về kiến thức- - Nắm được cách lập luận chặt chẽ kết hợp với tính biểu cảm của bài

tựa

2- Về kĩ năng: Đọc hiểu văn bản tựa trung đại

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ: - Hiểu tấm lòng trân trọng, tự hào và ý thức trách nhiệm của tác giả đối với di sản thơ ca dt trong việc bảo tồn di sản văn' của tiền nhân (người trước)- ông cha

b. Phẩm chất

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: giao nhiệm vụ học tập GV: Trình chiếu một số hình ảnh về di sản văn hóa của tỉnh Ninh Bình. Sau đó yêu cầu học sinh trả lời: vai trò của những di sản văn hóa??</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Bước 3: học sinh báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none">- HS đàm thoại, phát biểu- Bước 4: GV dẫn dắt vào bài mới: Việc bảo tồn di sản văn học của tiền nhân là vô cùng quan trọng. Nó thể hiện niềm tự hào, trân trọng, yêu quý di sản và ý thức trách nhiệm của con người. Chúng ta sẽ thấy rõ điều đó qua bài Tựa “Trích diễm thi tập”.	<p>Khởi động:</p>

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung Kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu chung: <i>Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được những nét cơ bản nhất về tác giả và thể tựa</i> <i>Phương tiện thực hiện: máy chiếu. Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật phản hồi...</i> <i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập</i> <i>Các bước thực hiện:</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chuyển giao nhiệm vụ: Em hãy nêu những nét khái quát về tác giả Hoàng Đức Lương và thể loại tựa, giải thích nhan đề? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn và khái quát ý.</p>	<p>I- Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none">- Lời tựa: sưu tầm, bảo tồn di sản văn hoá tinh thần của tổ tiên ông cha là một công việc rất quan trọng và cần thiết nhưng cũng hết sức khó khăn, đặc biệt là những thời kì xa xưa, hoặc sau chiến tranh. Tiến sĩ Hoàng Đức Lương là một trong những trí thức thời Lê ở thế kỉ XV đã không tiếc công sức, thời gian để làm công việc đó. Sau khi hoàn thành Trích diễm thi tập, ông lại tự viết một bài tựa đặt ở đầu sách với người đọc.- Thể tựa:<ul style="list-style-type: none">+ Là bài viết thường đặt ở đầu sách+ Do tác giả hoặc người khác viết

nhằm mục đích nói rõ hơn với độc giả về hoàn cảnh, mục đích sáng tác, kết cấu, nội dung hoặc tâm sự của tác giả hay những đánh giá phê bình, cảm nhận của người đọc

+ Được viết bằng thể văn nghị luận, thuyết minh, biểu cảm hoặc thể hỗn hợp.

II. Hướng dẫn đọc hiểu chi tiết

1. Nguyên nhân khiến cho thơ ca không được lưu truyền hết ở trên đời

- Phương pháp lập luận: phân tích bằng những luận cứ cụ thể về các mặt khác nhau để lí giải bản chất của hiện tượng, vấn đề.

+ Sở dĩ tác giả mở đầu bằng luận điểm trên -và đó chính là luận điểm quan trọng nhất của bài tựa, là bởi ông muốn nhấn mạnh việc làm sưu tầm, biên soạn cuốn sách là xuất phát từ yêu cấp thiết của thực tế chứ không chỉ từ sở thích cá nhân và đó là một cv khó khăn vất vả nhưng nhất định phải làm.

+ Liên hệ đến hậu quả của chính sách cai trị đồng hoá thâm hiểm của nhà Minh: tìm mọi biện pháp để huỷ diệt nền văn hoá, văn học Đại Việt: thu đốt mọi sách vở, trừ kinh phật; đập, xoá các văn bia...Bởi vậy, trong các triều vua Thái Tổ, Thái Tông, Thánh Tông... công việc sưu tầm, thu thập, ghi chép, phục dựng các di sản hoá tinh thần của người Việt bị tàn mát, sau chiến tranh được khuyến khích tiến hành.

Theo tác giả, có 4 nguyên nhân

<p><u>Nhóm 1; Nhóm 2:</u> Có những nguyên nhân nào khiến thơ văn không được lưu truyền hết ở trên đời?</p> <p><u>Nhóm 3; Nhóm 4:</u> Trước thực trạng thơ văn không được lưu truyền hết ở trên đời tác giả có tâm trạng như thế nào và có hành động gì?</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Nghệ thuật lập luận chặt chẽ. + Thể hiện lòng tự hào, sự trân trọng và ý thức bảo tồn di sản văn hoá, văn học của tác giả. 	<p>chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chỉ có thi nhân (nhà thơ- người có học vấn) mới thấy được cái hay, cái đẹp của thơ ca. Cách lập luận : Liên tưởng s^2 thơ văn như khoái chá, gấm vóc, sắc đẹp ngoài sắc đẹp, vị ngon ngoài vị ngon (vì trù tượng, khó cảm nhận cụ thể). Từ đó, dẫn tới kết luận => Dùng lối quy nạp. + Người có học, người làm quan thì bận việc hoặc không quan tâm đến thơ văn (còn mải học thi). + Người yêu thích sưu tầm thơ văn lại không đủ năng lực, trình độ, tính kiên trì. + Nhà nước (triều đình nhà vua) không khuyến khích in ấn (khắc ván), chỉ in kinh Phật. <p>Đó là 4 nguyên nhân chủ quan và chủ yếu dẫn đến tình hình rất nhiều thơ văn bị thất truyền.</p> <p>Cách lập luận chung là phương pháp quy nạp .</p> <p>Ngoài ra, còn 2 nguyên nhân khách quan khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đó là sức phá huỷ của thời gian đối với sách vở. + Đó là chiến tranh, hoả hoạn cũng góp phần thiêu huỷ văn thơ trong sách vở. <p>Cách lập luận: dùng hình ảnh và câu hỏi tu từ “tan nát trôi chìm, rách nát tàn tạ...làm sao giữ mãi ... được mà không</p> <p>2. Niềm tự hào và ý thức trách nhiệm của Hoàng Đức Lương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm yêu quý, trân trọng văn <p>thơ của ông cha, tâm trạng xót xa, thương tiếc trước di sản quý báu bị</p>
---	--

	<p>tản mát, huỷ hoại đắm chìm trong quên lãng... của người viết.</p> <p>- Đức Lương này... đau xót lắm sao.</p> <p>- Tác giả kể lại những việc mình đã làm để hình thành cuốn sách, sửa lại lỗi cũ với giọng kể giản dị, khiêm nhường: không tự lượng sức mình, tài hèn sức mọn, trách nhiệm nặng nề, tìm quanh hỏi khắp, lại thu lượm thêm... Gthiệu qua nd và bố cục của sách...</p> <p>III- Tổng kết</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung Kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Câu 1: Gv yêu cầu hs Vẽ SĐTD về hệ thống lập luận bài Tựa?</p> <p>Câu 2: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:</p> <p><i>Đối với thơ văn, cổ nhân ví như khoái chá, ví như gắm vóc; khoái chá là vị rất ngon trên đời, gắm vóc là màu rất đẹp trên đời, phàm người có miệng, có mắt, ai cũng quý trọng mà không vứt bỏ khinh thường. Đến như thơ văn thì lại là sắc đẹp ngoài cả sắc đẹp, vị ngon ngoài cả vị ngon, không thể đem mắt thường mà xem, miệng tầm thường mà nếm được. Chỉ thi nhân là có thể xem mà biết được sắc đẹp, ăn mà biết được vị ngon ấy thôi. Đây là lí do thứ nhất làm cho thơ văn không lưu truyền hết ở trên đời.”</i></p> <p>(Hoàng Đức Lương – Tựa “Trích diễm thi tập”)</p> <p>1/ Nêu nội dung chính của văn</p>	<p>Câu 1: Vẽ sơ đồ tư duy.</p> <p>Câu 2: Nội dung chính của văn bản: Tác giả trình bày <i>lí do thứ nhất</i> vì sao biên soạn <i>Trích diễm thi tập</i>.</p> <p>2/ Biện pháp tu từ (về từ) trong văn bản : so sánh : <i>Đối với thơ văn, cổ nhân ví như khoái chá, ví như gắm vóc</i></p> <p>Hiệu quả nghệ thuật: Làm cho câu văn mang tính gợi hình ảnh, gợi cảm xúc, thái độ rõ ràng của tác giả khi ông mượn lời của người xưa để bàn về thơ ca.</p> <p>3/ Thao tác lập luận chính của văn bản: giải thích</p>

<p>bản ? 2/ Xác định biện pháp tu từ (về từ) trong văn bản ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó. 3/Xác định thao tác lập luận chính của văn bản ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh suy nghĩ, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - Giáo viên quan sát, hỗ trợ học sinh.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận - Học sinh trình bày - Học sinh khác nhận xét. - GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Giáo viên nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung Kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Em hãy nêu suy nghĩ của mình về tầm quan trọng của việc lưu trữ và bảo tồn các di sản dân tộc?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh suy nghĩ, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - Giáo viên quan sát, hỗ trợ học sinh.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận - Học sinh trình bày - Học sinh khác nhận xét. - GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về các di tích. - Chăm sóc, bảo vệ - Tôn tạo, sửa chữa. - Giao lưu, giới thiệu văn hóa...

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÀI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung Kiến thức cần đạt
<p><i>Hình thức:</i> HS làm việc cá nhân ở nhà để trả lời câu hỏi:</p> <p><i>Mục tiêu:</i> HS nắm được những nét cơ bản nhất văn bản..</p> <p><i>Phương pháp:</i> Phát vấn, kỹ thuật trình bày 1 phút</p> <p>GV Yêu cầu HS tìm hiểu và làm bài tập thu hoạch ở nhà. Nộp sản phẩm vào buổi học sau.</p>	Học sinh làm bài ở nhà.

.....

.....

.....

Tiết: 67

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

Đọc thêm:

HUNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN (1)

THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ (2)

- Ngô Sĩ Liên

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- Tên bài học:

+HUNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG TRẦN QUỐC TUẤN

+THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: chân dung nhân vật lịch sử; những bài học đạo lý quý báu mà ông để lại cho đời sau

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

I- Về kiến thức- - Tìm hiểu về hai nhân vật có công khai sáng nhà Trần.

- Có thái độ đúng đắn khi nhìn nhận về con người có công và những sai lầm, tàn bạo.

- Hiểu rõ hơn về “Văn sử bất phân”.
- Thấy được cái hay, sức hấp dẫn của một tác phẩm lịch sử nhưng đậm chất văn học qua nghệ thuật kể chuyện và khắc hoạ chân dung nhân vật lịch sử.

2- Về kĩ năng: Đọc hiểu văn bản kí trung đại

3. Về thái độ, phẩm chất

a. *Thái độ*:- Cảm phục và tự hào về tài năng, đức độ của người anh hùng thời Trần, đồng thời hiểu được những bài học đạo lí quý báu mà ông để lại cho đời sau

b. *Phẩm chất*

- + Sống yêu thương:
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. *Phát triển năng lực chung*:- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. *Năng lực riêng*

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
------------------------	----------------------------

Khởi động: Gv chiếu hình ảnh, video về thời Trần, đặc biệt là hai vị anh hùng Trần Quốc Tuấn và Trần Thủ Độ, từ đó dẫn dắt vào bài học.

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

? Những hiểu biết của bản thân về hai vị anh hùng dân tộc.

Bước 2: học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả

Bước 4: gv nhận xét, dẫn dắt vào bài mới.

Nói tới triều đại nhà Trần không thể không nói tới đóng góp của Trần Quốc Tuấn và Trần Thủ Độ. Hôm nay chúng ta sẽ đọc thêm 2 đoạn trích Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn và Thái sư Trần Thủ Độ để thấy được nhân cách cao cả và

những đóng góp lớn lao của hai nhân vật này.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu chung bài 1 Mục tiêu: <i>Nắm được những nét cơ bản về tác giả Ngô Sĩ Liên, tác phẩm Đại Việt sử kí toàn thư</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện: <i>bảng phụ, máy chiếu</i> - Kỹ thuật dạy học: <i>Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi</i> - Hình thức tổ chức: <i>hoạt động cá nhân</i> - Các bước thực hiện: <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: <i>Nêu những nét khái quát về tác giả Ngô Sĩ Liên và bộ Đại Việt sử kí toàn thư?</i> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: <i>HS đọc lại văn bản, suy nghĩ, trả lời.</i> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p><i>Hs trả lời câu hỏi</i></p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức: <p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản</p> <p>Mục tiêu: <i>Cảm nhận được vẻ đẹp phẩm chất, tính cách, tài năng của Trần Quốc Tuấn.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện: <i>bảng phụ, máy chiếu</i> - Kỹ thuật dạy học: <i>Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi</i> - Hình thức tổ chức: <i>hoạt động nhóm.</i> - Các bước thực hiện: 	<p>I- Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngô Sĩ Liên (?.....?), người làng Chúc Lí, huyện Chương Đức (nay là Chúc Sơn, Chương Mỹ) Hà Tây. - Đỗ tiến sĩ năm 1442 dưới triều Lê Thái Tông, được cử vào Viện Hàn lâm. - Các chức danh của ông: Hữu thị lang bộ Lễ, Triều liệt đại phu kiêm Tư nghiệp Quốc Tử Giám, Tu soạn Quốc sử quán. <p>2. Tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại Việt sử kí toàn thư: bộ chính sử lớn của Việt Nam thời trung đại do ông biên soạn và hoàn tất năm 1479, gồm 15 quyển,.... => Thể hiện tinh thần dân tộc mạnh mẽ, vừa có giá trị sử học, vừa có giá trị văn học. <p>II. Đọc - hiểu</p> <p>1. Văn bản</p> <p>2. Phân tích</p> <p>a. Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn là vị anh hùng dân tộc, tài cao, đức trọng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất nổi bật của Trần Quốc Tuấn là “trung quân ái quốc”:

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Hoạt động cá nhân: xem lại văn bản và bố cục</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm:</p> <p><u>Nhóm 1</u>: Hình ảnh Trần Quốc Tuấn trong tác phẩm là một người như thế nào?</p> <p>+ Tài năng, nhân cách, lối sống?</p> <p><u>Nhóm 2</u>: Chi tiết nào thể hiện Trần Quốc Tuấn là vị tướng tài ba, mưu lược?</p> <p><u>Nhóm 3</u>: Đức độ của Trần Quốc Tuấn được thể hiện như thế nào trong tác phẩm?</p> <p><u>Nhóm 4</u>: Ngô Sĩ Liên sử dụng nghệ thuật khắc họa nhân vật lịch sử như thế nào? Tác dụng của nghệ thuật kể chuyện?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức:
---	--

+ Phẩm chất sáng ngời khi ông phải giải quyết những mối mâu thuẫn giữa *hiếu* và *trung*, giữa tình nhà và nợ nước.

+ Đặt trung lên trên hiếu, nợ nước trên tình nhà (Hiếu với nước, với dân mới là đại hiếu)

+ Trước lời cha dặn: “Con mà không vì cha lấy được thiên hạ thì cha dưới xuôi

vàng cũng không nhắm mắt được”, ông “để điều đó trong lòng, nhưng không cho là phải”.

+ Khi vận nước ở trong tay, ông vẫn một lòng trung nghĩa với vua Trần.

+ Thái độ, hành động của Trần Quốc

Tuấn: “cảm phục đến khóc”; “khen ngợi” Yết Kiêu, Dã Tượng; “rút gươm kẻ tội”, “định giết” Trần Quốc Tảng càng tôn lên tấm lòng trung nghĩa của ông.

+ Lòng yêu nước thể hiện qua câu nói đầy dũng khí: “Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hãy hàng”.

- Ông là vị tướng tài ba mưu lược với tầm nhìn xa rộng:

+ Tâu trình vua cách dùng binh và thượng sách giữ nước. Soạn sách binh gia lưu truyền răn dạy đời sau.

+ Tư tưởng thân dân của bậc lương thần

thể hiện ở chủ trương “khoan sức dân”, ở việc chú trọng tới vai trò, sức mạnh đoàn kết toàn dân.

+ Chiêu hiền đãi sĩ, môn khách của ông nhiều người giỏi chính sự và nổi tiếng về

văn

chương

.

- Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn là người có đức độ lớn lao:

+ Là thượng quốc công, được vua

đãi rất mực nhưng ông luôn kính cẩn, khiêm nhường “giữ tiết làm tôi”,

+ Người đời ai cũng ngưỡng mộ (hiền linh phò trợ nhân dân), giặc Bắc phải nể

phục.

b. Nghệ thuật khắc họa nhân vật lịch sử sắc nét sống động:

- Trần Quốc Tuấn được xây dựng trong

nhiều mối quan hệ và đặt trong những

<p>Thao tác 3: Giáo viên hướng dẫn học sinh tổng kết bài học. Mục tiêu: Tổng kết nội dung và nghệ thuật của bài "Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn" từ đó cảm nhận được vẻ đẹp phẩm chất, tính cách, tài năng của Trần Quốc Tuấn. - Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chuyển giao nhiệm vụ: + Nội dung? + Nghệ thuật? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ. * Hoạt động cá nhân ghi câu trả lời vào giấy nháp. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p>	<p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm</p>
--	--

tình huống thử thách:

- + Đối với nước: sẵn sàng quên thân;
- + Đối với vua: hết lòng hết dạ;
- + Đối với dân: quan tâm lo lắng;
- + Đối với tướng sĩ dưới quyền: tận tâm dạy bảo;
- + Đối với con cái: nghiêm khắc giáo dục;
- + Đối với bản thân: khiêm tốn, giữ đạo trung,...

=> Cách kể này mạch lạc, khúc chiết, giữ

được tính logic của những câu chuyện nhưng vẫn sinh động, hấp dẫn, có tác dụng làm nổi bật chân dung nhân vật.

III. Tổng kết:

1. Nội dung

- Đề cao và ca ngợi vị anh hùng dân tộc

Trần Quốc Tuấn.

- Trần Quốc Tuấn là nhà chính trị - quân sự lỗi lạc của dân tộc, đặc biệt luôn nêu cao tinh thần trung quân ái quốc, sẵn sàng xả thân vì đất nước.

2. Nghệ thuật

- Kể chuyện lịch sử rất đặc sắc.
- Khắc họa hình tượng nhân vật sâu sắc.
- Lập luận chặt chẽ, logic, gợi biểu cảm.

<p>- Chốt kiến thức:</p> <p>Thao tác 4: gv hướng dẫn hs tìm hiểu nhân vật Trần Thủ Độ</p> <p><i>Mục tiêu: Cảm nhận được vẻ đẹp phẩm chất, nhân cách của Trần Thủ Độ.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: xem lại văn bản, bố cục, tình huống... * Hoạt động nhóm: <p>GV chia lớp thành 4 nhóm:</p> <p><u>Nhóm 1; Nhóm 2:</u> Ngô Sĩ Liên khắc họa nhân vật Trần Thủ Độ qua những tình tiết nào? Nêu nhận xét về ứng xử của Trần Thủ Độ?</p> <p><u>Nhóm 3; Nhóm 4:</u> Nhận xét khái quát về nhân cách Trần Thủ Độ? Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện của tác giả?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ. * Hoạt động nhóm: <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p>	<p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Gv:</p>
---	---

&*****&

THÁI SƯ TRẦN THỦ ĐỘ

I- Tìm hiểu

chung

- Tham khảo bài Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.

II- Đọc -

hiểu

1. Văn bản

(SGK)

2. Phân

n

tích

a. Nhân cách Trần

Thủ Độ:

- Ngô Sĩ Liên thể hiện nhân cách Trần Thủ Độ qua bốn tình tiết:

+ Có người hặc tội ông chuyên quyền, ông không thù oán, tìm cách trừng trị,

ngược lại Trần Thủ Độ công nhận và tán thưởng. Ông là người phục thiện, công minh, độ lượng và có bản lĩnh.

+ Trần Thủ Độ không bênh vợ mà tìm hiểu rõ sự việc, khen thưởng việc làm đúng phép nước. Ông là người tôn trọng pháp luật, chí công vô tư, không thiên vị

người thân (vợ mình).

+ Trần Thủ Độ dạy cho tên chạy chọt chức câu đương một bài học: muốn làm chức quan ấy hẳn phải chặt một ngón

chân để phân biệt với những người khác do xứng đáng mà được cử.

Ông là người

giữ gìn sự công bằng của phép nước, bài từ tể nạn chạy chọt, đút lót, dựa dẫm thân thích.

+ Đề nghị vua chọn một trong hai anh em ông làm tướng, nếu cả hai cùng cầm quyền sẽ chia bè kéo cánh làm rối loạn việc triều chính. Ông đặt việc công lên hàng đầu, không tư lợi, gây bè kéo cánh.

=> Trần Thủ Độ là người bản lĩnh và nhân cách: thẳng thắn cầu thị, độ lượng,

- Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm
- Chốt kiến thức:

Thao tác 5: Giáo viên hướng dẫn học sinh tổng kết bài học.

Mục tiêu: Tổng kết nội dung và nghệ thuật của từ đó cảm nhận được vẻ đẹp phẩm chất, tính cách, tài năng của Thái sư Trần Thủ Độ.

- Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu
- Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi
- Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm.
- Các bước thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chuyển giao nhiệm vụ:

- + Nội dung?
- + Nghệ thuật?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.

* Hoạt động cá nhân ghi câu trả lời vào giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo

kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv:

- Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm
- Chốt kiến thức:

ng nghiêm minh đặc biệt là chí công vô tư.
b. nghệ thuật kể chuyện của Ngô Sĩ Liên:

- Tạo tình huống giàu kịch tính;
- Chọn chi tiết đắt giá cho những tình huống truyện đẩy đến cao trào và giải quyết bất ngờ.

III- Tổng kết

1. Nội dung

- Đề cao và ca ngợi vị anh hùng dân tộc Trần Thủ Độ qua bài học..
- Trần Thủ Độ là nhà chính trị - quân sự lỗi lạc của dân tộc, đặc biệt luôn nêu cao tinh thần trung quân ái quốc, sẵn sàng xả thân vì đất nước.

2. Nghệ thuật

- Kể chuyện lịch sử rất đặc sắc.
- Khắc hoạ hình tượng nhân vật sâu sắc.
- Lập luận chặt chẽ, logic, gợi biểu cảm.

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<i>Kỹ thuật Đặt câu hỏi, Trình bày 1 phút</i>	<i>Gợi ý:</i> **Lễ thường: Chối cãi, biện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1: Cách xử trí, thái độ của Trần Thủ Độ với người hặc tội mình có gì khác thường? Điều đó cho thấy ở ông phẩm chất gì?

Câu 2: Tại sao Trần Thủ Độ lại sai người bắt tên quân hiệu? Hắn có bị ông trừng trị như dự đoán của người đọc ko? Cách kết thúc bất ngờ đó có ý nghĩa gì?

Câu 3: Nhận xét về tính cách của Trần Thủ Độ qua câu chuyện về cái giá của chức câu đương

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.

* Hoạt động cá nhân ghi câu trả lời vào giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

minh, Thù oán,

trừng trị, kẻ hặc tội

*****Cách xử trí của Trần Thủ Độ***

+Dứt khoát công nhận, khẳng định sự thật “Đúng...”

+Ban thưởng cho kẻ hặc tội.

- Vua Trần đem người hặc tội đến và nói rõ lời của kẻ đó với Trần Thủ Độ. Tình huống này mang tính chất của một cuộc đối chất ba mặt một lời.

- Trái với lẽ thường, những hành động, cách xử trí của Trần Thủ Độ khiến vua Trần ngạc nhiên và khâm phục, kẻ hặc tội vừa sợ hãi vừa khâm phục. Vì cả hai người đó chưa hiểu hết tâm lòng và ý chí của Trần Thủ Độ. Trong tình thế vua Trần còn nhỏ, triều đình nhà Trần mới lập, ông ko thể ko chuyên quyền nhưng sự thực, ông tự biết mình ít học, võ biên, mưu mô quyền biến, ko hề có chí làm vua, chỉ có lòng hết sức giúp vua mà thôi. Ông nói với vua như vậy để nhà vua ko còn mối ngờ vực...

Tính cách: trung thực, thẳng thắn, công minh, độ lượng và giàu bản lĩnh.

Câu 2: Gợi ý:

**** Câu chuyện thứ hai: Bắt tên quân hiệu***

- Nguyên nhân: trước yêu cầu và lời nói khích của Linh Từ Quốc Mẫu, Trần Thủ Độ cá giận, sai đi bắt ngay tên lính xác lão phạm thượng.

- Cách xử trí: sau khi nghe lời trình bày sự thật, ông khen ngợi anh lính và còn ban thưởng vàng lụa Cách giải quyết vẹn cả đôi bên, công bằng và gây bất ngờ cho người đọc.

Bà vợ hài lòng và ko thể tiếp tục lợi

	<p>dụng địa vị của chồng để làm khó kẻ dưới.</p> <p>Đem đến sự công bằng cho tên quân hiệu, khuyến khích kẻ dưới giữ nghiêm phép nước dù có làm ảnh hưởng đến người thân của mình.</p> <p>Tính cách: chí công vô tư, tôn trọng pháp luật.</p> <p><u>Câu 3:</u> - Trần Thủ Độ nhận lời xin riêng cho một người nhà làm chức câu đương, lại cẩn thận ghi tên và quê quán của kẻ đó.</p> <p>- Đến khi gặp mặt, ông lại nói với kẻ đó: “Người vì...được”.</p> <p>Có thể ông sẽ cho hắn làm chức câu đương thực mà còn có thể được ưu tiên thêm nữa vì là người nhà xin cho.</p> <p>- Nhưng khi ông nói nốt về còn lại kết thúc thật bất ngờ, kịch tính.</p> <p>Đó chỉ là lời cảnh báo răn đe nghiêm khắc để người kia hoảng vía mà xin tha, mà nhớ đời, bỏ hẳn thói nhờn vả, chạy chọt. Đồng thời đó cũng là cách răn vợ ko được dựa quyền thế để làm việc công theo ý mình.</p> <p>Tính cách: chí công vô tư, kiên quyết trừng trị nạn chạy chức, chạy quyền, đút lót, hối lộ, dựa dẫm thân thích và giữ công bằng của pháp luật.</p> <p><u>* Câu chuyên thứ tư tác giả đặt ra vấn đề gì?</u></p> <p><u>An Quốc hay là thân?</u></p> <p>- Đặt ra yêu cầu lựa chọn và trọng dụng hiền tài đúng mực cho nhà vua.</p> <p>- Câu hỏi hay lời than :”Nếu anh em cùng là tướng thì việc trong triều sẽ ra sao” sự cảm khái và dứt khoát của Trần Thủ Độ.</p> <p>Tính cách: thẳng thắn, cương trực, đặt</p>
--	---

	lợi ích của quốc gia dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, gia đình.
--	--

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về bài học <i>khoan thư sức dân</i> của Hưng Đạo Vương trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :</p> <p>-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;</p> <p>-Nội dung:</p> <p>+ <i>Tư tưởng khoan thư sức dân</i> của Hưng Đạo Vương là biết thương yêu dân, trọng dân và chăm lo cho dân hết mực.</p> <p>+ Những biểu hiện cụ thể <i>khoan thư sức dân</i> trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay: trong lãnh đạo, Đảng ta luôn phát huy truyền thống <i>lấy dân làm gốc</i> của cha ông. Đó là chăm lo đời sống vật chất và văn hoá tinh thần cho nhân dân, nhất là những đồng bào nơi đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc, miền núi, hải đảo xa xôi</p> <p>+ Phê phán tệ nạn tham ô, tham nhũng, lãng phí, những kẻ sống trên mồ hôi nước mắt của nhân dân.</p> <p>+ Bài học nhận thức và hành động: thể hiện lòng biết ơn nhân dân, đóng góp sức mình trong xây dựng và bảo vệ cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.</p>

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÀI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
? Suu tầm thêm một số câu chuyện về Hưng Đạo Đại Vương TQT.	- Học sinh làm ở nhà.

.....

.....

.....
.....
.....
Tuần:

Tiết: 68 – 69

Môn: Đọc Văn

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

CHUYỆN CHÚC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN

-Nguyễn Dữ -

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- Tên bài học: CHUYỆN CHÚC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: chính nghĩa chiến thắng gian tà...

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1- Về kiến thức

-Thấy được tính cách dũng cảm, kiên cường của nhân vật Ngô Tử Văn- đại diện cho chính nghĩa chống lại những thế lực gian tà

-Thấy được nghệ thuật kể chuyện sinh động, hấp dẫn, giàu kịch tính của tác giả Truyền kì mạn lục

2- Về kĩ năng: Đọc hiểu văn truyện truyền kì

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ: Bồi dưỡng thêm lòng yêu chính nghĩa và niềm tự hào về người trí thức nước Việt

b. Phẩm chất

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Khởi động: Gv chiếu hình ảnh về chuyện người con gái Nam Xương</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? GV yêu cầu Hs đoán tên tác phẩm? Nêu Các thể loại của VHTĐ.</p> <p>Bước 2: học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả</p> <p>Bước 4: gv nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:</p> <p>- GV chuyển vào bài: Trong chương trình Ngữ Văn lớp 9- THCS, các em đã được học tác phẩm <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>, là một trong hai mươi câu chuyện trong <i>Truyền kì mạn lục</i> của Nguyễn Dữ. Hôm nay, chúng ta lại cùng tìm hiểu về một câu chuyện nữa trong tập truyện kí đó của ông. Đó là <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>, một tác phẩm ca ngợi những nho sĩ, trí thức khảng khái, chính trực vì nghĩa lớn chống gian tà. Đồng thời qua lớp vỏ của yếu tố kì ảo, chúng ta cũng phần nào thấu hiểu được cốt lõi hiện thực lịch sử đương thời.,</p>	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
Thao tác 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm	I. Tìm hiểu chung

<p>- Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét chính về tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm Truyền kì mạn lục</p> <p>- Phương tiện: máy chiếu</p> <p>- Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi.</p> <p>- Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.</p> <p>- Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến tác giả Nguyễn Dữ.</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào phần tiểu dẫn / SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy cho biết, phần tiểu dẫn và những hình ảnh tư liệu trên màn hình máy chiếu cung cấp cho các em những hiểu biết cơ bản gì về tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm Truyền kì mạn lục(Thể loại, nội dung? Ý nghĩa...?)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học</p>	<p>sinh đọc hiểu văn bản</p> <p>(Tìm hiểu nhân vật Ngô Tử Văn)</p> <p>Mục tiêu: Cảm nhận được tính cách, hành</p>
---	---

1. Tác giả

- Nguyễn Dữ (?....?) sống vào khoảng thế kỉ XVI, người xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân (nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương).
- Xuất thân trong 1 gia đình khoa bảng (cha đỗ tiến sĩ đời Lê Thánh Tông).
- Thi đỗ và ra làm quan nhưng không lâu sau ông cáo quan về ở ẩn.

2. Truyền kì - Truyền kì mạn lục

- a. Truyền kì: là thể văn xuôiit rung đại, phản ánh hiện thực qua những yếu tố kì lạ, hoang đường.
- b. Truyền kì mạn lục:
 - Số lượng tác phẩm không nhiều, tiêu biểu là Truyền kì mạn lục gồm 20 truyện.
 - Viết bằng chữ Hán, nội dung phản ánh hiện thực xã hội phong kiến đầy bất công đương thời. Bằng ngòi bút nhân đạo, tác giả khẳng định quan niệm sống “lánh đục về trong” của bản thân và lớp trí thức ẩn dật cùng thời. Giá trị nhân bản của tác phẩm còn là tinh thần dân tộc, bộc lộ niềm tự hào nhân tài, văn hóa nước Việt.

II. Đọc - hiểu văn bản

1. Nhân vật Ngô Tử Văn:

- a. **Tính cách:** là cương trực, dũng cảm

<p><i>động của Ngô Tử Văn.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu</i> - <i>Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi</i> - <i>Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm.</i> - <i>Các bước thực hiện:</i> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: xem lại bố cục văn bản. * Hoạt động nhóm: <p>GV chia lớp thành 4 nhóm cùng thực hiện yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính cách nổi bật của Ngô Tử Văn là gì? - Thể hiện ở những điểm nào? - Dẫn chứng cụ thể? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ. * Hoạt động nhóm: <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức:
--	---

Gv:

đấu tranh vì chính nghĩa (tình tiết, sự kiện...)

- Trước hết, tính cách Ngô Tử Văn thể hiện qua lời kể của tác giả: “Chàng vốn khảng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực”.

b. Hành động đốt đền tà:

- Ngay khi mới xuất hiện, tính cách Ngô Tử Văn đã bộc lộ khá rõ với thái độ không run sợ trước lời đe dọa của tên hung thần. Hành động của Tử Văn châm lửa đốt ngôi đền thiêng: “rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ khấn trời, rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, lo sợ thay cho Tử Văn, nhưng chàng vẫn vùng tay không cần gì cả”.

+ Phản ứng của Tử Văn trước thói xấu, thói ác nhanh chóng, mạnh mẽ, dứt khoát.

+ Hành động: “tắm gội sạch sẽ” trước khi đốt đền, “vùng tay không cần gì cả” sau khi đốt đền chứng tỏ Tử Văn quyết đấu, quyết sống mái với kẻ gian tà, dù đối thủ của Tử Văn là kẻ nào cũng phải kinh sợ.

Thao tác 2: Tìm hiểu cuộc xử kiện

Mục tiêu: Nắm được diễn biến, kết quả, ý nghĩa cuộc xử kiện ở Minh Ti

- *Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu*
- *Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi*
- *Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm.*
- *Các bước thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chuyển giao nhiệm vụ:

* Hoạt động cá nhân: xem lại văn bản, hiểu, tìm dẫn chứng.

* Hoạt động nhóm:

GV chia lớp thành 4 nhóm:

Nhóm 1; Nhóm 2: Diễn biến cuộc xử kiện?

Nhóm 3; Nhóm 4: Kết quả và ý nghĩa cuộc xử kiện?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.

* Hoạt động nhóm:

- HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp.
- HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện

Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Gv:

- Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm
- Chốt kiến thức:

c. Cuộc xử kiện ở Minh Ti:

- Ở chốn âm cung, do chỉ nghe bên nguyên, Diêm Vương - vị quan toà xử kiện, người cầm cân công lí - cũng đã có lúc tỏ ra hồ đồ.

+ Tử Văn gan dạ trước bọn quỷ Dạ Xoa nanh ác và quang cảnh đáng sợ nơi cõi âm.

+ Tử Văn tỏ thái độ cứng cỏi, bất khuất trước Diêm Vương đầy quyền lực.

+ Chàng không chỉ ‘kêu to”, khẳng định: “Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian”, mà còn dũng cảm vạch mặt tên bại tướng gian tà với lời lẽ “rất cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào”. Chàng chiến đấu đến cùng vì lẽ phải. Cứ từng bước, Ngô Tử Văn đã đánh lui tất cả sự phản công, kháng cự của kẻ thù, cuối cùng đánh gục hoàn toàn viên tướng giặc.

- Ngô Tử Văn với sự kiên định chính nghĩa của mình đã chiến thắng gian tà mang lại ý nghĩa:

+ Giải trừ được hậu họa, đem lại an lành cho nhân dân;

+ Diệt trừ tận gốc thế lực xâm lược tàn ác, làm sáng tỏ nỗi oan khuất và phục hồi danh vị cho Thổ thần nước Việt

d, Nhận chức phán sự đền Tản viên

Được tiến cử vào chức phán sự đền Tản Viên, đảm đương nhiệm vụ giữ gìn công lí.

2. Ý nghĩa tư tưởng: Chuyện chức phán sự đền Tản Viên

- Vạch trần bộ mặt gian tà của không ít kẻ đương quyền “quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thảm ngược”.

<p>Thao tác 3: Tổng kết</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> + Lên án một quan tham lại những đương thời + Đồng thời còn tố cáo mạnh mẽ hiện thực xã hội với “rễ ác mọc lan, khó lòng lay động”, “vì tham của đút” mà bênh vực cho kẻ gian tà. + Lời nói tự nhiên của Tử Văn với Thổ công: “Sao mà nhiều thần quá vậy?” - Tác giả đề cao phẩm chất người quân tử: Ngô Tử Văn là hình tượng tiêu biểu cho kẻ sĩ cương trực, khẳng khái, kiên quyết chống gian tà. - Nguyễn Dữ đã thể hiện sâu sắc tinh thần tự hào dân tộc: + Viên Bách hộ họ Thôi khi sống đã thất bại nhục nhã trên đất Việt, lúc chết thành hồn ma lần quất làm điều dối trá, càn bậy, nên lại tiếp tục ném mùi thất bại. Phải chăng đó là số phận chung cho những tên xâm lược? - Câu chuyện kết thúc với thắng lợi thuộc về Ngô Tử Văn: cội nguồn truyền thống nhân đạo và yêu nước của dân tộc Việt Nam chính nghĩa thắng gian tà, tinh thần dân tộc thắng ngoại xâm. <p><i>Phương pháp, kĩ thuật dạy học: kĩ thuật</i></p>
---	---

III. Tổng kết

1. Nội dung

- Chiến thắng của chính nghĩa trên mọi lĩnh vực trong cuộc sống của con người. Đây là niềm tin tất yếu cần có ở mỗi chúng ta
- Thể hiện niềm tự hào về những người trí thức Việt, những con người kiên định, dũng cảm luôn đứng về lẽ phải và công lí.
- Tố cáo hiện thực về xã hội đương

<p>khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</p> <p>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm. Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân suy nghĩ, tìm ra một nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật. * Hoạt động nhóm: - Học sinh thảo luận cặp đôi và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm vào phần xung quanh bảng phụ. - HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>thời với nhiều thủ đoạn, nhiều mảnh khoé,...</p> <p>2. Nghệ thuật - Sử dụng thành công yếu tố “ kì” và yếu tố “thực”: + Câu chuyện li kì, nhiều chi tiết khác thường thu hút người đọc; những xung đột ngày càng căng thẳng, dẫn đến cao trào, kết thúc có hậu, kẻ ác đền tội, người thiện được phục hồi và đền đáp. - Khắc họa tính cách nhân vật sâu sắc</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt								
<p><i>Mục tiêu: Hs luyện tập để nắm được những nét cơ bản nhất về bài học</i></p> <p><i>Hình thức: HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi:</i></p> <p><i>Phương pháp: Phát vấn, hoạt động nhóm</i></p> <p><i>B1: GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm</i></p> <p><i>B2: HS suy nghĩ, tìm đáp án.</i></p> <p><i>B3: HS trình bày</i></p>	<p>Luyện tập: Bài tập trắc nghiệm:</p> <p>.</p> <p>=></p> <table style="width: 100%;"> <tr> <td>Câu 1: A</td><td>Câu 6: A</td></tr> <tr> <td>Câu 2: B</td><td>Câu 7: C</td></tr> <tr> <td>Câu 3: B</td><td>Câu 8: A</td></tr> <tr> <td>Câu 4: B</td><td>Câu 9: A</td></tr> </table>	Câu 1: A	Câu 6: A	Câu 2: B	Câu 7: C	Câu 3: B	Câu 8: A	Câu 4: B	Câu 9: A
Câu 1: A	Câu 6: A								
Câu 2: B	Câu 7: C								
Câu 3: B	Câu 8: A								
Câu 4: B	Câu 9: A								

<p><i>B4: GV nhận xét chốt đúng/ sai, cho điểm.</i></p> <p>Câu 1: Nhận xét nào không thể hiện đúng đặc điểm cốt truyện, kết cấu của tác phẩm Chuyện chức phán sự đền Tản Viên?</p> <p>A. Mạch truyện phát triển theo nhiều hướng song cùng gặp nhau ở một điểm là tập trung thể hiện tư tưởng cốt lõi của tác phẩm: chính nghĩa chiến thắng gian tà.</p> <p>B. Truyện được mở đầu bằng một sự kiện gây ấn tượng mạnh đối với người đọc.</p> <p>C. Kết cấu của truyện rất giàu kịch tính với những tình tiết lôi cuốn.</p> <p>D. Truyện được kết thúc có hậu theo truyền thống chuyện kể thời trung đại.</p> <p>Câu 2: Định nghĩa nào đúng với "chức Phán sự" trong Chuyện chức phán sự đền Tản Viên của Nguyễn Dữ?</p> <p>A. Quan đứng đầu một tổng.</p> <p>B. Quan xem xét về các vụ kiện tụng, giúp việc cho người xử án.</p> <p>C. Quan xét xử các vụ tranh chấp, kiện tụng thời xưa.</p> <p>D. Quan quản hạt một địa phương.</p> <p>Câu 3: Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ là tác phẩm ra đời vào thế kỉ</p> <p>A. XIV.</p> <p>B. XVI.</p> <p>C. XV.</p> <p>D. XIII.</p> <p>Câu 4: Trong Chuyện chức phán sự đền Tản Viên của Nguyễn Dữ, chi tiết nào đóng</p>	<p>vai trò làm nền cho việc triển khai hàng</p>
--	---

Câu 5: C **Câu 10: A**

HS làm bài tập về nhà

loạt các chi tiết hoang đường, kì ảo?

A. Chi tiết tên Bách hộ đến đòi Tử Văn dựng trả ngôi đền.

B. Chi tiết Tử Văn thấy khó chịu, rồi nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét sau khi đốt đền.

C. Chi tiết lũ quỷ Dạ Xoa đến dẫn Tử Văn xuống âm phủ.

D. Chi tiết viên Thổ công đến nói với Tử Văn sự thực.

Câu 5:

Trong văn học Việt Nam, cho đến thế kỷ XVI có hai tác phẩm nổi tiếng thuộc thể loại truyền kỳ là

A. Truyền kỳ mạn lục (Nguyễn Dữ) và Lan Trì kiến văn lục (Vũ Trinh)

B. Truyền kỳ mạn lục (Nguyễn Dữ) và

Tân truyền kỳ lục (Phạm Quý Thích)

C. Truyền kỳ mạn lục (Nguyễn Dữ) và Thánh Tông di thảo (Lê Thánh Tông)

D. Truyền kỳ mạn lục (Nguyễn Dữ) và

Truyền kỳ tân phả (Đoàn Thị Điểm)

Câu 6:

Nhận xét nào dưới đây về Nguyễn Dữ là không chính xác?

A. Ông xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, từng đi thi và đã ra làm quan, nhưng không bao lâu thì từ quan lui về ở ẩn.

B. Ông là tác giả truyện truyền kì nổi tiếng nhất thời kì văn học trung đại Việt Nam.

C. Ông chưa rõ năm sinh, năm mất người xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân, nay thuộc huyện Thanh Miện, tỉnh Hải

Dương.

D. Ông sống vào khoảng thế kỉ XVI.

Câu 7:

Tên tác phẩm Truyền kì mạn lục của

Nguyễn Dữ có nghĩa là

- A. Tập sách ghi chép những chuyện kì lạ và được lưu truyền.
- B. Tập sách ghi chép những chuyện hoang đường.
- C. Tập sách ghi chép tản mạn những chuyện kì lạ và được lưu truyền.
- D. Tập sách ghi chép những chuyện kì lạ.

Câu 8:

Nhận định nào không chính xác về đặc điểm của thể loại truyện kì?

- A. Sức hấp dẫn của các truyện truyền kì nằm ở sự kết hợp của hai yếu tố hiện thực và kì ảo.
- B. Truyện kì là thể loại nội sinh, là sự sáng tạo độc đáo của văn học Việt Nam.
- C. Truyện truyền kì thể hiện khả năng tưởng tượng phong phú và năng lực sáng tạo hư cấu của nhà văn.
- D. Là thể loại tự sự dùng những yếu tố kì ảo làm phương thức phản ánh cuộc sống.

Câu 9:

Trong Chuyện chức phán sự đền Tản Viên của Nguyễn Dữ, Ngô Tử Văn đốt đền vì lí do gì?

- A. Vì muốn diệt trừ kẻ giả danh là thần mà lại tác yêu tác quái trong dân gian.
- B. Vì không tin vào điều mê tín, dị đoan.
- C. Vì muốn thể hiện thái độ cao ngạo của mình.
- D. Vì muốn giúp đỡ viên Thổ công.

Câu 10:

Dòng nào không nêu đúng đặc điểm của nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật Ngô Tử Văn trong Chuyện chức phán sự đền Tản Viên?

- A. Tác giả tập trung miêu tả chi tiết, sinh

động đặc điểm ngoại hình nhân vật.

B. Tác giả đưa ra những đánh giá,
nhận

xét trực tiếp về phẩm chất của nhân vật.

C. Tác giả miêu tả thái độ, cử chỉ, hành động của nhân vật trước những sự kiện, tình huống cụ thể để làm nổi bật tính cách nhân vật.

D. Tác giả chú trọng xây dựng ngôn ngữ nhân vật để thể hiện đậm nét tính cách các nhân vật đó.

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập ? Anh(chị) hãy tóm tắt ngắn gọn “Chuyện Chức phán sự đền Tản Viên”</p> <p>Bước 2: <i>Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>Bước 3: <i>Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: <i>Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p>	<p>Ngô Tử Văn tên Soạn, người huyện Yên Dũng đất Lạng Giang tính tình khảng khái, nóng nảy, thấy sự gian tà không chịu được. Trong làng có 1 ngôi đền thiêng nhưng cuối đời nhà Hồ, quân Ngô sang lấn cướp, tên Bách hộ họ Thôi là tên tướng giặc bại trận chết ở đó rồi làm yêu làm quái trong dân gian. Tử Văn tức giận đốt đền làm tướng giặc mất nơi nương náu bèn hiện trong mơ đe dọa nhưng Tử Văn không sợ. Chiều tối có 1 người tự xưng là thổ công đến kể về việc bị cướp đền, tạm lánh ở đền Tản Viên và bày cho chàng cách ứng xử khi bị bắt xuống Minh ti. Đến đêm, Tử Văn bị quỷ sứ bắt đi. Chàng cứng cỏi vượt qua những áp lực, cản trở để làm rõ trắng đen và nỗ lực của chàng đã làm Diêm Vương sinh nghi cho người đến đền Tản Viên chứng thực. Quả đúng như lời Tử Văn nói nên Diêm Vương đã xử tội tướng giặc và cho Tử Văn sống lại. Thổ Công cảm kích, hiện về mời Tử Văn nhận chức phán sự đền Tản Viên. Chàng vui vẻ nhận lời</p>

<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Từ nhân vật Ngô Tử Văn trong <i>Chuyện Chức phán sự đền Tản Viên</i> của Nguyễn Dữ, viết đoạn văn ngắn(khoảng 200 chữ) bàn về đức tính cương trực của tuổi trẻ hôm nay. Chỉ ra những từ ngữ, câu văn tiêu biểu được sử dụng đúng theo yêu cầu sử dụng tiếng Việt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<p>rồi thu xếp việc nhà sau đó không bệnh mà mất.</p> <p>Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ; -Nội dung : Từ đức tính cương trực của nhân vật Ngô Tử Văn, thí sinh liên hệ đến đức tính cương trực trong cuộc sống. Cụ thể : <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích: Cương trực là cứng cỏi và ngay thẳng. Người cương trực là người giữ mình trong sạch, giữ tiết tháo, không cầu danh lợi. + Ý nghĩa của đức tính: cương trực thể hiện một con người mạnh mẽ, không run sợ trước cái ác, cái xấu. Vì thế, họ luôn có niềm tin làm nên chiến thắng, vượt qua mọi thử thách của hoàn cảnh, biết đấu tranh đến cùng trước những thế lực xấu xa. + Phê phán lối sống giả tạo, nhụt chí, yếu hèn + Bài học nhận thức và hành động cho bản thân : hiểu được ý nghĩa của đức tính cương trực, biết đấu tranh phê bình và tự phê bình, tích cực tu dưỡng, rèn luyện đạo đức.
---	---

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÀI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Tìm đọc thêm một số truyện của 	<ul style="list-style-type: none"> + Vẽ đúng bản đồ tư duy + Sưu tầm trên mạng, sách ở thư viện;

Nguyễn Dữ

-HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Tiết: 70

Môn: Làm Văn

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

TRẢ BÀI VIẾT SỐ 5

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- Tên bài học: **TRẢ BÀI VIẾT SỐ 5**

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: có kĩ năng làm đọc hiểu và văn thuyết minh.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức: Nhận rõ những ưu, nhược điểm về nội dung và hình thức của bài viết

2. Kĩ năng:

Kĩ năng làm bài theo đúng yêu cầu về thể loại, chính xác về nội dung, tư liệu

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ

- Rút ra bài học kinh nghiệm và có ý thức bồi dưỡng thêm năng lực viết văn nghị luận để chuẩn bị tốt cho bài viết sau.

.b. Phẩm chất

- + Sống yêu thương:
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Phát triển năng lực

a. Năng lực chung

- + Năng lực tự học, tự giải quyết các vấn đề và sáng tạo.
- + Năng lực thẩm mỹ
- + Năng lực giao tiếp và năng lực hợp tác.

b. Năng lực riêng

- + Nâng cao năng lực phân tích đề, lập dàn ý.
- + Nâng cao khả năng nhận thức về các lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi diễn đạt trong bài văn nghị luận và rèn kĩ năng sửa chữa những lỗi cơ bản đó.
- + Nâng cao năng lực hợp tác, năng lực làm việc nhóm.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ Khởi động: Trình chiếu đề bài. Hoạt động khởi động: Bước 2: học sinh thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả Bước 4: gv nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: - GV chuyển vào bài: <i>Trong tiết học số 64, cô đã ra đề bài viết số 5 cho các em về nhà làm. Hôm nay, cô sẽ trả bài viết để các em nhận thấy rõ hơn những ưu, khuyết điểm của các em trong bài viết này, từ đó, rút kinh nghiệm cho những bài viết tiếp</i>	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
Thao tác 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và sửa chữa lỗi trong bài làm văn. - Mục tiêu: Học sinh biết cách nhận biết và sửa chữa lỗi trong bài làm của mình. - Kỹ thuật dạy học: Công não, thông tin - phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân	I. Đề bài PHẦN ĐỌC HIỂU: (3,0 điểm) Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi: Tôi lại nhìn, như đôi mắt trẻ thơ Tổ Quốc tôi. Chưa đẹp thế bao giờ! Xanh núi, xanh sông, xanh đồng, xanh biển. Xanh trời, xanh của những giấc mơ. (Vui thế hôm nay – Tố Hữu) Câu 1: (0,5đ) Chỉ ra phương thức biểu

<p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên trình chiếu đề lên, yêu cầu học sinh phân tích đề và lập dàn ý, từ đó, giúp học sinh nhận biết được những ưu, khuyết điểm trong bài làm của mình.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS: phân tích đề, lập dàn ý, đối chiếu với bài làm của mình để nhận ra ưu, khuyết điểm và tự sửa chữa.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS nêu lên những ưu điểm, khuyết điểm trong bài làm của mình.</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét bài làm của học sinh, giúp học sinh chữa lỗi.</p> <p>Bước 5: Chuyển giao nhiệm vụ mới.</p>	<p>đạt của đoạn thơ?</p> <p>Câu 2: (1,0đ) Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên? Tác dụng của biện pháp đó?</p> <p>Câu 3: (0,5) Nhận xét về các kiểu câu được sử dụng trong đoạn thơ trên?</p> <p>Câu 4:(1,0) Cảm nhận cảm xúc của nhà thơ được thể hiện trong đoạn thơ trên? (Hãy trình bày thành đoạn văn từ 7- 10 dòng)</p> <p>PHẦN VIẾT: (7,0 điểm)</p> <p>Hãy giới thiệu về nét đặc sắc của ngày Tết cổ truyền ở quê em.</p> <p>II/ HƯỚNG DẪN CHẤM</p> <p>PHẦN ĐỌC HIỂU:</p> <p>Câu 1: (0.5đ)Phương thức biểu đạt: Biểu cảm, miêu tả</p> <p>Câu 2: Biện pháp tu từ: (1,0đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh: “nhìn như đôi mắt trẻ thơ” => cảm nhận mới mẻ của nhà thơ về quê hương - Điệp từ: “Xanh” => Nhấn mạnh sức sống mới của quê hương <p>Câu 3: (0,5đ)Nhà thơ sử dụng linh hoạt các kiểu câu:</p> <p>Câu trần thuật, câu cảm than, câu rút gọn..</p> <p>Câu 4: (1,0đ)- Đoạn văn cần đảm bảo bố cục, có liên kết chặt chẽ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs cảm nhận được cảm xúc: vui sướng, tự hào của nhà thơ trước sự đổi mới tràn đầy sức sống của quê hương. <p>PHẦN VIẾT:</p>
--	--

1. Yêu cầu chung: - Học sinh biết cách làm bài nghị luận xã hội.

- Đảm bảo bố cục, triển khai các ý mạch lạc,

	<p>- Vận dụng tốt các thao tác lập luận;</p> <p>- Không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp;</p> <p>2. Yêu cầu cụ thể:</p> <p>a, Đảm bảo cấu trúc bài: (0,5đ)</p> <p>Có đầy đủ các phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề</p> <p>b, Xác định đúng đối tượng thuyết minh: Nét đặc sắc trong ngày Tết cổ truyền ở địa phương (1,0đ)</p> <p>c, Triển khai vấn đề thành các luận điểm,: (Gv có thể tham khảo gợi ý) (4,5đ)</p> <p>*Giới thiệu khái quát về đối tượng thuyết minh:</p> <p>*Giới thiệu cụ thể về đối tượng:</p> <p>+ Giới thiệu về địa phương nơi em ở: vị trí địa lí, đặc trưng trong lối sống của người dân.</p> <p>+ Thời gian diễn ra ngày tết cổ truyền là khi nào?</p> <p>+ Điểm nổi bật nhất của ngày tết ở quê em là gì? (miêu tả tỉ mỉ, tránh kể lể)</p> <p>+ Giá trị của điểm đặc sắc đó trong đời sống tinh thần của người dân địa phương</p> <p>*Khái quát lại bài viết, nêu suy nghĩ của bản thân</p> <p>d, Sáng tạo: (0,5đ)</p> <p>Thể hiện sự tìm tòi trong diễn đạt, dùng đa dạng các kiểu câu phù hợp với mục đích trình bày. Sử dụng từ ngữ có chọn lọc.</p> <p>e, Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu: (0,5đ)</p> <p>III. Nhận xét chung</p> <p>1. Ưu điểm.</p>
--	--

- Một số em bố cục bài viết mạch lạc, rõ

<p><i>Thao tác 2: Giáo viên rút kinh nghiệm về cách làm bài văn đọc hiểu văn bản và nghị luận xã hội</i></p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh rút kinh nghiệm, có kỹ năng làm bài tốt hơn.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu</i> - <i>Kỹ thuật dạy học: Công não, thông tin - phản hồi</i> - <i>Hình thức tổ chức: học sinh hoạt động độc lập.</i> - <i>Các bước thực hiện:</i> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>GV đặt vấn đề để học sinh tự nhận thức được những ưu, khuyết điểm, đưa ra những kinh nghiệm làm bài văn đọc hiểu văn bản và nghị luận xã hội.</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>HS: Tự rút ra những kinh nghiệm mình có được qua phần sửa chữa, nhận xét của giáo viên.</p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p>HS trình bày những kinh nghiệm để rèn kỹ năng làm bài văn nghị luận xã hội.</p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét - Chốt kiến thức: 	<p>ràng; hành văn lưu loát; biết cách thuyết minh.</p> <p>2. Nhược điểm: Một số bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết còn sơ sài, thiếu luận điểm. - Thiên về kể tả -> bài viết thiếu hấp dẫn - Bố cục chưa rõ ràng, hành văn còn vụng <p>* Chữa lỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lỗi : từ , câu, trình bày.... - Lỗi chính tả <p>IV. Trả bài và rút kinh nghiệm</p>
---	--

Tuần:

Tiết: 71-72

Môn: Làm
Văn Ngày
soạn:

SỞ GD&ĐT NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT TẠ UYÊN

BÀI VIẾT SỐ 6
Môn thi: NGỮ VĂN 10
(Thời gian làm bài: 90 phút,
không kể thời gian phát đề)

A. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Đánh giá năng lực Đọc hiểu và năng lực tạo lập văn bản của học sinh.

B. KHUNG MÃ TRẮNG THI

Mức độ NLĐG	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
------------------------	------------------	-------------------	-----------------	-------------------------	-------------

<p>I. Đọc hiểu</p> <p>- Ngữ liệu: 01 đoạn trích hoặc văn bản.</p> <p>- Tiêu chí:</p> <p>+ Dài khoảng 200 chữ.</p> <p>+ Nội dung gắn với tác giả được học trong chương trình</p>	<p>- Nhận biết:</p> <p>+ Phương thức biểu đạt của văn bản.</p> <p>+ Phong cách ngôn ngữ</p> <p>+ Biện pháp tu từ</p>	<p>- Khái quát được chủ đề, nội dung... của văn bản.</p> <p>- Hiểu được quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản.</p> <p>- Hiểu được nghĩa của từ, câu, hình ảnh... trong văn bản</p> <p>- Phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong văn bản</p>	<p>- Nhận xét, đánh giá tư tưởng, quan điểm, tình cảm... của tác giả trong văn bản.</p> <p>- Nhận xét về một giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản.</p> <p>- Rút ra bài học cuộc sống từ văn bản.</p> <p>- Trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản</p>		
--	--	---	--	--	--

<i>Số câu</i>	2	1	01		04
<i>Số điểm</i>	1,0	1,0	1,0		3,0
<i>Tỉ lệ</i>	10%	10%	10%		30%
II. Tạo lập văn bản				- Vận dụng kiến thức văn học để viết bài văn phân tích nhân vật hấp dẫn rõ ràng, rành mạch - Vận dụng kiến thức đọc hiểu và kĩ năng tạo lập văn bản để viết bài văn phân tích nhân vật hoàn chỉnh .	
<i>Số câu</i>				01	01
<i>Số điểm</i>				7,0	7,0
<i>Tỉ lệ</i>				70%	70%
Tổng cộng					
<i>Số câu</i>	02	01	01	01	05
<i>Số điểm</i>	1,0	,10	1,0	7,0	10,0
<i>Tỉ lệ</i>	10%	10%	10%	70%	100%

C. BIÊN SOẠN ĐỀ

PHẦN ĐỌC HIỂU: (3,0 điểm) Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Ai về thăm mẹ quê ta
 Chiều nay có đưa con xa nhớ thăm...
 Bầm ơi có rét không bầm!
 Heo heo gió núi, lâm thâm mưa
 phùn Bầm ra ruộng cấy bầm run
 Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ
 non Mạ non bầm cấy mấy đon
 Ruột gan bầm lại thương con mấy lần.
 Mưa phùn ướt áo tứ thân

Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu!
Bầm ơi, sớm sớm chiều chiều
Thương con, bầm chớ lo nhiều bầm
nghe!

Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm
Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.
(Tố Hữu)

Câu 1: Xác định thể thơ của đoạn thơ trên?(0,5 đ)

Câu 2: Xác định chủ đề của bài thơ?(0,5đ)

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của 2 trong số biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ trên?(1,0đ)

Câu 4: Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào?(Trình bày thành 1 đoạn văn từ 5-7 dòng)(1,0đ)

II/ Phần Làm Văn(7,0 điểm)

Anh (chị) hãy phân tích nhân vật Ngô Tử Văn trong tác phẩm *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (Trích *Truyện kỳ mạn lục*) của Nguyễn Dữ.

-----ĐÁP ÁN:

PHẦN ĐỌC HIỂU:

Câu 1: (0.5đ) Thể thơ: lục bát

Câu 2: (0,5đ) Chủ đề bài thơ: Viết về tình cảm chân thành của người chiến sĩ cách mạng với người mẹ quê tảo tần, thương con./ Viết về người mẹ, tình mẹ

Câu 3: Biện pháp nghệ thuật:(1,0đ)

- Sử dụng từ láy: heo heo, lâm thâm, sớm sớm chiều chiều => thấy được sự khắc nghiệt của thời tiết và nỗi vất vả của người mẹ.
- Điệp ngữ: “con đi”, “chẳng bằng”=> Nhấn mạnh khó nhọc của người mẹ

Câu 4: (1,0đ)

- Đoạn văn cần đảm bảo bố cục, có liên kết chặt chẽ
- Hs cảm nhận được hình ảnh người mẹ (bầm) hiện lên với sự tảo tần sớm hôm, luôn lo lắng cho con.

Phần Làm Văn:

a) Yêu cầu về kĩ năng:

Biết vận dụng những kiến thức, kĩ năng về nghị luận văn học để viết bài nghị luận văn học về một nhân vật văn học yêu thích. D/đặt mạch lạc, dùng từ, đặt câu chính xác, không mắc lỗi chính tả,...

b)Yêucầukiếnthức:

Hs có thể cảm nhận về một nhân vật yêu thích bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo được các ý sau:

- * Giới thiệu chung (1,5đ):
 - Khái quát về tác giả (nếu có) và tác phẩm.
 - Giới thiệu khái quát về nhân vật.
- * Cảm nhận về nhân vật:
 - Lai lịch, hoàn cảnh (1,5đ):
 - Đặc điểm về ngoại hình, tính cách (1,5đ):
 - Vẻ đẹp về nhân phẩm (2,5đ):
 - Vai trò của nhân vật trong tác phẩm (1,5đ):
- * Đánh giá về nhân vật (1,5đ)

Tiết: 73

Môn: Tiếng Việt

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

KHÁI QUÁT LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- Tên bài học: KHÁI QUÁT LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và

HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: quá trình phát triển của tiếng Việt gắn bó với lịch sử phát triển của dân tộc, của đất nước.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1- Về kiến thức

- Nắm được một cách khái quát những tri thức cốt lõi về cội nguồn, quan hệ họ hàng của tiếng Việt và quan hệ tiếp xúc giữa tiếng Việt với một số ngôn ngữ khác trong khu vực.

- Nhận thức rõ **quá trình** phát triển của tiếng Việt gắn bó với lịch sử phát triển của dân tộc, của đất nước.

2- Về kĩ năng: Rèn kĩ năng sử dụng tiếng Việt

3. Về thái độ, phẩm chất

a. *Thái độ*:- Ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tiếng Việt- tiếng nói của dân tộc: “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp”.

b. Phẩm chất

- + Sống yêu thương:
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ ? Nhắc lại những yêu cầu sử dụng tiếng Việt?</p> <p>Bước 2: học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả</p> <p>Bước 4: gv nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:</p> <p><u>*Giới thiệu bài mới:</u> Nhằm giúp các em nắm được một cách khái quát những tri thức cốt lõi về cội nguồn, quan hệ họ hàng của tiếng Việt và quan hệ tiếp xúc giữa tiếng Việt và một số ngôn ngữ khác trong khu vực và nhận thức những quá trình phát triển của tiếng Việt gắn bó với lịch sử phát triển của dân tộc của đất nước, ngày hôm nay chúng ta học bài “Khái quát lịch sử tiếng Việt”.</p>	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: I. Tìm hiểu chung</p> <p>- Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được lịch sử phát triển của tiếng Việt.</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Lịch sử phát triển của tiếng Việt</p> <p>- Tiếng Việt là ngôn ngữ của dân tộc Việt</p>

<p>- <i>Phương tiện: máy chiếu</i></p> <p>- <i>Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi.</i></p> <p>- <i>Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.</i></p> <p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và trả lời các câu hỏi nêu ở bên dưới, từ đó, rút ra nhận xét khái quát.</p> <p>- Nhóm 1:</p> <p>+ Tiếng Việt là gì?</p> <p>+ Hãy trình bày nguồn gốc và quan hệ hàng của tiếng Việt?</p> <p>- Nhóm 2:</p> <p>+ Trong thời kì dựng nước, tiếng Việt có đặc điểm thanh điệu như thế nào?</p> <p>+ Trình bày những nét cơ bản tiếng Việt trong thời kì Bắc thuộc?</p> <p>- Nhóm 3:</p> <p>+ Nêu những nét chính Tiếng Việt thời kì độc lập tự chủ ?</p> <p>+ Tiếng Việt từ cách mạng tháng tám đến nay có những điểm gì đáng lưu ý?</p> <p>- Nhóm 4:</p> <p>+ Qua các giai đoạn phát triển của tiếng Việt, anh (chị) có nhận xét gì?</p> <p>+ Về chữ viết anh (chị) có suy nghĩ gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc SGK, tìm hiểu yêu cầu của từng câu</p>	<p>Tiếng Việt giữ vai trò của ngôn ngữ có tính phổ thông. Nó là phương tiện giao tiếp giữa các dân tộc, là ngôn ngữ chính thức trong các lĩnh vực hành chính, ngoại giao, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật.</p> <p>2. Tiếng Việt trong các thời kì.</p> <p>2.1 Tiếng Việt trong thời kì dựng nước</p> <p>- Tiếng Việt có nguồn gốc rất cổ xưa.</p> <p>+ Các nhà nghiên cứu về tiếng Việt đã đi đến khẳng định:</p> <p>* Tiếng Việt là do dân tộc Việt trưởng thành từ rất sớm trên lưu vực sông Hồng và sông Mã trong xã hội có nền văn minh nông nghiệp đạt tới trình độ phát triển khá cao.</p> <p>* Về nguồn gốc họ hàng, tiếng Việt thuộc họ Nam á. Đó là ngôn ngữ có từ rất xưa trên một vùng rộng lớn Đông Nam, Châu á.</p> <p>* Họ ngôn ngữ Nam á phân chia thành một số dòng, trong đó có dòng Môn-Khme phân bố ở vùng cao nguyên nam Đông Dương và miền phụ cận bắc Đông Dương. Cụ thể là thuộc miền núi phía Bắc, dọc trường Sơn, Tây Nguyên, Campuchia, Mianma. Dòng Môn- Khme tách ra tiếng Việt-Mường (Việt Cổ). Cuối cùng tách thành tiếng Mường, tiếng Việt.</p> <p>Quá trình tách này còn để lại dấu vết có thể khảo sát được đó là sự so sánh giữa tiếng Việt với tiếng Mường, tiếng Việt với tiếng Môn- Khme. Ta có bảng so sánh sau đây:</p>
---	--

<p>hỏi.</p> <p>* Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận, rút ra nhận xét khái quát về lịch sử phát triển của tiếng Việt, cho ví dụ minh họa.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none">- HS trả lời câu hỏi.- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>Bảng so sánh một số từ giữa tiếng Việt và ngôn ngữ khác.</p> <table><tr><th>Từ</th><th>Tiếng Việt</th><th>T. Mường</th><th>T. Kh (Bana)</th></tr><tr><td>Ngày</td><td>Ngày</td><td>Ngài</td><td></td></tr><tr><td>Mưa</td><td>Mưa</td><td>Mươ</td><td></td></tr><tr><td>Trong</td><td>Trong</td><td>Tlong</td><td></td></tr><tr><td>Tay</td><td>Tay</td><td>Thay</td><td>đay, ti</td></tr><tr><td>Chim</td><td></td><td></td><td>Có ngu</td></tr></table> <p>sông, cá</p> <p>+ Không có hệ thống thanh điệu</p> <p>+ Ngoài phụ âm đơn còn có phụ âm kép, ví dụ: tl, kl, pl... (trúng  tlúng)</p> <p>+ Trong hệ thống phụ âm cuối có các âm như: -l, -h, -s...</p> <p>+ Ngữ pháp có sự kết hợp</p> <p>Từ được hạn định đặt trước từ hạn định</p> <p>Hoa đẹp, lúa xanh, ngựa trắng (đây là hình thức phân biệt tiếng Hán)</p> <p>2.2: Tiếng Việt trong thời kì Bắc thuộc (trước thế kỉ thứ X)</p> <p>- Tiếng Việt bị chèn ép bởi tiếng Hán.</p> <p>- Đây cũng là thời gian dân tộc ta phải đấu tranh để bảo tồn và phát triển tiếng nói của dân tộc. Bằng cách:</p> <p>+ Vừa mở rộng vốn từ vựng vừa Việt hóa ngôn ngữ Hán trên lĩnh vực âm</p> <p>đọc sau đó về mặt ý nghĩa và phạm vi</p>	Từ	Tiếng Việt	T. Mường	T. Kh (Bana)	Ngày	Ngày	Ngài		Mưa	Mưa	Mươ		Trong	Trong	Tlong		Tay	Tay	Thay	đay, ti	Chim			Có ngu	<p>sử dụng (đọc phiên âm chữ Hán). Ví dụ: Tâm, tài, đức, mệnh, độc lập, tự do, gia đình, hạnh phúc... Đây là</p>
Từ	Tiếng Việt	T. Mường	T. Kh (Bana)																							
Ngày	Ngày	Ngài																								
Mưa	Mưa	Mươ																								
Trong	Trong	Tlong																								
Tay	Tay	Thay	đay, ti																							
Chim			Có ngu																							

từ tiến
Khme

phương thức vay mượn phổ biến nhất.

- Nhiều từ ngữ Hán được Việt hóa dưới hình thức sao phỏng, dịch nghĩa ra tiếng Việt, ví dụ:

+ Đan tâm  lòng son

+ Cửu trùng  chín lần

Thanh thiên bạch nhật  trời xanh ngày trắng.

Thanh sử  sử xanh

Hình thức vay mượn, việt hóa làm cho Tiếng Việt ngày càng phong phú ở các thời kì sau này, cả ngày nay.

2.3: Tiếng Việt thời kì độc lập tự chủ

- Nho học phát triển, chữ Hán thịnh hành, nhưng ngôn ngữ tiếng Việt phát triển không ngừng.

+ Nhờ có ngôn ngữ văn hóa (thơ, văn, thể loại khác) càng làm cho tiếng Việt tinh tế, uyển chuyển.

- Đảng cộng sản Đông Dương ra đời, bản đề cương văn hóa Việt Nam được công bố 1943 (do đồng chí Trường Chinh khởi thảo), tiếng Việt góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền cách mạng, kêu gọi toàn dân giành độc lập, tự do, tiếng Việt càng phát triển dồi dào, đủ sức vươn lên, đảm đương trách nhiệm nặng nề.

- Trước 1942 nhiều nhà trí thức đã quan tâm tới việc nghiên cứu giảng dạy và phổ biến khoa học bằng tiếng Việt như giáo sư Hoàng Xuân Hãn

công bố quyền “Danh từ khoa học”
năm 1942.

2.4. Tiếng Việt từ cách mạng tháng tám đến nay.

- Sau cách mạng tháng tám, xây dựng thuật ngữ khoa học, chuẩn hóa tiếng Việt đã được tiến hành mạnh mẽ. Hầu hết các ngành khoa học hiện đại đều biên soạn được những tập sách thuật ngữ chuyên dùng. Theo ba cách thức.

+ Phiên âm thuật ngữ khoa học của phương tây.

+ Vay mượn thuật ngữ khoa học tiếng Trung Quốc

+ Đặt thuật ngữ thuần Việt.

Tất cả đều phù hợp với tập quán sử dụng ngôn ngữ của người Việt.

- Bản tuyên ngôn độc lập của Bác đã mở ra triển vọng, tiếng Việt có vị trí xứng đáng trong nước Việt Nam độc lập tự do. Nó đã thay thế hoàn toàn tiếng Pháp trong mọi lĩnh vực. Tiếng Việt được sử dụng và đưa vào trường phổ thông cho tới đại học, trên đại học, nhằm nâng cao dân trí, phát triển văn hóa, khoa học kỹ thuật.

- Tiếng Việt không ngừng phát triển và ngày càng phong phú, giàu có đáp ứng yêu cầu, thực hiện đầy đủ các chức năng đối với cuộc sống con người.

*** Nhận xét:**

- Trong quá trình phát triển, tiếng Việt không bị tiếng nước ngoài đồng hóa mà còn Việt hóa tự làm giàu cho mình.

- Chúng ta cần phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt bằng cách.

+ Hiểu đúng và dùng đúng tiếng Việt.

+ Chống thái độ tùy tiện khi sử dụng tiếng Việt.

+ Chống lạm dụng từ ngữ nước ngoài.

3. Chữ viết

- Thời kì người Việt cổ đã có chữ viết. Song ta chưa tìm thấy được. Sử sách Trung Quốc mô tả hình dạng chữ viết này: “trông như đàn nòng nọc đang bơi”.

- Chữ Nôm xuất hiện. Phương châm của chữ Nôm là ghi theo âm tiếng Việt. Vì chưa được chuẩn hóa nên chữ Nôm đã dừng lại, không phát triển mà thay vào đó là chữ quốc ngữ.

Ví dụ:

+ Chữ Nôm không đánh vần được, học chữ nào biết chữ ấy.

+ Muốn học chữ Nôm phải có vốn chữ Hán nhất định.

- Chữ quốc ngữ ra đời nửa đầu thế kỉ XVII. Dùng chữ cái la tinh ghi âm tiếng Việt. Lúc đầu nó chưa phản ánh cơ cấu ngữ âm tiếng Việt. Ví dụ:

Bó ngựa  vó

ngựa Blái núi 

trái núi M lời 

lời

- Đầu thế kỉ XX chữ Hán, chữ Nôm bị gạt bỏ khỏi lĩnh vực hành chính, học hành, thi cử. Chữ quốc ngữ được chú ý, đẩy mạnh. Người ta cổ động học chữ quốc ngữ. Đó là những người yêu nước trong phong trào Duy Tân.

“Trước hết phải học ngay quốc ngữ

Khởi đôi đường tiếng chữ khác

nhau

<p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng làm bài tập. - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc các yêu cầu của bài tập, thảo luận nhóm và trả lời.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: HS đọc bài tập và thực hiện yêu cầu. * Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn 	<p>Chữ ta ta đã thuộc lâu</p> <p>Nói ra nên tiếng nên câu nên lời”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong trào Đông Kinh nghĩa Thục cổ vũ học chữ quốc ngữ - Đảng ta chú ý tới phổ cập chữ quốc ngữ. - Chữ quốc ngữ đã thay thế toàn bộ từ chữ Hán, chữ Nôm, chữ Pháp. Đó là bước tiến vượt bậc của dân tộc. - Chữ quốc ngữ đơn giản, thuận tiện, dễ viết, dễ đọc, tuy nhiên phải chú ý đầy đủ về quy tắc chính tả. <p>II. Luyện tập</p> <p>Những từ ngữ Hán vay mượn đã được Việt hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nam  trai + Nữ  gái + Phụ nữ  đàn bà + lão phu  ông già + Lão phụ  bà già <p>Ưu điểm của chữ quốc ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chép âm thành từ. Ví dụ [l// a//m]² làm rất thuận tiện, đơn giản. + Tạo từ mới <p>Ví dụ: lơ  lơ mơ Lơ  lơ thơ</p>
--	--

Lơ 𠂔 𠂔

Lơ 𠂔 Lơ tha lơ thơ

+ Thay thế từ Hán đã Việt hóa

Đồng 𠂔 cùng

Mãn nguyện 𠂔 vừa lòng, thỏa lòng

<p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>Mãn hạn ☒ đủ hạn, hết hạn Mãn khóa ☒ hết khóa học Mãn kiếp ☒ hết kiếp</p> <p>Ba cách thức xây dựng thuật ngữ khoa học</p> <p>a. Phiên âm thuật ngữ khoa học phương tây.</p> <p>-----Goi tên các chất:</p> <p>+H₂SO₄ ☒ axits, suyen-phu- rích +HCL ☒ axít cờ- lo- hi -đờ- rích</p> <p>-----Goi tên đồ vật:</p> <p>Pê-đan ☒ bàn đập Gác-đờ-xen ☒ chấn xích Gác-đờ -bu ☒ chấn bunn Xa- phon ☒ xà phòng.</p> <p>b. Qua tiếng Trung Quốc</p> <p>Sinh tử ☒ sống chết Kiểm lâm ☒ bảo vệ rừng Môi sinh ☒ môi trường sống</p> <p>c. Đặt thuật ngữ thuần Việt</p> <p>- Vùng trời ☒ thay cho không phận - Vùng biển ☒ thay cho hải phận Đưa đồ lễ viếng ☒ thay cho phúng</p>
HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP	
Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng làm bài tập. - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá 	<p>Những từ ngữ Hán vay mượn đã được Việt hóa:</p> <p>+ Nam ☒ trai + Nữ ☒ gái</p>

<p><i>nhân, hoạt động nhóm.</i></p> <p><i>- Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc các yêu cầu của bài tập, thảo luận nhóm và trả lời.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc bài tập và thực hiện yêu cầu.</p> <p>* Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>+ Phụ nữ 𠂆 đàn bà</p> <p>+ lão phu 𠂆 ông già</p> <p>+ Lão phụ 𠂆 bà già</p> <p>Ưu điểm của chữ quốc ngữ</p> <p>+ Chép âm thành từ. Ví dụ [l// a//m]² làm rất thuận tiện, đơn giản.</p> <p>+ Tạo từ mới</p> <p>Ví dụ: lơ 𠂆 lơ</p> <p>mơ Lơ 𠂆 lơ thơ</p> <p>Lơ 𠂆 lơ lợ</p> <p>Lo 𠂆 Lơ tha lơ thơ</p> <p>+ Thay thế từ Hán đã Việt hóa</p> <p>Đồng 𠂆 cùng</p> <p>Mãn nguyện 𠂆 vừa lòng, thỏa lòng</p> <p>Mãn hạn 𠂆 đủ hạn, hết hạn</p> <p>Mãn khóa 𠂆 hết khóa học</p> <p>Mãn kiếp 𠂆 hết kiếp</p> <p>Mãn nguyệt khai hoa 𠂆 đủ tháng nở hoa, đến tháng sinh nở</p> <p>Mãn phục 𠂆 hết tang</p> <p>Mãn ý 𠂆 vừa ý, vừa lòng.</p> <p>Ba cách thức xây dựng thuật ngữ khoa học</p> <p>a. Phiên âm thuật ngữ khoa học phương tây.</p> <p>-----<u>Goitêncácchất:</u></p> <p>+H₂SO₄ 𠂆 axits, suyên-</p>
--	--

	<p>phu- rích</p> <p>+HCL ☐ axít cờ- lo- hi -đờ</p> <p>—rích</p> <hr/> <p>-----Gọi tên đồ vật:</p> <p>Pê-đan ☐ bàn đập</p> <p>Gác-đờ-xen ☐ chắn xích</p> <p>Gác-đờ —bu ☐ chắn bùn</p> <p>Xa- phon ☐ xà phòng.</p> <p>b. Qua tiếng Trung Quốc</p> <p>Sinh tử ☐ sống chết</p> <p>Kiểm lâm ☐ bảo vệ rừng</p> <p>Môi sinh ☐ môi trường</p> <p>sống</p> <p>c. Đặt thuật ngữ thuần Việt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vùng trời ☐ thay cho không phận - Vùng biển ☐ thay cho hải phận - Đưa đồ lễ viếng ☐ thay cho phúng - Chăm sóc, nuôi dưỡng ☐ thay cho phụng dưỡng
--	--

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÀI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p><i>Hình thức:</i> HS làm việc cá nhân ở nhà để trả lời câu hỏi:</p> <p><i>Mục tiêu:</i> Hs nắm được những nét cơ bản nhất về bài học</p> <p>GV Yêu cầu HS tìm hiểu, so sánh lịch sử phát triển của tiếng Việt với tiếng Anh mà các em đang học.</p>	Học sinh làm ở nhà.

.....
.....
.....
.....
Tuần:

Môn: Tiếng Việt

Tiết: 74

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

NHỮNG YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- **Tên bài học: NHỮNG YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT**

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và HS:**

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: các yêu cầu khi sử dụng TV..

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1- Về kiến thức Nắm được những yêu cầu về sử dụng tiếng Việt ở các phương diện: phát âm, chữ viết, dùng từ, đặt câu, cấu tạo văn bản và phong cách chức năng ngôn ngữ.

2- Về kĩ năng: - Vận dụng được những yêu cầu đó vào việc sử dụng tiếng Việt, phân tích được đúng - sai, sửa chữa được những lỗi khi dùng tiếng Việt.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ: Có thái độ cầu tiến, có ý thức vươn tới cái đúng trong khi nói và viết, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

b. Phẩm chất

+ Sống yêu thương:

- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Gv chiếu những hình ảnh, thông tin, nhận định về việc sử dụng tiếng Việt của giới trẻ hiện nay.</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ ? Nhận xét về cách dùng từ....</p> <p>Bước 2: học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Học sinh báo cáo kết quả</p> <p>Bước 4: gv nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:</p> <p>* Giới thiệu bài mới: Chúng ta đã có nhiều tiết chuyên đề tìm hiểu về các lỗi trong sử dụng tiếng Việt và tìm cách sửa chữa. Song thực tế ở các bài làm văn của các em vẫn tồn tại rất nhiều lỗi. Hôm nay, chúng ta lại tiếp tục trở lại những vấn đề trên.</p>	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
Thao tác 1: Tìm hiểu chung về sử dụng theo các chuẩn mực của tiếng Việt	I. Tìm hiểu chung về sử dụng theo các chuẩn mực của tiếng Việt

<p>- Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được yêu cầu chuẩn mực của tiếng Việt.</p> <p>- Phương tiện: máy chiếu</p> <p>- Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi.</p> <p>- Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.</p> <p>- Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và làm các bài tập nêu ở bên dưới, từ đó, rút ra nhận xét khái quát.</p> <p>- Nhóm 1: Bài tập về ngữ âm và chữ viết.</p> <p>- Nhóm 2: Bài tập về từ ngữ.</p> <p>- Nhóm 3: Bài tập về ngữ pháp.</p> <p>- Nhóm 4: Bài tập về phong cách ngôn ngữ.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc SGK, tìm hiểu yêu cầu của từng câu hỏi.</p> <p>* Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận, thống nhất đáp án</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>HS trả lời câu hỏi.</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p>	<p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>
---	---

1. Về ngữ âm và chữ viết

- Khi sân trường khô ráo, chúng em chơi đá cầu hoặc đánh bi.

- Tôi không có tiền lễ, anh làm ơn đổi cho tôi.

Nhân nha ✉ thông thả

Dung mờ ✉ nhưng mà

Giời ✉ trời

Bầu ✉ bảo

Bên trái là từ phát âm theo tiếng nói địa phương. Bên phải tương ứng với bên trái là ngôn ngữ toàn dân. Sự phát âm khác biệt này do thói quen của địa phương trong ngôn ngữ sinh hoạt.

2. Về từ ngữ

- “Chót lọt” dùng không chuẩn xác. Sửa là “chót”.

- “Truyền tụng” dùng không chuẩn xác. Sửa là truyền thụ.

- Sai về kết hợp từ chỉ có thể nói là “mắc các bệnh truyền nhiễm” chứ không nói “chết các bệnh truyền nhiễm”. Sửa là: Số người mắc các bệnh truyền nhiễm và chết giảm dần.

- Sai về kết hợp từ. Có thể nói “Những bệnh nhân được điều trị” chứ không nói “Những bệnh nhân được pha chế”. Sửa những bệnh nhân không cần phải mổ mắt, được điều trị bằng thuốc tra mắt do khoa được pha chế.

Các câu 2, 3, 4 viết đúng.

<p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>Câu 1, 5 sai</p> <p>Sửa câu 1: Anh ấy có một điểm yếu: không quyết đoán trong công việc</p> <p>Sửa câu 5: Tiếng Việt rất giàu âm thanh và hình ảnh, cho nên có thể nói đó là thứ tiếng rất sinh động và phong phú.</p> <p>3. Về ngữ pháp</p> <p>- Qua tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố đã cho ta thấy hình ảnh người phụ nữ nông thôn dưới chế độ cũ.</p> <p>+ Câu này thiếu C. Sửa có nhiều cách</p> <p>* Bỏ từ <i>của</i> để biến Ngô Tất Tố thành  C</p> <p>* Thêm từ <i>tác giả</i> sau Ngô Tất Tố.</p> <p>- Lòng tin tưởng sâu sắc của thế hệ cha anh vào lực lượng măng non và xung kích sẽ tiếp bước mình.</p> <p>+ Câu thiếu C. Thêm từ <i>đó là</i> trước từ <i>lòng</i>, thay <i>mình</i> bằng <i>họ</i> thêm những <i>lớp người</i>. “Đó là lòng tin tưởng sâu sắc của cha anh vào thế hệ măng non và xung kích những lớp người sẽ tiếp bước họ.</p> <p>Câu 1 giới thiệu chị em Thuý Kiều, Thuý Vân. Câu hai đột ngột nói về Kiều. Câu 3 nói về hai chị em. Câu 4 và 5 cũng vậy nói về sắc đẹp. Nhìn chung câu không sai. Nhưng sai ở sự gắn kết giữa các câu. Đó là sự lộn xộn và thiếu lôgic.</p> <p>Sửa lại: Thuý Kiều và Thuý Vân là</p>
---	---

<p>Thao tác 2: Tìm hiểu phần II. Sử dụng hay, đạt hiệu quả giao tiếp cao</p> <p>- <i>Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được yêu cầu sử dụng hay, đạt hiệu</i></p>	<p>hai người con của ông bà Vương Viên Ngoại. Họ sống êm đềm dưới mái nhà, hạnh phúc cùng cha mẹ. Thúy Kiều tài sắc vẹn toàn. Vẻ đẹp của nàng khiến cho hoa ghen, liễu hờn. Thúy Vân có vẻ đẹp đoan trang, thùy mị. Về tài, Thúy Kiều hơn hẳn Thúy Vân. Nhưng nàng đâu có được hưởng hạnh phúc.</p> <p>4. Về phong cách ngôn ngữ</p> <p>- Sửa là: 17h30 ngày 25/10 tại km 19 quốc lộ 1A đã xảy ra một vụ tai nạn giao thông. (bỏ từ Hoàng hôn chỉ đúng với phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Đây là văn bản nghị luận nên sửa là: rất, vô cùng)</p> <p>Truyện Kiều của Nguyễn Du đã nêu cao tư tưởng nhân đạo vô cùng cao đẹp.</p> <p>Trong lời nói của Chí Phèo có nhiều ngôn ngữ nói trong phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.</p> <p>+ Các từ xưng hô: Bẩm, cụ, con</p> <p>+ Thành ngữ: trời tru đất diệt, một thước cấm dùi</p> <p>+ Các từ mang sắc thái khẩu ngữ: Có giám nói gian, quả về làng về nước, chẳng làm gì nên ăn.</p> <p>- Không thể dùng lời lẽ của Chí Phèo trên đây vào đơn đề nghị. Bởi đơn đề nghị là phong cách ngôn ngữ hành chính.</p> <p>Tiểu dẫn SGK</p> <p>II. Sử dụng hay, đạt hiệu quả giao tiếp cao</p>
--	--

<p>quả giao tiếp cao của tiếng Việt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và làm các bài tập nêu ở bên dưới, từ đó, rút ra nhận xét khái quát.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Bài tập 1 - Nhóm 2: Bài tập 2 - Nhóm 3- Nhóm 4: Bài tập 3 <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: HS đọc SGK, tìm hiểu yêu cầu của từng câu hỏi. * Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi. * Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận, thống nhất đáp án <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>HS trả lời câu hỏi.</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của</p>	<p>các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p>
--	---

1/Bài tập 1:

Câu tục ngữ “chết đứng còn hơn sống quỳ”, các từ *đứng* và *quỳ* được dùng theo nghĩa chuyển. Đây không phải là tư thế, động tác của con người. Đó là hai ẩn dụ. “Chết đứng là chết hiên ngang, thể hiện khí phách cao đẹp. Còn “sống quỳ” là quy lụy, hèn nhát. Cách sử dụng ẩn dụ này làm cho câu văn có hình tượng, mang lại cảm nhận sâu sắc cho con người. Nếu nói “Sống vinh còn hơn chết nhục” thì câu tục ngữ mất đi tính hình tượng.

2. Bài tập 2:

- “Chiếc nôi xanh” và “máy điều hòa” là cách nói ẩn dụ. Hai vật thể này đều mang lại lợi ích cho con người. Tác giả đã hình tượng hóa sự biểu đạt để khẳng định môi trường cây cối đã mang lại lợi ích cho con người, góp phần bảo vệ sự sống. Diễn đạt như vậy thực sự đã tạo ra xúc cảm thẩm mỹ.

3. Bài tập 3:

- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Bác: “Ai... cứu nước”

+ Bác đã sử dụng phép đối Có/

không có

+ Phép điệp: “Ai có, súng, gươm, dùng gươm”.

+ Nhịp điệu: Súng dùng súng

Gươm dùng gươm

Tất cả những biện pháp nghệ thuật này tạo ra hiệu quả vừa nhấn mạnh

	<p>đánh địch bằng mọi vũ khí có trong tay của cuộc chiến tranh nhân dân, vừa biểu hiện sự mạnh mẽ, khỏe khoắn trong giọng văn hùng hồn vang dội, tác động tới người đọc người nghe.</p> <p>Phản ghi nhớ SGK</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>- <i>Mục tiêu:</i> Giúp học sinh nhận thức được yêu cầu sử dụng tiếng Việt, rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày.</p> <p>- <i>Phương tiện:</i> máy chiếu</p> <p>- <i>Kỹ thuật dạy học:</i> Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi.</p> <p>- <i>Hình thức tổ chức:</i> hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.</p> <p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>HS đọc SGK và làm các bài tập nêu ở bên dưới, từ đó, rút ra nhận xét khái quát.</p> <p>- Nhóm 1: Bài tập 1</p> <p>- Nhóm 2: Bài tập 2</p> <p>- Nhóm 3: Bài tập 3</p> <p>- Nhóm 4: Bài tập 4</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc SGK, tìm hiểu yêu cầu của từng câu hỏi.</p> <p>* Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi.</p>	<p>1. Bài tập 1:</p> <p>- Từ ngữ viết đúng là: Bàng hoàng, chất phác, bàng quan, lãng mạn, hữu trí, uống rượu, trau chuốt, nồng nàn, đẹp đẽ, chặt chẽ.</p> <p>2. Bài tập 2:</p> <p>- Dùng từ “hạng người” mang nét nghĩa xấu, Bắc đã thay vào đó bằng từ “lớp người” để phân theo tuổi tác không có nét nghĩa xấu.</p> <p>- Dùng từ “sẽ” đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê Nin và các vị cách mạng đàn anh khác” vừa nhẹ nhàng, vinh hạnh và hóm hỉnh hơn khi dùng từ “Phải đi gặp...” mang nét nghĩa bắt buộc nặng nề.</p> <p>3. Bài tập 3:</p> <p>Đoạn văn nghị luận bàn về một nét trong nội dung của ca dao: Đoạn văn đúng vì đề cập tới tình cảm của con người trong ca dao. Song các câu trong đoạn văn không liên kết, liền mạch, không thể hiện sự nhất quán.</p> <p>+ Giữa câu đầu và các câu sau</p> <p>Câu đầu đặt ra vấn đề tình yêu</p>

<p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận, thống nhất đáp án</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>HS trả lời câu hỏi.</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>nam nữ, các câu sau lại bàn về lĩnh vực tình cảm khác.</p> <p>+ Từ thay thế không rõ đối tượng  không cụ thể.</p> <p>Sửa là:</p> <p><i>Trong ca dao Việt Nam những bài nói về tình yêu nam nữ chiếm một số lượng khá lớn. Song còn có nhiều bài thể hiện tình cảm khác. Đó là tình cảm gia đình, đậm ấm gần bó cùng nhau trong tổ ấm. Đó là tình làng, nghĩa xóm. Tình yêu đó nồng nhiệt, đậm thắm và sâu sắc.</i></p> <p>4. Bài tập 4:</p> <p>- Câu văn được cấu trúc đầy đủ về ngữ pháp có C, V và bổ ngữ, thành phần phụ chủ. Song ta thấy nó vừa giàu biểu cảm và hình tượng. Thử làm việc so sánh. Nếu nhà văn Anh Đức (Bùi Đức ái) viết: “<i>chị Sứ rất yêu cái chốn này, nơi chị đã sinh ra, nơi chị đã lớn lên</i>”.</p> <p>Không sai nhưng thiếu hình tượng cụ thể và biểu cảm. Đây là cách viết hay: “Chị Sứ yêu biết bao nhiêu cái chốn này, nơi chị đã oa oa cất tiếng khóc đầu tiên, nơi quả ngọt, trái sai đã thấm hồng da dẻ chị”.</p> <p>Câu văn hay bởi dùng quán ngữ tình thái  biết bao nhiêu</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
------------------------	----------------------------

<p>- <i>Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được yêu cầu sử dụng tiếng Việt, rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày.</i></p> <p>- <i>Phương tiện: máy chiếu</i></p> <p>- <i>Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi.</i></p> <p>- <i>Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.</i></p> <p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>HS đọc SGK và làm các bài tập nêu ở bên dưới, từ đó, rút ra nhận xét khái quát.</p> <p>- Nhóm 1: Bài tập 1</p> <p>- Nhóm 2: Bài tập 2</p> <p>- Nhóm 3: Bài tập 3</p> <p>- Nhóm 4: Bài tập 4</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc SGK, tìm hiểu yêu cầu của từng câu hỏi.</p> <p>* Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận, thống nhất đáp án</p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p>	<p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p>
--	---

HS trả lời câu hỏi.

1. Bài tập 1:

- Từ ngữ viết đúng là: Bàng hoàng, chất phác, bàng quan, lãng mạn, hữu trí, uống rượu, trau chuốt, nồng nàn, đẹp đẽ, chặt chẽ.

2. Bài tập 2:

- Dùng từ “hạng người” mang nét nghĩa xấu, Bác đã thay vào đó bằng từ “lớp người” để phân theo tuổi tác không có nét nghĩa xấu.

- Dùng từ “sẽ” đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê Nin và các vị cách mạng đàn anh khác” vừa nhẹ nhàng, vinh hạnh và hóm hỉnh hơn khi dùng từ “Phải đi gặp...” mang nét nghĩa bắt buộc nặng nề.

3. Bài tập 3:

Đoạn văn nghị luận bàn về một nét trong nội dung của ca dao: Đoạn văn đúng vì đề cập tới tình cảm của con người trong ca dao. Song các câu trong đoạn văn không liên kết, liền mạch, không thể hiện sự nhất quán.

+ Giữa câu đầu và các câu sau

Câu đầu đặt ra vấn đề tình yêu nam nữ, các câu sau lại bàn về lĩnh vực tình cảm khác.

+ Từ thay thế không rõ đối tượng

không cụ thể.

Sửa là:

Trong ca dao Việt Nam những bài nói về tình yêu nam nữ chiếm một số lượng khá lớn. Song còn có nhiều bài thể hiện tình cảm khác. Đó là tình cảm gia đình, đầm ấm

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức gắn bó cùng nhau trong tổ ấm. Đó là tình làng, nghĩa xóm. Tình yêu đó nồng nhiệt, đậm thắm và sâu sắc.

4. Bài tập

4:

- Câu văn được cấu trúc đầy đủ về ngữ pháp có C, V và bổ ngữ, thành phần phụ chủ. Song ta thấy nó vừa giàu biểu cảm và hình tượng. Thử làm việc so sánh. Nếu nhà văn Anh Đức (Bùi Đức ái) viết: “*chị Sứ rất yêu cái chốn này, nơi chị đã sinh ra, nơi chị đã lớn lên*”.

Không sai nhưng thiếu hình tượng cụ thể và biểu cảm. Đây là cách viết hay: “Chị Sứ yêu biết bao nhiêu cái chốn này, nơi chị đã oa oa cất tiếng khóc đầu tiên, nơi quả ngọt, trái sai đã thắm hồng da dẻ chị”.

Câu văn hay bởi dùng quán ngữ tình thái  biết bao nhiêu

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Từ nhân vật Ngô Tử Văn trong <i>Chuyện Chức phán sự đền Tản Viên</i> của Nguyễn Dữ, viết đoạn văn ngắn(khoảng 200 chữ) bàn về đức tính cương trực của tuổi trẻ hôm nay.</p> <p>Chỉ ra những từ ngữ, câu văn tiêu biểu được sử dụng đúng theo yêu cầu sử dụng tiếng Việt.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :</p> <p>-Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;</p> <p>-Nội dung : Từ đức tính cương trực của nhân vật Ngô Tử Văn, thí sinh liên hệ đến đức tính cương trực trong cuộc sống. Cụ</p>

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	<p>thể</p> <p>: + Giải thích: Cương trực là cứng cỏi và ngay thẳng. Người cương trực là người giữ mình trong sạch, giữ tiết tháo, không cầu danh lợi.</p> <p>+ Ý nghĩa của đức tính: cương trực thể hiện một con người mạnh mẽ, không run sợ trước cái ác, cái xấu. Vì thế, họ luôn có niềm tin làm nên chiến thắng, vượt qua mọi thử thách của hoàn cảnh, biết đấu tranh đến cùng trước những thế lực xấu xa.</p> <p>+ Phê phán lối sống giả tạo, nhụt chí, yếu hèn</p> <p>+ Bài học nhận thức và hành động cho bản thân : hiểu được ý nghĩa của đức tính cương trực, biết đấu tranh phê bình và tự phê bình, tích cực tu dưỡng, rèn luyện đạo đức.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÀI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<i>Hình thức:</i> HS làm việc cá nhân ở nhà để trả lời câu hỏi:GV Yêu cầu HS tìm thêm các quy tắc sử dụng câu.	Học sinh thực hiện ở nhà.

.....

.....

.....

.....

Tuần:
Môn: Đọc Văn

Tiết: 75

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

HỒI TRÔNG CỔ THÀNH

(Trích “Tam Quốc Diễn

Nghĩa”)

- La Quán Trung –

Bước1:Xácđịnhvấnđềcàngiảiquyết :

- Tên bài học: HỒI TRÔNG CỔ THÀNH

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước2:Xácđịnhnộidung–chủđềbàihọc: tình nghĩa huynh đệ

Bước3:Xácđịnhmucđiêubàihọc.

1. Kiến thức: Giúp học sinh:

- Hiểu được tính cách bộc trực, ngay thẳng của Trương Phi cũng như tình nghĩa “ vườn đào ”cao đẹp, keo sơn gắn bó của ba anh em kết nghĩa – một biểu hiện riêng biệt của lòng trung nghĩa.

- Cảm nhận được không khí chiến trận qua đoạn trích

2. Kỹ

năng:

- Tìm hiểu văn bản thuộc thể tiểu thuyết chương hồi

- Phân tích, rút ra đặc điểm tính cách nhân vật

3. Về thái độ, phẩm chất

a. *Thái độ:* Rèn lối sống ngay thẳng, bộc trực, trung nghĩa

b. *Phẩm chất*

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Video - Kỹ thuật đặt câu hỏi 	<p>* Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem video clip và trả lời câu hỏi sau: Đoạn video nói đến những tác phẩm văn học nào? Ở đâu? Ra đời trong thời gian nào? <p>* HS thực hiện nhiệm vụ: trả lời, bổ sung</p> <p>* GV nhận xét, dẫn dắt:</p> <p>Văn học Minh Thanh là giai đoạn phát triển cuối cùng của tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc. Đây là thời kỳ nền văn học Trung Quốc khá đa dạng và phong phú, đạt nhiều thành công về nghệ thuật. Trong đó có sự lên ngôi của tiểu thuyết. Có thể kể đến những đỉnh cao tiêu biểu của tiểu thuyết Minh Thanh: Tây du kí, Hồng lâu mộng, Thủy Hử... trong đó Tam Quốc Diễn Nghĩa là tác phẩm phản ánh một thời kỳ dài đầy biến động của lịch sử Trung Quốc thời Tam quốc.</p> <p>Đoạn trích <i>Hồi Trống Cổ Thành</i> có kết cấu hoàn chỉnh và đầy kịch tính. Mặc dù dung lượng của nó rất ngắn so với sự đồ sộ của tác phẩm nhưng đã thể hiện được một đặc trưng bút pháp nghệ thuật của La Quán Trung cũng như đặc điểm chung của tiểu thuyết cổ điển Minh Thanh.</p>

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và H	Nội dung kiến thức cần đạt
Thao tác 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung	<p>I. Tiểu dẫn</p> <p>1. Tác giả</p>

<p>về tác giả, tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét chính về tác giả La Quán Trung và tác phẩm “ Tam quốc diễn nghĩa” - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến tác giả <i>La Quán Trung</i>.</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào phần tiểu dẫn / SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy cho biết, phần tiểu dẫn và những hình ảnh tư liệu trên màn hình máy chiếu cung cấp cho các em những hiểu biết cơ bản gì về tác giả <i>La Quán Trung</i> và tác phẩm “ <i>Tam quốc diễn nghĩa</i>” , Đoạn trích “ <i>Hồi trống Cổ Thành</i>”</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>nhân đọc phần tiểu dẫn trong</p>
--	-------------------------------------

* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá

- La Quán Trung (1330-1400) trí đoạn trích
- Tên : La Bản, hiệu Hồ Hải Thuộc nửa sau hồi 28-> là 1 trong những
tân nhân. đoạn hay nhất của tác phẩm.
- Tính tình cô độc, lẻ loi,
thích một mình ngao du đây
đó.
- Sống vào những năm
cuối thời Nguyên, đầu
thời Minh.
- Là người đầu tiên đóng góp
xuất sắc cho
trường phái tiểu thuyết lịch sử
thời Minh
- Thanh

2 **Tác phẩm**: “ Tam quốc
diễn nghĩa”

* Hoàn cảnh ra đời

- Ra đời vào đầu thời
Minh(1368-1644) gồm 120
hồi, kể chuyện 1 nước chia 3
gọi là “ Cát cứ phân tranh”
trong gần 100 năm của nước
Trung Quốc thời cổ

* Giá trị:

- Phơi bày cục diện
chính trị Trung Hoa
- Gợi gấm khát vọng hoà
bình, thống nhất và có
một nền chính trị nhân
đạo

-> được đánh giá là một
trong 4 bộ tiểu thuyết cổ
điển mẫu mực nổi tiếng của
Trung Quốc

3. *Đoạn trích “ Hồi trống Cổ
Thành”*

Vị

<p>SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none">- HS trả lời câu hỏi.- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu đoạn trích về nhân vật Trương Phi</p> <ul style="list-style-type: none">- Mục tiêu: Học sinh nắm được hành động, ngôn ngữ, tính cách nhân vật Trương Phi- Phương tiện: máy chiếu- Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi.- Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.- Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p>	<p>II/ Đọc - hiểu văn bản</p> <p>1. Đọc- tìm hiểu chú thích</p> <p>2. Tìm hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none">• Hình tượng Trương Phi và Quan Công <table><tr><td rowspan="10">Trương Phi</td><td><i>mặc áo giáp, vác mâu lên ngựa</i></td><td rowspan="10">Quan Công</td></tr><tr><td><i>nhận lời</i></td></tr><tr><td><i>Ta cũng khó nói</i></td></tr><tr><td><i>tao quyết liều sống chết với mày</i></td></tr><tr><td><i>chẳng nói một lời</i></td></tr><tr><td><i>múa long đao xô lại</i></td></tr><tr><td><i>nghe tin mừng rỡ vô cùng</i></td></tr><tr><td><i>há quên nghĩa vườn đào ru ?</i></td></tr><tr><td><i>rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy</i></td></tr><tr><td><i>mắt tròn xoe râu vểnh ngược, múa xà mâu chạy lại đâm</i></td></tr><tr><td><i>có lẽ đâu đại trượng</i></td></tr></table>	Trương Phi	<i>mặc áo giáp, vác mâu lên ngựa</i>	Quan Công	<i>nhận lời</i>	<i>Ta cũng khó nói</i>	<i>tao quyết liều sống chết với mày</i>	<i>chẳng nói một lời</i>	<i>múa long đao xô lại</i>	<i>nghe tin mừng rỡ vô cùng</i>	<i>há quên nghĩa vườn đào ru ?</i>	<i>rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy</i>	<i>mắt tròn xoe râu vểnh ngược, múa xà mâu chạy lại đâm</i>	<i>có lẽ đâu đại trượng</i>
Trương Phi	<i>mặc áo giáp, vác mâu lên ngựa</i>		Quan Công											
	<i>nhận lời</i>													
	<i>Ta cũng khó nói</i>													
	<i>tao quyết liều sống chết với mày</i>													
	<i>chẳng nói một lời</i>													
	<i>múa long đao xô lại</i>													
	<i>nghe tin mừng rỡ vô cùng</i>													
	<i>há quên nghĩa vườn đào ru ?</i>													
	<i>rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy</i>													
	<i>mắt tròn xoe râu vểnh ngược, múa xà mâu chạy lại đâm</i>													
<i>có lẽ đâu đại trượng</i>														

<p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến tác phẩm, tình huống dẫn đến đoạn trích, cho HS xem video đoạn trích..</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>-Nhóm 1 : Hình tượng nhân vật Trương Phi được tác giả khắc hoạ trên phương diện nào?</p> <p> Tìm dẫn chứng miêu tả hành động của Trương Phi và rút ra nhận xét về tính cách?</p> <p>-Nhóm 2 :Hành động của Trương Phi khi qua Cổ Thành và khi gặp Quan Công?</p> <p> Tại sao Trương Phi nổi giận định đâm chết Quan Công?</p> <p> Cùng với hành động, Trương Phi còn có những lời nói (xưng hô) như thế nào ?</p> <p>- Nhóm 3 : Trong đoạn trích này thái độ của Trương Phi đối với Quan Công là thái độ gì ?</p> <p> Để giải quyết mối ngờ vực Trương Phi đã ra điều kiện như thế nào?</p> <p> Ý nghĩa của điều kiện ấy ?</p> <p> : Hành động của Trương Phi thẳng tay đánh trống và hình tượng tiếng trống Cổ Thành âm vang có ý nghĩa gì ?</p> <p> Nếu bỏ đi chi tiết Trương Phi thẳng tay giục trống có được</p>		<p><i>phu lại thờ hai chủ</i></p> <p><i>đánh ba hồi trống</i></p>	

không? vì sao?

- Nhóm 4 : Khi biết Quan Công bị oan, Trương Phi có hành động như thế nào? Nhà văn miêu tả tính cách Trương Phi như thế có hợp lý không? Qua phân tích hình tượng Trương Phi động lại trong em ẩn gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.

* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại câu trả lời vào bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi.
- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

Thao tác 3: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu đoạn trích về nhân vật Quan Công.

- Mục tiêu: Học sinh nắm được hành động, ngôn ngữ, tính cách nhân vật Quan

*** Phân tích 2 nhân vật**

Ch i	Trương Phi	Quan Công
Hoàn cảnh		- Thất thế, nường nhờ Tào, bảo vệ chi dậu. Thân

<p><i>Công</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phương tiện: máy chiếu</i> - <i>Kĩ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi.</i> - <i>Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.</i> - <i>Các bước thực hiện:</i> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến tác phẩm, tình huống dẫn đến đoạn trích, cho HS xem video đoạn trích..</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhóm 1, Nhóm 2, Nhóm 3 Thái độ , hành động và ngôn ngữ của Quan Công khi gặp Trương Phi ? - Nhóm 4 : Nhận xét về tính cách của Quan Công ? <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại câu trả lời vào bảng phụ.</p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn 			<p><i>tâm tại Hán</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Khi biết anh ở Nhữ Nam: vượt qua 5 cửa ải, chém 6 tướng Tào.</i> <p><i>Người trung tín, biết tranh thủ thời cơ, tranh thủ kẻ thù khi lạc bước, suy xét sự việc cẩn trọng.</i></p>
	<p>Trước khi gặp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chẳng nói chẳng rằng - lập tức mặc áo giáp, vác mâu lên ngựa - dẫn một nghìn quân, đi tắt ra cửa bắc <p><i>=> tức giận, hành động bột phát, trong tâm thế chiến đấu với kẻ thù</i></p>	<p>Nghe tin Trương Phi thì tỏ ra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mừng rỡ vô cùng - Sai ngay Tôn Càn vào thành báo tin <p><i>=> tâm trạng vui sướng, hạnh phúc như sắp được gặp người thân</i></p>
	<p>Gặp trước khi Sái Dương xuất hiện</p>	<p>Diện mạo: mắt tròn tròn xoe, râu hùm vênh ngược</p> <p>Hành động: hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm QC</p> <p>Ngôn ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xưng hô: 	<p>Thái độ: mừng rỡ vô cùng</p> <p>Hành động: giao long đao, té ngựa lại đón</p> <p>Ngôn ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xưng hô: hiền đệ, em

<p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>		<p>mày - tao</p> <p>- Lập luận:</p> <p>+ Thứ 1: <i>Bỏ anh</i> Bắt trung, bắt nghĩa</p> <p>+ Thứ 2: <i>Hàng Tào</i> Hèn hạ</p> <p>+ Thứ 3: <i>Nhận phong hầu tứ tước</i> Tham lam</p> <p>+ Thứ 4: Đánh lừa em mình Gian trá</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đây là những điều mà Trương Phi tai nghe mắt thấy (theo Tào Tháo, phản bội anh em). 	<p>+ Lập luận:</p> <p>- em không biết, ta cũng khó nói</p> <p>- đến hỏi chị</p> <p>- đừng nói vậy, oan uổng quá</p>
	<p>Khi Sái Dương đến</p>	<p>Nghĩ: QC đem theo quân đến bắt mình</p> <p>Hành động: múa bát xà mâu hăm hờ xông lại đâm QC</p> <p>Yêu cầu:</p>	<p>Thanh minh: tất phải đem quân mã chứ</p> <p>- Chấp nhận lời thách thức</p> <p>- Chưa dứt hồi trống chém đầu Sái Dương</p>

		đánh ba hồi trống, chém đầu tướng giặc	
		<p>=> <i>Trương Phi hành động như vậy vì Trương Phi coi Quan Công là kẻ phản bội: phản bội lời thề kết nghĩa vườn đào, phản bội lại triều đình nhà Thục, đã ở trong doanh trại Tào, chịu ân huệ của Tào. TP không thể chấp nhận một kẻ phản bội như vậy.</i></p> <p>=> nhân vật có tính cách nóng nảy, bộc trực, hành động nông nổi và hơi thiếu suy nghĩ, tuy nhiên đây là nhân vật rất thẳng thắn, luôn muốn mọi thứ phải rõ ràng, mắt thấy tai</p>	<p>=> QC là một con người có tính cách điềm đạm, bình tĩnh trong mọi tình huống, biết tận dụng thời cơ:</p> <p>+ Giữ lời hứa và cũng là điều kiện đặt ra để tự bảo vệ: hàng Hán chứ không hàng Tào, biết tin anh ở đâu thì đi ngay</p> <p>+ Tạm hành để bảo vệ chị dâu</p> <p>+ Chấp nhận điều kiện mà Trương phi đưa ra để chứng minh cho lòng trung nghĩa của mình.</p> <p>+ Thái độ: ôn tồn cầu cứu hai chị dâu.</p> <p>Chúng ta có thể khẳng định rằng QC</p>

		<p>nghe, một con người trung nghĩa, không chấp nhận những thứ mập mờ, không nương nhẹ với kẻ phụ nghĩa.</p> <p>=> Cách phản ứng của TP tuy có hơi thái quá và nóng nảy, tuy nhiên nó lại rất phù hợp với tính cách và hoàn cảnh của nhân vật lúc bấy giờ.</p> <p>Đó là lòng trung thành, sự cương trực, thẳng thắn, luôn giữ vững lập trường: "Trung thần thà chịu chết chứ không chịu nhục. Có lẽ đâu đại trượng phu lại thờ hai chủ".</p>	<p>bị oan vì: QC thân tại Tào doanh, tâm tại Hán. Ngay khi nghe tin của Lưu Bị, QC ngay lập tức trả Tào mọi quà tặng, đưa hai chị cùng đi tìm đại ca. Vượt năm cửa quan, chém đầu sáu tên tướng giặc. Như vậy, QC không thể là kẻ phản bội.</p> <p>Là một người trung tín – trung nghĩa</p>
<p>**Ý nghĩa nhan đề - Hồi trống Cổ Thành</p> <p>- Trong đoạn trích, hồi trống ở đoạn cuối là một điểm sáng, chứa đựng linh hồn của</p>			

	<p>cả đoạn. Nó ngân vang trong đoạn trích và dường như trong cả tác phẩm, thể hiện khí thế hào hùng của chiến trận. Hồi trống đó vang lên cũng chính là lúc lời giải đáp cho câu hỏi ngay từ đầu đoạn trích được tìm thấy. Nó tạo nên vầng hào quang xung quanh các nhân vật, tôn thêm vẻ đẹp của các anh hùng.</p> <p>- Ở đây, tác giả đã cho nhân vật của mình giống lên ba hồi trống, bản thân nó cũng chứa đựng những ý tưởng. Ba hồi không quá dài mà cũng không quá ngắn, nó vừa đủ dài để cho QC có thể lấy đầu của Sái Dương, vừa đủ ngắn để cho mọi người có thể thấy được tài năng và sức mạnh của QC. Đồng thời, ba hồi trống trận vang lên cũng thể hiện được khí thế hào hùng, âm vang của chiến trận. Thể hiện được cái ý vị của Tam quốc.</p> <p>- Hồi trống trong đoạn trích mang nhiều ý nghĩa.</p> <p>+ Hồi trống thách thức: TP nghi ngờ QC phản bội, lệnh trong ba hồi trống phải chém đầu Sái Dương. Đây là hồi trống để thử thách lòng trung thành của QC, thử thách tài năng của QC. Hồi trống vang lên cũng có nghĩa là QC phải lao vào một cuộc chiến đối mặt với kẻ thù, đối mặt với hiểm nguy và cái chết. Tiếng trống giục giã như hồi thúc nhân vật hành động.</p> <p>+ Hồi trống minh oan: QC đã không ngần ngại chấp nhận lời thách thức của TP để khẳng định lòng trung thành của mình. Bản thân sự dũng cảm đó đã thể hiện được tấm lòng QC. Hơn thế nữa, ngay khi chưa dứt một hồi trống, đầu Sái Dương đã rơi xuống đất, và những tiếng trống tiếp theo đó chính là để minh oan cho QC.</p> <p>+ Hồi trống đoàn tụ: Kết thúc ba hồi trống, QC giết tướng giặc, mọi nghi ngờ</p>
--	---

	<p>được hóa giải, và đó là lúc mà các anh hùng đoàn tụ. Hồi trống còn có ý nghĩa như là sự ngợi ca tình nghĩa huynh đệ, ngợi ca tấm lòng trung nghĩa của các anh hùng. Tiếng trống lúc này không còn thúc giục, căng thẳng, vội vã mà tiếng trống như reo vui chúc mừng cuộc hội ngộ của ba anh em.</p> <p>=> Hồi trống thể hiện không khí hào hùng của chiến trận, là hồi trống thúc giục tinh thần chiến đấu, ca ngợi tài đức của các anh hùng. Đó là hồi trống thể hiện niềm vui, khẳng định niềm tin và ngợi ca chiến thắng.</p> <p>**Nghệ thuật đoạn trích</p> <p>+ Sử dụng nhiều từ cổ: <i>quân kị, án thụ, phu nhân, xà mâu, long đao</i></p> <p>+ Về cách xây dựng nhân vật: sử dụng nghệ thuật xây dựng các nhân vật điển hình, mang tính biểu tượng: Trương Phi tượng trưng cho sự nóng nảy, cương trực, Quan Công tượng trưng cho chữ nghĩa háo; <i>mắt trợn tròn xoe, râu hùm vểnh ngược</i></p> <p>+ Tính cách nhân vật được thể hiện qua hành động và lời nói chứ không phải sự miêu tả và giới thiệu của tác giả.</p> <p>+ Về tình huống truyện: xây dựng những tình huống xung đột kịch tính, tạo nên sự hấp dẫn, hồi hộp cho đoạn trích: tình huống bị hiểu nhầm; tình huống Sái Dương kéo quân đến; tình huống đánh trống chém đầu tướng giặc. Tình tiết truyện được đẩy nhanh, diễn biến căng thẳng.</p> <p>+ Nghệ thuật kể chuyện: thể hiện nghệ thuật kể chuyện theo kiểu tiểu thuyết chương hồi. Truyện được kể theo trình tự thời gian của sự việc, nếu sự việc xảy ra đồng thời hoặc chuyển lời của nhân vật thì</p>
--	--

	<p>đều dùng lời chuyển. Truyện ít quan tâm đến diễn biến tâm lý và suy nghĩ của nhân vật</p> <p>III/ Tổng kết</p> <p>1- Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “ Hồi trống Cổ Thành” là một màn kịch ngắn sôi nổi, sinh động mang ý vị chiến trận đậm đà biểu dương lòng cương trực của Trương Phi, khẳng định lòng trung nghĩa của Quan Công và ca ngợi tình nghĩa vườn đào gắn kết của ba anh em Lưu-Quan – Trương. - Là cuộc hội ngộ của những người anh hùng sau khi kết oan và giải oan <p>2- Nghệ thuật :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích được bố trí như một màn kịch ngắn, sôi nổi, sinh động đầy kịch tính - ít giới thiệu, dẫn dắt -> để nhân vật và sự việc tự bộc lộ . - Xây dựng mâu thuẫn và phát triển > < chân thực, nhanh, hợp lý, giải quyết > < thông minh, có tính thuyết phục.
<p>Thao tác 4: Tổng kết</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kĩ thuật dạy học: kĩ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p>	

GV chuyển giao nhiệm vụ:

Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân suy nghĩ, tìm ra một nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật.

* Hoạt động nhóm:

- Học sinh thảo luận cặp đôi và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm vào phần xung quanh bảng phụ.

- HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi.

- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức

HOẠT ĐỘNG 3 – LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
------------------------	----------------------------

<p>PP tổ chức trò chơi</p>	<p>*GV giao nhiệm vụ: Bài 1: Trò chơi ô chữ Ai nhanh hơn? <i>Câu 1:</i> Từ nào thể hiện rõ nhất tính cách Trương Phi? <i>Câu 2:</i> Đây là điều mà nhân vật Trương Phi ghét nhất?</p>
-----------------------------------	--

	<p><i>Câu 3:</i> Sự xuất hiện của nhân vật nào trong đoạn trích khiến mâu thuẫn đẩy lên đến đỉnh điểm?</p> <p><i>Câu 4:</i> Đây là yếu tố quan trọng nhất khi miêu tả người anh hùng trong tiểu thuyết của La Quán Trung cũng như trong đoạn trích?</p> <p><i>Câu 5:</i> Chữ nào trở thành nguyên tắc ứng xử và ca ngợi phẩm chất các nhân vật trong đoạn trích?</p> <p><i><u>Bài 2:</u> Dòng nào dưới đây nêu không đúng tính cách Trương Phi?</i></p> <p>A. Nóng nảy cương trực</p> <p>B. Tình cảm, hiểu biết</p> <p>C. Mềm mỏng, khéo léo</p> <p>D. Lòng dạ ngay thẳng</p> <p><i><u>Câu 9:</u> Dòng nào nêu không đúng đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích?</i></p> <p>A. Tình huống kịch tính</p> <p>B. Miêu tả tâm lý nhân vật</p> <p>C. Khắc họa tính cách nhân vật</p> <p>D. Tạo khoảng lặng</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
	<p><i><u>Câu 1:</u></i> Trong cuộc sống hàng ngày chúng ta thường có câu thành ngữ nào liên quan đến tính cách nhân vật Trương Phi? Bản thân em có nóng tính không? Bài học em rút ra sau khi tìm hiểu nhân vật?</p> <p><i><u>Câu 2:</u></i> Từ tình anh em, huynh đệ giữa Trương Phi và Quan Công, em gây rút ra bài học cho mình trong quan hệ anh em, bè bạn?</p> <p><i><u>Câu 3:</u></i> Nếu bị 1 bạn thân hoặc người anh em thân thiết hiểu nhầm, nghi oan, bạn sẽ làm gì?</p>

Tiết: 76

Môn: Đọc Văn

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

Đọc thêm: TÀO THÁO UỐNG RƯỢU LUẬN ANH HÙNG
(Trích ” Tam quốc diễn nghĩa ”)
- La Quán Trung -

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- **Tên bài học:** TÀO THÁO UỐNG RƯỢU LUẬN ANH HÙNG.

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và HS:**

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: tình nghĩa huynh đệ

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1.

Kiến thức: Giúp học sinh:

-Hiểu được từ quan niệm đối lập về anh hùng đến tính cách đối lập giữa Tào Tháo (gian hùng) và Lưu Bị (anh hùng) qua ngòi bút kể chuyện đầy kịch tính, rất hấp dẫn của tác giả.

2. Kỹ năng: Tìm hiểu một văn bản thuộc thể tiểu thuyết chương hồi

3. Về thái độ, phẩm chất

a. *Thái độ:* Trong những tình huống giàu kịch tính phải mưu trí

b. *Phẩm chất*

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. *Phát triển năng lực chung*

-Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. *Năng lực riêng*

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - Video - Kỹ thuật đặt câu hỏi <p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem video clip và trả lời câu hỏi sau: Đoạn video nói đến những tác phẩm văn học nào? Ở đâu? Ra đời trong thời gian nào? <p>*HS thực hiện nhiệm vụ: trả lời, bổ sung</p> <p>* GV nhận xét, dẫn dắt:</p>	<p>* Khởi động: GV dẫn dắt, cho HS xem video đoạn trích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bị Lã bố lừa đánh chiếm Từ Châu, ba anh em Lưu – Quan – Trương đành đến Hứa Đô nương nhờ Tào Tháo, tạm chờ thời cơ để mưu đồ nghiệp lớn. - Đoạn trích “ Tào Tháo uống rượu luận anh hùng” là một hồi đặc sắc độc đáo của “ Tam quốc diễn nghĩa” chỉ qua một tiệc rượu nhỏ với mớ, khi trời nổi cơn giông gió, hai người bàn luận về anh hùng trong thiên hạ, người đọc được thưởng thức bao điều thú vị về tính cách con người, về quan niệm anh hùng của những anh hùng và gian hùng thời cổ trung đại Trung Hoa.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu chung về đoạn trích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được tình huống dẫn đến đoạn trích, vị trí đoạn trích. - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chiếu hình ảnh, yêu cầu HS xác định vị trí và tình huống dẫn</p>	<p>I/ Tiểu dẫn</p> <p>Vị trí đoạn trích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồi 21/120 hồi

<p>đến đoạn trích?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc SGK, tìm hiểu yêu cầu của từng câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu đoạn trích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh nắm được hành động, ngôn ngữ, tính cách nhân vật Lưu Bị và Tào Tháo - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến đoạn trích, tình huống dẫn đến đoạn trích, cho HS xem video đoạn trích..</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p>	<p>II/ Đọc - hiểu văn bản</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đọc - chú thích 2. Tìm hiểu: <ol style="list-style-type: none"> a. Tính cách nhân vật Lưu Bị <p>“ Ngay từ thuở ấu thơ và suốt thời trai trẻ, Lưu Bị là người nuôi trí lớn. Ở hồi 21 này, Lưu Bị cùng Quan Công và Trương Phi nương thân bên Tào Tháo. Tào Tháo tận dụng thời cơ hiểm có này để không chế Lưu Bị nếu cần sẽ hành động để trừ hậu họa sau này. Trong hoàn cảnh ngặt nghèo ấy nếu để lộ ý đồ, để lộ chí lớn thì vô cùng nguy hiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành động : Trồng rau. <p>-> Là người thận trọng, kín đáo, khôn ngoan.</p> <p>-> Nhấn nhẹn, nấu mình chờ thời cơ.</p>
--	--

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Nhóm 1: Phân tích tâm trạng, tính cách Lưu Bị khi phải ở nhờ Tào Tháo .</p> <p>Lưu Bị đã có hành động gì khi ở nhờ nhà Tào Tháo?</p> <p>Hành động ấy hé mở gì về tính cách của Lưu Bị ?</p> <p>Thái độ của Lưu Bị khi được Tào Tháo mời uống rượu?</p> <p>- Nhóm 2: Tại sao trong quá trình luận bàn anh hùng, Lưu Bị không kể đến Tào Tháo ?</p> <p>Nhận xét về cách dẫn dắt câu chuyện của tác giả ?</p> <p>- Nhóm 3: Qua cách đối xử của Tào Tháo với Lưu Bị và cách đánh giá những nhân vật anh hùng mà Lưu bị đề xuất, anh chị hiểu biết gì về tính cách nhân vật này ?</p> <p>- Nhóm 4: Hành động mời rượu Lưu Bị của Tào Tháo nhằm mục đích gì ?</p> <p>Em đánh giá gì về quan niệm anh hùng của Tào Tháo?</p> <p>- HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p>	<p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết</p>
--	--

- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

- Được
Tháo
mời
+ Ban đầu: giật mình, sợ
tái mặt
+ Sau đó : Bình tĩnh, ung dung
chờ tiệc rượu -> bản lĩnh vững
vàng

- Luận
anh hùng
+ Khôn khéo, khiêm
nhường.
+ Tài
ứng
biến
=> dẫn dắt khéo léo
tự nhiên
- Miêu tả qua thái độ
hành động
- Ngôn ngữ nhân vật: nhún
nhường, khiêm lời

***Tính cách nhân vật
Tào Tháo.***

- Ở hồi 21, 2 nhân vật Lưu Bị
và Tào Tháo làm thành 1 cặp
đối sách để làm nổi bật tính
cách của mỗi người -> Lưu Bị
như tấm gương trong suốt để
soi rõ lòng dạ nham hiểm, tâm
địa đen tối của Tào Tháo.
Nguyên tắc sống của Tào Tháo
là “Ta thà phụ người chứ
không để người phụ ta” Lưu Bị
“Ta thà chết chứ không làm
điều phụ nghĩa”

+Hàn
h

động:

+ Mời Lưu Bị uống rượu: - Mục
đích
- Kiểm soát
- Dò xét ý đồ của Lưu Bị.....
- Khoe chiến công.....
+ Luận anh hùng
:
- Dò xét Lưu Bị
- Tự khẳng định mình là anh hùng -> áp
đảo Lưu Bị
- Quan niệm anh hùng “ Có chí
lớn, có mưu cao, có tài bao trùm
được cả vũ trụ, có chí nuốt cả trời
đất ..”

<p>quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>- GV dẫn dắt: Đọc truyện “ Tam quốc diễn nghĩa” người đời rất thích thú kể ra tứ tuyệt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu Bị tuyệt nhân - Tào Tháo tuyệt gian - Khổng Minh tuyệt trí - Quan Công tuyệt nghĩa <p>Đặc sắc nghệ thuật đoạn trích?</p>	<p> Quan niệm, cách sống của bạo chúa thời phong kiến.</p> <p> là 1 kẻ gian hùng đa nghi.</p> <p>3. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện hấp dẫn khéo léo. - Dựng cảnh tài tình sống động: như một trò chơi trí tuệ mà ẩn chứa đầy nguy hiểm không lường; một kẻ quyết tìm mà không tìm được – một người cố trốn và trốn thoát. - Xây dựng tính cách nhân vật sắc nét. <p>Đối thoại hay, chi tiết đắt.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
Sáng tạo, tự học.	Trong cuộc sống hàng ngày chúng ta thường có câu thành ngữ nào liên quan đến tính cách nhân vật Tào Tháo?

Tiết: 76

Ngày soạn:/...../.....

Ngày kí :/...../.....

Đọc thêm: TÀO THÁO UỐNG RƯỢU LUẬN ANH HÙNG
(Trích” Tam quốc diễn nghĩa”)
- La Quán Trung –

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- **Tên bài học:** TÀO THÁO UỐNG RƯỢU LUẬN ANH HÙNG.

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và HS:**

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: tình nghĩa huynh đệ

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

2.

Kiến thức: Giúp học sinh:

- Hiểu được từ quan niệm đối lập về anh hùng đến tính cách đối lập giữa Tào Tháo (gian hùng) và Lưu Bị (anh hùng) qua ngòi bút kể chuyện đầy kịch tính, rất hấp dẫn của tác giả.

2. **Kĩ năng:** Tìm hiểu một văn bản thuộc thể tiểu thuyết chương hồi

3. **Về thái độ, phẩm chất**

a. *Thái độ:* Trong những tình huống giàu kịch tính phải mưu trí

b. *Phẩm chất*

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. **Về phát triển năng lực**

a. *Phát triển năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. *Năng lực riêng*

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
- Video - Kỹ thuật đặt câu hỏi	* Khởi động: GV dẫn dắt, cho HS xem video đoạn trích

<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- Xem video clip và trả lời câu hỏi sau: Đoạn video nói đến những tác phẩm văn học nào? Ở đâu? Ra đời trong thời gian nào?</p> <p>*HS thực hiện nhiệm vụ: trả lời, bổ sung</p> <p>* GV nhận xét, dẫn dắt:</p>	<p>- Bị Lã bố lừa đánh chiếm Từ Châu, ba anh em Lưu – Quan – Trương đành đến Hứa Đô nương nhờ Tào Tháo, tạm chờ thời cơ để mưu đồ nghiệp lớn.</p> <p>- Đoạn trích “ Tào Tháo uống rượu luận anh hùng” là một hồi đặc sắc độc đáo của “ Tam quốc diễn nghĩa” chỉ qua một tiệc rượu nhỏ với mơ, khi trời nổi cơn giông gió, hai người bàn luận về anh hùng trong thiên hạ, người đọc được thưởng thức bao điều thú vị về tính cách con người, về quan niệm anh hùng của những anh hùng và gian hùng thời cổ trung đại Trung Hoa.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu chung về đoạn trích</p> <p>- Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được tình huống dẫn đến đoạn trích, vị trí đoạn trích.</p> <p>- Phương tiện: máy chiếu</p> <p>- Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi.</p> <p>- Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.</p> <p>- Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chiếu hình ảnh, yêu cầu HS xác định vị trí và tình huống dẫn đến đoạn trích?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc SGK, tìm hiểu yêu cầu của từng câu hỏi.</p>	<p>I/ Tiểu dẫn</p> <p>Vị trí đoạn trích</p> <p>- Hồi 21/120 hồi</p> <p>II/ Đọc - hiểu văn bản</p> <p>4. Đọc - chú thích</p> <p>5. Tìm hiểu:</p> <p>a. Tính cách nhân vật Lưu Bị</p> <p>“ Ngay từ thuở ấu thơ và suốt thời trai trẻ, Lưu Bị là người nuôi trí lớn. Ở hồi 21 này, Lưu Bị cùng Quan Công và Trương Phi nương thân bên Tào Tháo. Tào Tháo tận dụng thời cơ hiểm có này để khống chế Lưu Bị nếu cần sẽ hành động để trừ hậu họa sau này. Trong</p>

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu đoạn trích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh nắm được hành động, ngôn ngữ, tính cách nhân vật Lưu Bị và Tào Tháo - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến đoạn trích, tình huống dẫn đến đoạn trích, cho HS xem video đoạn trích..</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Phân tích tâm trạng, tính cách Lưu Bị khi phải ở nhờ Tào Tháo . 	<p>Lưu Bị đã có hành động gì khi ở</p>
--	--

hoàn cảnh ngặt nghèo ấy nếu để lộ ý đồ, để lộ chí lớn thì vô cùng nguy hiểm

- Hành động : Trồng rau.

-> Là người thận trọng, kín đáo, khôn ngoan.

-> Nhấn nhẹn, nấu mình chờ thời cơ.

- Được
Tháo
mời

+ Ban đầu: giật mình, sợ tái mặt

+ Sau đó : Bình tĩnh, ung dung chờ tiệc rượu -> bản lĩnh vững vàng

- Luận
anh hùng

+ Khôn khéo, khiêm nhường.

+ Tài
ứng
biến

=> dẫn dắt khéo léo tự nhiên

- Miêu tả qua thái độ hành động

- Ngôn ngữ nhân vật: nhún nhường, khiêm lời

Tính cách nhân vật

Tào Tháo.

- Ở hồi 21, 2 nhân vật Lưu Bị và Tào Tháo làm thành 1 cặp đối sách để làm nổi bật tính cách của mỗi người -> Lưu Bị như tấm gương trong suốt để soi rõ lòng dạ nham hiểm, tâm địa đen tối của Tào Tháo.

Nguyên tắc sống của Tào Tháo là “Ta thà phụ người chứ không để người phụ ta” Lưu Bị “Ta thà chết chứ không làm điều phụ nghĩa”

+Hành động:

+ Mời Lưu Bị uống rượu: - Mục đích

- Kiểm soát

- Dò xét ý đồ của Lưu Bị.....

- Khoe chiến công.....

+ Luận anh hùng

:

- Dò xét Lưu Bị

<p>nhờ nhà Tào Tháo?</p> <p>Hành động ấy hé mở gì về tính cách của Lưu Bị ?</p> <p>Thái độ của Lưu Bị khi được Tào Tháo mời uống rượu?</p> <p>- Nhóm 2: Tại sao trong quá trình luận bàn anh hùng, Lưu Bị không kể đến Tào Tháo ?</p> <p>Nhận xét về cách dẫn dắt câu chuyện của tác giả ?</p> <p>- Nhóm 3: Qua cách đối xử của Tào Tháo với Lưu Bị và cách đánh giá những nhân vật anh hùng mà Lưu bị đề xuất, anh chị hiểu biết gì về tính cách nhân vật này ?</p> <p>- Nhóm 4: Hành động mời rượu Lưu Bị của Tào Tháo nhằm mục đích gì ?</p> <p>Em đánh giá gì về quan niệm anh hùng của Tào Tháo?</p> <p>- HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>thức</p> <p>- GV dẫn dắt: Đọc truyện “ Tam</p>
---	---

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến

- Tự khẳng định mình là anh hùng -> áp đảo Lưu Bị

- Quan niệm anh hùng “ Có chí lớn, có mưu cao, có tài bao trùm được cả vũ trụ, có chí nuốt cả trời đất ..”

 Quan niệm, cách sống của bạo chúa thời phong kiến.

 là 1 kẻ gian hùng đa nghi.

6. Nghệ thuật

- Kể chuyện hấp dẫn khéo léo.
- Dựng cảnh tài tình sống động: như một trò chơi trí tuệ mà ẩn chứa đầy nguy hiểm không lường; một kẻ quyết tìm mà không tìm được – một người cố trốn và trốn thoát.
- Xây dựng tính cách nhân vật sắc nét.

Đối thoại hay, chi tiết đắt.

quốc diễn nghĩa” người đời rất

thích thú kể ra tứ tuyệt	
<ul style="list-style-type: none"> - Lưu Bị tuyệt nhân - Tào Tháo tuyệt gian - Khổng Minh tuyệt trí - Quan Công tuyệt nghĩa 	
Đặc sắc nghệ thuật đoạn trích?	

HOẠT ĐỘNG THỰC LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Đọc bài văn bản sau và trả lời câu hỏi:</p> <p><i>Hôm ấy, Tôn Càn theo lệnh Quan Công vào thành ra mắt Trương Phi,</i></p> <p><i>Trương Phi nói:</i></p> <p>- Mày bỏ anh, hàng Tào Tháo được phong hầu phong tước, nay lại đến đây đánh lừa tao! Phén này tao quyết liều sống chết với mày.</p> <p>(Trích Hồi trống Cổ Thành, SGK Ngữ văn 10, Trang 76, Tập II, NXBGD 2006)</p> <p>1/ Nêu nội dung chính của văn bản? Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?</p> <p>2/ Xác định các động từ liên quan đến nhân vật Trương Phi trong đoạn: <i>Phi nghe xong...chạy lại đâm Quan Công.</i> Nêu hiệu quả nghệ thuật của những động từ đó.</p> <p>3/ Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ trong câu văn: <i>Trương Phi mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm</i></p>	<p>1/Nội dung chính của văn bản: kể về việc Trương Phi đón Quan Công ở Cổ Thành sau thời gian xa cách</p> <p>- Phương thức biểu đạt chính của văn bản là tự sự.</p> <p>2/ Đoạn: <i>Phi nghe xong...chạy lại đâm Quan Công</i> có 12 động từ: <i>nghe, mặc, vác, lên, dẫn, đi tắt, trợn, vểnh, hò hét, múa, chạy, đâm.</i></p> <p>Hiệu quả nghệ thuật của những động từ đó: 12 động từ thể hiện 12 hành động liên tiếp trong im lặng mà sôi sục bão táp bên trong, khiến nhịp văn nhanh, mạnh, gấp gáp, tạo nên ý vị hấp dẫn đặc biệt của truyện Tam Quốc. Qua đó, thể hiện tính cách cương trực, ngay thẳng của nhân vật Trương Phi.</p> <p>3/ Câu văn: <i>Trương Phi mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công</i> sử dụng các biện pháp tu từ sau:</p> <p>-Biện pháp tu từ so sánh: <i>hò hét như sấm</i></p> <p>-Biện pháp tu từ liệt kê: <i>mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm</i></p>

ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công.

4/ Qua văn bản, anh (chị)

thấy Trương Phi có tính cách như thế nào ?

- HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ: làm tăng tính gợi hình, cụ thể hoá những hành động của Trương Phi, qua đó nhấn

mạnh thái độ tức giận vì nghe Quan Công không còn trung tín, phản bội lời thề bỏ anh theo Tào Tháo, phụ nghĩa vườn đào.

4/ Trương Phi có tính cách:

- Là người nóng nảy nổi tiếng đến mức trở thành thành ngữ “Nóng như

Trương Phi” : Nghe Tôn Càn vào báo tin bèn kéo quân ra công thành, không hỏi han

gì mà lập tức “đâm ngay Quan Công”.

- Là người ngay thẳng, cương trực, không chấp nhận sự giả dối, quanh co, không khoan nhượng với cái xấu : Trương Phi không hiểu rõ tình cảnh Quan Công nên kết tội anh mình. Với Trương Phi, việc hàng Tào của Quan Công là biểu hiện của sự phản bội lời thề kết nghĩa vườn đào của ba anh em Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Từ nhân vật Trương Phi trong đoạn trích, viết một đoạn văn ngắn (khoảng 8 - 10 câu), trình bày suy nghĩ của anh/chị về tác hại của sự tức giận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<ul style="list-style-type: none"> - Câu mở đoạn: Dẫn ý liên quan để nêu vấn đề cần nghị luận: sự giận dữ của con người để lại những hậu quả không tốt. - Các câu phát triển đoạn: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích: Sự giận dữ là trạng thái mất bình tĩnh do bức bối khó chịu gây nên và thường khiến chúng ta phải đưa ra những phản ứng mạnh. Biểu hiện như sự nóng nảy của Trương Phi khi nghe tin Quan Công từ chỗ Tào Tháo trở về, cứ nghĩ Quan Công đã hàng Tào, là phản bội... + Tác hại của sự giận dữ: tổn hại sức khỏe và tổn thương tinh thần của cả 2 phía, đặc biệt là người bị giận dữ có khi
---	---

	<p>phải trả giá bằng mạng sống vì một lí do không chính đáng; người giận dữ làm cho người khác bị tổn thương, bị xúc phạm danh dự. Mọi người sẽ xa lánh người có tính nóng nảy. Mọi mối quan hệ xã hội bị phá vỡ...</p> <p>+ Nguyên nhân: xuất phát từ bản thân người giận dữ không biết kìm chế cảm xúc. Họ coi cái tôi của mình quá lớn. Họ mất tỉnh táo, không biết lẽ phải, đúng sai, bất chấp hậu quả sẽ xảy ra.</p> <p>- Câu kết đoạn: Biện pháp khắc phục, bài học: rèn luyện kĩ năng kìm chế cảm xúc; sống hoà đồng, yêu thương; biết lắng nghe, thấu hiểu người khác...</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Tìm xem bộ tiểu thuyết và bộ phim Tam quốc diễn nghĩa -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Đọc và xem phim để hiểu tác phẩm trọn vẹn hơn.

.....

.....

.....

.....

Tiết: 77 -78

Ngày soạn:/...../.....

Ngày kí :/...../.....

TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ
(Trích “ Chinh phụ ngâm ”)

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- **Tên bài học:** TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ.

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và HS:**

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: nỗi cô đơn, lẻ loi của người chinh phụ. Đồng thời oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức: Giúp học sinh:

+ Cảm nhận được tâm trạng cô đơn sầu muộn của người chinh phụ trong tình cảnh lẻ loi khi chồng đi chinh chiến; thấy được tiếng nói tố cáo chiến tranh và đề cao hạnh phúc lứa đôi của tác phẩm.

+ Về nghệ thuật: Thấy được sự tài hoa, tinh tế của nghệ thuật miêu tả nội tâm của đoạn trích.

2. Kỹ năng: Tìm hiểu một văn bản thuộc thể ngâm khúc

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ: Thương cảm với nỗi cô đơn, lẻ loi của người chinh phụ.

Đồng thời oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.

b. Phẩm chất

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Kiến thức cần đạt
<p>*Kể tên những tác phẩm viết về đề tài người phụ nữ mà em biết?</p> <p>* <i>Giới thiệu bài mới:</i> Trước Nguyễn Du và <i>Truyện Kiều</i>, một trong những đỉnh cao của VHVN thế kỉ XVIII là tác phẩm <i>Chinh Phụ ngâm</i> do Đặng Trần Côn sáng tác nguyên văn chữ Hán và bản diễn Nôm xuất sắc lưu truyền hiện nay vẫn được coi là của Đoàn Thị Điểm. Tác phẩm là lời thở than của người chinh phụ có chồng đi chinh chiến ở xa đồng thời là khát khao cuộc sống hạnh phúc lứa đôi trong hòa bình yên ổn, gián tiếp cất tiếng nói tố cáo chiến tranh phi nghĩa. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một vài nét tâm trạng của người chinh phụ qua đoạn trích <i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i>.</p>	<p>- Năng lực hợp tác, giao tiếp</p>

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p><i>Thao tác 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về tác giả, dịch giả, tác phẩm</i></p> <p>- Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét chính về tác giả Đặng Trần Côn, dịch giả và tác phẩm</p> <p>- Phương tiện: máy chiếu</p> <p>- Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi.</p> <p>- Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.</p> <p>- Các bước thực hiện:</p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i> GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan</p>	<p>I. Tiểu dẫn:</p> <p><i>1. Tác giả - dịch giả :</i></p> <p><i>a. Tác giả</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặng Trần Côn quê làng Nhân Mục- Thanh Trì - Hà Nội - Sống : nửa đầu thế kỷ 18 - Là người nổi tiếng hiếu học tài ba. - Để lại nhiều tác phẩm chữ Hán có giá trị <p><i>b- Dịch giả</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện có hai ý kiến : - Đoàn thị Điểm - Phan Huy Ích

<p>đến tác giả ,dịch giả, tác phẩm GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Dựa vào phần tiểu dẫn / SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy cho biết những hiểu biết của em về tác giả, dịch giả? Cho biết hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm? Nêu vị trí của đoạn trích?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản</p> <p><i>Mục tiêu: Cảm nhận được tâm trạng cô đơn của người chinh phụ..</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm. 	<p>- Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p>
---	---

-> Nghiêng về Đoàn Thị Điểm (Sự đồng cảm)

2. Tác phẩm:

a, Hoàn cảnh sáng tác:

- Xã hội rối ren, mâu thuẫn nội bộ pk dẫn đến các cuộc chiến tranh, nhiều trai tráng phải ra trận. ĐTC cảm động trước nỗi khổ đau mất mát của con người, nhất là những người vợ lính trong chiến tranh, đã viết “Chinh phụ ngâm”

b, Giá trị:

* Nội dung:

- Oán ghét chiến tranh phi nghĩa.
- Thể hiện tâm trạng khao khát hạnh phúc lứa đôi.

* Nghệ thuật:

- Nguyên tác chữ Hán: 478 câu làm theo thể trường đoản cú.
- Dịch Nôm: 408 câu (Song thất lục bát)

Bút pháp ước lệ tượng trưng, tả cảnh ngụ tình, đặc biệt là bút pháp phân tích diễn biến tâm lý

7. Vị trí đoạn trích Từ câu 193- > 216

II/ Đọc - hiểu văn bản

1. Đọc - Chú thích:

giọng buồn, nhịp đều đều, chậm rãi

2. Bố cục

Hai phần :

+ 16 câu đầu “Dạo hiên vắng

<p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Em hãy đọc diễn cảm văn bản và chú thích một số từ ngữ khó, chia bố cục văn bản.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm:</p> <p><u>Nhóm 1</u>: Người chinh phụ đã có những hành động gì ? Hành động ấy phản ánh nét tâm trạng gì ?</p> <p><u>Nhóm 2</u>: Nỗi khát khao đồng cảm sẽ chia ấy có được đáp ứng không? dựa vào đâu mà em biết?</p> <p>Nxét về NT biểu đạt và ptích tđụng của biện pháp NT ấy?</p> <p><u>Nhóm 3</u>: Nhận xét về không gian, thời gian ở 8 câu đầu ? không gian ấy có tác dụng gì trong việc diễn tả nội tâm ?</p> <p><u>Nhóm 4</u>: Mạch cảm xúc, tâm trạng của người chinh phụ có gì đổi khác ?</p> <p>Thời gian, không gian ở đây được miêu tả như thế nào ?</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p>	<p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo</p> <p>kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p>
--	--

...ngại chùng”: Nỗi buồn cô đơn của người chinh phụ trong cảnh 1 mình 1 bóng trong đèn, ngoài hiên.

+ Còn lại : nỗi nhớ thương chồng ở phương xa,

3. Đọc hiểu chi tiết: **1. Nỗi cô đơn, lẻ bóng của người chinh phụ (8 câu đầu):**

*** *Hành động, cử chỉ:***

- Dạo: thăm gieo (Bước nặng nề, mệt mỏi)

- Ngồi, buông, cuốn rèm (Hành động lặp đi lặp lại), động tác thẫn thờ

=> Tâm trạng: Buồn rầu, bồn chồn, lo lắng không yên

*** *Ngoại cảnh:*** tả cảnh ngụ tình

- Hiên vắng, rèm thưa: Cảnh vắng vẻ, hiu hắt

=> Tâm trạng trống trải, lẻ loi

- Thước chằng mách tin: Chờ mong vô vọng

- ***Hình ảnh ngọn đèn:*** Điệp lại 3 lần, điệp bắc cầu.

+ H/ả quen thuộc (cm)-> Sự nhỏ bé; sự thao thức, khắc khoải, chờ đợi và hy vọng.

+ Khát khao sự đồng cảm, chia sẻ.

Tự hỏi và trả lời: (*đèn biết chằng?*)

(*đèn chằng biết*).

-> Người chinh phụ tự ý thức được cảnh ngộ cô đơn của mình

+ Tô đậm nỗi cô đơn, sầu tủi.

+ Nỗi buồn triền miên không dứt.

-> H/a giàu giá trị biểu cảm.

<p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>-Hành động lặp đi lặp lại :</p> <ul style="list-style-type: none"> + đi lại -> hiên vắng + buông rèm, cuốn rèm nhiều lần + trách móc chim thước, tâm sự với đèn. <p>-> Diễn tả nỗi bồn chồn , khắc khoải chờ mong của người chinh phụ trong cảnh lẻ loi cô đơn khiến lòng nàng càng thêm âm đạm.</p> <p>=>Khát khao được đồng cảm, được sẻ chia</p> <ul style="list-style-type: none"> + Câu hỏi tu từ, điệp ngữ + Câu khẳng định + Độc thoại nội tâm <p>=> Cực tả cảnh lẻ loi, vô vọng của người chinh phụ.</p> <p>- Không gian:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ngoài phòng, trong phòng , vắng lặng hiu hắt + thời gian : ngày + đêm <p> làm nổi bật nỗi cô đơn , buồn tủi.</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức: <p>Thao tác 3: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nỗi sầu muộn, cô đơn của người chinh phụ</p> <p>Mục tiêu: Cảm nhận được tâm trạng cô đơn của người chinh phụ..</p>	<p>=> <i>Tả cảnh ngụ tình.</i></p> <p>* Nghệ thuật đối:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đạo hiên vắng...>< Ngồi rèm thưa... +Ngoài rèm...>< Trong rèm... <p>-> Hiện lên cả không gian thời gian</p> <p>-> Nỗi buồn bao trùm cả không gian và thời gian.</p> <p>=>Tác giả như đi đến tận cùng của nỗi buồn trong lòng chinh phụ.</p> <p>* Nhịp, vần, không gian, thời gian, giọng điệu: thống thiết, than vãn, oán trách.</p> <p>=> Tình cảm của tác giả, dịch giả: Đồng cảm, sẻ chia; tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa; đề cao khát vọng hạnh phúc.</p> <p>* Tiểu kết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích đã thể hiện một cách tinh tế, sâu sắc tâm trạng lẻ loi của người chinh phụ: Buồn, cô đơn, khát khao tình yêu, hạnh phúc. - Đoạn trích thể hiện bút pháp tả tâm trạng đặc sắc (Tả qua hành động, cử chỉ; tả cảnh ngụ tình; giọng điệu tha thiết; điệp từ, điệp ngữ...). - Thấy được tài năng và sự cảm thông vô bờ của tác giả và dịch giả. <p>.....(Hết tiết 1).....</p>
---	--

- Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu

<p>- <i>Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi</i></p> <p>- <i>Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm.</i></p> <p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Từ câu 9 đến câu 16, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng?</p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả</i></p> <p><i>Hs trả lời câu hỏi</i></p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>Gv: Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm</p> <p>- Chốt kiến thức:</p>	<p><i>2.Nỗi sầu muộn triền miên (8 câu tiếp)</i></p> <p>a- Tâm trạng của người chinh phụ trong cảm nhận về thời gian</p> <p>-Đêm trôi qua báo hiệu bằng tiếng “gà gáy eo óc”, ngày tiếp nối chỉ có “bóng cây hòe phát phơ”. tất cả trôi đi trong đơn điệu, nhàm tẻ. Có hai từ láy vừa tả ngoại cảnh vừa gợi tâm trạng buồn bã, náo nức của chinh phụ : “eo óc” “phát phơ”.</p> <p>- Hai từ láy miêu tả không gian và thời gian : “<i>dằng dặc</i>”- mỗi khắc giờ trong cảm nhận của chinh phụ như kéo dài, nặng nề, đeo đẳng.</p> <p>“ <i>dằng dặc</i>” - nỗi sầu tràn ra ngoại cảnh, trải dài theo không gian tưởng như vô cùng vô tận.</p> <p>=> Những từ láy được sử dụng tài tình, vừa để biểu đạt không gian, thời gian vừa thể hiện độ mê mẩn mang không gì đo đếm được của nỗi nhớ chồng trong lòng chinh phụ.</p>
--	--

Thao tác 4: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu nỗi nhớ thương chồng của người chinh phụ

Mục tiêu: Cảm nhận được tâm trạng nhớ chồng của người chinh phụ..

- Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu
- Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi
- Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm.
- Các bước thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chuyển giao nhiệm vụ:

* Hoạt động nhóm:

GV chia lớp thành 4 nhóm:

Nhóm 1: Tâm trạng chinh phụ chuyển biến như thế nào?

Nỗi nhớ ấy được bộc bạch ra sao?

Nhóm 2: “Lòng này” hé mở cho ta điều gì ?

“Gió đông” “non Yên” có giá trị biểu đạt như thế nào ?

Nhóm 3 : Những hình ảnh TN ở đây có gì đáng chú ý ? Nghệ thuật biểu đạt, tác dụng ?

Nhóm 4: Hai câu kết gọi nhớ đến câu thơ nổi tiếng nào trong TKiều của NĐu ? ý nghĩa ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.

* Hoạt động nhóm:

- HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp.
- HS trong từng nhóm thống nhất ý

b - Những hành động gắng gượng của chinh phụ:

- Từ “gượng” lặp lại ba lần diễn tả những **gắng gượng của chinh phụ mong thoát khỏi vòng vây của cảm giác lẻ loi cô đơn:**

+ *gượng đốt hương* – càng mê mải chìm đắm trong nỗi nhớ nhung.

+ *gượng soi gương* để trang điểm nhưng nhìn bóng mình trong gương chinh phụ không cảm nỗi nước mắt.

+ *gượng gảy đàn* – đàn sắt đàn cầm hoà âm ví như cảnh vợ chồng đoàn tụ, dây đàn uyên ương là biểu tượng của lứa đôi gắn bó như đôi chim uyên ương. Những biểu tượng ấy càng **khơi dậy nỗi niềm khao khát lứa đôi** của chinh phụ. Vì thế ba chữ *gượng* như diễn tả cảm giác vô duyên, trớ trêu trước cảnh ngộ.

3. Nỗi nhớ thương đau đáu(8 câu cuối):

- Hình ảnh:

+ *Gió đông*

+ *Non Yên* -> Ước lệ tượng trưng.

+ ***Gió đông: gió từ phương đông-> chỉ gió mùa xuân.***

+ *Non Yên:* nơi chồng đi chinh chiến lập công.

-> Người chinh phụ không biết gửi nỗi nhớ chồng với ai, muốn

nhờ ngọn gió mùa xuân mang

<p>kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức: <p>Thao tác 5 : Tổng kết</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kĩ thuật dạy học: kĩ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm. Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân suy nghĩ, tìm ra một nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật.</p>	<p>theo hơi ấm tình thương đưa đến "non Yên" những tình cảm nhung nhớ của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gió đông, non Yên là hình ảnh mang tính ước lệ-> Gọi không gian rộng lớn, một khoảng cách muôn trùng xa xôi giữa người chinh phu và người chinh phụ. Chính không gian, thời gian đó như càng nhân lên đến cao độ nỗi nhớ mong da diết, khắc khoải của người chinh phụ. - Câu thơ: + “Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời .T ăm thẳm: Nỗi nhớ nhớ kéo dài vô tận và được cụ thể bằng hình ảnh so sánh đường lên bằng trời. . Đau đầu: Thể hiện sự day dứt, lo lắng không một chút yên lòng. Như có một cái gì đó hết sức xót xa, tội nghiệp. => Hai từ láy thăm thẳm, đau đầu gợi lên một nỗi nhớ nhung da diết, khôn nguôi, một nỗi nhớ luôn canh cánh trong lòng. Nó đã diễn tả rất chân thực nỗi lòng người chinh phụ nhớ chồng. + Hai câu: Cảnh buồn người thiết tha lòng Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun Cảnh buồn-> con người cũng buồn. Ở đây, dịch giả đã gặp gỡ tác giả TK: <i>Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu Người buồn cảnh có vui đâu bao</i>
--	---

giờ

Cả hai câu thơ trong CPN và

<p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thảo luận cặp đôi và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm vào phần xung quanh bảng phụ. - HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>TK đều đã thể hiện sâu sắc và tinh tế mqh giữa ngoại cảnh và tâm cảnh, giữa cảnh vật thiên nhiên và tâm trạng con người. Đó là sự hòa đồng tâm trạng giữa thiên nhiên và con người.</p> <p>=> <i>Tuy nhiên, dường như câu thơ trong CPN còn thể hiện nỗi buồn nhớ khôn nguôi, nỗi buồn nhớ thiết tha đến nao lòng. Hai câu thơ đã thể hiện được sự hòa đồng tâm trạng giữa con người và thiên nhiên. Tâm trạng: khát khao sự đồng cảm của chính phụ nơi biên ải nhưng vô vọng, sầu nhớ da diết, triền miên.</i></p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bút pháp tả cảnh ngụ tình, miêu tả tinh tế nội tâm n/v. - Ngôn từ chọn lọc, nhiều BBT. <p>2. Nội dung: Ghi lại nỗi cô đơn buồn khổ của người chinh phụ trong tình cảnh lẻ loi cơ đơn. Đề cao hp lứa đôi và tiếng nói tố cáo chiến tranh pk.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) phân tích nguyên nhân nỗi đau khổ của người chinh phụ qua văn bản.</p>	<p>Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<ul style="list-style-type: none"> -Nội dung: Nguyên nhân đau khổ của người chinh phụ có thể là: <ul style="list-style-type: none"> + Nàng lo lắng cho sự an nguy của chồng nơi chiến trận; + Tuổi trẻ qua đi vội vã. Hạnh phúc và tình yêu cũng sẽ mất theo. Điều đó chứng tỏ nàng rất khao khát được sống trong tình yêu và hạnh phúc lứa đôi; + Niềm tin vào cuộc sống tương lai mong manh và vô vọng.
--	--

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:</p> <p><i>Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước, Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen. Ngoài rèm thước chẳng mách tin Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng? Đèn có biết dường bằng chẳng biết, Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi. Buồn rầu nói chẳng nên lời, Hoa đèn kia với bóng người khá thương.</i></p> <p>(Trích <i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i>, tr 87, Ngữ Văn 10, Tập II, NXBGD năm 2006)</p> <p>Câu 1 : Xác định thể thơ của văn bản? Xác định phương thức biểu đạt trong văn bản?</p> <p>Câu 2 : Hãy nêu những hành động và việc làm của người chinh phụ trong văn bản. Hành động và việc làm đó nói lên điều gì ?</p> <p>Câu 3 : Tác giả đã dùng yếu tố ngoại cảnh nào để diễn tả tâm trạng người chinh phụ ? Ý nghĩa của yếu tố đó ?</p> <p>Câu 4 : Viết đoạn văn ngắn (5</p>	<p>Câu 1 :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thể thơ của văn bản: song thất lục bát - Phương thức biểu đạt: biểu cảm . <p>Câu 2 :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Văn bản miêu tả một tổ hợp hành động của người chinh phụ, bao gồm: dạo, ngồi, rủ thác - Hành động của người chinh phụ được miêu tả thông qua những việc cứ lặp đi, lặp lại. Nàng rủ rèm rồi lại cuốn rèm, hết cuốn rèm rồi lại rủ rèm. Một mình nàng cứ đi đi, lại lại trong hiên vắng như để chờ đợi một tin tốt lành nào đó báo hiệu người chồng sắp về, nhưng cứ đợi mãi mà chẳng có một tin nào cả... - Cách miêu tả hành động ấy cũng đã góp phần diễn tả những mối ngổn ngang trong lòng người chinh phụ. Người cô phụ chờ chồng trong bế tắc, trong tuyệt vọng. <p>Câu 3 : Tác giả đã dùng yếu</p>

<p>đến 7 dòng) bình giảng nét độc đáo hình ảnh <i>Đèn</i> trong văn bản trên với <i>đèn</i> trong ca dao: <i>Đèn thương nhớ ai/mà đèn không tắt</i>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<p>tổ ngoại cảnh ngọn đèn trong đêm để diễn tả tâm trạng người chinh phụ.</p> <p>Ý nghĩa: Trong biết bao đêm trường cô tịch, người chinh phụ chỉ có người bạn duy nhất là ngọn đèn. Tả đèn chính là để tả không gian mênh mông, và sự cô đơn của con người. Người chinh phụ đối diện với bóng mình qua ánh đèn leo lắt trong đêm thắm. Hoa đèn với bóng người hiện lên thật tội nghiệp .</p> <p>Câu 4 : Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ; -Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng thể thơ văn bốn, ngọn đèn trong bài ca dao chỉ xuất hiện một lần diễn tả nỗi nhớ người yêu của cô gái. Đó là nỗi nhớ của niềm khao khát về một tình yêu cháy bỏng, sáng mãi như ngọn đèn kia. + Sử dụng thể thơ song thất lục bát, ngọn đèn trong văn bản xuất hiện hai lần, diễn tả nội tâm của người chinh phụ. Đêm đêm, người thiếu phụ ngồi bên ngọn đèn mong ngóng, nhớ nhung, sầu muộn cho đến khi cái bắc đèn cháy rụi thành than hồng rực như hoa. Nhà thơ tả ngọn đèn leo lét nhưng chính là để tả không gian mênh mông và sự cô đơn trầm lắng của con người.
---	--

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Tìm đọc trọn vẹn Chinh phụ ngâm -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Tìm hiểu qua sách tham khảo, mạng internet

.....

.....

.....

.....

Tuần:
 Tiết: 79
 Ngày soạn:
 Ngày kí:

TÓM TẮT VĂN BẢN THUYẾT MINH

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- **Tên bài học:** TÓM TẮT VĂN BẢN THUYẾT MINH
- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

- + Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.
- + Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: Kỹ năng tóm tắt văn bản thuyết minh.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức: Giúp học sinh:

- Ôn tập và củng cố kỹ năng tóm tắt văn bản nói chung.

2. Kỹ năng: - Tóm tắt được một văn bản thuyết minh có nội dung đơn giản về một sản vật, một danh lam thắng cảnh, một hiện tượng văn học...

3. Về thái độ, phẩm chất

a. *Thái độ*: Thích thú đọc và viết văn thuyết minh trong nhà trường cũng như theo yêu cầu của cuộc sống.

b. *Phẩm chất*

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. *Phát triển năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. *Năng lực riêng*

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của gv và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Khởi động: Gv dẫn dắt vào bài: Khi đọc một văn bản thuyết minh, ta cần hiểu và nắm được nội dung chính của văn bản đó, muốn vậy ta cần phải biết tóm tắt văn bản thuyết minh. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu về lí thuyết và đặc biệt là luyện tập cách tóm tắt văn bản thuyết minh.	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động của gv và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Thao tác 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu mục đích yêu cầu tóm tắt văn bản thuyết minh - Mục tiêu: Học sinh nắm được mục đích yêu cầu tóm tắt văn bản	I. Tìm hiểu chung 1. Mục đích yêu cầu tóm tắt văn bản thuyết minh - Tóm tắt văn bản thuyết minh nhằm: + Hiểu và nắm được nội dung chính của

đồng” giới thiệu nhà sàn và mục đích sử dụng.

+ Đoạn 2 tiếp đó đến “Cũng phải là nhà sàn”: Nguồn gốc, cấu tạo và công dụng

<p>phòng tranh, thông tin - phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chuyển giao nhiệm vụ: * Hoạt động cá nhân: Đọc các văn bản và yêu cầu bên dưới. * Hoạt động nhóm: GV chia lớp thành 4 nhóm: <u>Nhóm 1</u>, <u>Nhóm 2</u>: Đọc văn bản “ Nhà sàn” và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới <u>Nhóm 3</u>, <u>Nhóm 4</u>: Đọc văn bản về Baso và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ. * Hoạt động nhóm: - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ,</p>	<p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>
---	---

treo kết quả các nhóm khác
quan sát, nhận xét, phản biện

của
nhà
sàn.

+ Đoạn 3 còn lại: Đánh giá, ca
ngợi vẻ đẹp của nhà sàn.

Tóm tắt: Nhà sàn có mái che
dùng để ở

và sử dụng vào một số mục
đích khác. Cấu tạo của nhà sàn
bằng nguyên vật liệu tranh tre,
nứa lá đơn giản. Nhà sàn gồm
nhiều cột chống. Mặt sàn để ở
và sinh hoạt có ngăn thành
buồng. ở hai đầu là hai cầu
thang. Gầm sàn để gia súc
hoặc chứa đựng. Nhà sàn có từ
thời đồ đá mới, tồn tại ở khu vực
Đông Nam á nhất là núi cao và
cao nguyên. Nhà sàn có nhiều
tiện lợi, phù hợp với cư trú miền
núi, đầm lầy, tận dụng nguyên
vật liệu, chống được thú dữ, bảo
vệ an toàn cho con người. Nhà
sàn ở một số địa bàn miền núi
nước ta đạt tới trình độ thẩm
mĩ, hấp dẫn khách du lịch trong
và ngoài nước.

Tham khảo phần Ghi nhớ
(SGK)

*** Tìm hiểu văn bản về Baso**

a. Đối tượng thuyết minh của
văn bản là phần tiêu dẫn. Đó là
tiểu sử của Ba- sô và đặc điểm
thơ hai cư.

b. B
ố

cục

+ Đoạn 1 từ đầu đến Mi-si-ki (1867-
1902). Tóm tắt tiểu sử và giới thiệu vài
nét về tác phẩm của Ma-su-ô Ba-sô sinh
1644 trong một gia đình võ sĩ cấp thấp ở
U-ê-nơ nay là tỉnh Mi-ê, 28 tuổi, Ba-sô
sống ở Tô-ki- ô (Ê-đô) làm thơ với bút
danh Ba-sô (ba tiêu). Mười năm cuối
đời đi khắp đất nước viết du kí và thơ

<p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức: 	<p>hai cư. Ông mất năm 1694. Tác phẩm du kí “phơi thân đồng nội”, “Đoạn văn trong đẫy”, “Cánh đồng hoang”, “áo toi cho khi” và “Lối lên miền ô ku”.</p> <p>Thơ hai cư có số từ ít nhất, gồm 17 âm (5-7-5) gồm bảy, tám chữ nhật. Mỗi bài chỉ có một tứ thơ, ghi lại một văn cảnh, vài sự vật, gợi lên xúc cảm, suy tư nào đó. Không gian, thời gian là mùa (quý tứ). Thơ hai cư mang tính u tịch (thiền tông), đề cao vắng lặng, đơn sơ, u huyền, mềm mại, nhẹ nhàng. Thơ hai cư chỉ gợi, không tả chứa nhiều khoảng trống cho trí tưởng tượng. Thơ hai cư là đóng góp của Nhật Bản vào văn hóa nhân loại.</p> <p>- Văn bản “Đền Ngọc Sơn và hồn thơ Hà Nội” của Lương Quỳnh Khuê thuyết minh về một thắng cảnh. Vì thế nó khác với các văn bản thuyết minh giới thiệu một công trình kiến trúc (nhà sàn), một tác giả thơ.</p> <p>Ma-su-ô Ba-sô và thơ hai cư Nhật Bản. Lương Quỳnh Khuê đi sâu vào đối tượng và tập trung vào nội dung của thắng cảnh. Đó là những đặc điểm về kiến trúc, vẻ đẹp nên thơ nên họa của đền Ngọc Sơn. Từ đó tác giả bày tỏ niềm tự hào, tình yêu tha thiết với di sản văn hóa dân tộc.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của gv và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<i>Kĩ thuật Đặt câu hỏi,</i>	*Luyện tập PPTM

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Yêu cầu hs làm bài tập 2. Yêu cầu hs đọc lại văn bản bài Thơ Hai-cư. Yêu cầu hs đọc văn bản. - Xác định đối tượng thuyết minh? So với các văn bản thuyết minh trên, đối tượng và nội dung thuyết minh của nó có gì khác? - Viết tóm tắt đoạn giới thiệu cảnh Tháp Bút, Đài Nghiên?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Hs thực hành làm các yêu cầu trên.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>1. Các phương pháp thuyết minh: - Chú thích: <i>Hoa lan được người phương Đông...</i> - Phân tích, giải thích: <i>Họ lan...mục.</i> - Dùng số liệu: <i>chỉ riêng 10 loài hoa của chi lan Hải Vệ Nữ...</i></p> <p>2. Bài tập 2:(BTVN). * Luyện tập bài Tóm tắt VBTM <u>1. Tóm tắt phần tiểu dẫn bài Thơ Hai-cư:</u> - Đối tượng thuyết minh: tiểu sử, sự nghiệp của nhà thơ Ba-sô và những đặc điểm của thơ Hai-cư. - Bố cục: + Đoạn 1: Tiểu sử, sự nghiệp của nhà thơ Ba-sô. + Đoạn 2: Đặc điểm nội dung và nghệ thuật của thơ Hai-cư. - Tóm tắt: M. ba-sô (1644-1694) là nhà thơ hàng đầu của Nhật Bản. Ông sinh ra ở U-ê-nô, xứ I-ga, trong một gia đình võ sĩ cấp thấp. Khoảng năm 28 tuổi, ông chuyển đến Ê-đô sinh sống và làm thơ Hai-cư với bút hiệu Ba-sô. Ông để lại nhiều tác phẩm, nổi tiếng nhất là <i>Lối lên miền Ô-ku</i>. Thơ Hai-cư có số từ vào loại ít nhất thế giới, chỉ có 17 âm tiết, được ngắt ra làm ba đoạn theo thứ tự thường là 5-7-5 âm. Thơ Hai-cư thấm nhuần tinh thần thiên tông và văn hóa phương Đông nói chung. Nó thường chỉ dùng những nét chấm phá, chỉ gợi chứ ko tả, chứa rất nhiều khoảng trống cho trí tưởng tượng của người đọc. Cùng với nghệ thuật vườn cảnh, trà đạo, hoa đạo, hội họa, tiểu thuyết,...thơ Hai-cư là một đóng góp <u>lớn của Nhật Bản vào kho tàng văn hóa nhân loại.</u></p>
---	---

2. Tóm tắt văn bản: Đèn Ngọc Sơn

	<p><u>vàhồnthơHàNội.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng thuyết minh: Đền Ngọc Sơn (thắng cảnh nổi tiếng của Hà Nội). - Nội dung thuyết minh: giới thiệu quang cảnh và biểu cảm. -Tóm tắt: Đến thăm đền Ngọc Sơn, hình tượng kiến trúc đầu tiên gây ấn tượng là Tháp Bút, Đài Nghiên. Tháp Bút dựng trên đỉnh Ngọc Bội, đỉnh tháp có ngọn bút trở lên trời xanh, trên mình tháp là ba chữ “tả thiên thanh”(viết lên trời xanh) đầy kiêu hãnh. Cạnh Tháp Bút là Đài Nghiên. Gọi là Đài Nghiên bởi hình tượng công này là “cái đài” đỡ “nghiên mực” hình trái đào tạc bằng đá, đặt trên đầu ba chú ếch với thâm ý sâu xa “ao nghiên, ruộng chữ”. Phía sau Đài Nghiên là cầu Thê Húc nối sang Đảo Ngọc- nơi tọa lạc ngôi đền thiêng giữa rì rào sóng nước.
--	--

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của gv và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>Câu 1: Thuyết minh là gì?</p> <p>A. Dùng lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ một vấn đề nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một quan điểm tư tưởng.</p> <p>B.Trình bày, giới thiệu, giải thích...nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguồn nhân,...của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội</p> <p>C.Trình bày diễn biến sự việc, nhân vật nhằm giải thích sự việc, tìm hiểu con người, bày</p>	<p>1B,2B,3D,4B</p> <p>Bài 1:</p> <p>a. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về lớp / trường. - Giới thiệu chung phong trào nổi bật của lớp / trường <p>b. Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân dẫn đến phong trào - Diễn biến của phong trào <p>+ Bắt đầu</p> <p>+ Phát triển</p> <p>+ Kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của phong trào

<p>tỏ thái độ khen chê. D. Dùng các chi tiết, hình ảnh...nhằm tái hiện một cách sống động để người đọc hình dung rõ nét về sự việc, con người, phong cảnh.</p> <p>Câu 2: Văn bản thuyết minh dùng phương pháp nào? A. Miêu tả bằng lời văn. B. Trình bày, giới thiệu, giải thích. C. Kể lại câu chuyện. D. Dùng lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục người đọc, người nghe.</p> <p>Câu 3: Mục đích của văn bản thuyết minh là: A. Nhằm kể lại một câu chuyện đã có trong cuộc sống. B. Thường tả lại một người, một vật...trong đời sống. C. Dùng để bàn luận một vấn đề nào đó trong cuộc sống. D. Nhằm cung cấp tri thức(về đặc điểm, tính chất ngun nhân...) về sự việc, hiện tượng trong tự nhiên hoặc xã hội.</p> <p>Câu 4: Đối với đối tượng thuyết minh, để thuyết minh cho đúng, người viết cần nắm được nội dung: A. Tên đối tượng cần thuyết minh. B. Bản chất của đối tượng thuyết minh. C. Địa chỉ của đối tượng thuyết minh. D. Hình ảnh của đối tượng thuyết minh.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Bước 4: gv nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>GV giao nhiệm vụ: Lập dàn ý: Giới</p>	<p>- Những bài học rút ra từ phong trào c. Kết bài - Khẳng định lại sự tác động của phong trào.</p> <p>Bài 2: 1. Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Trãi và bài thơ <i>Cây chuối</i>. 2. Thuyết minh về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ : a/ Giá trị nội dung của bài thơ. + Sức sống tràn trề, tươi tốt: cây chuối vốn đã xanh tốt, bén hơi xuân lại càng tốt thêm hơn nữa. + Vẻ đẹp thanh tao, quỳn rũ: buồng chuối gợi liên tưởng đến buồng mĩ nhân với mùi hương tỏa suốt đêm thâu. + Vẻ đẹp lãng mạn, tình tứ: đọt chuối non như bức thư tình còn phong kín, e ấp trước chàng gió mùa xuân. b/ Giá trị nghệ thuật của bài thơ: thơ chữ Nôm, thất ngôn xem lục ngôn, hình ảnh gần gũi, giàu ý nghĩa. Chú ý : Có thể thuyết minh giá trị nghệ thuật của bài thơ trước rồi mới thuyết minh giá trị nội dung hoặc đan xen. - Khẳng định về giá trị của bài thơ.</p>
--	--

thiếu một phong trào của trường (lớp).

<p>GV giao nhiệm vụ: Thuyết minh bài thơ sau của Nguyễn Trãi</p> <p><i>Cây chuối</i></p> <p><i>Tự bẻ hơi xuân, tốt lại thêm, Đầy buồng lạ, màu thâu đêm. Tinh thư một bức phong còn kín, Giỏ nơi đâu gượng mở xem</i></p> <p>(Văn học 10, tập một, NXB Giáo dục - 2000, tr. 133)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	
---	--

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÒI MỞ RỘNG

Hoạt động của gv và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>+ Lập dàn ý thuyết minh về một môn thể thao mà em thích nhất</p> <p>+ Thuyết minh về một danh nhân văn hoá ở quê hương em</p> <p>+ Viết đoạn văn thuyết minh (khoảng 200 chữ) về một nghề em định lựa chọn trong tương lai. Chỉ ra em đã sử dụng phương pháp nào?</p>	

Tiết: 80 - 81

Ngày soạn:

...../...../..... Ngày kí :

...../...../.....

TRUYỆN KIỀU (PHẦN 1 - TÁC GIẢ)

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- **Tên bài học: TRUYỆN KIỀU (PHẦN 1 - TÁC GIẢ)**

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và**

HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc

trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: Những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức:

- Một số phương diện tiểu sử tác giả (hoàn cảnh xã hội, những nhân tố đời riêng) góp phần lí giải sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du).

- Nắm vững những điểm chính yếu trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

- Nắm được một số đặc điểm cơ bản của nội dung và nghệ thuật Truyện Kiều Nguyễn Du.

2. Kỹ năng: Tìm hiểu về tác gia văn học

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ:

Trân trọng giá trị văn học của tác giả Nguyễn Du

b. Phẩm chất

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Nội dung kiến thức cần đạt</i>
- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh về	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.

quê hương, nhà thơ,
tác phẩm(CNTT)
+Chuẩn bị bảng lắp

ghép



- Tập trung cao và hợp tác tốt
để giải quyết nhiệm vụ.

- Có thái độ tích cực, hứng thú.

* HS:

+ Nhìn hình đoán tác giả *Nguyễn Du*

+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả

+ Nghe một đoạn trong Hợp
xướng *Truyện Kiều*

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện
nhiệm vụ:

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào
bài:*

- Gợi cho HS nhớ lại kiến thức
về "*Truyện Kiều*" và Nguyễn Du
đã

học ở THCS

- Dẫn vào bài mới: Trong lịch sử
văn học Việt Nam, mỗi lần nhắc
đến Nguyễn Du ta thường dùng
cụm từ "Đại thi hào". Cụm từ
này đã thể hiện rõ được tài năng
của ông và những gì mà ông đã
đóng góp cho văn học nước nhà.

Hôm

nay, chúng ta cùng tìm hiểu chủ đề về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Du.	
--	--

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Hoạt động 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu về cuộc đời, con người Nguyễn Du:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến tác giả Nguyễn Du</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Dựa vào SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy cho biết, phần tiểu dẫn và những hình ảnh tư liệu trên màn hình máy chiếu cung cấp cho các em những hiểu biết cơ bản gì về cuộc đời và con người tác giả Nguyễn Du?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>I) Tác giả Nguyễn Du</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Du (1765- 1802), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên. <p><u>1. Gia đình và quê hương:</u> <u>a. Gia đình:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cha: Nguyễn Nghiễm (1708-1775), tài hoa, từng giữ chức tể tướng. - Mẹ: Trần Thị Tần (1740-1778), người con gái xứ Kinh Bắc. - Dòng họ Nguyễn Tiên Điền có hai truyền thống: <ul style="list-style-type: none"> + Khoa bảng danh vọng lớn. + Văn hóa, văn học. <p><u>b. Quê hương:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quê cha: Hà Tĩnh- vùng đất thuộc khúc ruột miền trung khổ nghèo, nơi có sông Lam, núi Hồng, sơn thủy hữu tình. - Quê mẹ: xứ Kinh Bắc hào hoa, cái nôi của dân ca quan họ. - Nơi sinh ra và lớn lên: kinh thành Thăng Long nghìn năm văn hiến. <p><u>2. Thời đại và xã hội:</u></p> <p><u>- Cuối thế kỉ XVIII- đầu thế kỉ XIX:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + XHPKVN khủng hoảng trầm trọng đầy bóng tối, khổ đau: loạn lạc, khởi nghĩa nông dân, kiêu binh nổi loạn (tính chất bi kịch).

<p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>GV: Việc Nguyễn Du đi sứ sang Trung Quốc là điều kiện để ông tiếp xúc văn hóa, nâng tầm khái quát về tư tưởng xã hội, thân phận con người trong sáng tác.</p>	<p>+ Diễn ra nhiều biến cố lớn: Tây Sơn thay đổi sơn hà diệt Lê, Trịnh, diệt Xiêm, đuổi Thanh, huy hoàng một thuở; Nhà Nguyễn lập lại chính quyền chuyên chế và thống nhất đất nước, thiết lập chế độ cai trị hà khắc (1802).</p> <p><u>3. Cuộc đời Nguyễn Du:</u></p> <p>- Thời thơ ấu và niên thiếu: sống trong không khí một gia đình phong kiến quý tộc bậc nhất ở kinh thành Thăng Long có điều kiện thuận lợi để:</p> <p>+ Dùi mài kinh sử, tích lũy vốn văn hóa, văn học, làm nền tảng cho sáng tác văn chương sau này.</p> <p>+ Hiểu rõ bản chất của hàng quan lại đương thời cùng với cuộc sống phong lưu, xa hoa của giới quý tộc phong kiến để lại dấu ấn đậm nét trong các sáng tác của Nguyễn Du.</p> <p>- Đỗ Tam trường năm 18 tuổi (1783).</p> <p>- Từ 1789 - trước khi ra làm quan cho nhà Nguyễn:</p> <p>+ Trải qua thời kì hơn 10 năm gió bụi lưu lạc ở quê vợ (Quỳnh Côi, trấn Sơn Nam - nay thuộc tỉnh Thái Bình), ông rơi vào cuộc sống vô cùng khó khăn, thiếu thốn, cực khổ.</p> <p>4. Những yếu tố kết tinh nên một thiên tài Nguyễn Du</p> <p>a/ Thời đại : Đó là một thời đại bão táp của lịch sử. Những cuộc chiến tranh dai dẳng, triền miên giữa các tập đoàn phong kiến đã làm cho cuộc sống xã hội trở nên điều đứng, số phận con người bị</p>
---	--

<p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu về sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Dựa vào SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy cho biết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Kể tên các sáng tác của Nguyễn Du? - Nhóm 2: Đặc điểm về nội dung thơ văn Nguyễn Du? - Nhóm 3: Đặc điểm về nghệ thuật thơ văn Nguyễn Du? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu. * Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả vào bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. 	<p>chà đạp thê thảm</p> <p>b/ <u>Quê hương và gia đình</u> : Quê hương núi Hồng sông Lam cùng với truyền thống gia đình khoa bảng lớn cũng là một yếu tố quan trọng làm nên thiên tài Nguyễn Du</p> <p>c/ <u>Bản thân</u> cuộc đời gió bụi, phiêu bạt trong loạn lạc chính là yếu tố quan trọng nhất để Nguyễn Du có vốn sống và tư tưởng làm nên một đỉnh cao văn học có một không hai : <i>Truyện Kiều</i>.</p> <p>(Hết tiết 80)</p> <p>II-Sự nghiệp sáng tác</p> <p>1. Các sáng tác chính</p> <p>Phong phú và đồ sộ gồm: văn thơ chữ Hán và chữ Nôm</p> <p>a. Sáng tác bằng chữ Hán: 249 bài, ba tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh Hiên thi tập (78 bài); - Nam trung tạp ngâm (40 bài); - Bắc hành tạp lục (131 bài). <p>b. Sáng tác bằng chữ Nôm:</p> <ul style="list-style-type: none"> *Truyện Kiều - Nội dung <ul style="list-style-type: none"> + Vận mệnh con người trong xã hội phong kiến bất công, tàn bạo; + Khát vọng tình yêu đôi lứa; + Bản cáo trạng đanh thép của xã hội đã chà đạp lên quyền sống, tự do hạnh phúc của con người đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội
--	---

phong kiến.

+ Nguyễn Du đã tái hiện hiện thực

<p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>Giáo viên: Nguồn gốc:</p> <p>+ Dựa vào Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc) - tiểu thuyết chương hồi bằng văn xuôi chữ Hán</p> <p>+ Nguyễn Du sáng tác bổ sung những day dứt trần trở được chứng kiến từ lịch sử, xã hội và con người. Ông hoàn thành Đoạn trường tân thanh, 3254 câu thơ lục bát.</p> <p>GV nhấn mạnh ý chính:</p> <p>- Truyện Kiều tuy là được sáng tác trên cơ sở của Kim Vân Kiều Truyện nhưng Nguyễn Du đã viết với cảm hứng mới, nhận thức mới và có những thành công mới.</p> <p>- Truyện Kiều và Văn chiêu hồn: đều mang giá trị nhân đạo rất cao. Tác giả quan tâm đến cả thân phận những con người thấp bé, dưới đáy xã hội, đặc biệt là người phụ nữ.</p> <p>“Đau đớn thay phận đàn bà Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung” (Truyện Kiều)</p> <p>“Đau đớn thay phận đàn bà Kiếp sinh ra thế biết là tại đây</p>	<p>Lấy ai bông bế vào ra</p>
---	------------------------------

Kìa những đứa tiểu nhi tầm bé
Lỗi giờ sinh lìa mẹ, lìa cha

sâu sắc của cuộc sống tạo nên giá trị nhân đạo tác phẩm.

+ Quan niệm nhân sinh: “chữ tài” gắn liền với chữ “mệnh”; chữ “tâm” gắn với chữ “tài”.

* Văn chiêu hồn (Văn tế thập loại chúng sinh)

- Viết bằng thể thơ lục bát;

- Thể hiện tấm lòng nhân ái mệnh mông của nhà nghệ sĩ hướng tới những linh hồn bơ vơ, không nơi tựa nương, nhất là phụ nữ và trẻ em trong ngày lễ Vu lan (rằm tháng bảy) ở Việt Nam.

2. Một vài đặc điểm về nội dung và nghệ thuật thơ văn Nguyễn Du.

a. Nội dung:

- Trữ tình.

- Thể hiện tình cảm chân thành.

- Cảm thông sâu sắc của tác giả đối với cuộc sống và con người - những con người nhỏ bé, những số phận bất hạnh, những phụ nữ tài hoa bạc mệnh.

- Triết lí về số phận đàn bà hai lần vang lên sâu thẳm và bi thiết trong Truyện Kiều và Văn chiêu hồn.

- Khái quát bản chất tàn bạo của chế độ phong kiến, bọn vua

chúa tàn bạo, bất công chà đạp quyền sống con người.

- Là người đầu tiên đặt vấn đề về những người phụ nữ hồng nhan đa

U ơ tiếng khóc thiết tha nỗi lòng”
(Văn Chiếu

Hồn)

Gv bổ sung: Trong *Văn chiếu hồn*, Nguyễn Du cất tiếng khóc than cho mười kiếp người nhỏ bé, đáng thương nhất trong xã hội (những tiểu nhi tám bé, những phụ nữ, kĩ nữ tài hoa bạc mệnh, những học trò nghèo, những người hành khất, những người dân lao động lam lũ “đòn gánh tre chín dạn hai vai”,...

Thao tác 3: Giáo viên hướng dẫn học sinh tổng kết:

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập

?*Khái quát cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Du.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân tổng kết nội dung bài học và ghi lại những thông tin cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài học vào giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi.
- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

trần, tài hoa bạc mệnh với tấm lòng và cái nhìn nhân đạo sâu sắc.

- Đề cao quyền sống con người, đồng cảm và ngợi ca tình yêu lứa đôi tự do, khát vọng tự do và hạnh phúc của con người (mối tình Kiều- Kim, về nhân vật Từ Hải).

b. Nghệ thuật:

- Học vấn uyên bác, thành công trong nhiều thể loại thơ ca: ngũ ngôn, thất ngôn, ca, hành.

- Thơ lục bát, song thất lục bát chữ Nôm lên đến tuyệt đỉnh thi ca cổ trung đại.

- Tinh hoa ngôn ngữ bình dân và bác học Việt đã kết tụ nơi thiên tài Nguyễn Du - nhà phân tích tâm lí bậc nhất, bậc đại thành của thơ lục bát và song thất lục bát.

III- Kết luận

- Phần ghi nhớ SGK.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Câu 1: Nguồn gốc Truyện Kiều?</p> <p>Câu 2: Sự sáng tạo của Nguyễn Du trong Truyện Kiều?</p> <p>Câu 3: Tóm tắt TK?</p> <p>Câu 4: Giá trị Truyện Kiều</p> <p>Câu 5: Nội dung tư tưởng và nghệ thuật của TK?</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Câu 1: Từ cốt truyện Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc) với tài năng nghệ thuật bậc thầy, nhất là với tấm lòng nhân đạo bao la, ND đã sáng tạo ra một kiệt tác văn chương bất hủ : Đoạn trường tân thanh</p> <p>Câu 2 : Về nội dung: Từ câu chuyện tình của Thanh Tồn Tài Nhân, ND đã tạo nên một "Khúc ca mới đứt ruột" (Đoạn trường tân thanh), nhấn vào nỗi đau bạc mệnh và gửi gắm những xúc cảm về nhân sinh của nhà thơ trước "những điều trông thấy".</p> <p>- Về nghệ thuật: Lược bỏ các tình tiết về mưu mẹo, về báo oán,... (trong tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân), bằng thể lục bát truyền thống, với một ngôn ngữ trau chuốt tinh vi, chính xác đến trình độ cổ điển, trong một truyện thơ Nôm, Nguyễn Du tập trung thể hiện nội tâm nhân vật một cách tài tình.</p> <p>Câu 3 : 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gặp gỡ và đính ước. - Gia biến và lưu lạc. - Đoàn tụ. <p>Câu 4 :</p> <p>1/ Nội dung tư tưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị hiện thực : TK là bức tranh hiện thực về 1 XH bất công, tàn bạo. - Giá trị nhân đạo: <p>+ Tiếng nói cảm thương trước số phận bi kịch của con người.</p>

	<p>+ Tiếng nói lên án, tố cáo những thế lực xấu xa, tàn bạo.</p> <p>+ Tiếng nói khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm và những khát vọng chân chính của con người như khát vọng về quyền sống, khát vọng tự do, công lí, khát vọng tình yêu, hạnh phúc...</p> <p>2/ Nghệ thuật:</p> <p>+ Nghệ thuật khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí nhân vật.</p> <p>+ Nghệ thuật kể chuyện.</p> <p>+ Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ : thể thơ lục bát đã đạt tới đỉnh cao rực rỡ.</p> <p>=> Kết luận: Truyện Kiều là kiệt tác số một của văn học dân tộc Việt Nam, di sản văn học của nhân loại, là một "tập đại thành" của truyền thống nghệ thuật, văn hoá Việt Nam, tiêu biểu cho cảm hứng nhân đạo chủ nghĩa, vừa là niềm thương cảm sâu sắc, là tấm lòng "nghĩ tới muôn đời", vừa là thái độ nâng niu, trân trọng những giá trị nhân bản cao đẹp của con người.1.</p> <p>GV tổ chức cho HS làm bài tập trắc nghiệm</p> <p>- Vẽ SĐTD và toàn bộ nội dung bài học</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Kĩ thuật nêu vấn đề, đặt câu hỏi</p> <p>-PP: Thảo luận</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>** Mở bài: Nguyễn Du là một đại thi hào dân tộc, một danh nhân văn hóa thế giới, một nhà nhân đạo lỗi lạc có “con mắt nhìn thấu sáu cõi” và “tấm lòng nghĩ suốt ngàn đời” (Mộng Liên</p>

<p>? Thuyết minh về tác giả Nguyễn Du.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Đường chủ nhân).</p> <p>** Thân bài:</p> <p>++Nguyễn Du, tên chữ là Tố Như, tên hiệu là Thanh Hiên, quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông sinh năm 1765 (Ất Dậu) trong một gia đình có nhiều đời và nhiều người làm quan to dưới triều Lê, Trịnh. Cha là Nguyễn Nghiễm từng giữ chức Tể tướng 15 năm. Mẹ là Trần Thị Tần, một người phụ nữ Kinh Bắc có tài xướng ca.</p> <p>+ +Quê hương Nguyễn Du là vùng đất địa linh, nhân kiệt, hiếu học và trọng tài. Gia đình Nguyễn Du có truyền thống học vấn uyên bác, có nhiều tài năng văn học. Gia đình và quê hương chính là “mảnh đất phì nhiêu” nuôi dưỡng thiên tài Nguyễn Du.</p> <p>++ Thời thơ ấu, Nguyễn Du sống trong nhung lụa. Lên 10 tuổi lần lượt mồ côi cả cha lẫn mẹ, cuộc đời Nguyễn Du bắt đầu gặp những sóng gió trong cơn quốc biến ba đào: sống nhờ Nguyễn Khản (anh cùng cha khác mẹ làm Thừa tướng phủ chúa Trịnh) thì Nguyễn Khản bị giam, bị Kiêu binh phá nhà phải chạy trốn. Năm 19 tuổi, Nguyễn Du thi đỗ tam trường rồi làm một chức quan ở tận Thái Nguyên. Chẳng bao lâu nhà Lê sụp đổ (1789) Nguyễn Du lánh về quê vợ ở Thái Bình rồi vợ mất, ông lại về quê cha, có lúc lên Bắc Ninh quê mẹ, nhiều nhất là thời gian ông sống không nhà ở kinh thành Thăng Long.</p>
--	---

	<p>++Hơn mười năm chìm nổi long đong ngoài đất Bắc, Nguyễn Du sống gần gũi nhân dân và thâm thìa biết bao nỗi ấm lạnh kiếp người, đặc biệt là người dân lao động, phụ nữ, trẻ em, cầm ca, ăn mày... những con người “dưới đáy” xã hội. Chính nỗi bất hạnh lớn trong cuộc đời đã hun đúc nên thiên tài Nguyễn Du - nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.</p> <p>++ Tư tưởng Nguyễn Du khá phức tạp và có những mâu thuẫn: trung thành với nhà Lê, không hợp tác với nhà Tây Sơn, bất đắc dĩ làm quan cho nhà Nguyễn. Ông là một người có lí tưởng, có hoài bão nhưng trước cuộc đời gió bụi lại buồn chán, Nguyễn Du coi mọi chuyện (tu Phật, tu tiên, đi câu, đi săn, hành lạc...) đều là chuyện hão nhưng lại rơi lệ đoạn trường trước những cuộc bể dâu. Nguyễn Du đã đứng giữa giông tố cuộc đời trong một giai đoạn lịch sử đầy bi kịch. Đó là bi kịch của đời ông nhưng chính điều đó lại khiến tác phẩm của ông chứa đựng chiều sâu chưa từng có trong thơ văn Việt Nam.</p> <p>++ Nguyễn Du có ba tập thơ chữ Hán là: Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm và Bắc hành tạp lục, tổng cộng 250 bài thơ Nôm, Nguyễn Du có kiệt tác Đoạn trường tân thanh (Truyện Kiều), Văn tế thập loại chúng sinh (Văn chiêu hồn) và một số sáng tác đậm chất dân gian như Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu; vè Thác lèn trai phường nón.</p> <p>++ Sáng tác của Nguyễn Du bao</p>
--	--

	<p>trầm tư tưởng nhân đạo, trước hết và trên hết là niềm quan tâm sâu sắc tới thân phận con người. Truyện Kiều không chỉ là bản cáo trạng mà còn là khúc ca tình yêu tự do trong sáng, là giấc mơ tự do công lí “tháo cũi sổ lồng”. Nhưng toàn bộ Truyện Kiều chủ yếu là tiếng khóc xé ruột cho thân phận và nhân phẩm con người bị chà đạp, đặc biệt là người phụ nữ.</p> <p><u>Kết bài:</u></p> <p>Xin được mượn những câu thơ của nhà thơ Tố Hữu tri âm cùng Tố Như để thay cho lời kết:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Tiếng thơ ai động đất trời Nghe như non nước vọng lời ngàn thu Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày”.</i></p>
--	--

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÀI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
Sưu tầm tranh ảnh, audio, video clip, những bài thơ liên quan đến Nguyễn Du để làm bài thuyết trình về Nguyễn Du và Truyện Kiều.	Học sinh chuẩn bị ở nhà.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần:

Tiết: 82

Ngày soạn:

Ngày kí:

TRAO DUYÊN (T1)
(Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- **Tên bài học:** TRAO DUYÊN (Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du)

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và**

HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: Bi kịch tình yêu, thân phận bất hạnh và sự hi sinh quên mình của Kiều vì hạnh phúc của người thân qua lời "trao duyên" đầy đau khổ.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Trọng tâm kiến thức kĩ năng

a. Kiến thức

- Bi kịch tình yêu, thân phận bất hạnh và sự hi sinh quên mình của Kiều vì hạnh phúc của người thân qua lời "trao duyên" đầy đau khổ.

- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, sử dụng thành công lời độc thoại nội tâm .

b. Kỹ năng: Đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

c. Thái độ: Trân trọng Nguyễn Du và giá trị văn chương cổ

2. Định hướng năng lực, phẩm chất HS

a. Năng lực

Giúp HS hình thành một số năng lực trong các năng lực sau:

- **Năng lực chung**: Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, CNTT, TT...

- **Năng lực riêng:** sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, cảm thụ thẩm mỹ, ...

b. Phẩm chất: Yêu thương con người, tự chủ ...

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của gv và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập. Khởi động: GV chiếu hình ảnh, video về Truyện Kiều và dẫn dắt tình huống dẫn đến đoạn trích. Hoặc GV cho HS chơi trò chơi ô chữ với chủ đề: <i>Truyện Kiều</i> <i>Bước 2: thực hiện nhiệm vụ học tập</i> <i>Bước 3: Học sinh báo cáo nhiệm vụ học tập</i> <i>Bước 4: gv nhận xét, chốt kiến thức</i> và giới thiệu bài mới: Mộng Liên Đường chủ nhân đã khái quát về thân thế Thúy Kiều: “<i>Khi la láng tình thơ, người tựa án khen tài châu ngọc; khi duyên ư kim cải non biển thê bồi; khi đất nổi ba đào, của nhà tan tác; khi lầu xanh, khi rừng tía côi đi về nghĩ cũng chôn chân; khi kinh kệ, khi can qua, mùi từng trải nghĩ càng tê lười...</i>”. Thật vậy, Thúy Kiều đã phải trải qua hầu hết những đau khổ của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến: gia đình li tán, tình yêu tan vỡ, làm gái thanh lâu, làm nô tì, làm vợ lẽ, tu hành bất đắc chí và rồi ko chồng ko con giữa 30 tuổi đời. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu đoạn trích <i>Trao duyên</i> để thấu hiểu nỗi đau vì bi kịch tình yêu tan vỡ của nàng</p>	

HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Thao tác 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về đoạn trích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh nắm được vị trí, nội dung, tình huống dẫn đến đoạn trích. - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến đoạn trích.</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào phần tiểu dẫn / SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy cho biết vị trí, tình huống dẫn đến đoạn trích, bố cục của đoạn trích?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan</p>	<p>I- Tìm hiểu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích thuộc phần II “Gia biến và lưu lạc” của Truyện Kiều. Là đoạn thơ mở đầu cho quãng đời 15 năm đau khổ, lưu lạc của Kiều. - Trích từ câu thơ 723 đến 756 trong tác phẩm.

<p>sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>Giáo viên: Tình duyên là một chuyện tế nhị, chuyện trăm năm, hệ trọng cả một đời người và ko dễ gì trao lại cho người khác .Nhưng Kiều lại phải nhờ cậy em, trao duyên cho em trả nghĩa với chàng Kim. Thao tác 2:</p> <p>Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh hiểu được cách Kiều thuyết phục, trao duyên cho Thúy Vân và tâm trạng Kiều. - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. <p>- Các bước thực hiện:</p>	<p>II- Đọc - hiểu văn bản</p> <p>1. Đọc diễn cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Giải nghĩa từ khó: SGK. b. Bố cục <p>- 12 câu đầu: Kiều tìm cách thuyết phục, trao duyên cho Thúy Vân.</p>
---	---

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến đoạn trích.</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Em nhận xét gì về ngôn ngữ của Thuý Kiều đối với Thuý Vân? - Nhóm 2: Ngôn ngữ của Nguyễn Du trong đoạn thơ có gì gần gũi với cách nói của dân gian? - Nhóm 3;4: Tâm trạng của Kiều khi nói được ra điều mình muốn nói? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc văn bản trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 14 câu tiếp: Kiều trao kỉ vật và dặn dò thêm em. - 8 câu cuối: Kiều đau đớn thảm thiết, đến ngất đi. <p>2. Phân tích</p> <p><u>a.Đoạn1:Kiềutìmcáchthuyếtphục, trao duyên cho Thuý Vân.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai câu đầu: <p style="text-align: center;">“Cậy em, em có chịu lời, Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa”</p> - "Cậy": nhờ vả, trông mong tin tưởng, gửi gắm niềmhi vọng thiết tha; - "Chịu lời": cầu em hãy lắng nghe mình, chấp nhận, chịu thiệt thòi; - "Lạy": trang nghiêm, hệ trọng - “Thưa” : kính cẩn, trang trọng <p>=>Sự việc bất ngờ: Kiều đột ngột đề nghị Thuý Vân ngồi lên cho mình “lạy” rồi mới “thưa”. Kiều coi Thuý Vân như ân nhân số một của mình, đưa Thuý Vân vào tình thế không thể từ chối, ràng buộc Thuý Vân bằng cách đưa ra những mối quan hệ tình cảm “ vì cây dây leo”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 6 câu tiếp theo: Kiều đã giải bày thật
---	---

<p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>Thao tác 3: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh hiểu được cách Kiều thuyết phục, trao duyên, trao kỉ vật cho Thúy Vân và tâm trạng Kiều. - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: 	<p>nhanh, ngôn ngữ niềm tâm sự trong lòng (vì hoàn cảnh; vì gia đình) để thuyết phục Thúy Vân. Kiều mong em hiểu và hi vọng Thúy Vân chung vai gánh vác.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngôn ngữ Nguyễn Du có sự kết hợp hài hoà giữa cách nói trang trọng, văn hoa và giản dị, nôm na của cách nói dân gian. + Sử dụng các điển tích "keo loan", "tơ duyên" đi với các thành ngữ "tình máu mủ", "lời non nước", "thịt nát xương mòn", "ngậm cười chín suối..." - Tâm trạng Kiều: + Biết ơn chân thành, yên tâm, thanh thản + Mâu thuẫn bi kịch thực sự trong lòng kiều đến đây lại bùng lên mãnh liệt. <p><u>b.Đoạn2:Kiềutraokỉvậtvàdặndò.</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao lại cho Thúy Vân những tín vật thiêng liêng, hẹn ước Kim - Kiều: <p style="text-align: center;">“... Chiếc thoa với bức tờ mây, (...) Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa...”</p> <p>=> Lời Kiều ở đây chứa chất bao đau</p>
---	--

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học

<p>tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến đoạn trích.</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: <i>Kiều trao kỉ vật cho em trong tâm trạng như thế nào?</i> - <i>Những kỉ vật thiêng liêng này có ý nghĩa như thế nào đối với Kiều.</i> - <i>Nhóm 2: Kiều đã dự đoán trước số phận của mình như thế nào?</i> - <i>Tâm trạng Kiều đến đây như thế nào.</i> - <i>Nhóm 3: Sau khi trao kỉ vật, Thuý Kiều dặn em điều gì ? Tâm trạng của Kiều lúc bấy giờ ?</i> - <i>Nhóm 4: Kiều tự độc thoại nội tâm của mình như thế nào ở đoạn kết?</i> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc văn bản trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo</p>	<p>đón, giăng xé, chua chát:</p> <p>“...<i>Duyên này thì giữ vật này của chung</i>”</p> <ul style="list-style-type: none"> - "<i>Của tin</i>" là vật làm tin giữa Kim và Kiều, trong của làm tin vô tri ấy có tâm hồn của Thuý Kiều. - Kiều tiên đoán cảnh tượng oan nghiệt đau đớn, xót xa: "<i>người mệnh bạc</i>" người có số phận bạc bẽo không may mắn, không thoát ra được như một định mệnh - chết oan, chết hận. <p>+ "<i>Mai sauhiu hiu gió thì hay chi về</i>" và khi ấy em hãy: "<i>Rảy xin chén nước cho người thác oan</i>"</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiều không thể quên được ân tình của mình. Nàng muốn trở về với tình yêu bằng linh hồn bất tử. => Khát vọng tình yêu và hạnh phúc không nguôi trong lòng Kiều. <p>=> Kiều trao kỉ vật cho em mà lòng Kiều thổn thức, náo nức, nuối tiếc, đau xót. Tâm trạng đau đớn, vò xé, đang nói chuyện với Thuý Vân nhưng dường như nàng đang tâm thiết với nỗi đau riêng trong tâm hồn mình.</p> <p><u>c.8câu cuối:lời độc thoại nội tâm của</u></p>
--	---

<p>luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>Thao tác 4: Tổng kết</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p>	<p>Kiều:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bây giờ: trâm gãy bình tan; phận bạc như vôi; hoa trôi, nước chảy lỡ làng,... - Như từ cõi chết Kiều quay về thực tại tất cả đã dở dang, đổ vỡ,... - Kiều nhận lỗi lầm về mình, tự cho rằng mình là người phụ bạc. Đây là phẩm chất cao quý của Kiều. - Nhịp thơ hai câu cuối: 3/3 và 2/2/2/2 như nhát cắt, tiếng nấc nghẹn ngào, đau đớn chia lìa. <p>=> Tình cảnh Thuý Kiều đau khổ đến cực độ, Kiều quên hẳn người đang đối thoại một mình, nói với người yêu vắng mặt nhiều lời thống thiết nghẹn ngào. Hơn thế, Kiều vẫn sáng ngời nhân cách cao thượng, vị tha, hi sinh cao quý.</p> <p>III-Tổng kết</p> <p>1. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm viết lên bằng khả năng thông cảm sâu sắc của người nghệ sĩ khi hoá thân thành người trong cuộc để nói lên những tâm tư sâu kín, uẩn khuất nhất trong cõi lòng . - Đoạn thơ bi thương nhưng không hề đen tối bởi cái bi thương toát ra phẩm
---	--

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học

tập

GV chuyển giao nhiệm vụ: *Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân

suy nghĩ, tìm ra một nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật.

* Hoạt động nhóm:

- Học sinh thảo luận cặp đôi và ghi lại những thông tin cơ bản về nội dung và nghệ thuật vào phần xung quanh bảng phụ.

- HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi.

- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

chất cao đẹp của con người, vang lên lời

tố cáo tội ác xã hội bất công đã chồng chất khổ đau lên một kiếp người .

2. Nghệ thuật

- Miêu tả, phân tích tâm trạng phức tạp, mâu thuẫn chân thực, tinh tế, ngôn ngữ biến hoá linh hoạt .

- Sử dụng nhiều thành ngữ quen thuộc tạo nên tâm trạng đầy kịch tính .

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt		
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập. (Lập bảng).</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	Văn bản/Tiêu chí	Thể loại	Nội dung
	Đoạn trích “Trao duyên”	Thơ nôm	<p>Kiều trao duyên, nhờ Thúy Vân kết duyên cùng KT với tâm tư sâu kín, uẩn khuất nhất trong cõi lòng</p> <p>- Đoạn thơ bi thương nhưng không hề đen tối bởi cái bi thương toát ra phẩm chất cao đẹp của con người, vang lên lời tố cáo tội ác xã hội bất công đã chồng chất khổ đau lên một kiếp người .</p>

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Kĩ thuật nêu vấn đề, đặt câu hỏi</p> <p>-PP: Thảo luận</p> <p>** Bài tập 1:</p> <p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1/ Nêu ý nghĩa bài thơ</p> <p>Độc Tiểu Thanh kị?</p> <p>2/ Nhìn một cách khái quát, bài thơ chia làm 2 phần. Hãy đặt tên cho mỗi phần .</p> <p>3/ Nêu hiệu quả nghệ thuật của câu hỏi tu từ ở cuối bài thơ?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Bước 4: gv nhận xét, chốt kiến thức.</p> <p>** Bài tập 2:</p> <p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Độc văn bản sau và trả lời câu hỏi:</p> <p><i>Cây em, em có chịu lời,</i></p> <p>.....</p> <p><i>Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây.</i></p> <p>(Trích <i>Trao duyên</i>, Trang 104, Ngữ văn 10, Tập II, NXBGD, 2006)</p> <p>1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.</p>	<p>** Bài tập 1:</p> <p>1/ Ý nghĩa bài thơ: Niềm cảm thương mà Nguyễn Du dành cho Tiểu Thanh và tâm sự khao khát tri âm hướng về hậu thế; vẻ đẹp của chủ nghĩa nhân đạo Nguyễn Du.</p> <p>2/ Nhìn một cách khái quát, bài thơ chia làm 2 phần. Bốn câu đầu là khóc nàng Tiểu Thanh. Bốn câu sau là Nguyễn Du tự khóc mình.</p> <p>3/ Hiệu quả nghệ thuật của câu hỏi tu từ ở cuối bài thơ : Đó là câu hỏi nhưng không có câu trả lời. Nguyễn Du xót thương Tiểu Thanh đồng nghĩa xót thương bản thân mình. Tiểu Thanh may mắn được nhiều người biết đến, trong đó có Nguyễn Du. Nguyễn Du thì không biết rồi đây có ai khóc mình như mình khóc Tiểu Thanh không ? Tâm sự của nhà thơ là tâm sự u hoài của một tài năng văn chương, của một nhân cách lớn, thể hiện tấm lòng nhân đạo bao la của một đại thi hào dân tộc.</p> <p>** Bài tập 2:</p> <p>1/ Văn bản trên có nội dung chính: Thuý Kiều nhờ cậy Thuý Vân thay mình kết duyên với Kim Trọng ;</p> <p>Phong cách ngôn ngữ của văn bản là phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.</p> <p>2/ Biện pháp tu từ trong hai câu thơ: <i>Kể từ khi gặp chàng Kim/Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề</i> :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phép điệp từ <i>khi</i> 3 lần ; - Phép liệt kê : <i>khi gặp chàng Kim ; Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề</i> : <p>Hiệu quả nghệ thuật: Một loạt điệp từ, liệt kê đem lại cho lời kể của Kiều giọng điệu tha thiết, dồn dập, tha thiết. Kiều không chỉ kể</p>

<p>2/ Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ trong hai câu thơ: <i>Kể từ khi gặp chàng Kim/Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.</i></p> <p>3/ Xác định thành ngữ và nêu tác dụng của các thành ngữ trong 2 câu thơ: <i>Chị dù thịt nát xương mòn, Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.</i></p> <p>4/ Kiều đã ràng buộc Vân nhận lời trao duyên của mình như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<p>lại mà nàng dường như đang trở về để sống với quá khứ đẹp một lần nữa</p> <p>3/Thành ngữ: <i>thịt nát xương mòn ; ngậm cười chín suối</i></p> <p>Tác dụng của các thành ngữ : chứng tỏ Nguyễn Du am hiểu và vận dụng khéo léo thành ngữ dân gian trong Truyện Kiều. Những thành ngữ đó có tác dụng thuyết phục, đưa Vân vào tình thế phải nhận lời. Điều đó thể hiện sự thông minh, khéo léo của Kiều.</p> <p>4/ Kiều đã ràng buộc Vân nhận lời trao duyên của mình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuý Kiều đã dùng cách nói nhún nhường nhưng mang hàm nghĩa giao phó: <i>cậy</i> (rất khác với nhờ)...câu hỏi tu từ về như ước hỏi nhưng mang hàm ý bắt buộc . - Thuý Kiều đã dùng nghi thức rất trang trọng: <i>ngồi lên-lạy-thưa</i> . - Kiều sử dụng cách cậy nhờ vào tuổi thanh xuân của em (<i>ngày xuân em hãy còn dài</i>) qua đó ràng buộc Vân bằng lí- không thể từ chối . - Kiều dựa vào <i>tình máu mủ</i>, quan hệ huyết thống (<i>xót tình máu mủ</i>) qua đó ràng buộc Vân bằng tình; - Cuối cùng, nàng lấy chính cái chết của mình tỏ lòng biết ơn để Vân không thể thoái thác (<i>Chị dù thịt nát xương mòn/Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây</i>).
---	---

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÀI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
1.Từ chủ nghĩa nhân đạo của	Học sinh chuẩn bị ở nhà.

<p>Nguyễn Du, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ về lòng thương người của tuổi trẻ hôm nay.</p> <p>2.Sưu tầm tranh ảnh, audio, video clip, những bài thơ liên quan đến Nguyễn Du để làm bài thuyết trình về Nguyễn Du và Truyện Kiều</p>	
---	--

Tuần:

Tiết: 83

Ngày soạn:

Ngày kí:

LẬP DÀN Ý BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- **Tên bài học:** LẬP DÀN Ý BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và HS:**

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: tác dụng của việc lập dàn ý và cách thức lập dàn ý cho bài văn nghị luận.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức: - Nắm được tác dụng của việc lập dàn ý và cách thức lập dàn ý cho bài văn nghị luận.

2. Kỹ năng: - Tích hợp với các kiến thức về văn, tiếng Việt và vốn sống thực tế, rèn luyện kỹ năng lập dàn ý cho bài văn nghị luận.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. *Thái độ*: Có thái độ đúng đắn trước một vấn đề xã hội

b. *Phẩm chất*

- + Sống yêu thương:
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. *Phát triển năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. *Năng lực riêng*

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>- GV giao nhiệm vụ: GV đưa ra tình huống: Một học sinh khi làm bài với yêu cầu: Viết bài văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng nghiện facebook của giới trẻ hiện nay, đã trình bày các ý như: facebook là gì- cách tạo facebook- hướng dẫn cách chơi facebook. Theo em, những ý đó có đúng với yêu cầu đề ra không? Nếu không, hãy nêu lí do vì sao?</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Các ý trên không đúng vì người viết không phân tích, tìm hiểu đề và lập dàn ý nên làm bài lạc đề. Ý chính là bàn về hiện tượng nghiện facebook...</p> <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Như vậy, trong văn nghị luận (xã hội và văn học), việc tìm hiểu đề, lập dàn ý đóng vai trò rất quan trọng trước khi tiến hành viết bài văn hoàn chỉnh. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu</p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

việc lập dàn ý BÀI VĂN NGHỊ LUẬN.	
-----------------------------------	--

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu tác dụng của việc lập dàn ý</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu tác dụng của việc lập dàn ý.</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm. Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Em cho biết tác dụng của việc lập dàn ý, mô hình khi tiến hành làm một bài văn như thế nào? Tính chất những phần của bài văn?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc SGK, suy nghĩ, tìm ra câu trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>I. Tác dụng của việc lập dàn ý</p> <p>1. Tác dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là công việc lựa chọn và sắp xếp những nội dung cơ bản dự định triển khai vào bố cục ba phần của văn bản. - Giúp bao quát được những nội dung chủ yếu, những luận điểm, luận cứ cần triển khai, phạm vi và mức độ nghị luận. - Tránh tình trạng xa đề, lạc đề, lặp ý, bỏ sót, hoặc triển khai không cân xứng. Phân bố thời gian hợp lý khi làm bài. <p>2. Mô hình (1)Đề bài - (2) Dàn ý - (3) Bài viết.</p> <p>(1) Đề bài: cho trước, mang tính bắt buộc.</p> <p>(2) Dàn ý: tự xây dựng, mang tính sáng tạo, tùy thuộc vào trình độ, sở thích, kỹ năng,... của mỗi cá nhân.</p> <p>(3) Bài viết: sản phẩm ngôn ngữ cụ thể, hoàn chỉnh, phản ánh đầy đủ cách hiểu đề, cách lập dàn ý, khả năng vận dụng tri thức và kỹ năng... của người viết.</p>

<p>Thao tác 2: Tìm hiểu phần: Cách lập dàn ý cho bài văn.</p> <p>Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu cách lập dàn ý cho bài văn nghị luận.</p> <p>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</p> <p>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</p> <p>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</p> <p>Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc ví dụ SGK .</p> <p>- Nhóm 1;2: Luận đề là gì?</p> <p>Tìm ý cho bài văn là như thế nào?</p> <p>- Nhóm 3;4: Lập dàn ý gồm mấy bước? Các bước đó như thế nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc SGK, suy nghĩ tìm câu trả lời.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <p>- Học sinh thảo luận cặp đôi và ghi lại những thông tin cơ bản vào phần xung quanh bảng phụ.</p> <p>- HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p>	<p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả</p>
---	--

II. Cách lập dàn ý bài văn nghị luận

1. Tìm ý cho các bài văn

- Xác định luận đề: yêu cầu của đề:

+ Sách là phương tiện cung cấp tri thức cho con người, giúp con người trưởng thành về mặt nhận thức.

- Xác định các luận điểm: có 3 luận điểm

<1> Sách là sản phẩm tinh thần kì diệu của con người (ghi lại những hiểu biết về thế giới tự nhiên và xã hội);

<2> Sách mở rộng những chân trời mới;

<3> Cần có thái độ đúng đối với sách và việc đọc sách.

- Tìm luận cứ cho các luận điểm:

<1> Sách là sản phẩm tinh thần kì diệu của con người:

+ Sách là sản phẩm tinh thần của con người;

+ Sách là kho tàng trí thức;

+ Sách giúp ta vượt qua thời gian, không gian.

<2> Sách mở rộng những chân trời mới:

+ Sách giúp ta hiểu biết mọi lĩnh vực tự nhiên và xã hội;

+ Sách là người bạn tâm tình gần gũi, giúp ta tự hoàn thiện mình về nhân cách.

<3> Cần có thái độ đúng đối với

thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

sách và việc đọc sách:

- + Đọc và làm theo sách tốt phê phán sách có hại;
- + Tạo thói quen lựa chọn sách, hứng thú và làm theo các sách có nội dung tốt;
- + Học những điều hay trong sách bên cạnh học trong thực tế cuộc sống.

2. Lập dàn ý

- Mở bài: Nêu luận đề (trực tiếp hoặc gián tiếp) nhằm đưa ra phương hướng cho bài văn nghị luận.

- Thân bài: trình bày các luận điểm, luận cứ.

(hợp lí, có trọng tâm)

- Kết bài:

+ Nên kết bài theo kiểu đóng hay mở?

+ Khẳng định những nội dung nào?

+ Mở ra những nội dung nào để người đọc tiếp tục suy nghĩ?

* Phần Ghi nhớ

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu rõ hơn cách lập dàn ý cho bài văn nghị luận, rèn luyện kỹ năng làm bài tập.</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp</i></p>	<p>Bài 1/ Tr91 (SGK)</p> <p>a. Có thể bổ sung một số ý còn thiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đức và tài có quan hệ khăng khít với nhau trong mỗi con người. - Cần phải thường xuyên học tập, rèn luyện, phấn đấu để có cả tài lẫn đức. <p>b. Lập dàn ý cho bài văn:</p>

<p><i>thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>HS đọc bài tập SGK và thực hiện các yêu cầu.</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc SGK, suy nghĩ tìm câu trả lời.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mở bài: <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “<i>Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó.</i>” + Định hướng tư tưởng của bài viết . - Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh. + Lời dạy của Bác có ý nghĩa sâu sắc đối với việc rèn luyện, tu dưỡng của từng cá nhân. - Kết bài: Cần phải thường xuyên học tập, rèn luyện, phấn đấu để có cả tài lẫn đức.
--	---

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Từ tình bạn chân thành, sâu sắc của hai nhà thơ lớn thời Thịnh Đường được thể hiện trong bài thơ <i>Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng (Lí Bạch)</i>, hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của</p>	<p>1/Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: Giá trị của tình bạn trong cuộc đời.</p> <p>2/ Tình bạn trong bài thơ Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng: Từ nỗi niềm cảm xúc của Lí Bạch khi tiễn đưa Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng, bài thơ thể hiện tình bạn chân thành, sâu sắc của hai nhà</p>

anh/chị về giá trị của tình bạn trong cuộc đời..

thơ lớn thời Thịnh Đường.

<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<p>3/Bàn luận về giá trị của tình bạn trong cuộc đời:</p> <p>-Tình bạn là một trong những tình cảm quý giá của con người trong cuộc đời. Tình bạn không được xây dựng trên cơ sở ruột rà, máu mủ như tình mẫu tử, tình anh em mà được có kết bằng sự thấu hiểu, tri âm, đồng điệu giữa người với người. Tình bạn đích thực không phân biệt giàu nghèo, tuổi tác, địa vị...</p> <p>- Giá trị của tình bạn trong cuộc đời:</p> <p>+ Tình bạn chân thành, sâu sắc có thể giúp con người vượt lên trên mọi khó khăn, thử thách trong CUỘC sống;</p> <p>giúp con người giải tỏa, giải bày những khúc mắc riêng tư nhất trong đời sống mà không phải lúc nào ta cũng có thể nói ra...</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÀI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> + Tìm những đoạn văn nghị luận xã hội hoặc nghị luận văn học có lập luận rõ ràng, chặt chẽ để học phương pháp lập luận + Sưu tầm những đoạn văn nghị luận tiêu biểu, nhất là nghị luận xã hội gắn liền với đời sống xã hội. Từ đó, phân tích tác thao tác nghị luận + Sưu tầm những đoạn văn nghị luận tiêu biểu (xã hội hoặc văn học). Phân tích thao tác nghị luận trong đoạn văn đó. 	<p>Học sinh chuẩn bị ở nhà.</p>

RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....

Tiết: 84

Ngày soạn:/...../.....

Ngày kí:

**Đọc thêm: THÈ NGUYỄN
NỖI THƯƠNG MÌNH
(Trích: Truyện Kiều) - Nguyễn Du**

Bước 1: Xác định vấn đề cần giải quyết :

- Tên bài học: THÈ NGUYỄN; NỖI THƯƠNG MÌNH

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: tác dụng của việc lập dàn ý và cách thức lập dàn ý cho bài văn nghị luận.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức

- Khát vọng tình yêu, hạnh phúc lứa đôi. Hiểu được nghệ thuật tả tình cảnh và nội tâm nhân vật. (Thề nguyện).

- Hiểu được tình cảnh trở trêu mà Thuý Kiều phải đương đầu và buộc phải chấp nhận thân phận kĩ nữ tiếp khách làng chơi. Ý thức sâu sắc của Kiều về phẩm giá bản thân.(Nỗi thương mình).

2. Kỹ năng: - Đọc hiểu thơ trữ tình

3. Về thái độ, phẩm chất

a. *Thái độ:* Trân trọng khát vọng chân chính của người phụ nữ.

b. *Phẩm chất*

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. *Phát triển năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. *Năng lực riêng*

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
- GV giao nhiệm vụ: : <i>GV chiếu hình ảnh, video về Truyện Kiều và dẫn dắt tình huống dẫn đến đoạn trích. Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài.</i>	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<i>Thao tác 1: Tìm hiểu bài “Thề nguyền”.</i> <i>Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được vị trí, tình huống dẫn đến đoạn trích Thề nguyền.</i> <i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ,</i>	A/ “THỀ NGUYỄN” I. Tìm hiểu chung - Vị trí: Từ câu 431 đến câu 452 - Nội dung: Kể về việc Kiều sang nhà Kim Trọng làm lễ thề nguyền. - Bố cục:

<p>máy chiếu.</p> <p>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn</p> <p>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập.</p> <p>Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí, tình huống dẫn đến đoạn trích, bố cục của đoạn trích. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân</p> <p>đọc SGK, suy nghĩ tìm câu trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>***Tìm hiểu đoạn trích Thẻ nguyên.</p> <p>Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu đoạn trích Thẻ nguyên.</p> <p>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</p> <p>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</p> <p>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc</p>	<p>nhóm.</p> <p>Các bước thực hiện:</p>
--	---

+ Đoạn 1: Bốn câu đầu: Kiều lại sang nhà Kim Trọng

+ Đoạn 2: 6 câu tiếp: Tư thế và cảm giác của Kim Trọng khi thấy Kiều bước vào

+Đoạn 3: 4 câu tiếp theo: kiêu giải thích lí do mình sang

+ Đoạn 4: 8 câu cuối: Cảnh thề nguyện.

nàng Kiều nữa trong không gian ấy, trong

II- Hướng dẫn đọc thêm

Câu 1

- Các từ: Vội, xăm xăm, băng không chỉ diễn tả tâm trạng và tình cảm ủa Kiều mà còn trước hết thể hiện sự khẩn trương, vội vã của nàng trong hành động táo bạo, đột xuất, bất ngờ ngay cả với chính nàng.

-Tiếng gọi của con tim tình yêu, nàng như tranh đua với thời gian, với định mệnh đang ám ảnh nàng từ buổi chiều đi hội đạp thanh.

-Lời báo mộng cùng trong số kiếp, trong hội Đoàn trường của Đạm Tiên.

Câu 2

- Cách dùng hình ảnh ước lệ tượng trưng rất đẹp, rất sang: giấc hoè, bóng trắng xế, hoa lê, giấc mộng đêm xuân...

- Tâm trạng băng khuâng, bàng hoàng, nửa tỉnh nửa mơ, khó tin là sự thực của chàng Kim. Và không chỉ của chàng Kim mà còn của

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chuyển giao nhiệm vụ: - Nhóm 2: Trả lời câu hỏi 1 trong SGK - Nhóm 2: Trả lời câu hỏi 2 trong SGK - Nhóm 3: Trả lời câu hỏi 3 trong SGK</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc SGK, suy nghĩ tìm câu trả lời. * Hoạt động nhóm: - Học sinh thảo luận cặp đôi và ghi lại những thông tin cơ bản vào phần xung quanh bảng phụ. - HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. ***Giáo viên hướng dẫn học sinh tổng kết: - Mục tiêu: Học sinh tổng kết bài học: - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân</p>	<p>phút giây này, cứ ngỡ trong mơ, không có thực - Sự gắn bó keo sơn, son sắt của họ, chứng giám tình yêu tự nguyện và chung thủy của họ là vàng trắng vàng vạc giữa trời. => Chất lãng mạn và đầy lí tưởng.</p> <p>Câu 3 - Đoạn trích cho thấy tình yêu của hai người rất cao đẹp và thiêng liêng. Lời thề của họ được vàng trắng chứng giám. Đoạn Trao duyên là sự tiếp tục một cách lôgích quan niệm và cách nhìn tình yêu của Thuý Kiều, ngược lại đoạn trích này cũng góp phần để hiểu đúng đoạn Trao duyên, vì đây là một kỉ niệm đẹp đối với Kiều và Kiều sẽ nhớ lại những chi tiết trong đêm thề nguyện thiêng liêng này.</p> <p>III- Kết luận - Phân ghi nhớ SGK.</p>
---	---

<p>tổng kết nội dung bài học và ghi lại những thông tin cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài học vào giấy nháp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>Thao tác 2: Tìm hiểu về đoạn trích”Nỗi thương mình”</p> <p>Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu vị trí, bố cục, nội dung đoạn trích.</p> <p>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</p> <p>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</p> <p>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập</p> <p>Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>-Nêu vị trí, bố cục, nội dung của đoạn trích?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc SGK, suy nghĩ, trả lời câu hỏi</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p>	<p>B/ “ NỖI THƯƠNG MÌNH”</p> <p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>- Vị trí đoạn trích: từ câu 1229 - 1248 thuộc phần “Gia biến và lưu lạc”.</p> <p>=> Cảnh đời Kiều khi phải tiếp khách làng chơi - Nàng thương xót cho số phận hẩm hiu của mình.</p> <p>- Bố cục 3 đoạn:</p> <p>+ Bốn câu đầu: Hoàn cảnh sống của Kiều</p> <p>+ Tám câu tiếp: Tâm trạng, nỗi niềm đau đớn của Thuý Kiều;</p> <p>+ Tám câu cuối: Khái quát nỗi niềm bằng cảnh vật (Có thể ghép 16 câu của đoạn 2,3 thành một đoạn).</p>
--	---

<p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>*** <u>Tìm hiểu đoạn trích Nỗi thương mình</u></p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu đoạn trích Nỗi thương mình.</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Nhóm 1: Cảnh sinh hoạt ở lầu xanh hiện lên qua ngôn ngữ của tác giả như thế nào? (Biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của nó? Phân tích sáng tạo của Nguyễn Du trong cụm từ “bướm lả ong lơi”, Cách sử dụng đối xứng có tác dụng như thế nào., Giọng điệu lời kể, ngôi kể có sự thay đổi như thế nào</p> <p>- Nhóm 2: Tâm trạng của nàng Kiều trong hoàn cảnh sống này như thế</p>	<p>II. Đọc - hiểu</p> <p>1. Cảnh lầu xanh</p> <p>- Biện pháp ước lệ tượng trưng quen thuộc trong văn thơ trung đại.</p> <p>+ Hình ảnh ẩn dụ - tượng trưng, đẹp và cổ kính đã sáo mòn để thi vị hoá hiện thực.</p> <p>+ Cảnh sống thực của Kiều - làm kỹ nữ ở lầu xanh vừa giữ được chân dung cao đẹp của nhân vật mà ông hết lòng yêu quý.</p> <p>- Cụm từ: “bướm lả ong lơi” sáng tạo.</p> <p>+ Đối xứng nhỏ nhất</p> <p>+ Tác dụng tăng và cụ thể hoá hơn nét nghĩa: bọn khách làng chơi ra vào dập dìu, nhộn nhịp.</p> <p>- Nghệ thuật đối xứng: Cuộc say đây tháng/ traten cười suốt đêm; Sớm đưa Tống Ngọc/ tối tìm Trường Khanh, ... => Tạo sức biểu cảm sâu sắc đằng sau ý thơ.</p> <p>3. Nỗi lòng Thuý Kiều</p> <p>- Lời kể, ngôi kể có sự chuyển đổi tự</p>
--	--

<p>nào?</p> <p>- Nhóm 3: Ý nghĩa của lời độc thoại nội tâm nhân vật.</p> <p>- Nhóm 4: Nội dung 2 câu thơ cuối: Cảnh thiên nhiên như thế nào? Thời gian được gợi tả ra sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc SGK, suy nghĩ, trả lời câu hỏi về:</p> <p>+ Vị trí đoạn trích, tình huống dẫn đến đoạn trích, nội dung và bố cục đoạn trích?</p> <p>+ Nhận xét khái quát về nội dung và nghệ thuật đoạn trích?</p> <p>- Hoạt động nhóm: Nhóm thảo luận, thống nhất ý kiến và ghi vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>nhiên từ khách quan sang chủ quan - như là chính Kiều đang bày tỏ nỗi lòng mình. Cách kể đó gây ấn tượng mạnh hơn.</p> <p>- Nhịp thơ biến đổi, đang từ 2/2/2 hoặc 4/4 (toàn nhịp chẵn, đều đặn) chuyển sang: 3/3 nhịp lẻ): Khi tỉnh rượu/ lúc tàn canh; hoặc 2/4/2 (chẵn không đều): Giật mình, mình lại thương mình xót xa.</p> <p>- Các điệp từ: mình (3 lần trong 1 câu), sao (4 lần trong 4 câu), khi...</p> <p>- Câu hỏi tu từ kết hợp với câu cảm.</p> <p>- Cụm từ: “bướm chán ong chường” (lại thêm một sáng tạo so với “bướm là ong lơ”).</p> <p>- Tiếp theo các đối xứng trong từng cụm từ, từng câu là phép đối ở các câu nối tiếp nhau: Khi sao,... Giờ sao, ... Mặt sao,... Thân sao,...</p> <p>- Lời độc thoại nội tâm của nhân vật, trực tiếp phơi mở tâm trạng của nàng Kiều một cách cụ thể và chân thực.</p> <p>+ Đó là tâm trạng xót thương cho bản thân mình, số phận của mình.</p> <p>+ Càng nghĩ đến quá khứ gần, đến cuộc sống êm đềm, phong lưu, nền nếp trước đây, càng ngơ ngác, đau xót, không hiểu vì sao có thể thay đổi thân phận nhanh như vậy?</p> <p>+ Đau xót, thương thân và bất lực;</p> <p>+ Nhịp thơ nhanh hơn, gấp gáp, dồn dập hơn thể hiện tâm trạng sóng cồn liên miên không dứt, nhức nhối trong</p>
---	---

	<p>trái tim người thiếu nữ bất hạnh.</p> <p>=> Bướm là ong lơi: tâm trạng chán chường, mỏi mệt, ghê sợ chính bản thân Kiều khi bị đẩy vào hoàn cảnh sống nhơ nhớp.</p> <p>=> Xuân: không chỉ mùa xuân tuổi trẻ, không chỉ vẻ đẹp, sức trẻ,... mà là hạnh phúc, niềm vui hưởng hạnh phúc lứa đôi. Trong cuộc sống làm vợ khắp người ta, Kiều chỉ thấy nhục nhã, trơ lì và vô cảm.</p> <p>- Hai câu thơ: “Đòi phen... trăng thâu”</p> <p>+ Tả cảnh thiên nhiên, tả Kiều cùng khách xem hoa, hóng gió trong đêm trăng, đêm tuyết,... thiên nhiên đẹp một cách xa vời.</p> <p>+ Gọi tả thời gian trôi chảy hết đêm qua đêm khác, gọi cuộc sống lặp lại, mỗi mòn, đặc biệt là nỗi cô đơn của Thuý Kiều giữa lầu xanh, giữa bao khách làng chơi, giữa cuộc say, trận cười mà vẫn hoàn toàn một mình, cô đơn, không ai chia sẻ.</p> <p>+ Câu thơ “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu - Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”: đã khái quát được tâm lí con người được biểu hiện trong thơ văn (tả cảnh ngụ tình).</p> <p>- Hai câu: “Vui là vui gượng kẻo là - Ai tri ân đó mặn mà với ai” đã trở thành những câu thơ tuyệt bút trong Truyện Kiều. Tiếng nói chung của những người có tâm, có tài, chẳng</p>
--	--

<p>***Tổng kết</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân suy nghĩ, tìm ra một nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật.</p> <p>* Hoạt động nhóm: HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p>	<p>may số phận đưa đẩy vào những hoàn cảnh trớ trêu, éo le, bất hạnh.</p> <p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung:</p> <p>- Tác giả miêu tả tâm trạng Kiều rất sâu sắc bằng tình cảm nhân đạo “thương thân xót phận” và ý thức cao về nhân cách.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <p>- Đối xứng các cấp độ;</p> <p>- Điệp từ, điệp ngữ;</p> <p>- Tách từ ghép cụm từ mới, từ láy, ước lệ, câu hỏi tu từ, ẩn dụ, ngòi một mình độc thoại;</p> <p>- Chuyển giọng - lời kể từ khách quan sang chủ quan, biến đổi nhịp thơ linh hoạt, sinh động.</p>
---	---

<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học		
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.</p> <p>(Lập bảng).</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	Văn bản/Tiêu chí	Thể loại	Nội dung
	Thề nguyện	Thơ Nôm	Khát vọng tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.
	Nỗi thương mình	Thơ Nôm	Tình cảnh trở trêu mà Thuý Kiều phải đương đầu và buộc phải chấp nhận thân phận kĩ nữ tiếp khách làng chơi. Ý thức sâu sắc của Kiều về phẩm giá bản thân.

. HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

GV giao nhiệm vụ:

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu :

*Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm xăm băng lối vườn khuya
một mình.
Nhật thừa gương gọi đầu cành,
Ngọn đèn trông lọt trướng
huỳnh
hắt hiu .
(Trích *Thề nguyền*, Ngữ
văn 10, tập 2)*

1/ Nêu nội dung chính của văn bản? Phong cách ngôn ngữ của văn bản là gì?

2/ Các từ *vội, xăm xăm, băng* được bố trí như thế nào và có hàm nghĩa gì ?

3/ Không gian và thời gian của cảnh chuẩn bị *Thề nguyền* của Kiều và Kim Trọng được thể hiện như thế nào?

- HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1/ Nội dung chính của văn bản: Thuý Kiều chủ động qua nhà Kim Trọng để thề nguyền chuyện trăm năm.

Phong cách ngôn ngữ của văn bản là phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

2/ - Các từ *vội, xăm xăm, băng* xuất hiện trong hai câu lục và bát. Đặc biệt, từ “vội” xuất hiện hai lần trong văn bản ; hai từ “xăm xăm”, “băng” được đặt liền kề nhau.

- Điều đó cho thấy sự khẩn trương, gấp gáp của cuộc thề nguyền. Kiều như đang chạy đua với thời gian để bày tỏ và đón nhận tình yêu, một tình yêu mãnh liệt, tha thiết... Mặt khác, các từ này cũng dự báo sự không bền vững, sự bất bình thường của cuộc tình Kim - Kiều.

3/ Không gian và thời gian của cảnh chuẩn bị *Thề nguyền* của Kiều và Kim Trọng được thể hiện:

+Thời gian: đêm khuya yên tĩnh

+Không gian: hình ảnh ánh trăng chiếu qua vòm lá in những mảng sáng tối mờ tỏ không đều trên mặt đất: *Nhật thừa gương gọi đầu cành*. Ánh đèn từ phòng học của Kim Trọng lọt ra dịu dịu, hắt hiu.

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

GV giao nhiệm vụ:	Học sinh làm ở nhà
--------------------------	---------------------------

Đọc văn bản sau và thực

hiện các yêu cầu :

1/Sưu tầm tranh ảnh, audio, video clip, những bài thơ liên quan đến Nguyễn Du để làm bài thuyết trình về Nguyễn Du và Truyện Kiều
2/Từ tình yêu của Thuý Kiều và Kim Trọng trong đoạn trích Trao duyên (trích Truyện Kiều - Nguyễn Du), hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 - 600 từ) nêu suy nghĩ của anh/chị về tình yêu thời hiện đại.
- HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: (tiết học sau)

.....
.....
.....

Tiết: 85

Ngày soạn:/...../.....

Ngày kí:/...../.....

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT

Xác định vấn đề cần giải quyết :

- Tên bài học: PHONG CÁCH NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc

trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước2:Xácđịnhnộidung–chủđềbàihọc: Phong cách nghệ thuật và các đặc trưng cơ bản của phong cách nghệ thuật.

Bước3:Xácđịnhmụctiêubàihọc.

1. Kiến thức: - Nắm được khái niệm ngôn ngữ nghệ thuật, phong cách ngôn ngữ nghệ thuật với các đặc trưng cơ bản của nó.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng phân tích và sử dụng ngôn ngữ theo phong cách nghệ thuật.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. *Thái độ:* Có thái độ đúng đắn khi sử dụng tiếng Việt.

b. *Phẩm chất*

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. *Phát triển năng lực chung*

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. *Năng lực riêng*

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV cho ví dụ, HS quan sát, phân tích ví dụ</p> <p>Ví Dụ 1:</p> <p>"Sen là cây mọc ở dưới nước, lá to tròn, hoa màu hồng hay trắng, nhị vàng, hạt dùng để ăn."</p> <p>(Theo Nguyễn Như Ý- Từ điển Tiếng Việt) .</p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

<p>Ví Dụ 2:</p> <p>" Trong đầm gì đẹp bằng sen Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng Nhị vàng bông trắng lá xanh Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn"</p> <p style="text-align: center;">(<i>Ca dao</i>)</p> <p>GV hỏi: So Sánh cách sử dụng ngôn ngữ trong hai ví dụ trên? Cho biết ngôn ngữ trong ví dụ nào được sử dụng trau chuốt hơn?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs trả lời,</p> <p>Bước 3: học sinh báo cáo nhiệm vụ học tập.</p> <p>Bước 4: Gv nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.</p> <p><i>GV chiếu hình ảnh, video về Truyện Kiều và dẫn dắt tình huống dẫn đến đoạn trích. Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài.</i></p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>TT1: GV hướng dẫn tìm hiểu ngôn ngữ nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh hiểu ngôn ngữ nghệ thuật - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. 	<p>I. Ngôn ngữ nghệ thuật</p> <p>1. Khái niệm: Ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm được dùng trong văn bản nghệ thuật.</p> <p>2. Các loại ngôn ngữ: có 3 loại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ tự sự trong truyện, tiểu thuyết, bút kí, kí sự, phóng sự... - Ngôn ngữ thơ trong ca dao, vè, thơ (nhiều thể loại khác nhau)... - Ngôn ngữ sân khấu trong kịch, chèo,

<p>- Các bước thực hiện:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến ngôn ngữ nghệ thuật.</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy cho biết:</p> <p>+ Thể nào là ngôn ngữ nghệ thuật?</p> <p>+ Có bao nhiêu loại ngôn ngữ nghệ thuật chính?</p> <p>+ Chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>*Hoạt động 2: Tìm hiểu chung về các đặc trưng của</p>	<p>tuồng...</p> <p>3. Chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật:</p> <p>- Chức năng thông tin</p> <p>- Chức năng thẩm mĩ: biểu hiện cái đẹp và khơi gợi, nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mĩ ở người nghe, người đọc</p> <p>II. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật</p> <p>1. Tính hình tượng</p> <p>*VD: Bài ca dao</p> <p style="text-align: center;"> <i>“Trong đầm gì đẹp bằng sen, Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng. Nhị vàng, bông trắng, lá xanh, Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”</i> </p> <p style="text-align: right;">(Ca dao)</p>
---	---

<p>ngôn ngữ nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh hiểu đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật.</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV đưa ví dụ ra, Y/c HS trả lời câu hỏi: - Nhóm 1: Tìm hiểu bài ca dao “Trong đầm...” +<i>Bài ca dao này gợi cho ta hình ảnh về loài hoa gì?</i> +<i>Xuất phát từ hiện thực tiễn hay bằng trí tưởng tượng của người sáng tác?</i> +<i>Hình ảnh đó tượng trưng cho điều gì khi nói về con người?</i> +<i>Tóm lại thế nào là tính hình tượng?</i> +<i>Tính hình tượng thông qua việc sử dụng ngôn ngữ như thế nào?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 2: Tìm hiểu bài ca dao
--	---

*N
hậ
n
xét
:

- Hình ảnh: lá xanh, bóng trắng, nhị vàng,... hôi tanh, bùn... (cái đẹp hiện thực về loài hoa sen trong đầm lầy)
- Sen: với ý nghĩa là “bản lĩnh của cái đẹp - ngay cả ở trong môi trường xấu nó vẫn không bị tha hoá”.

*
K
ết
lu
ậ
n:

- Tính hình tượng thể hiện cách diễn đạt thông qua một hệ thống các hình ảnh, màu sắc, biểu tượng... để người đọc dùng tri thức, vốn sống của mình liên tưởng, suy nghĩ và rút ra những bài học nhân sinh nhất định.
- Tính hình tượng có thể được hiện thực hoá thông qua các biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, điệp âm...
- Tính hình tượng làm cho ngôn ngữ nghệ thuật trở nên đa nghĩa
=> Tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật cũng quan hệ mật thiết với tính hàm súc: lời ít mà ý sâu xa, rộng lớn.

2. Tính truyền cảm

*VD:

“ Gió đưa cây cải về trời
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.”
(Ca dao)

*Nhận xét:

- Ngôn ngữ thơ thường giàu hình ảnh, có khả năng gợi ra những cảm xúc tinh tế của con người.

*Kết luận:

- Tính truyền cảm trong ngôn ngữ nghệ thuật thể hiện ở chỗ làm cho người đọc

<p>“ Gió đưa cây cải...”</p> <p>+ <i>Nội dung ý nghĩa của câu ca dao trên?</i></p> <p>+ <i>Mang giá trị biểu cảm như thế nào?</i></p> <p>+ <i>Thế nào là tính truyền cảm?</i></p> <p>+ <i>Sức mạnh của ngôn ngữ mang tính truyền cảm là gì?</i></p> <p>- Nhóm 3: Tìm hiểu các câu thơ viết về trăng:</p> <p>+ <i>Miêu tả trăng của các nhà văn, nhà thơ có giống nhau? Vì sao?</i></p> <p>+ <i>Thế nào là tính cá thể hoá?</i></p> <p>+ <i>Thể hiện như thế nào đối với các nhà văn, nhà thơ?</i></p> <p>+ <i>Sáng tạo nghệ thuật là như thế nào?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>cùng vui buồn, yêu thích, căm giận, tự hào,... như chính người nói (viết).</p> <p>- Sức mạnh của ngôn ngữ nghệ thuật là gọi ra sự đồng cảm sâu sắc giữa người viết với người đọc.</p> <p>3. Tính cá thể hoá</p> <p>*VD: Cùng tả về “trăng”, nhưng “hồn vía” của trăng là rất khác nhau</p> <p>- “<i>Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá</i>”. (Xuân Diệu)</p> <p>- “<i>Ta nằm trên vũng đọng vàng khô</i>” (Hàn Mặc Tử)</p> <p>- “<i>Vàng trắng vàng vặc giữa trời</i>” (Nguyễn Du)</p> <p>*Nhận xét:</p> <p>- Đây chính là tài năng của các nhà văn, nhà thơ, trong việc vận dụng ngôn ngữ ngôn từ, xây dựng ý thơ.</p> <p>*Kết luận:</p> <p>- Thể hiện ở khả năng vận dụng các phương tiện diễn đạt chung (ngữ âm, từ vựng, cú pháp, tu từ...) của cộng đồng vào việc xây dựng hình tượng nghệ thuật của mỗi nhà văn, nhà thơ.</p> <p>- Sáng tạo nghệ thuật: là một quá trình hoạt động mang tính cá nhân, cá thể “đơn nhất, không lặp lại” (không ai giống ai, ngay cả nhà văn, nhà thơ cũng không được phép lặp lại mình).</p> <p>- Tính cá thể còn tái hiện ở vẻ riêng trong lời nói của từng nhân vật trong tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>- Tính cá thể cũng tái hiện ở nét riêng trong cách diễn đạt từng sự việc, từng</p>
---	---

GV: nhận xét đánh giá kết quả

của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	<p>hình ảnh, từng tình huống khác nhau trong tác phẩm.</p> <p>- Tính cá thể hoá tạo cho ngôn ngữ nghệ thuật những sáng tạo, mới lạ không trùng lặp.</p>
---------------------------------------	---

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.</i></p> <p><i>Bước 1:</i> Làm bài tập 1: GV gọi HS đọc yêu cầu và làm bài tập 1 Nhận xét, cung cấp một số dẫn chứng, một số biện pháp tu từ:</p> <p><i>Bước 2:</i> Làm bài tập 2 GV yêu cầu HS thảo luận – Nhóm 2HS – thời gian 3 phút Trả lời yêu cầu bài tập 2: (SGK tr.101)</p> <p><i>Bước 3:</i> làm bài tập 3 Gọi HS đọc và thực hiện yêu cầu bài tập. GV lưu ý HS: nêu lí do chọn</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p>	<p><i>1. Bài tập 1:</i> Các phép tu từ được sử dụng để tạo ra tính hình tượng cho ngôn ngữ nghệ thuật : so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, chơi chữ, phóng đại...</p> <p>- So sánh:</p> <p style="padding-left: 40px;">“Áo chàng đỏ tựa ánh pha Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in” “Trẻ em như búp trên cành Biết ăn, biết ngủ, học hành là ngoan”</p> <p>- Ẩn dụ: “Chỉ có thuyền mới hiểu Biển mệnh mông nhường nào”</p> <p>- Hoán dụ:</p> <p style="padding-left: 40px;">“Bàn tay ta làm nên tất cả Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”</p> <p><i>2. Bài tập 2:</i> Tính hình tượng là đặc trưng cơ bản vì:</p> <p>- Là phương tiện, mục đích sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>- Trong hình tượng ngôn ngữ đã có những yếu tố gây cảm xúc và truyền cảm</p> <p>- Cách lựa chọn từ ngữ, sử dụng câu thể hiện có tính sáng tạo nghệ thuật.</p> <p><i>3. Bài tập 3:</i></p> <p>a) canh cánh b) rắc – giết</p>

. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ ?? Cảm nhận vẻ đẹp đoạn thơ sau trong đoạn trích Trao duyên (Nguyễn Du). Chú ý vận dụng phép điệp, phép đối để phân tích cái hay, cái đẹp của đoạn thơ: <i>Phận sao phận bạc như vôi</i> <i>Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng</i> <i>Ôi, Kim lang! Hỡi Kim lang</i> <i>Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây</i></p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: B4: gv nhận xét, chốt kiến thức cơ bản.</p>	<p>- Vẻ đẹp nội dung: Thuý Kiều day nghiến số phận mình sau khi trao duyên. Nàng thương khóc cho tình duyên dang dở. Nàng gọi tên người yêu trong tuyệt vọng tột cùng đau đớn. Nàng phân tất cả lỗi về phía mình để cho người thân yêu được hạnh phúc; - Nghệ thuật: thành công sử dụng phép điệp (Phận, Kim lang), phép đối (tiểu đối trong thành ngữ <i>nước chảy hoa trôi</i>)...</p>

. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ + Suu tầm, đọc thêm các bài viết về ngôn ngữ tiếng Việt, đọc Từ điển tiếng Việt để có thêm vốn ngôn ngữ. + Vận dụng phong cách ngôn ngữ nghệ thuật để sáng tác 01 bài thơ về Mẹ. Sau đó chỉ ra các đặc trưng phong cách ngôn ngữ nghệ thuật qua bài thơ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: B4: gv nhận xét, chốt kiến thức cơ</p>	<p><i>Học sinh thực hiện ở nhà.</i></p>

bản.(tiết học sau)	
--------------------	--

.....

Tuần:

Tiết: 86

Ngày soạn:/...../.....

Ngày kí :/...../.....

CHÍ KHÍ ANH HÙNG **(Trích: Truyện Kiều)**

- Nguyễn Du –

Xác định vấn đề cần giải quyết :

- Tên bài học: CHÍ KHÍ ANH HÙNG

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập 2. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

Bước 2: Xác định nội dung – chủ đề bài học: chí khí anh hùng của nhân vật Từ Hải dưới ngòi bút sáng tạo của Nguyễn Du.

Bước 3: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức: Hiểu được chí khí anh hùng của nhân vật Từ Hải dưới ngòi bút sáng tạo của Nguyễn Du.

- Đặc sắc nghệ thuật của bút pháp tả nhân vật anh hùng lí tưởng.

- Nghệ thuật kể tả kết hợp ngôn ngữ tác giả và ngôn ngữ nhân vật, không gian nghệ thuật và thời nghệ thuật mang những đặc tính riêng.

2. Kỹ năng: Đọc hiểu thơ trữ tình

3. Về thái độ, phẩm chất

a. *Thái độ*:Biết sống có hoài bão, có lí tưởng cao đẹp.

b. *Phẩm chất*

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. *Phát triển năng lực chung*

-Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. *Năng lực riêng*

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập. Gv chiếu hình ảnh minh họa về cuộc gặp gỡ giữa Thúy Kiều và Từ Hải. Sau đó cho học sinh có phát hiện được những nhân vật quen thuộc trong hình ảnh trên không? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs trả lời. Bước 3: học sinh báo cáo nhiệm vụ học tập. Bước 4: Gv nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.	- Nhận thức được để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

<i>Thao tác 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về tác phẩm, đoạn trích:</i>	I. Tìm hiểu chung - Tóm tắt cuộc gặp gỡ giữa Từ Hải và Thúy Kiều
--	--

<p>- <i>Mục tiêu:</i> Học sinh nắm được những nét chính về tác phẩm, đoạn trích.</p> <p>- <i>Phương tiện:</i> máy chiếu</p> <p>- <i>Kỹ thuật dạy học:</i> Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi.</p> <p>- <i>Hình thức tổ chức:</i> hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.</p> <p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến tác phẩm, đoạn trích. GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Dựa vào phần tiểu dẫn / SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy cho biết tình huống dẫn đến đoạn trích, bố cục và nội dung của đoạn trích?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về đoạn trích vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p>	<p>1. Vị trí đoạn trích</p> <p>Câu 2213 – 2230</p> <p>2. Bố cục: 3 phần</p> <p>+ P1: 4 câu thơ đầu→ Cuộc chia tay giữa Từ Hải và Thúy Kiều sau nửa năm chung sống</p> <p>+ P2: 12 câu thơ tiếp→ Cuộc đối thoại giữa Thúy Kiều và Từ Hải – tính cách anh hùng của Từ</p> <p>+ P3: 2 câu cuối: Hình ảnh Từ Hải dứt áo ra đi.</p> <p>II. Đọc - hiểu văn bản</p> <p>1. Bốn câu đầu</p> <p>- Hoàn cảnh chia tay: Thúy Kiều và Từ Hải đang có cuộc sống vô cùng hạnh phúc “<i>hương lửa đương nồng</i>”</p> <p>- Hình ảnh Từ Hải:</p> <p>+ Trượng phu: chỉ người đàn ông có chí khí, bậc anh hùng → Thái độ trân trọng, kính phục của Nguyễn Du với Từ Hải.</p> <p>+ Thoắt: dứt khoát, mau lẹ, nhanh chóng.</p> <p>+ Động lòng bốn phương: trong lòng náo nức chí tung hoành ở bốn phương</p> <p>+ Lên đường thẳng rong: đi liền một mạch</p> <p>→ Một tư thế đẹp, hiên ngang không vương bận, không lệ bộ của người quân tử sẵn sàng lên đường.</p> <p>→ Cảm hứng vũ trụ, con người vũ trụ với kích thước phi thường, không gian bát</p>
---	---

<p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p> <p>Thao tác 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Hs đọc diễn cảm văn bản.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm:</p> <p><u>Nhóm 1; Nhóm 2</u>: + Tính cách và chí khí anh hùng của Từ Hải được thể hiện như thế nào?</p> <p>Cụm từ “động lòng bốn phương” có ý nghĩa như thế nào? Những chi tiết kì vĩ mà Nguyễn Du dùng để khắc hoạ nhân vật Từ Hải?</p> <p>=> Qua đó thấy được điều gì mà Nguyễn Du muốn gửi gắm?</p> <p><u>Nhóm 3; Nhóm 4</u>: - Tâm trạng của Thuý Kiều khi Từ Hải quyết chí ra đi?</p> <p>=> Tình cảm của Thuý Kiều lúc này như thế nào?</p>	<p>ngát, ngời ca, khâm phục.</p> <p>=> Từ Hải không phải là con người của những đam mê thông thường mà là con người của khát vọng công danh.</p> <p>2. Mười hai câu tiếp</p> <p>a. Lời Thuý Kiều</p> <p>- Xưng hô: Chàng – thiếp: tình cảm vợ chồng mặn nồng, tha thiết.</p> <p>- Phận gái chữ tòng: bốn phận của người vợ phải theo chồng.</p> <p>- Một lòng xin đi: quyết tâm theo Từ Hải</p> <p>→ Muốn ra đi để tiếp sức, chia sẻ, gánh vác công việc với chồng</p> <p>=> Thuý Kiều không chỉ ý thức được bốn phận của người vợ, thể hiện tình yêu với chồng mà còn hiểu, khâm phục và kính trọng Từ Hải. Nàng xứng đáng là tri kỉ của bậc anh hùng.</p> <p>b. Lời Từ Hải</p> <p>* Lời đáp:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Từ rằng: “Tâm phúc tương tri Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình”</i></p> <p>- Từ chối mong muốn của Kiều</p> <p>- Khuyên Kiều hãy vượt lên tình cảm thông thường để xứng đáng làm vợ một người anh hùng.</p> <p>- Coi Kiều là người tri kỉ, hiểu mình</p> <p>→ Tính cách anh hùng của Từ Hải.</p>
--	---

* L
ờ
i

h
ứ
a
:

*“Bao giờ mười
vạn tinh binh,*

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức: 	<p><i>Tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp đường. Làm cho rõ mặt phi thường, Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Rõ mặt phi thường: tạo nên sự nghiệp xuất chúng, phi thường → niềm tin sắt đá vào bản thân, sự nghiệp của mình. - Rước nàng nghi gia: hứa trở về đón Kiều → Người anh hùng có chí khí, sự thống nhất giữa khát vọng phi thường và tình cảm sâu nặng với người tri kỉ. <p>* 4 câu thơ tiếp:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“Bằng nay bốn bề không nhà, Theo càng thêm bạn biết là đi đâu? Đành lòng chờ đó ít lâu Chầy chăng là một năm sau vội gì!”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bốn bề không nhà: khẳng định thực tế gian nan, vất vả, khó khăn của buổi đầu lập nghiệp. - Lời hẹn: “ một năm” : mốc thời gian cụ thể, nhanh chóng → Khẳng định ý chí, bản lĩnh, sự tự tin → Lời hẹn ước ngắn gọn, dứt khoát, tự tin => Từ Hải không chỉ là người anh hùng có khát vọng, chí khí lớn mà còn rất tự tin vào tài năng của mình.
--	--

3. Hai câu cuối

“Quyết lời dứt áo ra đi,

<p>Thao tác 3: Tổng kết</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân suy nghĩ, tìm ra một nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <p>- HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả</p>	<p>nhóm vào giữa bảng phụ.</p>
--	--------------------------------

*Gió mây bằng đã đến kì dặm
khơi”*

-
H
àn
h
độ
ng
:

+ quyết lời

+ dứt áo ra đi

-> thái độ, cử chỉ, hành động
dứt khoát, không hề do dự,
không để tình cảm bịn rịn làm
lung lạc và cản bước ý chí
người anh hùng

- Hình ảnh
chim bằng :

→ ẩn dụ tượng trưng về người
anh hùng có lí tưởng cao đẹp,
hùng tráng, phi thường, mang
tâm vóc vũ trụ.

**Thể hiện ước mơ về người
anh hùng lí tưởng của
Nguyễn Du** (chân dung kì vĩ,
chí khí, tài năng, bản lĩnh phi
thường, thực hiện giấc mơ công
lí).

III.

T
ồn
g
kế
t
1.

Nghệ thuật

- Bút pháp lí tưởng
hóa :

- Từ ngữ : trượng phu, thoát...

- Hình ảnh kì vĩ, ước lệ: lòng bốn phương,
trời bể...

2.Nội dung: Qua hình tượng nhân vật Từ
Hải, Nguyễn Du thể hiện quan niệm về
người anh hùng lí tưởng và gửi gắm ước
mơ công lý

<p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học		
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.</p> <p>(Lập bảng).</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	Văn bản/Tiêu chí	Thể loại	Nội dung
	Chí khí anh hùng	Thơ Nôm	Qua hình tượng nhân vật Từ Hải, Nguyễn Du thể hiện quan niệm về người anh hùng lí tưởng và gửi gắm ước mơ công lý.

. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>1/ Nêu ý nghĩa bài thơ Độc Tiểu Thanh kí?</p> <p>2/ Nhìn một cách khái quát, bài thơ chia làm 2 phần. Hãy đặt tên cho mỗi phần .</p> <p>3/ Nêu hiệu quả nghệ thuật của câu hỏi tu từ ở cuối bài thơ?</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>1/ Ý nghĩa bài thơ: Niềm cảm thương mà Nguyễn Du dành cho Tiểu Thanh và tâm sự khao khát tri âm hướng về hậu thế; vẻ đẹp của chủ nghĩa nhân đạo Nguyễn Du.</p> <p>2/ Nhìn một cách khái quát, bài thơ chia làm 2 phần. Bốn câu đầu là khóc nàng Tiểu Thanh. Bốn câu sau là Nguyễn Du tự khóc mình.</p> <p>3/Hiệu quả nghệ thuật của câu hỏi tu từ ở cuối bài thơ : Đó là câu hỏi nhưng không có câu trả lời. Nguyễn Du xót thương Tiểu Thanh đồng nghĩa xót thương bản thân mình. Tiểu Thanh may mắn được nhiều người biết đến, trong đó có Nguyễn Du. Nguyễn Du thì không biết rồi đây có ai khóc mình như mình khóc Tiểu Thanh không ? Tâm sự của nhà thơ là tâm sự u hoài của một tài năng văn chương, của một nhân cách lớn, thể hiện tấm lòng nhân đạo bao la của một đại thi hào dân tộc.</p>
--	--

. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p><i>Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu :</i></p> <p>1/Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 8-10 câu), nêu cảm nhận của anh/chị về lí tưởng cao đẹp của người anh hùng Từ Hải.</p> <p>2/Sưu tầm tranh ảnh, audio, video clip, những bài thơ liên quan đến Nguyễn Du để làm bài thuyết trình về Nguyễn Du và Truyện Kiều.</p>	<p>Học sinh làm ở nhà</p>

.....
.....
.....
Tiết: 87

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

**LẬP LUẬN
TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

Bước 1 :Xác định vấn đề cần giải quyết :

- Tên bài học: LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

Chuẩn bị của GV và HS:

1. Đối với giáo viên

- Sách giáo viên, sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập 2.
- Thiết kế bài giảng.
- Giáo án điện tử

2. Đối với học sinh

- Sách giáo khoa.
- Vở soạn văn.
- Vở ghi.

Bước 2:Xác định nội dung –chủ đề bài học:

LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Bước 3:Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức: Củng cố và nâng cao kiến thức (hiểu biết) về yêu cầu và cách thức xây dựng lập luận đã học ở THCS: khái niệm về lập luận, cách xác định luận điểm, tìm kiếm luận cứ và cách sử dụng các phương pháp lập luận.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng xây dựng được lập luận trong bài văn nghị luận.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ:

Có thái độ đúng đắn trước vấn đề xã hội đặt ra trong đề bài

b. Phẩm chất

- + Sống yêu thương:
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

Bước 4: Thiết kế tiến trình bài học

Khởi động:

HOẠT ĐỘNG 1 – KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	Định hướng năng lực, PC
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ học tập. Gv chiếu hình ảnh minh họa về cuộc gặp gỡ giữa Thúy Kiều và Từ Hải. Sau đó cho học sinh có phát hiện được những nhân vật quen thuộc trong hình ảnh trên không?</p> <p>* Củng cố kiến thức về văn nghị luận đã học: Em hiểu thế nào là văn nghị luận?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập Hs trả lời.</p> <p>Bước 3: học sinh báo cáo nhiệm vụ học tập.</p> <p>- Nghị luận là bàn bạc hoặc bàn luận để làm sáng tỏ một vấn đề.</p> <p>- Văn nghị luận còn gọi là văn lập luận. Khi dùng thuật ngữ lập luận là để gọi tên một phương thức lớn nhằm tạo lập một kiểu văn bản: văn bản lập luận (argumentatif). kiểu</p>	<p>- Năng lực hợp tác, giao tiếp</p>

văn

<p>bản lập luận gồm nhiều dạng khác nhau trong nhiều tình huống khác nhau.</p> <p>- Văn nghị luận là một dạng tiêu biểu nhất trong số các dạng của kiểu văn bản nghị luận. Loại văn bản lấy thao tác lập luận làm chủ yếu. muốn lập luận tốt người viết phải nắm chắc nội dung luận điểm, luận cứ, biết vận dụng các thao tác lập luận một cách linh hoạt.</p> <p>Bước 4: Gv nhận xét và dẫn dắt vào bài mới</p>	
--	--

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu học sinh đọc ví dụ Thảo luận câu hỏi SGK, rút ra kết luận (phân ghi nhớ)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu. * Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về <i>khái niệm về lập luận trong bài văn nghị luận</i></p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu cách xây dựng lập luận</p>	<p>I- Khái niệm về lập luận trong bài văn nghị luận Xét ví dụ SGK 1. Đích của lập luận: Nay các ông (giặc Minh -bọn Vương Thông) không hiểu thời thế, lại dối trá, tức là “kẻ thất phu hèn kém” thì sao “cùng nói việc binh được”. 2. Các luận cứ đều là lí lẽ: xuất phát từ một chân lí tổng quát: “người dùng binh giỏi là ở chỗ biết xét thời thế....” mà suy ra kết luận (hệ quả): được thời,.... Bọn giặc Minh cảm chắc thất bại. 3. Lập luận là đưa ra các lí lẽ, bằng chứng nhằm dẫn dắt người nghe (đọc) đến một kết luận nào đó mà người viết (nói) muốn đạt tới.</p>

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu học sinh đọc ví dụ SGK</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1;2: Xác định luận điểm của văn bản. <p>Căn cứ vào luận điểm hãy xác định luận cứ trong văn bản “Chữ ta”?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 3;4: Luận cứ trong văn bản “Lại dụ Vương Thông” có đặc điểm gì khác. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiêu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu. * Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về cách xây dựng lập luận <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>II- Cách xây dựng lập luận</p> <p>1. Xác định luận điểm</p> <p>Xét văn bản “Chữ ta” ta thấy có hai luận điểm cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng nước ngoài (tiếng Anh) đang lấn lướt tiếng Việt trong các bảng hiệu, quảng cáo ở nước ta. - Một số trường hợp tiếng nước ngoài được đưa vào báo chí một cách không cần thiết gây thiệt thòi cho người đọc. <p>2. Tìm luận cứ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận cứ của hai luận điểm trong văn bản “Chữ ta” là những bằng chứng thực tế “mất thấy tai nghe” của người viết đã từng ở Hàn Quốc và Việt Nam. - Các luận cứ trong lập luận của Nguyễn Trãi đều là lí lẽ. <p>3. Lựa chọn phương pháp lập luận</p> <p>Văn bản của Nguyễn Trãi: lập luận theo phương pháp diễn dịch và quan hệ nhân - quả.</p>
---	--

	<p>b. Văn bản “Chữ ta”: phương pháp quy nạp và so sánh, đối lập. => Ngoài ra còn một số phương pháp phản đề, loại suy,...</p> <p>* Ghi nhớ: SGK</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG – LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>* Yêu cầu hs thảo luận làm các bài tập. Hs tìm các dẫn chứng cụ thể minh họa các luận điểm.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Gv nhận xét, chốt đáp án.</p>	<p>1. Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm: Chủ nghĩa nhân đạo trong VHTĐ rất phong phú, đa dạng. - Luận cứ: <ul style="list-style-type: none"> + Lí lẽ: Chủ nghĩa nhân đạo biểu hiện: <ul style="list-style-type: none"> .Lòng thương người. .Lên án, tố cáo các thế lực bạo tàn chà đạp lên con người .Khẳng định, đề cao con người về các mặt phẩm chất, tài năng, những khát vọng chân chính,... .Đề cao những quan hệ đạo đức... + Dẫn chứng: .Các tác phẩm văn học đời Lí- Trần. <ul style="list-style-type: none"> .VHVN thế kỉ XVIII- giữa thế kỉ XIX. <p>2. Bài 2:</p> <p>a. Đọc sách mang lại cho ta nhiều điều bổ ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp ta tích lũy và mở rộng tri thức về tự nhiên và xã hội. - Giúp ta khám phá ra bản thân mình. - Chắp cánh ước mơ và sáng tạo. - Giúp rèn khả năng diễn đạt. <p>b. Môi trường đang bị ô nhiễm nặng nề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất đai bị xói mòn, sa mạc hóa. - Ko khí ô nhiễm. - Nước bị nhiễm bẩn ko thể tưới cây, ăn uống, tắm rửa. - Môi sinh đang bị tàn phá, bị hủy diệt.

	<p>c. VHDG là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - VHDG là những tác phẩm ngôn từ. - VHDG là những tác phẩm truyền miệng.
--	--

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Vận dụng viết đoạn văn nghị luận giải thích câu nói sau: <i>Văn học là nhân học</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, chốt đáp án.</p>	<p>HS vận dụng viết đoạn văn nghị luận giải thích câu nói <i>Văn học là nhân học</i></p>

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÒI MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ Vẽ sơ đồ tư duy bài học</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.</p> <p>Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức</p>	<p>HS vẽ được sơ đồ tư duy bài học</p>

.....

.....

.....
.....
.....
Tiết : 88

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

TRẢ BÀI VIẾT SỐ 6

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

- **Tên bài học:** Trả bài viết số 6

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và HS:**

1. Đối với giáo viên

- Sách giáo viên, sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập 2.
- Thiết kế bài giảng.
- Giáo án điện tử

2. Đối với học sinh

- Sách giáo khoa.
- Vở soạn văn.
- Vở ghi.

B: Xác định nội dung – chủ đề bài học:

Trả bài viết số 6

C: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức:

Nhận rõ những ưu, nhược điểm về nội dung và hình thức của bài viết

2. Kỹ năng:

Kỹ năng làm bài theo đúng yêu cầu về thể loại, chính xác về nội dung, tư liệu

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ:

Rút ra bài học kinh nghiệm và có ý thức bồi dưỡng thêm năng lực viết văn nghị luận để chuẩn bị tốt cho bài viết sau.

b. Phẩm chất

- + Sống yêu thương:
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

-Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

D:Thiết kế tiến trình bài học

Khởi động:

Trong tiết học số 71-72, cô đã ra đề bài viết số 6 cho các em làm ở lớp.

Hôm nay, cô sẽ trả bài viết để các em nhận thấy rõ hơn những ưu, khuyết điểm của các em trong bài viết này, từ đó, rút kinh nghiệm cho những bài viết tiếp

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
------------------------	------------------

<p>Hoạt động 1: Giáo viên yêu cầu học sinh nhắc lại đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh nhớ lại đề bài - Kỹ thuật dạy học: thông tin - phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu Hs nhớ lại và chép lại đề bài. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS: nhắc lại đề bài và xác định các phần của đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu đề <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét kết cấu đề bài.</p> <p>Hoạt động 2: Giáo viên hướng dẫn học sinh lập dàn</p>	<p>I. ĐỀ BÀI</p> <p>PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm): Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:</p> <p>Câu 1: Xác định thể thơ của đoạn thơ trên?(0,5 đ)</p> <p>Câu 2: Xác định chủ đề của bài thơ?(0,5đ)</p> <p>Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của 2 trong số biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ trên?(1,0đ)</p> <p>Câu 4: Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào? (Trình bày thành 1 đoạn văn từ 5-7 dòng)(1,0đ)</p> <p>PHẦN VIẾT: (7,0 điểm):</p> <p>Nội dung yêu nước của văn học trung đại từ thế kỉ X đến thế kỉ XV được thể hiện qua bài Phú sông Bạch Đằng (Trương Hán Siêu) và Đại cáo bình Ngô (Nguyễn Trãi)</p> <p>II. CHỮA BÀI:</p> <p>PHẦN ĐỌC HIỂU:</p> <p>Câu 1: (0.5đ)Thể thơ: lục bát</p>
---	--

<p>ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh biết cách lập dàn ý. - Kỹ thuật dạy học: Công não, thông tin - phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1;2: Trả lời 4 câu hỏi phần đọc hiểu. - Nhóm 3;4: Lập dàn ý phần viết. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS: phân tích đề, lập dàn ý</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS thống nhất ý kiến và đại diện lên bảng chữa.</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét bài làm của học sinh, giúp học sinh chữa lỗi.</p>	<p>Câu 2: (0,5đ) Chủ đề bài thơ: Viết về tình cảm chân thành của người chiến sĩ cách mạng với người mẹ quê tần tảo, thương con./ Viết về người mẹ, tình mẹ</p> <p>Câu 3: Biện pháp nghệ thuật:(1,0đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng từ láy: heo heo, lâm thâm, sớm sớm chiều chiều => thấy được sự khắc nghiệt của thời tiết và nỗi vất vả của người mẹ. - Điệp ngữ: “con đi”, “chẳng bằng”=> Nhấn mạnh khó nhọc của người mẹ <p>Câu 4: (1,0đ)- Đoạn văn cần đảm bảo bố cục, có liên kết chặt chẽ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs cảm nhận được hình ảnh người mẹ (bầm) hiện lên với sự tần tảo sớm, luôn lo lắng cho con. <p>PHẦN VIẾT:</p> <p>1. Yêu cầu chung: - Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học dạng tổng hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo bố cục, triển khai các ý mạch lạc, - Vận dụng tốt các thao tác lập luận; - Không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; <p>2. Yêu cầu cụ thể:</p> <p>a, Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: (0,5đ)</p> <p>Có đầy đủ các phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề</p> <p>b, Xác định đúng vấn đề nghị luận: nội dung yêu nước của VHTĐ qua hai tác phẩm Phú sông Bạch Đằng (Trương Hán Siêu) và Đại cáo bình ngô (Nguyễn Trãi)(1,0đ)</p> <p>c, Triển khai vấn đề thành các luận điểm, vận dụng các thao tác lập luận, có lí lẽ và dẫn chứng xác đáng: (Gv có thể tham khảo gợi ý) (4,5đ)</p> <p>*Giới thiệu khái quát hai tác giả và 2 tác phẩm</p> <p>* Khái quát về nội dung yêu nước trong VHTĐ</p>
--	---

	<p>- Là nội dung lớn, xuyên suốt trong VNTĐ, yêu nước gắn liền với tư tưởng trung quân ái quốc</p> <p>- Biểu hiện: Khi đất nước có giặc ngoại xâm: Yêu nước thể hiện trong lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù, ý thức độc lập dân tộc, niềm tự hào trước những chiến công của lịch sử. Khi đất nước hòa bình: Tình yêu thiên nhiên, đất nước. Trân trọng và ngợi ca nó. Mong muốn cống hiến, xây dựng đất nước. Chấn hưng nền văn hóa dân tộc</p> <p>* Phân tích – chứng minh:</p> <p>+ Niềm tự hào trước truyền thống yêu nước chống xâm lược:</p> <p>- Dòng sông Bạch đằng là nơi ghi dấu chiến thắng của nghĩa quân đánh tan quân Nam Hán. Nơi chứng kiến hào khí đông A của nhà Trần thông qua những hồi tưởng và miêu tả những chiến thắng.</p> <p>- Niềm tự hào về văn hiến, về chủ quyền của dân tộc.</p> <p>- Lòng căm thù giặc</p> <p>- Quyết tâm chống lại kẻ thù xâm lược: Thể hiện qua người anh hùng Lê Lợi, qua tinh thần đoàn kết của dân tộc</p> <p>- Các chiến thắng liên tiếp của nghĩa quân</p> <p>+ Ngợi ca truyền thống đạo lí nhân nghĩa của dân tộc:</p> <p>- Truyền thống nhân nghĩa được đúc kết thành một chân lí vĩnh hằng, như một quy luật bất biến của tự nhiên: Những người bất nghĩa tiêu vong / Ngìn thu chỉ có anh hùng lưu danh</p> <p>- Truyền thống nhân nghĩa, nhân văn: là một truyền thống tốt đẹp của chủ nghĩa yêu nước. Khi giặc đã bại trận, ta không những không truy đuổi mà còn cấp ngựa cấp thuyền cho chúng về nước=> sự bao dung, khát vọng hòa bình của cả dân tộc.</p> <p>+ chủ nghĩa yêu nước trong 2 tác phẩm còn được thể hiện qua âm hưởng hào hùng, lời lẽ đanh thép, lí lẽ sắc bén, ngôn ngữ giàu hình ảnh</p>
--	--

*** Đánh giá chung:** - Phú sông Bạch Đằng và Đại

cáo bình Ngô là những áng văn yêu nước xuất sắc, đề

<p>Hoạt động 3: Giáo viên hướng dẫn học sinh nhận biết và sửa chữa lỗi trong bài làm văn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Học sinh biết cách nhận biết và sửa chữa lỗi trong bài làm của mình. - Kỹ thuật dạy học: Công não, thông tin - phản hồi - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu HS đối chiếu với dàn ý, từ đó giúp học sinh nhận biết được những ưu, khuyết điểm trong bài làm của mình. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS: phân tích đề, lập dàn ý, đối chiếu với bài làm của mình để nhận ra ưu, khuyết điểm và tự sửa chữa.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu lên những ưu điểm, khuyết điểm trong bài làm của mình. <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>cao vai trò của con người và truyền thống nhân nghĩa tốt đẹp của dân tộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng lòng tự hào , tự tôn , lòng yêu nước cho các thế hệ - Liên hệ một số các tác phẩm khác có nội dung tương tự: Tổ lòng(Phạm Ngũ Lão), Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn)... <p>d, Sáng tạo: (0,5đ)</p> <p>Thể hiện sự tìm tòi trong diễn đạt, dùng đa dạng các kiểu câu phù hợp với mục đích trình bày. Sử dụng từ ngữ có chọn lọc.</p> <p>e, Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu: (0,5đ)</p> <p>III. Nhận xét chung</p> <p>1. Ưu điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số em bố cục bài viết mạch lạc, rõ ràng; hành văn lưu loát; biết cách làm văn nghị luận. <p>2. Nhược điểm: Một số bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết còn sơ sài, thiếu luận điểm. - Thiên về cảm nhận -> bài viết thiếu hấp dẫn - Bố cục chưa rõ ràng, hành văn còn vụng <p>* Chữa lỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lỗi : từ , câu, trình bày.... - Lỗi chính tả <p>IV. Rút kinh nghiệm</p>
--	--

GV: nhận xét bài làm của học sinh, giúp học sinh chữa lỗi. (GV những học sinh sai chính tả nhiều lên sửa lỗi trên bảng để cả lớp cùng rút kinh nghiệm Đọc 1 số bài (đoạn) khá , tốt -> tuyên dương để học sinh học tập).	
--	--

Tiết: 89

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

VĂN BẢN VĂN HỌC

A:Xác định vấn đề cần giải quyết

- **Tên bài học:** Văn bản văn học

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập một. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

B:Xác định nội dung – chủ đề bài học:

C:Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức: - Nhận biết các tiêu chí của một văn bản văn học theo quan niệm hiện nay. Hiểu rõ quá trình chuyển biến từ văn bản văn học đến tác phẩm văn học trong tâm trí người đọc.

- Biết rõ các tầng của cấu trúc văn bản văn học và mối liên hệ giữa các tầng đó.

- Hiểu văn bản là một chỉnh thể không đơn giản, phải đi sâu tìm hiểu mới dần thấy rõ hàm nghĩa của nó.

2. Kỹ năng: Tìm hiểu vấn đề lí luận văn học.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ:

Có thái độ đúng đắn khi đọc hiểu tác phẩm văn học.

b. Phẩm chất

- + Sống yêu thương:
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

D: Thiết kế tiến trình bài học

Khởi động:

HOẠT ĐỘNG 1 – KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	Định hướng năng lực, PC
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Cho HS phân biệt VB VH với các văn bản khác qua phiếu học tập</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Bước 4: Nhận xét, dẫn dắt vào bài mới</p> <p>Trong nền văn học Việt Nam, có những văn bản văn học quan trọng của nước nhà nhưng đồng thời cũng là những văn kiện quan trọng có ý nghĩa lịch sử xã hội như Thiên đo chiếu, Đại cáo bình Ngô, Hịch tướng sĩ... Vậy có những tiêu chí cơ bản nào để xác định văn bản văn học, cấu trúc của văn bản văn học như thế nào? Chúng ta sẽ trả lời được những câu hỏi đó sau tiết học hôm nay.</p>	<p>- Năng lực hợp tác, giao tiếp</p>

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến văn bản văn học.</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: Dựa vào SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy cho biết:</p> <p>- Nhóm 1: Các tiêu chí chủ yếu để xác định một văn bản là văn bản văn học?</p> <p>- Nhóm 2: Học sinh đọc ví dụ. Những từ láy trong ví dụ có tác dụng gì? Thế nào là tầng ngôn từ?</p> <p>- Nhóm 3: Học sinh tìm hiểu ví dụ. Thế nào là tầng hình tượng?</p> <p>- Nhóm 4: Học sinh đọc SGK. Em hiểu như thế nào là hàm nghĩa?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá</p>	<p>I- Tiêu chí chủ yếu của văn bản văn học</p> <p>- Có ba tiêu chí:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản văn học là những tác phẩm đi sâu phản ánh hiện thực khách quan và khám phá thế giới tình cảm và tư tưởng, thoả mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người. 2. Văn bản văn học được xây dựng bằng ngôn từ nghệ thuật, có hình tượng có tính thẩm mĩ cao. 3. Văn bản văn học được xây dựng theo một phương thức riêng, đảm bảo những quy ước nghệ thuật cho từng thể loại cụ thể. <p>II- Cấu trúc của văn bản văn học</p> <p>1. Tầng ngôn từ - từ ngữ âm đến ngữ nghĩa</p> <p>+ Những từ láy liên tiếp: loắt choắt, thoăn thoắt, xinh xinh, nghênh nghênh với âm thanh của nó gợi lên một cái gì nhanh nhẹn, tươi trẻ, hồn nhiên.</p> <p>=> Chú ý đến ngữ âm song song với ngữ nghĩa của văn bản.</p> <p>- Đọc văn bản, ta phải hiểu rõ nghĩa của từ, từ nghĩa tường minh đến nghĩa hàm ẩn, từ</p>

nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.

* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những thông tin cơ bản về văn bản văn học.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi.
- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

nghĩa đen đến nghĩa bóng. So sánh: ngôi sao
- ngôi sao điện ảnh; con chó sói - lòng lang
dạ sói; mùa xuân - tuổi xuân;...

=> Tầng ngôn từ là bước thứ nhất cần phải vượt qua để đi vào chiều sâu của văn bản.

2. Tầng hình tượng

- Xét VD: SGK

- Hình tượng được sáng tạo trong văn bản nhờ những chi tiết, cốt truyện, nhân vật, hoàn cảnh, tâm trạng (tuỳ quy mô văn bản: truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài,... và tuỳ thể loại: yư sự, trữ tình, kịch,...) mà có sự khác nhau.

3. Tầng hàm nghĩa

- Đọc văn bản mà không hiểu hàm nghĩa khác nào ta biết tên, biết mặt một con người mà không hiểu được phần sâu thẳm trong tâm hồn họ.

III- Từ văn bản đến tác phẩm văn học

- Người đọc càng trải nghiệm sâu sắc cuộc sống càng thấu hiểu các quy luật nghệ thuật, nội dung tác phẩm càng hiện lên đầy đủ hơn, phong phú hơn trong tâm trí.

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
------------------------	------------------

<i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm</i>	1. Quan niệm sông nào được thể hiện trong bài thơ?  quan niệm tình yêu thủy chung và
---	---

<p>vụ</p> <p>Đọc văn bản sau rồi hãy trả lời các câu hỏi sau:</p> <p><i>Bài thơ tình của người thủy thủ (Hà Nhật):</i></p> <p><i>Đêm nay, khi trăng mọc Tàu anh sẽ nhỏ neo Em đừng hỏi Vì sao anh ra đi Cũng đừng hỏi Chân trời xa có gì kêu gọi Anh biết Nếu ở chân trời có đảo trên châu Hay ở biển xa Có nụ hoa thần tìm ra hạnh phúc Hay có người gái đẹp Môi hồng như san hô Cũng ko thể Khiến anh xa được em yêu Nhưng em ơi Nếu có người trai chưa từng qua bão tố Chưa từng vượt qua thử thách gian lao Lẽ nào xứng với tình em?</i></p> <p>1. Quan niệm sống nào được thể hiện trong bài thơ? </p> <p>quan niệm tình yêu thủy chung và cách sống mạnh mẽ...</p> <p>2. Xác định thể thơ và nội dung cơ bản của bài thơ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ tự do - Nội dung: Tam sự người lính biển 	<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>
---	--

cách sống mạnh mẽ...

2. Xác định thể thơ và nội dung cơ bản của bài thơ?

- Thể thơ tự do
- Nội dung: Tam sự người lính biên

<i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i>	
<i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i>	

HOẠT ĐỘNG – VẬN DỤNG

Hoạt động của GV và HS	
GV giao nhiệm vụ : Viết 1 đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận của em về hình tượng nhân vật “anh” trong bài thơ <i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i> <i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i> <i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i>	HS được 1 đoạn văn ngắn trình bày cảm nhận của em về hình tượng nhân vật “anh” trong bài thơ

HOẠT ĐỘNG – TÌM TÒI MỞ RỘNG

Yêu cầu HS: Học bài và hoàn thiện các bài tập vào vở.

Tiếp tục sưu tầm các văn bản thơ hay mà em yêu thích

.....
.....
.....
.....

Tiết: 90

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

THỰC HÀNH CÁC PHÉP TU TỪ : PHÉP ĐIỆP VÀ PHÉP ĐỐI

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

- Tên bài học:

THỰC HÀNH CÁC PHÉP TU TỪ : PHÉP ĐIỆP VÀ PHÉP ĐỐI

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và

HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc

trước

bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập một. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

B: Xác định nội dung – chủ đề bài học:

THỰC HÀNH CÁC PHÉP TU TỪ : PHÉP ĐIỆP VÀ PHÉP ĐỐI

C: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức: - Củng cố và nâng cao kiến thức về phép điệp và phép đối trong việc sử dụng tiếng Việt.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng nhận diện, phân tích cấu tạo và tác dụng của hai phép tu từ trên và có khả năng sử dụng được các phép tu từ đó khi cần thiết.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ:

Thấy được vẻ đẹp của tiếng Việt để yêu quý, tôn trọng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt..

b. Phẩm chất

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

D: Thiết kế tiến trình bài học

Khởi

động:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ: : Nếu khái niệm và tác dụng của phép điệp, phép đối Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

luận

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

vụ

Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài : Ở cấp THCS các em đã học về phép điệp. Phép điệp là biện pháp tu từ lặp lại một yếu tố diễn đạt (vần, nhịp, từ, cụm từ, câu) nhằm nhấn mạnh, biểu đạt cảm xúc và ý nghĩa, có khả năng gợi hình tượng nghệ thuật. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ luyện tập để hiểu rõ hơn về phép điệp

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Hoạt động : Luyện tập về phép điệp</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Nhóm 1;2: Làm bài tập 1</p> <p>- Nhóm 3;4: Làm bài tập 2</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc yêu cầu bài tập trong SGK</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và</p>	<p>I. Luyện tập về phép điệp</p> <p>1. Bài tập 1:</p> <p>- Bài ca dao “Trèo lên cây bưởi” có ba điệp ngữ : một là “Nụ tầm xuân”, hai là “cá mắc câu”, ba là “chim vào lồng”. Cơ sở tâm lí của điệp từ là một sự vật, sự việc và hiện tượng xuất hiện liên tiếp nhiều lần buộc người ta phải chú ý.</p> <p>+ Nếu thay “nụ tầm xuân” bằng một thứ hoa sẽ làm cho âm hưởng, ý nghĩa của bài ca dao thay đổi.</p> <p>Mặt khác, nói tới hoa là chỉ chung người con gái. Nhưng nói nụ là khẳng định người con gái ở độ tuổi trăng tròn ở thời đẹp nhất. Và lại “Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc” tức là cô gái đã đi lấy chồng. Hoa chỉ có tàn thôi. Nụ nở ra hoa. Vì thế không thể thay thế hoa vào nụ được.</p> <p>+ “Cá mắc câu” và “chim vào lồng” được điệp lại làm rõ hoàn cảnh của cô gái, sự so sánh của cô gái.</p>

<p>thống nhất ý kiến, ghi vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>HS trả lời câu hỏi.</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>Cách lập này không giống với “Nụ tâm xuân” ở câu trên.</p> <p>Những yếu tố: gần, thì, có, vì là yếu tố lập mang sắc thái tu từ.</p> <p>1. Bài tập 2:</p> <p>+ Gần, thì ☑ Nhân mạnh mối quan hệ của con người với môi trường sống. Đó là sự ảnh hưởng của con người trong các mối quan hệ.</p> <p>+ Có ☑ khẳng định sự kiên trì, bền bỉ thì có ngày thành đạt.</p> <p>+ Vì ☑ khẳng định, nhân mạnh mối quan hệ trong so sánh.</p> <p>a1. Ba ví dụ điệp từ không mang sắc thái tu từ</p> <p>+ Đây chồng, đây vợ, đây cha</p> <p>Này là em ruột, này là em dâu</p> <p>+ Cơm không ăn thì con ăn gì</p> <p>+ Mưa trắng nước, trắng trời</p> <p>a2. Ba câu điệp từ không mang sắc thái tu từ</p> <p>+ Lúa mới cấy được mấy ngày lúa đã bén chân</p> <p>+ Gặp cơm, tôi ăn cơm</p> <p>+ Đi, tôi đi sợ gì</p> <p>+ <i>Khi tỉnh rượu lúc canh tàn</i></p> <p><i>Giật mình mình lại thương mình xót xa</i></p> <p>+ <i>Khi sao phong gấm rủ là</i></p> <p><i>Giờ sao tan tác như hoa giữa đường</i></p> <p>+ <i>Mặt sao dày gió dạn sương</i></p> <p><i>Thân sao bướm chán ong chường bấy thân</i></p>
---	--

	<p>+ <i>Vui là vui gương kẻ là</i></p> <p><i>Ai tri âm đó mặn mà chi ai</i></p> <p>Người làm thơ tìm đến thơ như một phương tiện để giải bày, giải bày tâm trạng của mình với bạn đọc tri âm. Chẳng có ai làm thơ lại nghĩ thơ là thứ ngôn ngữ cao siêu và thiêng liêng bao giờ. Họ chọn lọc ngôn ngữ của đời thường, cách nói của đời thường để sáng tạo ra cách nói riêng. Cách nói tác động tới tư tưởng, tình cảm con người. Người làm thơ cũng không bao giờ nói hết, cạn ý, cạn lời. Họ biết dừng đúng chỗ, đúng lúc để người đọc, người nghe tự suy ngẫm, suy ngẫm để hoàn thiện một nhân cách.</p> <p>Phép điệp là một phép tu từ. Người ta làm xuất hiện một yếu tố ngôn ngữ nhiều lần có tác dụng làm cho người đọc, người nghe suy nghĩ, liên tưởng, để từ đó khắc sâu một tư tưởng, tình cảm, hành động vươn tới cái đẹp.</p>
--	---

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p><i>Hoạt động : Luyện tập về phép đối:</i></p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <p>- Nhóm 1;2: Làm bài tập 1</p> <p>- Nhóm 3;4: Làm bài tập 2</p> <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc yêu</p>	<p>II. Luyện tập về phép đối</p> <p>1. Bài tập 1:</p> <p>+ Chim có tổ, người có tông</p> <p>- Đây là đối thanh trắc/ bằng</p> <p>+ Đối cho sạch, rách cho thơm</p> <p>- Đây là đối thanh</p> <p>+ Người có chí ắt phải nên, nhà có nền ắt phải vững</p> <p>- Cũng là đối thanh</p> <p>+ Tiên học lễ: diệt trừ tham nhũng</p>

<p>câu bài tập trong SGK</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>+ Hậu học văn: trừ thói cửu quyền</p> <p>- Đối từ, đối nghĩa</p> <p>Kết luận: sự sắp xếp từ ngữ để tạo ra sự cân đối, hài hòa về mặt âm thanh, đối về nghĩa</p> <p><i>Vân xem trang trọng khác vời</i></p> <p><i>Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang</i></p> <p><i>Hoa cười ngọc thốt đoan trang</i></p> <p><i>Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da</i></p> <p>+ Đây là phép đối về từ: Khuôn trăng/ nét ngài (danh từ); đầy đặn/ nở nang (tính từ); Hoa/ ngọc (danh từ), cười/ thốt (động từ), mây/ tuyết (danh từ), thua/ nhường (tính từ), nước tóc/ màu da (danh từ)</p> <p><i>-Rắp mượn điền viên vui tuế</i></p> <p><i>nguyệt Trót đem thân thể hẹn tang</i></p> <p><i>bồng</i></p> <p>+ Cũng tương tự như trên đây là đối từ</p> <p>+ Đối trong “Hịch tướng sĩ”</p> <p>- <i>Dự Nhượng nuốt than báo thù cho chủ</i></p> <p><i>Thân khoái chặt tay cứu nạn cho nước</i></p> <p>- Tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối</p> <p>+ Đối trong “Đại cáo bình Ngô”</p>
---	---

- *Nướng dân đen trên ngọn lửa hung*

*tàn Vùi con đỏ dưới
hầm tai vạ*

*- Gươm mài núi đá
đá cũng phải mòn
Voi uống nước nước
sông phải cạn*

+ Đối
trong
“Truyện
Kiều”

	<p>- <i>Người lên ngựa, kẻ chia bào</i></p> <p>- <i>Nửa in gói chiếc, nửa soi dặm trường.</i></p> <p>- Phép đối là sự lựa chọn từ ngữ để đối thanh, đối từ ngữ và đối nghĩa để nhấn mạnh nội dung nào đó.</p> <p>2. bài tập 2:</p> <p>- Thuộc đấng dã tật, sự thật mất lòng Đối thanh: tật / lòng (trắc/ bằng)</p> <p>- Bán anh em xa, mua láng giềng gần.</p> <p>- Đối nghĩa: Bán/ mua; xa/ gần, anh em/ láng giềng.</p> <p>- Phép đối trong tục ngữ nhằm làm phong phú thêm cho phán đoán (một câu tục ngữ thông thường là một phán đoán)</p> <p>- Nó làm rõ nghĩa: tương đồng hoặc tương phản.</p> <p>- Tạo ra sự hoàn chỉnh và dễ nhớ</p> <p>+ Đối thanh</p> <p>Chim có tổ, người có tông Tổ/ tông</p> <p>+ Đối nghĩa</p> <p><i>Gặp đây anh năm cổ tay...</i></p> <p><i>Khi xưa em trắng, sao rày em đen</i></p>
--	--

Khi xưa/ sao rày

Trắng / đen

+ Đối từ

*Da trắng vô bì
bạch*

	<p><i>Rừng sâu mưa lâm thâm</i></p> <p>Da trắng/ Rừng sâu</p> <p>Vỗ/ Mưa</p> <p>Bì bạch/ lâm thâm</p> <p>+ Đối âm</p> <p>GV gợi ý cho HS tự làm.</p>
--	--

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết: 92

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỦA VĂN BẢN VĂN HỌC

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỦA VĂN BẢN VĂN HỌC

- **Tên bài học:**
- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp
- **Chuẩn bị của GV và**

HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập một. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng

dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

B: Xác định nội dung – chủ đề bài học:

NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỦA VĂN BẢN VĂN HỌC

C: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức: - Hiểu các khái niệm nội dung và hình thức khi phân tích văn

bản văn học.

- Thấy rõ mối quan hệ của nội dung và hình thức văn bản văn học.
2. **Kĩ năng:** biết vận dụng các khái niệm nội dung và hình thức khi phân tích văn bản văn học.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ:

Giúp cho HS nhận biết và că ý thức cao trong khi tiếp nhận văn bản văn học..

b. Phẩm chất

- + Sống yêu thương:
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

D: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG 1 – KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	Định hướng năng lực, PC
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho 1 bài thơ, yêu cầu HS xác định các yếu tố nội dung và hình thức cấu tạo nên văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những thiêu chí chủ yếu của văn bản văn học. - Vì sao nói : hiểu tầng ngôn từ mới là bước thứ nhất cần thiết để đi vào chiều sâu của văn bản văn học ? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài Gv dẫn dắt: Nội dung và hình thức của một văn bản văn học</p>	<p>- Năng lực hợp tác, giao tiếp</p>

là hai mặt không thể chia tách. Nội dung chỉ có thể tồn tại trong một hình thức nhất định. Và bất kì hình thức nào cũng mang một nội dung. Vậy các khái niệm nào thuộc về mặt nội dung và các khái niệm nào thuộc về mặt hình thức, chúng có ý nghĩa như thế nào. Hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu.	
--	--

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chiếu 1 vài hình ảnh liên quan đến văn bản văn học.</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Dựa vào SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy cho biết</i></p> <p>- Nhóm 1: <i>Các khái niệm thuộc nội dung của văn bản văn học gồm những khái niệm nào? Hãy nêu một cách ngắn gọn và nêu ví dụ</i></p> <p>- Nhóm 2: <i>Các khái niệm thuộc hình thức văn bản bao gồm những vấn đề gì? Hãy trình bày một cách khái quát và nêu ví dụ.</i></p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Các khái niệm của nội dung và hình thức trong văn bản văn học</p> <p>- Các khái niệm thuộc nội dung của văn bản văn học bao gồm: Đề tài, chủ đề, tư tưởng chủ đề, cảm hứng nghệ thuật.</p> <p>a) Đề tài: Là phạm vi cuộc sống được nhà văn lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản. Ví dụ: “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố viết về đề tài nông dân.</p> <p>b) Chủ đề: Là nội dung cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm.</p> <p>Ví dụ “Tắt đèn” có chủ đề: Miêu tả nỗi thống khổ của người nông dân dưới chế độ sưu thuế ngặt nghèo của thực dân và phong kiến địa chủ. Đồng thời miêu tả mâu thuẫn giữa nông dân với bọn cường hào quan lại.</p> <p>- Chủ đề không lệ thuộc vào độ dài ngắn của văn bản và mỗi văn bản có thể có nhiều chủ đề.</p> <p>c) Tư tưởng chủ đề: Là thái độ, tư tưởng, tình cảm của nhà văn đối với cuộc sống, con người</p>

<p>- <i>Nhóm 3: ý nghĩa quan trọng của nội dung và hình thức văn bản văn học?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc phần tiểu dẫn trong SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu.</p> <p>* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những câu trả lời vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>được thể hiện trong tác phẩm.</p> <p>Ví dụ: “Tắt đèn” thể hiện sự cảm thông, chia sẻ sâu sắc và gắn bó máu thịt với người nông dân của nhà văn lão thành Ngô Tất Tố. Đồng thời thể hiện thái độ của nhà văn với bọn quan lại, địa chủ.</p> <p>d) Cảm hứng nghệ thuật: Là tình cảm chủ yếu của văn bản. Đó là những trạng thái tâm hồn, cảm xúc được thể hiện đậm đà nhuần nhuyễn trong văn bản .</p> <p>Ví dụ: Cảm hứng trong “Tắt đèn” là yêu thương và căm giận</p> <p>2. Các khái niệm về hình thức của văn bản</p> <p>a. Ngôn từ: Đây là yếu tố thứ nhất của văn bản văn học</p> <p>Nhờ ngôn từ tạo nên chi tiết, hình ảnh, nhân vật trong văn bản. Vì thế tìm hiểu văn bản phải đi sâu khai thác các lớp ngôn từ.</p> <p>- Ngôn từ hiện diện trong câu, hình ảnh, giọng điệu và mang tính cá thể. Có ngôn từ tài hoa của Nguyễn Tuân, trong sáng tinh tế của Thạch Lam, chân chất mang đặc điểm Nam Bộ của Sơn Nam...</p> <p>b. Kết cấu: Là sự sắp xếp, tổ chức các thành tố của văn bản thành một đơn vị thống nhất, hoàn chỉnh có ý nghĩa.</p> <p>Bất kể văn bản văn học nào cũng phải có một kết cấu nhất định. Kết cấu phải phù hợp với nội dung.</p> <p>+ Có kết cấu hoành tráng với nội dung</p>
---	---

+ Có kết cấu đầy
bất ngờ của
truyện cười.

	<p>+ Kết cấu mở theo dòng suy nghĩ của tùy bút, tạp văn.</p> <p>c. Thể loại: Là quy tắc tổ chức hình thức văn bản sao cho phù hợp với nội dung văn bản.</p> <p>+ Diễn tả cảm xúc mãnh liệt ✉ có thơ</p> <p>+ Kể về diễn biến, mối quan hệ của cuộc sống, con người ✉ có truyện</p> <p>+ Miêu tả xung đột gay gắt ✉ có kịch</p> <p>+ Thể hiện suy nghĩ trước cuộc sống, con người ✉ có thể kí</p> <p>Chú ý: Ngôn từ, kết cấu, thể loại chỉ tồn tại như là hình thức của một nội dung nào đó, không thể có hình thức thuần túy. Hình thức và nội dung luôn gắn bó. Vì vậy khi tìm hiểu và phân tích văn bản văn học phải kết hợp giữa nội dung và hình thức.</p> <p>3. ý nghĩa quan trọng của nội dung và hình thức văn bản văn học</p> <p>- Văn bản văn học cần có sự thống nhất cao giữa nội dung và hình thức nghệ thuật hoàn mĩ. Đây là ý nghĩa vô cùng quan trọng và cũng là tiêu chuẩn để đánh giá một tác phẩm.</p> <p>- ý nghĩa thứ hai: trong quá trình phân tích, ta không chỉ chú trọng nội dung mà bỏ rơi hình thức. Phân tích bao giờ cũng phải kết hợp giữa nội dung và hình thức.</p> <p>- ý nghĩa thứ ba: Trong đời sống văn chương có những văn bản đặt nội dung coi nhẹ hình thức và ngược lại. Chúng ta cần nhận biết điều này khi tìm hiểu và phân tích văn bản.</p>
--	---

Đề tài: Tiểu thuyết “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố và

	<p>“Bước đường cùng” của Nguyễn Công Hoan viết về người nông dân dưới chế độ thực dân nửa phong kiến (quan lại, cường hào địa chủ ở nông thôn). Song có khác: Ngô Tất Tố viết về chế độ sưu thuế bức tử người nông dân. Nguyễn Công Hoan lại viết về cho vay nặng lãi của quan lại địa chủ, thực chất là dồn ép người nông dân đến bước đường cùng.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(5 phút)

Bài 1:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: So sánh đề tài 2 văn bản : <i>Tắt đèn</i> của Ngô Tất Tố và <i>Bước đường cùng</i> của Nguyễn Công Hoan</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>1/Giống nhau : cả 2 đều viết về cuộc sống cơ cực của người nông dân ở nông thôn VN trước cách mạng tháng Tám và sự vùng lên phản kháng của họ</p> <p>2/Khác nhau :</p> <p>- <i>Tắt đèn</i> tả cuộc sống nông thôn trong những ngày sưu cao thuế nặng và sự vùng lên tự phát của họ</p> <p>- <i>Bước đường cùng</i> lại miêu tả nỗi lầm than cơ cực của người nông dân trước thủ đoạn bóc lột bằng hình thức cho vay nặng lãi của bọn địa chủ .Họ không còn lối thoát phải tự phát chống lại</p>

Bài 2:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: <i>Đọc các văn bản (SGK) và thực hiện các yêu cầu nêu bên dưới:</i></p>	<p><i>Đọc các văn bản (SGK) và thực hiện các yêu cầu nêu bên dưới:</i></p> <p><u>Gợi ý:</u></p> <p>1- Văn bản “<i>Nơi dựa</i>”:</p> <p>a. Văn bản là một bài thơ văn xuôi của</p>

<p>1- Văn bản “<i>Nơi dựa</i>”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<p>Nguyễn Đình Thi. Bố cục của văn bản chia làm hai đoạn có cấu trúc câu, hình tượng tương tự nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu mở đầu và câu kết của mỗi đoạn có cấu trúc giống nhau. - Mỗi đoạn đều có hai nhân vật có đặc điểm giống nhau. Đoạn một là một người đàn bà và một đứa nhỏ, đoạn hai là một người chiến sĩ và một bà cụ. <p>Tác giả tạo nên cấu trúc đối xứng cốt làm nổi bật tính tương phản, từ đó làm nổi bật ý nghĩa của hình tượng.</p> <p>b. Những hình tượng trong hai đoạn của bài thơ gợi lên nhiều suy nghĩ về nơi dựa trong cuộc sống. Người đàn bà dắt đứa nhỏ nhưng chính đứa nhỏ lại là “<i>Nơi dựa</i>” của người đàn bà. Người chiến sĩ “<i>đỡ bà cụ</i>” nhưng chính bà cụ lại là “<i>Nơi dựa</i>” cho người chiến sĩ.</p> <p>Thông thường, nếu xét theo logic vật chất thì người yếu đuối sẽ phải dựa vào người vững mạnh. ở đây có điều ngược lại, tưởng phi logic nhưng lại rất logic, đó là thứ logic của tinh thần. “<i>Nơi dựa</i>” ở đây là chỗ dựa tinh thần, nơi con người tìm thấy niềm tin, tình yêu và ý nghĩa cuộc sống. Bài thơ còn muốn nói một điều sâu sắc hơn: con người phải có lòng biết ơn đối với quá khứ và luôn hi vọng về tương lai.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG(5 phút)
Bài 1

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

GV giao nhiệm vụ:BT2/130:

<p><u>BT2/130:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<p>- Hai khổ thơ đầu nói đến nỗi mong mỏi đợi chờ thành quả lao động và công sức của người mẹ bỏ ra để đổi lấy những thành quả:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“ Những mùa quả mẹ tôi ”</i></p> <p>Hình ảnh “ <i>mang dáng giọt mồ hôi mặn</i> ” tượng trưng công sức phải bỏ ra của người lao động; hình ảnh lặn, mọc như mặt trời, mặt trăng tượng trưng sự lao động bền bỉ, thâm lặng mà chỉ có người lao động mới cảm nhận được những giọt mồ hôi “ <i>rõ xuống lòng thâm lặng mẹ tôi</i> ”.</p> <p>- Ở khổ thơ thứ ba, tác giả chuyển sang nói chuyện “ trông người ”</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“ Và chúng tôi quả non xanh ”</i></p> <p>Hình ảnh “ <i>bàn tay mẹ mỏi</i> ” tượng trưng những nỗ lực cuối cùng của người mẹ trong việc nuôi dạy con.</p> <p>Hình ảnh “ <i>quả non xanh</i> ” tượng trưng cho kết quả chưa trọn vẹn, chưa như ý nguyện của người mẹ.</p> <p>Nó có thể là dấu hiệu cho sự thất vọng nơi mẹ khi đã tới hồi “ <i>bàn tay mẹ mỏi</i> ”, và mẹ chỉ còn biết khóc thầm “ <i>rõ xuống lòng thâm lặng</i> ”.</p>
---	---

Bài 2

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>2- Văn bản</p> <p>“<i>Thời gian</i>”:</p> <p>3- Văn bản</p>	<p>2- Văn bản “<i>Thời gian</i>”:</p> <p>a. Văn bản là một bài thơ của Văn Cao. Bài thơ có cấu tứ độc đáo và cách ngắt nhịp linh hoạt, cách vắt dòng có chủ định. Văn bản có thể chia</p>

<p>“<i>Mình và ta</i>”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<p>làm hai đoạn:</p> <p>Đoạn một: từ đầu đến “... <i>trong lòng giếng cạn</i>”.</p> <p>Đoạn hai: tiếp theo đến hết.</p> <p>Đoạn một nói lên sức mạnh tàn phá của thời gian. Đoạn hai nói về những giá trị bền vững tồn tại mãi với thời gian.</p> <p>- Thời gian cứ từ từ trôi “<i>qua kẽ tay</i>”, và âm thầm “<i>làm khô những chiếc lá</i>”. “<i>Chiếc lá</i>” vừa có nghĩa thực, cụ thể vừa có nghĩa bóng, ẩn dụ. Nó vừa là chiếc lá trên cây, mới hôm nào còn xanh tươi sự sống thế mà chỉ một thời gian lọt “<i>qua kẽ tay</i>”, lá đã “<i>khô</i>”, lá chết. Nó vừa là những chiếc lá cuộc đời trên cái cây cuộc sống mà khi thời gian trôi đi, sự sống cứ rụng dần như những chiếc lá. Những kỉ niệm trong đời thì “<i>Rơi/ như tiếng sỏi/ trong lòng giếng cạn</i>”. Thật nghiệt ngã là qui luật băng hoại của thời gian.</p> <p>- Vấn đề ở đây là ai cũng nhận ra qui luật ấy nhưng không ai cũng có thể làm cho mình bất tử cùng thời gian. Vậy mà vẫn có những giá trị mang sức sống mãnh liệt chọi lại với thời gian, bất tử cùng thời gian. Đó là sức mạnh vượt thời gian của thi ca và âm nhạc (hiểu rộng ra là nghệ thuật). dĩ nhiên phải là “<i>những câu thơ</i>”, “<i>những bài hát</i>”, những tác phẩm nghệ thuật đích thực. Hai chữ “<i>xanh</i>” được lấy lại như “chọi” lại với chữ “<i>khô</i>” trong câu thứ nhất.</p> <p>- Câu kết thật bất ngờ: “<i>Và đôi mắt em/ như hai giếng nước</i>”. Dĩ nhiên đây là “<i>hai giếng nước</i>” chứa đầy những kỉ niệm tình yêu, những kỉ niệm tình yêu sống mãi, đối lập với những kỉ niệm “<i>roi</i>” vào “<i>lòng giếng cạn</i>” quên lãng của thời gian.</p>
--	---

b. Qua bài thơ “*Thời gian*”, Văn Cao muốn

nói rằng: thời gian có thể xoá nhoà tất cả, chỉ có văn học nghệ thuật và tình yêu là có sức sống lâu bền.

3- Văn bản “*Mình và ta*”:

Văn bản là một bài tứ tuyệt đặc sắc của nhà thơ Chế Lan Viên rút trong tập *Ta gửi cho mình*. Bài thơ đề cập đến những vấn đề lí luận của thi ca, của văn học nghệ thuật.

a. Hai câu đầu:

Mình là ta đấy thôi, ta vẫn gửi cho mình.

Sâu thăm mình ư? Lại là ta đấy!

Hai câu thơ thể hiện quan niệm sâu sắc của Chế Lan Viên về mối quan hệ giữa người đọc (*mình*) và nhà văn (*ta*). Trong quá trình sáng tạo, nhà văn luôn có sự đồng cảm với bạn đọc cũng như trong quá trình tiếp nhận tác phẩm, bạn đọc luôn có sự đồng cảm với nhà văn. Sự đồng cảm phải có được nơi tận cùng “*sâu thăm*” thì tác phẩm mới thực sự là tiếng nói chung, là nơi gặp gỡ của tâm hồn, tình cảm con người.

b. Hai câu sau là quan niệm của Chế Lan Viên về văn bản văn học và tác phẩm văn học trong tâm trí của người đọc:

*Ta gửi tro, mình nhen thành lửa cháy,
Gửi viên đá con, mình dựng lại nên thành.*

Nhà văn viết tác phẩm văn học là sáng tạo nghệ thuật theo những đặc trưng riêng. Những điều nhà văn muốn nói đều đã được gửi gắm vào hình tượng nghệ thuật và nghệ thuật chỉ có giá trị gợi mở chứ không bao giờ nói hết, nói rõ. Người đọc phải tái tạo lại, tưởng tượng thêm, suy ngẫm, phân tích để sao cho từ bếp “*tro*” tưởng như tàn lại có

thể "nhen thành lửa cháy", từ "viên đá con" có thể dựng nên thành, nên lũy, nên những lâu đài, cung điện nguy nga.

Quan niệm trên của Chế Lan Viên đã được nhà thơ phát biểu theo cách của thơ và đó cũng là một minh chứng cho quan niệm của chính nhà thơ.

- Câu ca dao sau đây có phải là một văn bản văn học không? Vì sao?

"Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói tỏa cành sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây hồ".

- Phân tích ý nghĩa hàm ẩn trong khổ thơ :

..." Vẫn còn bao nhiêu
nắng Đã voi dần con
mưa Sấm cũng bớt bất
ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi"
(Hữu Thịnh, Sang thu)

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ + Lập bảng so sánh nội dung và hình thức văn bản nghệ thuật đã học ở HK2 + Lập bảng và nêu cấu trúc các tầng nghĩa những tác phẩm thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật đã học trong chương trình Ngữ Văn 10 HK2</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức</p>	<p>-HS lập được bảng hệ thống kiến thức bài học</p>

.....
.....
.....
.....
Tiết: 93

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

CÁC THAO TÁC NGHỊ LUẬN

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

- Tên bài học:

CÁC THAO TÁC NGHỊ LUẬN

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và

HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập một. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

B: Xác định nội dung – chủ đề bài học:

CÁC THAO TÁC NGHỊ LUẬN

C: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức: - Củng cố và nâng cao hiểu biết về các thao tác nghị luận thường gặp: phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp và so sánh

2. Kỹ năng: Nhận diện chính xác các thao tác trên trong các văn bản nghị luận

- Vận dụng các thao tác đó một cách hợp lý và sáng tạo để tạo lập được những văn bản nghị luận có sức thuyết phục đối với người đọc (người nghe).

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ:

Có thái độ, quan điểm đúng đắn khi đứng trước vấn đề nghị luận

b. Phẩm chất

- + Sống yêu thương:
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

D: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

<i>Hoạt động của Gv và HS</i>	<i>Kiến thức cần đạt</i>
<i>GV giao nhiệm vụ từ tiết trước</i> <i>Vẽ các SĐTD về các thao tác LL ?</i> <i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i> <i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i> <i>HS báo cáo các SĐTD về các thao tác LL</i> <i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i>	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.</i> GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Dựa vào SGK và 1 số thông tin trên hình ảnh, em hãy</i>	<i>I. Tìm hiểu chung</i> <i>1. Khái niệm</i> <i>Thao tác được dùng để chỉ việc thực hiện những động tác theo trình tự và yêu cầu kĩ thuật nhất định.</i> <i>Ví dụ: Ghép cây, quá trình làm đất trồng màu.</i>

<p><i>cho biết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thao tác là gì?</i> - <i>Thao tác nghị luận là gì?</i> - <i>So với các loại thao tác khác có gì giống và khác biệt.</i> - <i>Kể tên một số thao tác nghị luận cụ thể? Lấy ví dụ.</i> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân đọc SGK, quan sát thông tin trên máy chiếu. * Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận và ghi lại những câu trả lời vào bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thao tác nghị luận là những hoạt động của tư duy bao gồm những suy nghĩ, lựa chọn cách thức trong nghị luận để nhằm mục đích cuối cùng thuyết phục người nghe theo ý kiến bàn luận của mình. - So với các loại thao tác khác <p>Giống: Phải theo một trình tự và yêu cầu kỹ thuật</p> <p>Khác: Đây là hoạt động của tư duy. Còn thao tác khác là những động tác theo trình tự.</p> <p>2. Một số thao tác nghị luận cụ thể.</p> <p>2.1. Ôn lại thao tác phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điền các từ theo thứ tự <p>Một ☐ Tổng hợp Hai ☐ Phân tích Ba ☐ Quy nạp Bốn ☐ Diễn dịch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàng Đức Lương đã sử dụng thao tác phân tích. Vì cứ mỗi lí do đưa ra, tác giả đều lí giải, phân tích cặn kẽ để người nghe hiểu được vì sao thơ văn không lưu truyền hết ở đời. - Dùng thao tác phân tích làm cho người đọc không chỉ nắm khái quát vấn đề mà còn hiểu tường tận từng lí do ấy. - Luận điểm cơ bản là: “<i>Hiền tài là nguyên khí quốc gia</i>” <p>Tác giả sử dụng thao tác phân tích, sau đó chuyển sang thao tác diễn dịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu kết trong bài kí của Hoàng Đức Lương sử
---	---

dụng thao tác tổng hợp
chứ không phải quy nạp.

thức.	<p>Sử dụng thao tác tổng hợp nhằm thu tóm những ý có tính bộ phận vào kết luận chung, làm cho quá trình lập luận có sức thuyết phục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - ở bài “Hịch tướng sĩ”, Trần Quốc Tuấn sử dụng thao tác quy nạp. Những dẫn chứng khác nhau làm cho kết luận ở cuối đoạn càng trở nên đáng tin cậy. - Nhận định thứ nhất đúng với điều kiện tiền đề diễn dịch phải chính xác. - Nhận định thứ ba đúng vì phải có quá trình tổng hợp sau khi thực hiện thao tác phân tích. <p>Công thức là:</p> <p>Phân tích- Tổng hợp- Phân tích (Phân- tổng- phân)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác so sánh trong nghị luận là đối chiếu từ 2 trở lên những sự việc, hiện tượng có liên quan trên những căn cứ xác định để tìm ra những chỗ giống và khác nhau, hơn hoặc kém nhau. - Thông thường có hai cách so sánh <ul style="list-style-type: none"> + So sánh để tìm sự giống nhau + So sánh để tìm sự khác nhau, hơn, kém nhau. <ul style="list-style-type: none"> - Bác dùng thao tác so sánh để chỉ ra sự giống nhau - Câu văn của Lê Văn Hưu sử dụng thao tác so sánh để chỉ sự khác nhau. <p>Nhận định của SGK</p> <p>Nhận định 1 đúng</p> <p>Nhận định 2 chưa chính xác và đầy đủ</p>
-------	---

Nhận định 3 đúng

Nhận định 4 đúng

	<ul style="list-style-type: none"> - Muốn so sánh đúng cách phải chú ý + Những đối tượng được so sánh phải có mối liên quan với nhau về một mặt nào đó. Sự so sánh phải dựa trên tiêu chí cụ thể rõ ràng và có ý nghĩa quan trọng đối với sự nhận thức bản chất của vấn đề. Những kết luận rút ra từ so sánh phải chân thực mới mẻ, giúp cho nhận thức sự vật sáng tỏ sâu sắc hơn.
--	--

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

<i>Hoạt động của Gv và HS</i>	<i>Kiến thức cần đạt</i>
<p>Hoạt động 2: Luyện tập:</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố lí thuyết và rèn kĩ năng làm bài tập.</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kĩ thuật dạy học: kĩ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: HS làm bài tập 1 phần luyện tập.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. <p>II. - Có thái độ tích cực, hứng thú.</p> <p>Luyện tập:</p> <p>Bài viết của Võ Nguyên Giáp về thơ Nôm của Nguyễn Trãi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả muốn chứng minh: “Thơ Nôm Nguyễn Trãi đã tiếp thu nhiều thành tựu của văn hóa dân gian, văn học dân gian” - Thao tác chủ yếu sử dụng có hai đoạn. + Đoạn đầu là thao tác phân tích. Dựa trên luận điểm chung, tác giả để chia nhỏ (<i>củ khoai, quả ổi, bẹ rau muống, luống dọc mùng... nhiên. Tục ngữ, ca dao, những đặc điểm thanh điệu Tiếng Việt...</i>) phân tích những bộ phận nhỏ này để chứng minh cụ thể, sâu sắc cho luận điểm. + Đoạn sau, tác giả sử dụng thao tác quy nạp.

<p>đọc yêu cầu của bài tập.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <p>- HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>Từ hai cứ liệu: một là tác dụng làn điệu dân ca qua tiếng hát ông chài, tiếng sáo của chú chăn trâu; hai là không gian trong thơ Nguyễn Trãi rộng thêm ra và lớn thêm lên. Từ hai cứ liệu này, người viết rút ra kết luận về vai trò, sứ mệnh, chức năng của văn chương nghệ thuật.</p> <p>- Nhờ thao tác quy nạp mà tư tưởng đoạn trích được nâng lên một mức cao hơn.</p> <p>Vấn đề an toàn giao thông đang được đặt ra một cách cấp thiết. Hàng ngày chúng ta không thể kiểm soát được bao nhiêu người tham gia giao thông bằng những phương tiện nào. Trả lời câu hỏi ấy thật là khó. Trên khắp các ngã đường thành phố, thị xã, thị trấn, nông thôn đồng bằng đến nông thôn miền núi... đủ các loại xe cộ. Hiện đại là ô tô ba, bốn chỗ ngồi, thông thường là xe hai mươi, ba mươi chỗ ngồi, xe khách, xe tải, mô tô xe máy đến cả xe đạp thô sơ và sợ nhất là công nông. Người tham gia giao thông không phải ai cũng có bằng lái, được phép điều khiển, không phải ai cũng có ý thức chấp hành luật lệ. Họ phóng nhanh, vượt ẩu, thậm chí không cả chấp hành những tín hiệu giao thông trên đường. Đây là chưa kể những người mà nồng độ cồn vượt quá mức quy định cho phép vẫn điều khiển mô tô. Có những kẻ quá khích đánh võng trên đường.</p> <p>Đường giao thông của chúng ta đã được nâng cấp nhưng không phải ở tuyến đường nào cũng êm ả, bóng loáng. Đường liên xã nối thôn nọ với thôn kia còn gập ghềnh, nhiều ổ gà, có nhiều chỗ sụt lở. Đường được đổ xi măng giữa các làng ở nông thôn có rất nhiều nhánh chạy ra, người ta gọi là xương cá rất nguy hiểm.</p> <p>Nhiều tai nạn đáng tiếc đã xảy ra trên các tuyến đường Bắc Nam và ở các tỉnh, phá vỡ hạnh phúc của biết bao gia đình. Trách nhiệm của chúng ta phải làm gì để đảm bảo an toàn</p>
	<p>giao thông, câu hỏi ấy nên đặt ra ở mỗi ngã đường, đối với mỗi người.</p>

.....
.....
.....
.....
.....

Tiết: 94

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

Tổng kết phần văn học

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Cách nhìn tổng quát về nội dung và hình thức nghệ thuật của từng bộ phận văn học.

3. Về kĩ năng

So sánh giữa các bộ phận văn học ; hệ thống hóa những kiến thức đã học.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ:

Cả ý thức cao trong học tập, rèn luyện, tích cực, chủ động học tập.

b. Phẩm chất

+ Sống yêu thương;

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

B. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Đối với giáo viên

- Sách giáo viên, sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập 2.
- Thiết kế bài giảng.
- Giáo án điện tử

2. Đối với học sinh

- Sách giáo khoa.
- Vở soạn văn.
- Vở ghi.

C. Cách thức tiến hành

- Giáo viên tổ chức bài dạy bằng cách kết hợp các phương pháp công não, thông tin – phản hồi, thảo luận nhóm (kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật phòng tranh).

D. Thiết kế hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Kiến thức cần đạt</i>
Bước 1: GV giao nhiệm vụ - GV chiếu tên những tác phẩm được sắp xếp lộn xộn và yêu cầu HS sắp xếp vào theo nhóm các tác phẩm VH dân gian, tác phẩm VH trung đại, tác phẩm VH hiện đại Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Bước 4: GV nhận xét và dẫn vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.- Có thái độ tích cực, hứng thú.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
Hoạt động 1: Ôn tập VHDG <i>Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố lại những kiến thức cơ bản về VHDG</i> <i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i> <i>Hình thức tổ chức: Học sinh</i>	I. Ôn tập VHDG 1. Những đặc trưng cơ bản của VHDG <ul style="list-style-type: none">- Tính tập thể.- Tính truyền miệng.- Tính thực hành. 2. Hệ thống thể loại <ul style="list-style-type: none">- Tự sự DG: thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, truyện thơ,

làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.

Các bước thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chuyển giao nhiệm vụ:

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

* Hoạt động cá nhân: Mỗi cá nhân suy nghĩ, tìm ra câu trả lời..

* Hoạt động nhóm:

- Học sinh thảo luận cặp đôi và ghi lại những thông tin cơ bản vào phần xung quanh bảng phụ.

- HS thảo luận và thống nhất ý kiến, ghi lại kết quả của cả nhóm vào giữa bảng phụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi.

- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

Bước 5: Gv chuyển giao nhiệm vụ mới:

HS lập bảng so sánh VHDG và VH viết..

về.

- Trữ tình DG: ca dao.

- Nghị luận DG: tục ngữ, câu đố.

- Sân khấu DG: chèo, tuồng, cải lương.

3. Những giá trị cơ bản của

VHDG

a. Giá trị nhận

thức:

- Là kho tàng tri thức về mọi lĩnh vực đời sống tự nhiên, xã hội và con người.

- Là tri thức của 54 dân tộc anh em tính phong phú, đa dạng.

- Thể hiện trình độ nhận thức và quan điểm tư tưởng của nhân dân lao động nhân đạo và tiên bộ.

- Tri thức dân gian thường được trình bày bằng ngôn từ nghệ thuật hấp dẫn, dễ phổ biến, có sức sống lâu bền.

b. Giá trị giáo dục

- Tinh thần nhân đạo:

+ Tôn vinh giá trị con người.

+ Tình yêu thương con người.

+ Đấu tranh bảo vệ, giải phóng con người khỏi bất công.

- Hình thành những phẩm chất truyền thống tốt đẹp:

+ Tình yêu quê hương đất nước.

+ Lòng vị tha, đức kiên trung.

+ Tính cần kiệm. óc thực tiễn...

c. Giá trị thẩm

mĩ

+ Nhiều tác phẩm VHDG trở thành mẫu mực nghệ thuật để người đời học tập.

+ Là nguồn nuôi dưỡng VH viết phát triển.

Lập bảng so sánh VHDG và VH viết:

STT	Đặc điểm	VHDG	VH viết
-----	----------	------	---------

1	Thời điểm ra đời.	- Rất sớm, khi chưa có chữ viết.	- Khi đã có chữ viết (từ thế kỉ X).
2	Tác giả.	- Tập thể.	- Cá nhân.

3	P.T lưu truyền.	- Truyền miệng.	- Chữ viết, chữ in, văn bản.
4	Hình thức tồn tại.	- Gắn liền với những sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng (môi trường diễn xướng).	- Văn bản viết cố định.
5	Vai trò, vị trí.	- Nền tảng của VH dân tộc.	- Nâng cao, kết tinh những thành tựu nghệ thuật.
<p>? Các bộ phận lớn của VH viết Việt Nam?</p> <p>? Những nội dung lớn của VHVN trong quá trình phát triển?</p> <p>? VHVN phát triển trong sự ảnh hưởng qua lại với các yếu tố truyền thống dân tộc, tiếp biến VHNN ntn? Nêu 1 số hiện tượng văn học chứng minh?</p> <p>? HS trình bày bảng so sánh</p>		<p>- VHTĐ (từ thế kỉ X-XIX).</p> <p>- VHHD (từ đầu thế kỉ XX- nay).</p> <p>- Thể hiện tư tưởng, tình cảm của con người VN trong 5 mối quan hệ đa dạng: với thế giới tự nhiên, quốc gia dân tộc, xã hội và bản thân.</p> <p>- Hai nội dung cảm hứng lớn xuyên suốt: yêu nước và nhân đạo.</p> <p>- ảnh hưởng truyền thống và tiếp biến VHNN.</p> <p>- VD:</p> <p>+ VHTĐ: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,...</p> <p>+ VHHD: Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nam Cao,...</p> <p>- Các tác giả VHTĐ:</p> <p>+ Tiếp thu lời ăn tiếng nói, tư tưởng nhân đạo của VHDG và truyền thống văn hóa dân tộc.</p> <p>+ Việt hóa các yếu tố tiếp</p>	<p>II. VH viết Việt Nam:</p> <p>1. Các bộ phận:</p> <p>2. Những nội dung lớn của VHVN trong quá trình phát triển:</p> <p>- Thể hiện tư tưởng, tình cảm của con người VN trong 5 mối quan hệ đa dạng: với thế giới tự nhiên, quốc gia dân tộc, xã hội và bản thân.</p> <p>- ảnh hưởng truyền thống và tiếp biến VHNN.</p> <p>- VD:</p> <p>3. So sánh VHTĐ và VHHD:</p>

VHTĐ và VHHD?	thu từ VH Trung Quốc: thể loại, đề tài, thi liệu,...	
---------------	--	--

So sánh VHTĐ và VHHD:

Đặc điểm	VHTĐ	VHHD
Chữ viết.	- Chữ Hán, chữ Nôm.	- Chữ quốc ngữ.
Thể loại.	- Tiếp thu từ VH Trung Quốc: cáo, hịch, phú, thơ Đường luật, truyện kí, tiểu thuyết chương hồi,... - Sáng tạo trên cơ sở tiếp thu: thơ Đường luật viết bằng chữ Nôm. - Thể loại VH dân tộc: truyện thơ, ngâm khúc, hát nói.	- Tiếp thu từ VHTĐ: thơ Đường luật, câu đối,... - Thể loại VHHD: thơ tự do, truyện ngắn, tiểu thuyết, phóng sự, kịch nói,...
Tiếp thu từ nước ngoài.	- Văn hóa, văn học Trung Quốc.	- Văn hóa, văn học Trung Quốc. - Văn hóa, văn học phương Tây, Nga- Xô Viết, Mĩ-Latinh.
<p>? Các thành phần chủ yếu của VHTĐ?</p> <p>? Các giai đoạn phát triển của VHTĐ?</p> <p>? Nêu các đặc điểm lớn về nội dung? Phân tích dẫn chứng minh họa?</p> <p>? Đặc điểm và biểu hiện của nội dung yêu nước? Nêu dẫn chứng minh họa?</p>	<p>- VH viết bằng chữ Hán.</p> <p>- VH viết bằng chữ Nôm.</p> <p>- Từ thế kỉ X- XIV.</p> <p>- Từ thế kỉ XV- XVII.</p> <p>- Từ thế kỉ XVIII- nửa đầu XIX.</p> <p>- Nửa cuối thế kỉ XIX.</p> <p>- Đặc điểm:</p>	<p>4. VH viết VN từ thế kỉ X-XIX:</p> <p>a. Các thành phần chủ yếu của VHTĐ:</p> <p>b. Các giai đoạn phát triển:</p> <p>c. Những đặc điểm lớn về nội dung:</p> <p>* Nội dung yêu nước:</p> <p>- Đặc điểm:</p> <p>+ Gắn liền với tư tưởng “trung quân ái quốc”.</p> <p>+ Ko tách rời truyền thống</p>

<p>? Đặc điểm và biểu hiện của nội dung nhân đạo? Nêu dẫn chứng minh họa?</p>	<p>VD: Bình Ngô đại cáo (<i>Nguyễn Trãi</i>), Quốc tộ (<i>Đỗ Pháp Thuận</i>), Quy húng (<i>Nguyễn Trung Ngạn</i>), Tựa Trích diễm thi tập (<i>Hoàng Đức Lương</i>),...</p> <p>+ Lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược.</p> <p>VD: Bình Ngô đại cáo (<i>Nguyễn Trãi</i>), Thuật hoài (<i>Phạm Ngũ Lão</i>),...</p> <p>+ Tự hào trước chiến công thời đại, trước truyền thống lịch sử.</p> <p>VD: Bình Ngô đại cáo (<i>Nguyễn Trãi</i>), Hiền tài là nguyên khí của quốc gia (<i>Thân Nhân Trung</i>), Bạch Đằng giang phú (<i>Trương Hán Siêu</i>),...</p> <p>+ Biết ơn, ca ngợi những anh hùng dân tộc, những người hi sinh vì đất nước.</p> <p>VD: Đại Việt sử kí toàn thư (<i>Ngô Sĩ Liên</i>).</p> <p>+ Tình yêu thiên nhiên.</p> <p>VD: Cảnh ngày hè (<i>Nguyễn Trãi</i>).</p> <p>- Đặc điểm:</p> <p>+ Bắt nguồn từ truyền thống nhân đạo, thương người như thể thương thân của dân tộc ta.</p> <p>+ ảnh hưởng từ tư tưởng nhân văn tích cực của tôn giáo.</p> <p>- Biểu hiện:</p> <p>+ Lòng thương yêu con người, cảm thông thương xót những khổ đau của con người.</p> <p>VD: <i>Độc Tiểu Thanh kí</i>, <i>Truyện</i></p>	<p>yêu nước của dân tộc.</p> <p>- Biểu hiện:</p> <p>+ ý thức độc lập, tự chủ, tự cường, tự hào dân tộc.</p> <p>+ Lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược.</p> <p>+ Tự hào trước chiến công thời đại, trước truyền thống lịch sử.</p> <p>+ Biết ơn, ca ngợi những anh hùng dân tộc, những người hi sinh vì đất nước.</p> <p>+ Tình yêu thiên nhiên.</p> <p>* Nội dung nhân đạo:</p> <p>- Đặc điểm:</p> <p>+ Bắt nguồn từ truyền thống nhân đạo, thương người như thể thương thân của dân tộc ta.</p> <p>+ ảnh hưởng từ tư tưởng nhân văn tích cực của tôn giáo.</p> <p>- Biểu hiện:</p> <p>+ Lòng thương yêu con người, cảm thông thương xót những khổ đau của con người.</p>
---	--	--

<p>? Các đặc điểm nghệ thuật?</p> <p>? Nêu tên các thể loại VHTĐ đã học?</p> <p>Hs làm ở nhà, trình</p>	<p><i>Kiều, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm,...</i></p> <p>+ Lên án, tố cáo các thế lực bạo tàn chà đạp lên con người.</p> <p>VD: Tố cáo chiến tranh phi nghĩa (<i>Chinh phụ ngâm</i>), bộ mặt tàn ác, ích kỉ của giai cấp thống trị (<i>Cung oán ngâm khúc</i>), bộ mặt tham nhũng, bất công của giai cấp thống trị (<i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>),...</p> <p>+ Khẳng định, đề cao con người về các mặt phẩm chất, tài năng, những khát vọng chân chính (công lí, tình yêu tự do, hạnh phúc lứa đôi).</p> <p>VD: Chuyện chức phán sự đền Tản Viên Ngô Tử Văn cương trực, dũng cảm, đấu tranh đến cùng với cái xấu, cái ác. Chinh phụ ngâm đề cao khát vọng hạnh phúc lứa đôi...</p> <p>+ Đề cao những quan hệ đạo đức, đạo lí tốt đẹp của con người.</p> <p>VD: Nàng Kiều hiếu nghĩa đủ đường.</p> <p>+ Lối sống hòa hợp với tự nhiên, xa lánh vòng danh lợi.</p> <p>VD: Nhàn (Nguyễn Bỉnh Khiêm).</p> <p>+ Niềm tin, lạc quan trước cuộc sống.</p> <p>VD: Cáo tật thị chúng (Mãn Giác thiền sư).</p> <p>Hai cảm hứng trên có quan hệ biện chứng với nhau.</p> <p>- Tính quy phạm và phá vỡ tính quy phạm.</p> <p>- Khuyên hướng trang nhã và xu hướng bình dị.</p>	<p>+ Lên án, tố cáo các thế lực bạo tàn chà đạp lên con người.</p> <p>+ Khẳng định, đề cao con người về các mặt phẩm chất, tài năng, những khát vọng chân chính (công lí, tình yêu tự do, hạnh phúc lứa đôi).</p> <p>+ Đề cao những quan hệ đạo đức, đạo lí tốt đẹp của con người.</p> <p>+ Lối sống hòa hợp với tự nhiên, xa lánh vòng danh lợi.</p> <p>+ Niềm tin, lạc quan trước cuộc sống.</p> <p>d. Các đặc điểm nghệ thuật:</p>
---	---	--

bày trước lớp. Gv nhận xét, đánh giá.	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu và dân tộc hóa tinh hoa văn học nước ngoài. - Thơ Đường luật chữ Hán. - Thơ Nôm Đường luật. - Cáo. - Phú. - Ngâm khúc. - Truyện thơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tính quy phạm và phá vỡ tính quy phạm. - Khuynh hướng trang nhã và xu hướng bình dị. <p><i>e. Các thể loại VHTĐ đã học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thơ Đường luật chữ Hán. - Thơ Nôm Đường luật. - Cáo. - Phú.
--	---	--

Lập bảng tên tác giả, tác phẩm, đặc điểm nội dung và nghệ thuật cơ bản của các tác phẩm đã học

Tác giả	TP	Nội dung	Nghệ thuật
1. Phạm Ngũ Lão	<i>Thuật hoài</i>	Bức chân dung tinh thần của tác giả đồng thời cũng là chân dung tinh thần của con người thời Trần có sức mạnh, có lí tưởng, nhân cách cao đẹp, mang hào khí Đông A.	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ pháp gọi, thiên về ẩn tượng bao quát, hàm súc. - Bút pháp nghệ thuật hoành tráng có tính sử thi với hình tượng thơ lớn lao kì vĩ, biện pháp so sánh phóng đại.
2. Nguyễn Trãi	<i>Bảo kính cảnh giới số 43.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Bức tranh thiên nhiên cảnh ngày hè sinh động và tràn đầy sức sống. - Tình yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu nhân dân, đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ thất ngôn xen lục ngôn. - Cách ngắt nhịp 3/4. - Ngôn ngữ giản dị, tinh tế, biểu cảm.
3. Nguyễn Bỉnh Khiêm.	<i>Nhàn</i>	Triết lí sống “nhàn” của tác giả: <ul style="list-style-type: none"> - Sống hòa hợp với thiên nhiên. - Phủ nhận danh lợi, giữ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ Đường luật thất ngôn bát cú. - Đối chỉnh. - Hình ảnh thơ giản dị, biểu cảm.

		cốt cách thanh cao.	
4. Nguyễn Du.	<i>Độc Tiểu Thanh kí.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Xót xa, thương cảm cho nàng Tiểu Thanh cũng như bao người phụ nữ tài hoa bạc mệnh. - Suy nghĩ về số phận của những người tài hoa, tài tử, Nguyễn Du đặt vấn đề quyền sống, yêu cầu phải trân trọng những người nghệ sĩ- người sáng tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần. - Tự thương cho số phận tương lai của mình, khao khát tri âm. - Giá trị nhân đạo sâu sắc, mới mẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ hàm súc, tinh tế. - Sự phá cách khuôn mẫu thơ Đường luật.
5. Đỗ Pháp Thuận.	<i>Quốc tộ.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng phơi phới niềm vui, tự hào, lạc quan, tin tưởng vào vận mệnh của đất nước. - Khẳng định đường lối trị nước: thuận theo tự nhiên, dùng phương sách “đức trị” để đất nước ko còn nạn đao binh. - Truyền thống tốt đẹp của dân tộc: yêu chuộng hòa bình 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh độc đáo. - Ngôn ngữ hàm súc.
6. Mãn Giác thiền sư.	<i>Cáo tật thị chúng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Từ quy luật vận động đổi lập của thiên nhiên và đời người, tác giả thể hiện ý thức cao về ý nghĩa, giá trị sự sống người. - Niềm tin vào sự sống bất diệt, lờnh lạc quan, yêu đời của tác giả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể kệ. - Ngôn ngữ hàm súc, uyên thâm.

7. Nguyễn Trung Ngạn.	<i>Quy hứng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Những hình ảnh dân dã quen thuộc của làng quê qua nỗi nhớ quê rất cụ thể, da diết, chân thành. - Lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước sâu sắc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh thơ bình dị, dân dã. - Biện pháp đối lập.
8. Trương Hán Siêu.	<i>Phú sông Bạch Đằng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Khung cảnh thiên nhiên Bạch Đằng- danh thắng lịch sử- hiện lên chân thực, sinh động thông qua cách nhìn, miêu tả của nhân vật “khách” và lời kể của các bộ lão. - Lòng yêu nước, tự hào dân tộc. - Tư tưởng nhân văn cao đẹp: đề cao vai trò, vị trí của con người. 	<ul style="list-style-type: none"> - Là đỉnh cao nghệ thuật của thể phú trong VHTĐ: + Cấu tứ đơn giản, hấp dẫn. + Bố cục chặt chẽ. + Hình tượng nghệ thuật sinh động vừa gợi hình sắc trực tiếp vừa mang ý nghĩa khái quát triết lí. + Ngôn ngữ trang trọng, hào sảng, lắng đọng, gợi cảm.
9. Nguyễn Trãi.	<i>Bình Ngô đại cáo.</i>	<p>Là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu cao tư tưởng nhân nghĩa, chân lí độc lập dân tộc. - Tố cáo tội ác của kẻ thù. - Tái hiện quá trình kháng chiến hào hùng. - Tuyên bố độc lập, rút ra bài học lịch sử. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp hài hòa 2 yếu tố: chính luận sắc bén và văn chương trữ tình. - Mang đậm cảm hứng anh hùng ca. - Là áng “thiên cổ hùng văn”.
10. Hoàng Đức Lương.	<i>Tựa Trích diễm thi tập.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Những nguyên nhân khiến thơ văn bị thất truyền. - Tâm sự và công việc sưu tầm thơ văn của tác giả. - Niềm tự hào, sự trân trọng và ý thức bảo vệ di sản văn hóa của dân 	Nghệ thuật lập luận chặt chẽ bằng phương thức quy nạp, phân tích- tổng hợp.

		tộc.	
11. Thân Nhân Trung.	<i>Hiền tài là nguyên khí của quốc gia.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Vai trò quan trọng của hiền tài đối với vận mệnh đất nước. - Những việc làm khuyến khích hiền tài. - ý nghĩa quan trọng của việc khắc bia tiến sĩ. 	Nghệ thuật lập luận tam đoạn luận.
12. Ngô Sĩ Liên.	<p><i>Hung Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.</i></p> <p><i>Thái sư Trần Thủ Độ.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp nhân cách vĩ đại của Trần Quốc Tuấn: trung quân ái quốc, tài năng mưu lược, đức độ lớn. - Nhân cách vĩ đại của Trần Thủ Độ: trung thực, nghiêm minh, liêm khiết, chí công vô tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật khắc họa nhân vật: <ul style="list-style-type: none"> + Đặt nhân vật trong nhiều mối quan hệ. + Đặt nhân vật trong những tình huống có thử thách. + Sử dụng nhiều chi tiết đặc sắc. - Nghệ thuật khắc họa nhân vật: <ul style="list-style-type: none"> + Các tình huống giàu kịch tính. + Sử dụng nhiều chi tiết đặc sắc.
13. Nguyễn Dữ.	<i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị hiện thực: <ul style="list-style-type: none"> + Phê phán hồn ma tên tướng giặc giả mạo thổ thần. + Phê phán thánh thần, quan lại ở cõi âm. - Hiện tượng oan trái, bất công ở cõi trần: quan lại tham nhũng, vua xa dân, người dân lương thiện chịu nhiều bất công, ngang trái. - Giá trị nhân đạo: <ul style="list-style-type: none"> + Đề cao tinh thần khẳng khái, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác trừ hại cho dân 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng dày đặc các yếu tố kì ảo. - Giàu kịch tính.

		của Ngô Tử Văn- người đại biểu của trí thức nước Việt. + Niềm tin công lí chính nghĩa nhất định thắng gian tà.	
14. Đoàn Thị Điểm.	<i>Đoạn trích: Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ.</i>	- Tâm trạng cô đơn, buồn sầu, mong nhớ da diết và khát vọng hạnh phúc lứa đôi của người chinh phụ. - Gián tiếp lên án chiến tranh phong kiến phi nghĩa.	- Độc thoại nội tâm. - Tả cảnh ngụ tình. - Ngôn ngữ giàu sức biểu cảm.
15. Nguyễn Du.	<i>Truyện Kiều: - Trao duyên. - Nỗi thương mình. - Chí khí anh hùng.</i>	- Nỗi đau khổ, tuyệt vọng của Thúy Kiều trong đêm trao duyên. - Vẻ đẹp nhân cách của Kiều: đức hi sinh, lòng vị tha. - Nỗi thương thân xót phận và ý thức cao về nhân phẩm của Thúy Kiều. - Vẻ đẹp của nhân vật Từ Hải: + Chí khí phi thường, mưu cầu nghiệp lớn. + Tự tin, bản lĩnh. + Dứt khoát, kiên quyết mà lại rất tâm lí, sâu sắc và gần gũi.	- Độc thoại nội tâm. - Kết hợp ngôn ngữ dân gian và bác học. - Ước lệ tượng trưng. - Đối, điệp từ, điệp ngữ. - Tả cảnh ngụ tình. - Bút pháp lí tưởng hóa, lãng mạn hóa với cảm hứng vũ trụ. - Sử dụng nhiều hình ảnh ước lệ. - Sử dụng lời thoại trực tiếp thể hiện tính cách tự tin, bản lĩnh của nhân vật.

V. Các kiến thức LLVH:

1. Những tiêu chí chủ yếu của VB VH:

- VB VH phản ánh hiện thực khách quan, khám phá thế giới tình cảm và tư tưởng, thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người.
- VB VH được xây dựng bằng ngôn từ nghệ thuật có tính hình tượng, tính thẩm mĩ và tính hàm súc.

c. Mỗi VB VH đều thuộc về 1 thể loại nhất định và phải tuân theo những quy ước, cách thức riêng của nó.

2. Cấu trúc của VB VH:

- Tầng ngôn từ.
- Tầng hình tượng
- Tầng hàm nghĩa

3. Các khái niệm thuộc về nội dung và hình thức của VB VH:

a. Các khái niệm thuộc về nội dung:

- Đề tài. - Chủ đề. - Tư tưởng văn bản.
- Cảm hứng nghệ thuật.

b. Các khái niệm thuộc về hình thức:

4. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB VH:

- Là mối quan hệ biện chứng, thống nhất với nhau.
- Yêu cầu với 1 tác phẩm VH:

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Bước 1: GV giao nhiệm vụ Thuyết minh về 1 tác giả (1 tác phẩm) VH trong chương trình ngữ văn 10 mà em yêu thích. + Cảm nhận về 1 nhân vật VH trong chương trình ngữ văn 10 mà em yêu thích nhất. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời. Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức	Hs Thuyết minh về 1 tác giả (1 tác phẩm) VH trong chương trình ngữ văn 10 + Cảm nhận về 1 nhân vật VH trong chương trình ngữ văn 10

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt

Bước 1: GV giao nhiệm vụ Vẽ sơ đồ tư duy bài học Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức	HS vẽ được sơ đồ tư duy bài học
--	--

.....

Tiết: 96 -97

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

A:Xác định vấn đề cần giải quyết

- Tên bài học: ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

1. Đối với giáo viên

- Sách giáo viên, sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập 2.
- Thiết kế bài giảng.
- Giáo án điện tử

2. Đối với học sinh

- Sách giáo khoa.
- Vở soạn văn.
- Vở ghi.

B:Xác định nội dung – chủ đề bài học:

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

C:Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức:

Củng cố, hệ thống hóa những kiến thức cơ bản đã học trong năm học về tiếng Việt.

2. Kỹ năng:

- Luyện tập để nâng cao kỹ năng về phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, các yêu cầu sử dụng tiếng Việt.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ:

Cả ý thức cao trong học tập, rèn luyện, tích cực tham gia các hoạt động.

b. Phẩm chất

- + Sống yêu thương;
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

D: Thiết kế tiến trình bài học

Khởi động:

GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức tiếng Việt đã học trong chương trình lớp 10, từ đó dẫn dắt vào bài ôn tập.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
Hoạt động 1: Giáo viên hướng dẫn học sinh ôn tập tiếng Việt. <i>Mục tiêu: Ôn tập và nắm chắc các kiến thức tiếng Việt..</i>	

<p>- <i>Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu</i></p> <p>- <i>Kĩ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, tin - phản hồi</i></p> <p>- <i>Hình thức tổ chức: hoạt động nhóm.</i></p> <p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>: Hoạt động giao tiếp là gì? những nhân tố giao tiếp nào tham gia và chi phối hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ? Trong hoạt động giao tiếp có những quá trình nào ?</p> <p>-Lập bảng so sánh giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <p>- HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp.</p> <p>- HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả</p>	<p>Câu 1:</p> <p>Hoạt động giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin của con người trong xã hội, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ (nói hoặc viết) nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức, về tình cảm, về hành động,...</p> <p>- Các nhân tố tham gia và chi phối hoạt động giao tiếp:</p> <p>+ Nhân vật giao tiếp.</p> <p>+ Hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>+ Nội dung giao tiếp.</p> <p>+ Mục đích giao tiếp.</p> <p>+ Phương tiện và cách thức giao tiếp.</p> <p>- Các quá trình:</p> <p>+ Quá trình tạo lập (sản sinh) văn bản do người nói (người viết) thực hiện.</p> <p>+ Quá trình lĩnh hội văn bản do người nghe (người đọc) thực hiện.</p> <p>Quan hệ tương tác.</p>
--	---

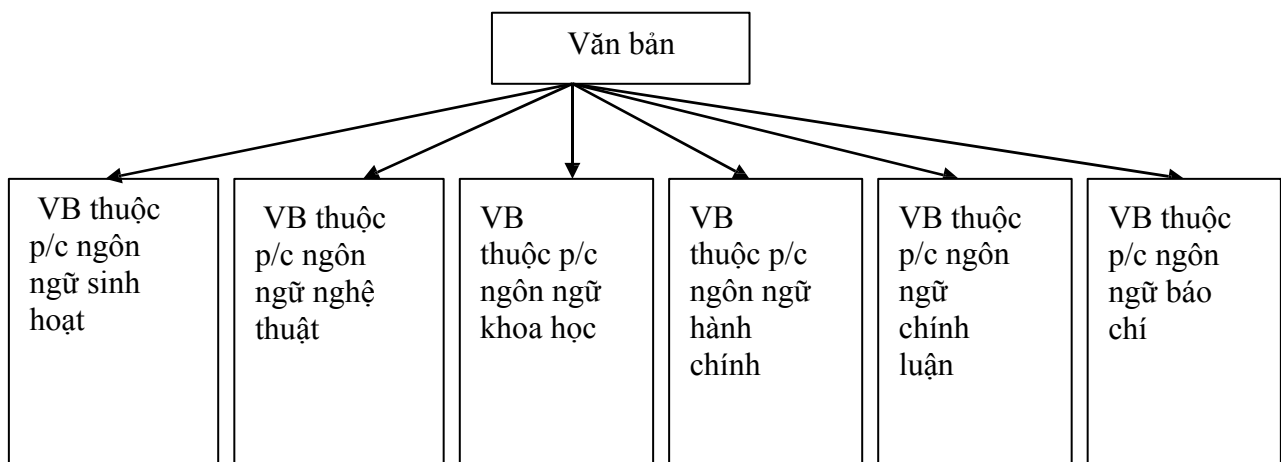
<p>và thảo luận</p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiế Câu 2: Lập bảng so sánh đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết?n thức 	<p>Câu 2: So sánh ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết</p>
Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết
<p>* Hoàn cảnh và điều kiện sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là ngôn ngữ âm thanh, dùng trong giao tiếp tự nhiên hàng ngày, trong đó người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, có thể thay phiên nhau trong vai nói và vai nghe. - Người nghe có thể phản hồi để người nói điều chỉnh. - Diễn ra tức thời, mau lẹ nên người nói ít có điều kiện lựa chọn, gọt giũa các phương 	<ul style="list-style-type: none"> - Là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản và được tiếp nhận bằng thị giác. - Muốn viết và đọc văn bản, cả người viết và người đọc phải biết các kí hiệu chữ viết, các quy tắc chính tả, các quy cách tổ chức văn bản. - Khi viết, người viết có điều kiện suy ngẫm, lựa chọn, gọt giũa; khi đọc (do chữ viết được lưu giữ ổn định), người đọc có điều kiện đọc lại, phân tích, nghiền ngẫm để lĩnh hội thấu đáo. - Ngôn ngữ viết đến được với đông đảo người đọc trong phạm vi ko gian rộng lớn

<p>tiện ngôn ngữ; người nghe cũng phải tiếp nhận, lĩnh hội kịp thời, ít có điều kiện suy nghĩ, phân tích.</p> <p>* Các yếu tố phụ trợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngữ điệu: bộc lộ, bổ sung thông tin. - Nét mặt, cử chỉ, điệu bộ,... <p>* Đặc điểm chủ yếu về từ và câu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ: các lớp từ được sử dụng đa dạng (từ mang tính khẩu ngữ, từ địa phương, tiếng lóng, biệt ngữ xã hội, trợ từ, thán từ, từ đưa đẩy, chêm xen,...). - Câu: thường dùng câu tỉnh lược, có những câu rườm rà, nhiều yếu tố dư thừa, trùng lặp do tính chất tức thời hoặc do chủ ý của người nói. 	<p>và thời gian lâu dài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống dấu câu, các kí hiệu văn tự, các hình ảnh minh họa, bảng biểu, sơ đồ,... - Từ: được lựa chọn chính xác, hợp với phong cách ngôn ngữ, tránh dùng các từ khẩu ngữ, từ địa phương, tiếng lóng, biệt ngữ xã hội,... - Câu: thường dùng câu dài, nhiều thành phần nhưng được tổ chức mạch lạc, chặt chẽ nhờ các quan hệ từ và sự sắp xếp các thành phần phù hợp.
---	---

<p>Câu 3: Văn bản có đặc điểm cơ bản nào? Hãy phân tích các đặc điểm ấy qua 1 VB cụ thể trong sgk Ngữ văn 10?</p> <p>- Vẽ sơ đồ các loại văn bản?</p>	<p>Câu 3:- Văn bản là sản phẩm được tạo ra trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, thường bao gồm nhiều câu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đặc điểm của văn bản: + Mỗi văn bản tập trung nhất quán vào 1 chủ đề và triển khai chủ đề đó 1 cách trọn vẹn. VD: VB Chinh phụ ngâm (Đoàn Thị Điểm) Chủ đề: Nỗi lòng cô đơn, sầu nhớ, những khát khao, hoài vọng của người vợ có chồng chinh chiến nơi biên ải xa xôi. + Các câu trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ, đồng
--	---

	<p>thời cả văn bản được xây dựng theo 1 kết cấu mạch lạc.</p> <p>+ Mỗi văn bản có dấu hiệu hình thức biểu hiện tính hoàn chỉnh về nội dung: thường mở đầu bằng 1 tiêu đề và có dấu hiệu kết thúc thích hợp với từng loại văn bản.</p>
--	---

Sơ đồ các loại văn bản:



Câu 4: Lập bảng so sánh phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:

Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt	Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật
<ul style="list-style-type: none"> - Tính cụ thể. - Tính cảm xúc. - Tính cá thể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tính hình tượng. - Tính truyền cảm. - Tính cá thể hóa.

<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Làm bài tập 5- Nguồn gốc tiếng Việt?- Quan hệ họ 	<p>. Câu 5:</p> <p>a. Các vấn đề lịch sử tiếng Việt:</p> <p>* Nguồn gốc tiếng Việt:</p>
--	---

<p>hàng của tiếng Việt? Lịch sử phát triển của tiếng Việt?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 2: Làm bài tập 6: Lập bảng tổng hợp về những yêu cầu sử dụng tiếng Việt. - Nhóm 3: Làm bài tập 7: Tìm và sửa lỗi sai? <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: HS đọc, tìm hiểu yêu cầu của từng câu hỏi. * Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi. * Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận, trả lời <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bản địa (ra đời và phát triển cùng với quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt). - Thuộc họ ngôn ngữ Nam á. * Quan hệ họ hàng: Có quan hệ họ hàng với tiếng Mường. * Lịch sử phát triển: <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng việt trong thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc: có sự tiếp xúc, ảnh hưởng sâu rộng, vay mượn nhiều từ ngữ gốc Hán bằng nhiều cách: <ul style="list-style-type: none"> + Vay mượn trọn vẹn từ ngữ Hán, Việt hóa âm đọc, giữ nguyên nghĩa. + Rút gọn. + Đảo lại vị trí các yếu tố. + Đổi yếu tố (trong các từ ghép). + Mở rộng (thu hẹp) nghĩa. - Tiếng Việt trong thời kì phong kiến độc lập tự chủ: <ul style="list-style-type: none"> + Việc học ngôn ngữ- văn tự Hán được đẩy mạnh Việc vay mượn chữ Hán theo hướng Việt hóa làm tiếng Việt càng thêm phong phú, uyển chuyển. + Chữ Nôm ra đời vào thế kỉ XIII- thứ chữ ghi âm tiếng Việt trên cơ sở chữ Hán. - Tiếng Việt trong thời kì Pháp thuộc: <ul style="list-style-type: none"> + Chữ quốc ngữ dần trở nên thông dụng, có sự tiếp xúc, ảnh hưởng tích cực của ngôn ngữ, văn hóa phương Tây (chủ yếu là ngôn ngữ, văn hóa Pháp). + Một nền văn xuôi tiếng Việt hiện đại đã nhanh chóng hình thành và phát triển. Báo chí, sách xuất bản ngày càng nhiều. Nó có khả năng thích ứng trong lĩnh vực KHTN,
---	---

	<p>xây dựng hệ thống thuật ngữ khoa học ngày càng hoàn chỉnh.</p> <p>- Tiếng Việt từ sau cách mạng Tháng 8-1945 đến nay:</p> <p>+ Công cuộc xây dựng hệ thống thuật ngữ khoa học nói riêng và chuẩn hóa tiếng Việt được đẩy mạnh.</p> <p>+ Tiếng Việt trở thành ngôn ngữ quốc gia</p>
--	---

Câu 6: Lập bảng tổng hợp về những yêu cầu sử dụng tiếng Việt:

Ngữ âm- chữ viết	Từ ngữ	Ngữ pháp	Phong cách ngôn ngữ
<p>- Tránh nhầm lẫn các từ gần âm, gần nghĩa hoặc phát âm ko đúng chuẩn mực.</p> <p>- Thận trọng khi dùng từ địa phương.</p> <p>- Viết đúng quy tắc chính tả và chữ viết.</p>	<p>- Tránh dùng từ sai nghĩa.</p> <p>- Tránh dùng từ trùng lặp.</p> <p>- Dùng đúng âm thanh và cấu tạo của từ.</p> <p>- Dùng đúng đặc điểm ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ của từ.</p>	<p>- Tránh dùng câu thiếu thành phần.</p> <p>- Tránh diễn đạt mơ hồ, tối nghĩa.</p> <p>- Các câu có liên kết.</p>	<p>- Không dùng lẫn phong cách ngôn ngữ.</p>

Câu 7: Tìm và sửa lỗi sai của các câu văn	<p>Câu 7:</p> <p>- Câu a sai, do: thừa từ “đòi hỏi”, thiếu dấu phẩy.</p> <p>- Câu b đúng.</p> <p>- Câu c sai, do: thừa từ “làm”, thiếu dấu phẩy.</p> <p>- Câu d đúng.</p> <p>- Câu e sai, do: ko phân định rõ các thành phần câu.</p> <p>- Câu g đúng.</p> <p>- Câu h sai, do: thừa từ “nên”</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Bước 1: GV giao nhiệm vụ Hệ thống hóa kiến thức bằng bảng biểu Ôn lại kiến thức bài học. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời. Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức	Hệ thống hóa kiến thức bằng bảng biểu

.....

.....

.....

.....

Tiết: 98 -99

Ngày soạn:/.../.....

Ngày dạy :/.../.....

Ôn tập phần làm văn

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

- Tên bài học:

Ôn tập phần làm văn

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và

HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các

bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập một. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

B: Xác định nội dung – chủ đề bài học:

Ôn tập phần làm

văn C: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức:

- Ôn lại tri thức về các kiểu văn bản đã học ở THCS và nâng cao ở lớp 10.
- Chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra cuối năm.

2. Kỹ năng:

- Luyện tập để nâng cao kỹ năng viết các kiểu văn bản đã học

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ

- Có ý thức cao trong hệ thống và khái quát lại các kiến thức đã học

b. Phẩm chất

- + Sống yêu thương:

- + Sống tự chủ.

- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

D: Thiết kế tiến trình bài học

Khởi động: Giáo viên yêu cầu học sinh nhớ lại và nêu các kiến thức làm văn đã học, từ đó Gv dẫn dắt vào bài ôn tập.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>:</p> <p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Nêu đặc điểm 	<p>I. Lí thuyết:</p> <p>Câu 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Văn bản tự sự: - Khái niệm: Tự sự là trình bày các sự việc

<p>của các kiểu văn bản tự sự, thuyết minh, nghị luận và các yêu cầu kết hợp chúng trong thực tế văn bản?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 2: Sự việc và chi tiết tiêu biểu trong văn bản tự sự là gì? Cho biết cách chọn sự việc và chi tiết tiêu biểu khi viết kiểu văn bản này? - Nhóm 3: Trình bày cách lập dàn ý, viết đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm? - Nhóm 4: Trình bày các phương pháp thuyết minh thường được sử dụng trong 1 bài văn thuyết minh? Làm thế nào để viết được bài văn thuyết minh chuẩn xác, hấp dẫn? <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc, tìm hiểu yêu cầu của từng câu hỏi.</p> <p>* Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi.</p>	<p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và</i></p>
--	--

* Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận, trả lời

(sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết cục, biểu lộ ý nghĩa.

- Mục đích: Biểu hiện con người, quy luật đời sống, bày tỏ thái độ, tình cảm.

b. Văn bản thuyết minh:

- Khái niệm: Thuyết minh là kiểu văn bản nhằm giải thích, trình bày chính xác, khách quan về cấu tạo, tính chất, quan hệ, giá trị,...của một sự vật, hiện tượng, một vấn đề thuộc tự nhiên, xã hội và con người.

- Mục đích: Giúp người đọc có tri thức khách quan và thái độ đúng đắn với chúng.

c. Nghị luận:

- Khái niệm: Nghị luận là trình bày tư tưởng, quan điểm đối với tự nhiên, xã hội và con người bằng các luận điểm, luận cứ và cách lập luận.

- Mục đích: Thuyết phục mọi người tin theo cái đúng, cái tốt, từ bỏ cái sai, cái xấu.

d. Mối quan hệ giữa 3 loại văn bản trên:

- Tự sự: có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận.

- Thuyết minh: có sử dụng yếu tố miêu tả, tự sự, nghị luận.

- Nghị luận: có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm, thuyết minh.

- việc sử dụng kết hợp các kiểu văn bản trên nhằm tạo sự linh hoạt, thuyết phục và

hấp dẫn cho các loại văn bản. Câu 2:

- Sự việc là cái xảy ra được nhận thức có ranh giới rõ ràng, phân biệt với những cái xảy ra khác.

- Sự việc tiêu biểu là những sự việc quan

<p><i>thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>trọng góp phần hình thành cốt truyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết là tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. - Chi tiết đặc sắc là chi tiết tập trung thể hiện rõ nét sự việc tiêu biểu. - Các bước thực hiện việc lựa chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định đề tài, chủ đề câu chuyện. + Dự kiến cốt truyện (sự việc tiêu biểu). + Triển khai sự việc bằng các chi tiết. <p>Câu 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách lập dàn ý: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định đề tài: Kể về việc gì, chuyện gì? + Xác định nhân vật. + Dự kiến cốt truyện: Sự việc 1, 2, 3,... - Dàn ý chung: <ul style="list-style-type: none"> + MB: Giới thiệu câu chuyện (hoàn cảnh, ko gian, thời gian, nhân vật,...) + TB: Kể những sự việc, chi tiết chính theo diễn biến câu chuyện, kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm. + KB: Nêu cảm nghĩ của nhân vật hoặc một chi tiết đặc sắc. <p>Câu 4: Các phương pháp thuyết minh thông dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa. - Phân tích, phân loại. - Liệt kê, nêu ví dụ. - Giải thích nguyên nhân- kết quả - So sánh. - Dùng số liệu. <p>Câu 5:</p> <p>a. Yêu cầu đảm bảo tính chuẩn xác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu thấu đáo trước khi viết.
--	---

	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập đầy đủ tài liệu tham khảo, các tài liệu có giá trị. - Chú ý vấn đề thời điểm xuất bản của tài liệu để cập nhật thông tin. <p>b. Yêu cầu đảm bảo tính hấp dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra các chi tiết cụ thể, sinh động, những con số chính xác để bài văn ko trừu tượng, mơ hồ. - So sánh để làm nổi bật sự khác biệt, tạo ấn tượng. - Kết hợp và sử dụng các kiểu câu linh hoạt. - Khi cần nên phối hợp nhiều loại kiến thức để đối tượng thuyết minh được soi rọi từ nhiều mặt.
--	---

<p><i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: Trình bày cách lập dàn ý và viết các đoạn văn thuyết minh? - Nhóm 2: Trình bày cấu tạo của 1 lập luận, các thao tác nghị luận và cách lập dàn ý cho bài văn nghị luận? - Nhóm 3: Trình bày yêu cầu và cách thức tóm tắt VB tự sự và VB thuyết minh? Các cách tóm tắt VB tự sự: tóm tắt theo cốt truyện và tóm tắt theo nhân vật 	<p>Câu 6:</p> <p>a. Cách lập dàn ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MB: Giới thiệu đối tượng thuyết minh. - TB: Cung cấp các đặc điểm, tính chất, số liệu,... về đối tượng. - KB: Vai trò, ý nghĩa của đối tượng đối với đời sống. <p>b. Cách viết đoạn văn thuyết minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định chủ đề của đoạn văn. - Sử dụng hợp lí các phương pháp thuyết minh. - Đảm bảo tính liên kết về hình thức và nội dung. - Dùng từ, đặt câu trong sáng, đúng phong cách ngôn ngữ. <p>Câu 7:</p> <p>a. Cấu tạo của 1 lập luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm.
--	---

<p>chính. Tóm tắt VB thuyết minh nhằm hiểu và nắm được những nội dung chính của VB đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 4: Nêu đặc điểm cách viết kế hoạch cá nhân và quảng cáo? Nêu cách thức trình bày 1 văn đề? <p><i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: HS đọc, tìm hiểu yêu cầu của từng câu hỏi. * Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và trả lời câu hỏi. * Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận, trả lời <p><i>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p><i>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các luận cứ. - Các phương pháp lập luận. <p>b. Các thao tác nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn dịch. - Quy nạp. - Phân tích. - Tổng hợp. - So sánh. <p>c. Cách lập dàn ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm chắc các yêu cầu của đề bài. - Tìm hệ thống luận điểm, luận cứ. - Sắp xếp các luận điểm, luận cứ hợp lí. <p>Câu 8:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu của tóm tắt VB tự sự: <ul style="list-style-type: none"> + Tôn trọng nội dung cơ bản của tác phẩm. + Thỏa mãn những yêu cầu cơ bản của 1 văn bản. + Đáp ứng được mục đích tóm tắt. - Tóm tắt VB tự sự theo nhân vật chính: <ul style="list-style-type: none"> Mục đích: + Giúp ta nắm vững tính cách, số phận nhân vật chính. + Góp phần tìm hiểu và đánh giá tác phẩm. - Cách thức tóm tắt VB tự sự: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định mục đích tóm tắt. + Đọc kĩ VB, xác định nhân vật chính, đặt nhân vật trong mối quan hệ với các nhân vật khác và diễn biến của các sự việc trong cốt truyện. + Viết VB tóm tắt bằng lời văn của mình, có thể trích dẫn nguyên văn 1 số từ ngữ, câu văn trong tác phẩm. - Yêu cầu của tóm tắt VB thuyết minh: <ul style="list-style-type: none"> VB tóm tắt phải rõ ràng, chính xác so với nội
---	---

<p>Hoạt động 2. Luyện tập</p> <p><i>Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố thêm kiến thức.</i></p> <p><i>Phương tiện thực hiện: bảng phụ, máy chiếu.</i></p> <p><i>Phương pháp, kỹ thuật dạy học: kỹ thuật khăn trải bàn, phương pháp thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>Hình thức tổ chức: Học sinh làm việc độc lập kết hợp với làm việc nhóm.</i></p> <p><i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ học tập: . <i>Tóm tắt bài khái quát về văn học dân gian Việt Nam</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p>	<p>dung văn bản gốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách thức tóm tắt VB thuyết minh: + Xác định mục đích, yêu cầu tóm tắt. + Đọc kĩ VB gốc để nắm được đối tượng thuyết minh. + Tìm bố cục văn bản. + Viết bản tóm tắt bằng lời văn của mình Câu 9: - Đặc điểm cách viết bản kế hoạch cá nhân: + Thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, cách thức và thời gian tiến hành. + Lời văn ngắn gọn, thể hiện dưới các mục lớn nhỏ khác nhau, cần thiết có thể kẻ bảng. - Đặc điểm cách viết quảng cáo: + Ngắn gọn, súc tích, hấp dẫn, tạo ấn tượng. + Trung thực, tôn trọng pháp luật và thuần phong mỹ tục. + Chọn được 1 nội dung độc đáo, gây ấn tượng, thể hiện tính ưu việt của sản phẩm, dịch vụ rồi trình bày theo kiểu quy nạp hoặc so sánh và sử dụng những từ ngữ khẳng định tuyệt đối. + Kết hợp sử dụng các từ ngữ và hình ảnh minh họa. <p>Câu 10:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách thức trình bày 1 vấn đề: + Trước khi trình bày cần tìm hiểu, suy nghĩ, nắm chắc các đặc điểm của vấn đề, đối tượng cần trình bày. + Chuẩn bị đề tài, đề cương cho bài nói. + Khi trình bày cần tuân thủ trình tự: khởi đầu- diễn biến- kết thúc. - Yêu cầu: đảm bảo các yêu cầu về nội
--	--

<p>- HS thảo luận, thống nhất ý kiến, ghi vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p> <p>- Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>dung, ngữ điệu, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ, cảm xúc,...để lôi cuốn người nghe.</p> <p>II. Luyện tập</p> <p>Văn học dân gian Việt Nam là những sáng tác của nhân dân lao động. Văn học dân gian có 2 đặc trưng: đó là sản phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng và là sản phẩm của quá trình sống tạo tập thể. Văn học dân gian có hệ thống thể loại rất phong phú: Thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, câu đố, ca dao, hũ vó, truyện thơ và các hình thức sôn khẩu dơn gian. Những giá trị cơ bản của văn học dân gian được thể hiện cụ thể. Đó là kho tri thức vô cùng phong phú về đời sống các dân tộc. Văn học dân gian có giá trị giáo dục sâu sắc về đạo lí làm người. Văn học dân gian có giá trị thẩm mĩ to lớn, góp phần quan trọng tạo nên bản sắc riêng cho nền văn học dân tộc.</p>
---	--

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

Yêu cầu hs:

- Về ôn lại, hoàn thiện các câu hỏi ôn tập.
- Vẽ sơ đồ tư duy bài học

Tiết: 100

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

Luyện tập viết đoạn văn nghị luận

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

- Tên bài học:

Luyện tập viết đoạn văn nghị luận

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và HS:**

1. Đối với giáo viên

- Sách giáo viên, sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập 2.
- Thiết kế bài giảng.
- Giáo án điện tử

2. Đối với học sinh

- Sách giáo khoa.
- Vở soạn văn.
- Vở ghi.

B: Xác định nội dung – chủ đề bài học:

C: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức:

- Ôn tập và củng cố cách viết đoạn văn nghị luận

2. Kỹ năng:

- Viết được các đoạn văn nghị luận phù hợp với vị trí và chức năng của chúng trong bài văn nghị luận.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ:

Có ý thức cao trong việc luyện tập

b. Phẩm chất

- + Sống yêu thương:
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

B. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

D: Thiết kế tiến trình bài học

Khởi động: GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức đã học: Thế nào là một đoạn văn?

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Hoạt động cá nhân: xác định được yêu cầu của đề, dạng đề</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm:</p> <p><u>Nhóm 1</u>: tìm luận cứ cho luận điểm 1.</p> <p><u>Nhóm 2</u>: tìm luận cứ cho luận điểm 2.</p> <p><u>Nhóm 3</u>: tìm luận cứ cho luận điểm 3.</p> <p><u>Nhóm 4</u>: lập dàn ý phần mở bài và kết bài.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại văn bản, suy nghĩ.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p>	<p>I. Đề 1: Bàn về vai trò và tác dụng to lớn của sách trong đời sống tinh thần của con người, nhà văn M. Go-rơ-ki có viết: “Sách mở rộng trước mắt tôi những chân trời mới.”</p> <p>Hãy giải thích và bình luận ý kiến trên.</p> <p>Dàn ý:</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu vai trò của sách từ xưa đến nay trong đời sống tinh thần của con người. - Trích dẫn câu nói của M. Go-ro-ki. <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Sách là sản phẩm tinh thần kì diệu của con người:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sách là sản phẩm của văn minh nhân loại. - Sách là kết quả của lao động trí tuệ. - Sách có sức mạnh vượt ko gian và thời gian. <p>b. Sách mở rộng những chân trời mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sách cung cấp những hiểu biết về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, về các đất nước xa xôi trên thế giới. - Sách giúp hiểu biết về cuộc sống con người qua các thời kì khác nhau, hiểu biết đời sống văn hóa, tâm tư, tình cảm, khát vọng của con người những nơi xa xôi. - Sách giúp con người tự khám phá dân tộc mình, bản thân mình và chấp cánh những ước mơ, nuôi dưỡng khát vọng.

<p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức: <p>Hoạt động 2: Giáo viên hướng dẫn học viết đoạn văn.</p> <p><i>Mục tiêu: Hiểu được cách viết đoạn văn.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phương tiện: bảng phụ, máy chiếu</i> - <i>Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi</i> - <i>Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.</i> - <i>Các bước thực hiện:</i> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: xác định hình thức, nội dung đoạn văn * Hoạt động nhóm: <p>GV chia lớp thành 4 nhóm:</p> <p><u>Nhóm 1:</u> đoạn 1</p> <p><u>Nhóm 2:</u> đoạn 2</p> <p><u>Nhóm 3:</u> đoạn 3</p> <p><u>Nhóm 4:</u> đoạn 4</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm</p>	<p>c. Cần có thái độ đúng với sách và việc đọc sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc sách mang lại lợi ích nên phải biết chọn sách mà đọc, biết học hỏi và làm theo những điều tốt đẹp trong sách. - Sách rất quan trọng nhưng chỉ học trong sách vở thì vẫn chưa đủ mà phải biết học trong cả thực tế. <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định tác dụng to lớn của sách và việc đọc sách. - Nêu phương hướng hành động của cá nhân. <p>II. Luyện tập viết đoạn văn:</p> <p>1. Đoạn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề: Sách cung cấp những hiểu biết về thế giới xung quanh, về vũ trụ bao la, về các đất nước xa xôi trên thế giới. - Các ý cơ bản: <p>+ Mỗi con người thường sống trong 1 phạm vi ko gian nhất định, thời gian đời người hữu hạn nhưng khát vọng hiểu biết của con</p>
---	--

<p>vụ</p> <p>* Hoạt động cá nhân: HS đọc lại dàn ý, suy nghĩ.</p> <p>* Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi, ghi câu trả lời vào giấy nháp. - HS trong từng nhóm thống nhất ý kiến và ghi câu trả lời vào bảng phụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>Hs báo cáo kết quả trên bảng</p> <p>phụ, treo kết quả các nhóm khác quan sát, nhận xét, phản biện</p> <p>Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm - Chốt kiến thức: <p>(+ Sách KHTN: Những cuốn sách của Bru-nô, Ga-li-lê về trái đất và thái dương hệ đã mở ra thời kì mới trên con đường chinh phục tự nhiên; Sách về thuyết tiến hóa của Đác-uyn, gen di truyền của Men- đen giúp chúng ta hiểu rõ về các giống loài sinh vật và chính con người;...</p> <p>+ Sách KHXH: Sách triết học của Các-mác và Ăng-</p>	<p>người lại là vô tận. Từ nhỏ, con người đã được học chữ để tiếp cận với công cụ hiểu biết hữu hiệu: sách.</p> <p>+ Những cuốn sách KHTN giúp con người khám phá vũ trụ vô tận với những quy luật của nó, bản chất những sự vật, hiện tượng tự nhiên xung quanh ta.</p> <p>+ Những cuốn sách KHXH giúp con người hiểu biết về đời sống cộng đồng trên các đất nước khác nhau với những đặc điểm kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa,...</p> <p>2. Đoạn 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề: Sách giúp hiểu biết về cuộc sống con người qua các thời kì khác nhau, hiểu biết đời sống văn hóa, tâm tư, tình cảm, khát vọng của con người những nơi xa xôi. - Các lí lẽ và dẫn chứng minh họa: <p>+ Sách giúp hiểu biết về cuộc sống con người qua các thời kì khác nhau.</p> <p>Dẫn chứng: Các cuốn sách lịch sử tái hiện chân thực lịch sử loài người qua các thời kì; các cuốn sách văn học tái hiện thực khách quan thông qua thế giới hình tượng;...</p> <p>+ Sách giúp chúng ta hiểu biết đời sống văn hóa, tâm tư, tình cảm, khát vọng của con người những nơi xa xôi.</p> <p>Dẫn chứng: Những cuốn sách văn học: Những bộ sử thi cổ bức chân dung tinh thần của các cộng đồng người : Ra-ma-ya-na (ấn Độ), Ô-đi-xê (Hi Lạp),...; tác phẩm của Lỗ Tấn, M. Gor-ki, V. Huy-gô,...</p> <p>3. Đoạn 3:</p>
--	---

<p>ghen giúp con người làm những cuộc cách mạng tiến bộ; Sách văn học của Ban-đắc giúp chúng ta hiểu rõ về thế giới tư bản với sức mạnh lạnh lùng của đồng tiền; Đọc thơ Ta-gor, Lí Bạch, Đỗ Phủ,... chúng ta hiểu đời sống và tâm hồn của cả dân tộc Ấn Độ, Trung Hoa,...; Đọc Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát,... chúng ta hiểu ông cha ta xưa từng đau khổ và mơ ước những gì;...)</p> <p>- Gv nhận xét, bổ sung: + Sách tốt là sách phản ánh đúng quy luật của tự nhiên và đời sống xã hội; giúp con người hiểu rõ bản thân mình để có ý thức đúng về quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong đời sống; giúp các dân tộc hiểu biết, gần gũi nhau hơn, ca ngợi sự công bằng và tình hữu nghị; tiếp thêm ý chí, nghị lực; giúp tâm hồn con người trở nên trong sáng, độ lượng, phong phú hơn, hướng con người đến các giá trị chân- thiện- mỹ.</p> <p>+ Sách xấu là sách xuyên tạc đời sống, đem đến các kiến thức sai lầm; kì thị, chia rẽ</p>	<p>- Chủ đề: Sách giúp con người tự khám phá dân tộc mình, bản thân mình và chấp cánh những ước mơ, nuôi dưỡng khát vọng.</p> <p>- Các lí lẽ và dẫn chứng minh họa:</p> <p>+ Sách giúp con người tự khám phá dân tộc mình: qua các sách lịch sử và văn học quá trình hình thành và phát triển dân tộc, quá trình dựng nước và giữ nước, những anh hùng tên tuổi và những người hi sinh thầm lặng, vô danh, đặc biệt là lịch sử tâm hồn dân tộc.</p> <p>+ Sách giúp con người tự khám phá bản thân mình và chấp cánh những ước mơ, nuôi dưỡng khát vọng: soi vào kho tàng tri thức nhân loại hiểu biết của mỗi người vô cùng nhỏ bé; thấy được mặt tốt- xấu của bản thân; từ sách “hạt giống tâm hồn” nuôi dưỡng ước mơ và khát vọng,...</p> <p>4. Đoạn 4:</p> <p>- Chủ đề: Cần xác định thái độ đúng với sách và việc đọc sách.</p> <p>- Các lí lẽ và dẫn chứng minh họa:</p> <p>+ Sách có nhiều loại cần chọn sách tốt để đọc.</p> <p>+ Học hỏi những điều hay của sách áp dụng và kiểm nghiệm lại bằng thực tiễn.</p> <p>+ Kết hợp học ở sách và thực tế cuộc sống. “Lí thuyết thì màu xám chỉ có cây đời mãi mãi xanh tươi”.</p> <p>* Chú ý:</p> <p>Khi viết đoạn văn nghị luận, cần:</p> <p>- Có sự liên kết với các đoạn văn trước nó.</p> <p>- Cần có 1 chủ đề chung.</p>
---	---

<p>tình đoàn kết giữa các dân tộc; kích động bạo lực, chiến tranh và những thị hiếu thấp hèn của con người.</p> <p>- Làm thế nào để ko bị biến thành “cái tủ mọt đưng sách” khi đọc sách?</p> <p>- Từ việc viết các đoạn văn trên, em thấy cần có những lưu ý gì khi viết đoạn văn nghị luận?</p>	<p>- Các lí lẽ và dẫn chứng mạch lạc, hợp lí.</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: GV giao nhiệm vụ Vẽ sơ đồ tư duy bài học</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời.</p> <p>Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức</p>	<p>HS vẽ được sơ đồ tư duy bài học</p>

Tiết: 101- 102

Ngày soạn:/.../.....

Ngày dạy :/.../.....

Bài viết số 7

A. MỤC TIÊU RA ĐỀ

- Vận dụng kiến thức và kĩ năng làm văn nghị luận, cũng như các kĩ năng lập dàn ý, diễn đạt, vận dụng thao tác trong văn nghị luận để viết bài văn nghị luận xã hội về vấn đề quen thuộc .

- Giúp học sinh phát triển năng lực:- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày;Năng lực giải quyết vấn đề thông qua môn học;Năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống

A. HÌNH THỨC

Tự luận; Thời gian : 2 tiết

B. MA TRẬN

Mức độ Chủ đề	Nh. biết	Th. hiểu	VD thấp	VD cao	Cộng
1,Độc hiểu	- Nhận diện phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.	Hiểu được hiệu quả của biện pháp tu từ có trong đoạn thơ.	Cảm nhận hình ảnh người cha được nhà thơ khắc họa trong đoạn thơ		
Số câu: Số điểm Tỉ lệ:	1 0,5 5%	1 1,0 10%	1 1,5 15%		3 3,0 30%
2. Làm văn Văn nghị luận				Tích hợp các kiến thức , kĩ năng để làm bài văn nghị luận xã hội về lối sống tốt đẹp mà mỗi người cần có.	

Số câu:				1	1
Số điểm				7,0	7,0
Tỉ lệ:				70%	70%
Số câu:	1	1	1	1	4
Số điểm	0,5	1,0	1,5	7,0	10,0
Tỉ lệ	5%	10%	15%	70%	100%

C. ĐỀ BÀI

PHẦN ĐỌC HIỂU:(3,0điểm) Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Cánh cò cõng nắng qua sông
 Chở luôn nước mắt cay nồng của cha.
 Cha là một dải ngân hà
 Con là giọt nước sinh ra từ nguồn

Quê nghèo mưa nắng trào tuôn
 Câu thơ cha dệt từ muôn thăng
 trầm.

Thương con cha ráng sức ngâm
 Khổ đau hạnh phúc nẩy mầm thành hoa.

(Trích Lục bát về cha)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên? (0,5 đ)

Câu 2: Xác định và nêu hiệu quả của các biện pháp tu từ có trong khổ (1) của đoạn thơ trên?(1,0đ)

Câu 3: Cảm nhận hình ảnh người cha được tác giả khắc họa qua đoạn thơ trên.(1,5đ)

(Trình bày thành 1 đoạn văn từ 5 -7 dòng)

PHẦN VIẾT (7,0 điểm) : Viết một bài văn (khoảng 3 trang giấy) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói :

“Nếu một ngày cuộc sống của bạn bị nhuộm màu đen, hãy cầm bút và vẽ cho nó những vì sao lấp lánh.”

D. HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN ĐỌC HIỂU:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm
(0,5đ)

Câu 2: Biện pháp tu từ:
(1,0đ)

-So sánh: Cha là một dải ngân hà

Con là giọt nước sinh ra từ nguồn

Tác dụng: nhấn mạnh công lao to lớn của cha đối với con

-Nhân hóa: “Cánh cò cõng nắng”

Tác dụng: Biến sự vật vô tri có hành động như con người, làm nổi bật nỗi nhọc nhằn kiếm ăn của cha

Ẩn dụ: Giọt nước mắt cay nồng -> những vất vả mưu sinh của cha.

Câu 3: (1,5đ)- Đoạn văn cần đảm bảo bố cục, có liên kết chặt chẽ

- Hs cảm nhận được hình ảnh người cha hiện lên với nhọc nhằn kiếm sống, nén nỗi đau riêng để cho con những bài học làm người giá trị, và cho con cuộc sống hạnh phúc.

PHẦN VIẾT:

1. Yêu cầu chung: - Học sinh biết cách làm bài nghị luận xã hội.

- Đảm bảo bố cục, triển khai các ý mạch lạc,
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận;
- Không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp;

2. Yêu cầu cụ thể: Hs có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau, có

thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải có lí lẽ, xác đáng với thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật:

a, Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: (0,5đ)

Có đầy đủ các phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề

b, Xác định đúng vấn đề nghị luận: Lối sống lạc quan **(1,0đ)**

c, Triển khai vấn đề thành các luận điểm, vận dụng các thao tác lập luận, có lí lẽ và dẫn chứng xác đáng: (Gv có thể tham khảo gợi ý) **(4,5đ)**

***Giới thiệu vấn đề nghị luận:**

***Giải quyết vấn đề nghị luận:**

+ Giải thích

- “*Cuộc sống bị nhuộm màu đen*”: Chỉ cuộc sống tối tăm, gặp nhiều sóng gió, khổ đau, bất hạnh, không hy vọng.
- “*Cầm bút và vẽ cho nó những vì sao lấp lánh*” (tạo nên một bầu trời đêm thật đẹp): chủ động, tìm hướng khắc phục với tinh thần lạc quan biến những đau khổ thành niềm vui, thành công và hạnh phúc.
- Ý nghĩa: Dẫu cuộc sống có tối tăm, đau khổ, bất hạnh đến đâu, mỗi con người cần chủ động thay đổi, làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

+ Lí giải vấn đề

- Cuộc sống luôn có nhiều chông gai, thử thách, bất trắc do yếu tố khách quan, chủ quan mang đến với những tác động rủi ro, khiến con người cảm thấy đau khổ, tuyệt vọng.
- Dù cuộc sống có đen tối, khổ đau nhưng con người không được bi quan, buông xuôi, đầu hàng số phận. Trong khó khăn, thử thách, con người nhận thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu của mình, có điều kiện tôi luyện bản lĩnh, rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm,... làm tiền đề cho những thành công, hạnh phúc sau này.
- Con người cần tin tưởng vào khả năng của bản thân, tự quyết định cuộc sống của mình. Bằng sự nỗ lực cố gắng, dũng cảm vượt qua thử thách, khổ

đau, với ước mơ, hoài bão và những suy nghĩ, hành động tích cực, mỗi con người phải luôn hướng về phía trước để làm thay đổi cuộc đời ngày càng tốt đẹp hơn.

- Nếu không dám đương đầu và vượt qua những thất bại, khổ đau thì con người sẽ bị nhấn chìm, gục ngã, mãi sống trong bất hạnh và sự tăm tối.

+ **Bàn luận, mở rộng vấn đề.**

- Khẳng định ý kiến trên là đúng đắn, sâu sắc, như một lời gọi mở, nhắc nhở về một phương châm sống tích cực khi đứng trước những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

- Phê phán những người không có ý chí, tinh thần vượt khó, sống yếu đuối, cam chịu... hoặc có những hành động việc làm nhằm thoát khỏi hoàn cảnh sống đen tối theo theo hướng tiêu cực.

+ **Liên hệ bản thân, rút ra bài học nhận thức và hành động.**

***Kết thúc vấn đề:** khẳng định lại ý nghĩa vấn đề nghị luận

d, Sáng tạo: (0,5đ)

Thể hiện sự tìm tòi trong diễn đạt, dùng đa dạng các kiểu câu phù hợp với mục đích trình bày. Sử dụng từ ngữ có chọn lọc.

e, Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu: (0,5đ)

Tiết: 103

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

VIẾT QUẢNG CÁO

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

- **Tên bài học:** Viết quảng cáo

- **Hình thức dạy:** Dạy học trên lớp

- **Chuẩn bị của GV và HS:**

1. Đối với giáo viên

- Sách giáo viên, sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập 2.
- Thiết kế bài giảng.
- Giáo án điện tử

2. Đối với học sinh

- Sách giáo khoa.
- Vở soạn văn.
- Vở ghi.

B: Xác định nội dung – chủ đề bài học:

Viết quảng cáo

C: Xác định mục tiêu bài học.

1. Kiến thức:

- Nắm được mục đích của quảng cáo là thông tin, thuyết phục khách hàng tin vào chất lượng, lợi ích, sự tiện lợi... của sản phẩm, dịch vụ, làm tăng lòng ham thích mua hàng và sử dụng dịch vụ của khách hàng.

2. Kỹ năng:

- Biết cách viết và trình bày quảng cáo ngắn gọn, hấp dẫn.

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ:

Thấy được tầm quan trọng của quảng cáo trong cuộc sống hiện đại

b. Phẩm chất

- + Sống yêu thương:
- + Sống tự chủ.
- + Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

- Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ thơ văn, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

D: Thiết kế tiến trình bài học

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (5 phút)

<p>Hoạt động của Thầy và trò</p>	<p>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</p>
<p>- GV giao nhiệm vụ: Cho HS xem một số hình ảnh quảng cáo và cho nhận xét.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <div data-bbox="250 571 683 875" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="690 497 1227 875" data-label="Image"> </div> <div data-bbox="250 915 1349 1077" data-label="Image"> </div> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Hiện nay, quảng cáo là nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống của chúng ta. Những bảng pano, bảng hiệu, báo, tivi, mạng internet... ở đây cũng thấy quảng cáo. vậy thực chất của quảng cáo là gì? Viết quảng cáo như thế nào?</p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p>

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

<p>Hoạt động của Thầy và trò</p>	<p>Kiến thức cần đạt</p>
<p>GV gọi 1HS đọc ngữ liệu I1 – (SGK142-143) và trả lời các câu hỏi sau :</p> <p>☐ Các văn bản trên quảng cáo về điều gì ?</p> <p>☐ HS :</p> <p>+ Văn bản 1 : bán máy vi tính.</p> <p>+ Văn bản 2 : quảng cáo phòng khám đa khoa H.D.</p> <p>HS: các văn bản quảng cáo trên thường xuất hiện trên các áp phích, pa-nô, báo, tờ rơi, đài phát thanh truyền hình.</p>	<p>I. Tìm hiểu chung :</p> <p>1. Vai trò và yêu cầu chung của văn bản quảng cáo :</p> <p>a. Văn bản quảng cáo trong đời sống :</p> <p>*Khái niệm : văn bản</p>

<p>☐ Anh, chị thường gặp các loại văn bản đó ở đâu</p> <p>☐ ? Vậy theo em, văn bản quảng cáo là gì ?</p> <p>☐ GV nhận xét, diễn giảng và chốt lại vấn đề.</p> <p>☐ GV gọi 1 HS đọc ngữ liệu I2</p> <p>☐</p> <p>(SGKT143).</p> <p>HS đọc ngữ liệu theo yêu cầu của GV.</p> <p>☐ GV tổ chức cho HS làm việc nhóm để tìm hiểu văn bản 1, 2 ở SGK.</p> <p>☐ HS thảo luận theo 4 nhóm (thời gian 4 phút), đại diện nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung cho nội dung hoàn chỉnh.</p> <p>☐ Nhóm 1,3 câu 2a văn bản 1.</p> <p>☐ Nhóm 2, 4 câu 2a văn bản 2.</p> <p>*Văn bản 1 : quảng cáo (nước uống giải khát) dài dòng mà vẫn không nêu được tính ưu việt của sản phẩm.</p> <p>*Văn bản 2 : quảng cáo (kem làm trắng da) tâng bốc quá đáng, phi thực tế, sử dụng từ ngữ thiếu thận trọng.</p> <p>☐ HS nêu yêu cầu của văn bản quảng cáo.</p> <p>☐</p> <p>☐ HS : 4 nhóm thảo luận và trình bày trên giấy A0</p> <p>☐ HS dựa vào ghi nhớ SGK để trả lời.</p> <p>☐ HS : 4 nhóm thảo luận và trình bày.</p> <p>☐ Nhóm 1 câu a.</p> <p>☐ Nhóm 2 câu b.</p> <p>☐ Nhóm 3 câu c.</p> <p>☐ Nhóm 4 nhận xét.</p> <p>☐ Hãy rút ra yêu cầu chung của văn bản quảng cáo</p> <p>☐ ?</p>	<p>quảng cáo là văn bản thông tin, thuyết phục khách hàng về chất lượng, lợi ích, sự tiện lợi, ... của sản phẩm, dịch vụ đó thích mau hàng và sử dụng dịch vụ đó.</p> <p>b. Yêu cầu chung của văn bản quảng cáo :</p> <p>GV nhận xét, diễn giảng và chốt lại vấn đề.</p>
--	--

Văn bản quảng cáo cần ngắn gọn, súc tích, hấp dẫn, tạo ấn tượng, trung thực, tôn trọng pháp luật và thuần phong mỹ tục.

II- Cách viết văn bản quảng cáo

1-Chọn nội dung quảng cáo

-Nội dung phải thể hiện

☐ GV cho HS thảo luận nhóm Đề tài : Viết quảng cáo cho sản phẩm rau sạch. ☐ Đề viết văn bản quảng cáo chúng ta cần làm những công việc gì ? ☐ GV nhận xét, diễn giảng và chốt lại vấn đề. ☐ GV gọi 1HS đọc ngữ liệu III1 (SGK145). ☐ GV quan sát, định hướng. ☐ GV nhận xét và chốt lại nội dung bằng bảng phụ.	được tính ưu việt của sản phẩm, dịch vụ. -Nội dung độc đáo, gây ấn tượng. 2-Chọn hình thức quảng cáo -Trình bày theo kiểu quy nạp hoặc so sánh. -Trình bày đơn thuần bằng ngôn ngữ hay kết hợp với hình vẽ, tranh ảnh,... 3-Chọn câu văn, từ ngữ trong văn bản quảng cáo -Câu văn ngắn gọn, từ ngữ giàu sức biểu cảm. -Sử dụng những từ ngữ mang tính chất khẳng định tuyệt đối.
---	---

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Bước 1: GV giao nhiệm vụ Viết văn bản quảng cáo cho sản phẩm nem chua Yên Mạc Bước 2: HS viết văn bản quảng cáo Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Bước 4: GV nhận xét, chốt ý	HS viết được văn bản quảng cáo cho sản phẩm nem chua Yên Mạc

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

Bước 1: GV giao nhiệm vụ Về nhà sưu tầm những văn bản quảng cáo trên internet Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Bước 4: GV nhận xét, chốt ý	
---	--

.....

.....

.....

Tiết : 104

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy :/...../.....

TRẢ BÀI VIẾT SỐ 7

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

Nhận rõ những ưu, nhược điểm về nội dung và hình thức của bài viết

2. Kỹ năng:

Kỹ năng làm bài theo đúng yêu cầu về thể loại, chính xác về nội dung, tư liệu

3. Về thái độ, phẩm chất

a. Thái độ

Rút ra bài học kinh nghiệm và có ý thức bồi dưỡng thêm năng lực viết văn nghị luận để chuẩn bị tốt cho bài viết sau.

b. Phẩm chất

+ Sống yêu thương:

+ Sống tự chủ.

+ Sống trách nhiệm.

4. Về phát triển năng lực

a. Phát triển năng lực chung

-Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

b. Năng lực riêng

- Năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ.

B. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Đối với giáo viên

- Sách giáo viên, sách giáo khoa Ngữ văn 11, tập 2.
- Thiết kế bài giảng.
- Giáo án điện tử

2. Đối với học sinh

- Sách giáo khoa.
- Vở soạn văn.
- Vở ghi.

C. Cách thức tiến hành

- Giáo viên tổ chức bài dạy bằng cách kết hợp các phương pháp công não, thông tin – phản hồi, thảo luận nhóm (kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật phòng tranh).

D. Thiết kế hoạt động dạy học

I. Ổn định tổ chức

II. Kiểm tra bài cũ

Giáo viên kiểm tra vở soạn bài của học sinh.

III. Bài mới

Khởi động:

Trong tiết học số 101- 102, cô đã ra đề bài viết số 7 tức bài kiểm tra học kỳ 2 cho các em làm ở lớp. Hôm nay, cô sẽ trả bài viết để các em nhận thấy rõ hơn những ưu, khuyết điểm của các em trong bài viết này, từ đó, rút kinh nghiệm cho những bài viết tiếp.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Hoạt động 1: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được kiểu bài, cách làm. - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt 	<p>I. CHỮA BÀI:</p> <p>PHẦN ĐỌC HIỂU:</p> <p>Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm (0,5đ)</p> <p>Câu 2: Biện pháp tu từ: (1,0đ)</p> <p>-So sánh: Cha là một dải ngân hà</p>

<p><i>động cá nhân, hoạt động nhóm.</i></p> <p>- <i>Các bước thực hiện:</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS nhớ lại, đọc đề, lập dàn ý.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ * Hoạt động cá nhân: HS chép đề * Hoạt động cặp đôi: Học sinh thảo luận và lập dàn ý. * Hoạt động nhóm: Học sinh thảo luận, thống nhất dàn ý, ghi vào bảng phụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn</p> <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV: nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>I. ĐỀ BÀI</p> <p>PHẦN ĐỌC</p> <p>HIỂU:(3,0điểm) Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:</p> <p>Cánh cò cõng nắng qua sông Chờ luôn nước mắt cay nồng của cha.</p> <p>Cha là một dải ngân hà Con là giọt nước sinh ra từ nguồn</p>	<p>Con là giọt nước sinh ra từ nguồn</p> <p>Tác dụng: nhấn mạnh công lao to lớn của cha đối với con</p> <p>-Nhân hóa: “Cánh cò cõng nắng”</p> <p>Tác dụng: Biến sự vật vô tri có hành động như con người, làm nổi bật nỗi nhọc nhằn kiếm ăn của cha</p> <p>Ẩn dụ: Giọt nước mắt cay nồng -> những vất vả mưu sinh của cha.</p> <p>Câu 3: (1,5đ)- Đoạn văn cần đảm bảo bố cục, có liên kết chặt chẽ</p> <p>- Hs cảm nhận được hình ảnh người cha hiện lên với nhọc nhằn kiếm sống, nên nỗi đau riêng để cho con những bài học làm người giá trị, và cho con cuộc sống hạnh phúc.</p> <p>PHẦN VIẾT:</p> <p>1. Yêu cầu chung: - Học sinh biết cách làm bài nghị luận xã hội.</p> <p>- Đảm bảo bố cục, triển khai các ý mạch lạc, - Vận dụng tốt các thao tác lập luận; - Không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp;</p> <p>2. Yêu cầu cụ thể:Hs có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau, có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải có lí lẽ, xác đáng với thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và</p>
---	---

pháp

<p>Quê nghèo mưa nắng trào tuôn</p> <p>Câu thơ cha dệt từ muôn thăng trầm.</p> <p>Thương con cha ráng sức ngâm</p> <p>Khổ đau hạnh phúc nẩy mầm thành hoa.</p> <p style="text-align: right;">(Trích h Lục bát về cha)</p> <p>Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên? (0,5 đ)</p> <p>Câu 2: Xác định và nêu hiệu quả của các biện pháp tu từ có trong khổ (1) của đoạn thơ trên?(1,0đ)</p> <p>Câu 3: Cảm nhận hình ảnh người cha được tác giả khắc họa qua đoạn thơ trên.(1,5đ) (Trình bày thành 1 đoạn văn từ 5 -7 dòng)</p> <p>PHẦN VIẾT (7,0 điểm) : Viết một bài văn (khoảng 3 trang giấy) trình bày suy nghĩ</p>	<p>luật:</p> <p>a, Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: (0,5đ)</p> <p>Có đầy đủ các phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề</p> <p>b, Xác định đúng vấn đề nghị luận: Lối sống lạc quan (1,0đ)</p> <p>c, Triển khai vấn đề thành các luận điểm, vận dụng các thao tác lập luận, có lí lẽ và dẫn chứng xác đáng: (Gv có thể tham khảo gợi ý) (4,5đ)</p> <p>*Giới thiệu vấn đề nghị luận:</p> <p>*Giải quyết vấn đề nghị luận:</p> <p>+ Giải thích</p> <p>- “<i>Cuộc sống bị nhuộm màu đen</i>”: Chỉ cuộc sống tối tăm, gặp nhiều sóng gió, khổ đau, bất hạnh, không hy vọng.</p> <p>- “<i>Cầm bút và vẽ cho nó những vì sao lấp lánh</i>” (tạo nên một bầu trời đêm thật đẹp): chủ động, tìm hướng khắc phục với tinh thần lạc quan biến những đau khổ thành niềm vui, thành công và hạnh phúc.</p> <p>- Ý nghĩa: Dẫu cuộc sống có tối tăm, đau khổ, bất hạnh đến đâu, mỗi con người cần chủ động thay đổi, làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.</p> <p>+ Lí giải vấn đề</p> <p>- Cuộc sống luôn có nhiều chông gai, thử thách, bất trắc do yếu tố khách quan, chủ quan mang đến với</p>
--	--

<p>của anh/chị về câu nói :</p> <p><i>“Nếu một ngày cuộc sống của bạn bị nhuộm màu đen, hãy cầm bút và vẽ cho nó những vì sao lấp lánh.”</i></p>	<p>những tác động rủi ro, khiến con người cảm thấy đau khổ, tuyệt vọng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dù cuộc sống có đen tối, khổ đau nhưng con người không được bi quan, buông xuôi, đầu hàng số phận. Trong khó khăn, thử thách, con người nhận thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu của mình, có điều kiện tôi luyện bản lĩnh, rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm,... làm tiền đề cho những thành công, hạnh phúc sau này. - Con người cần tin tưởng vào khả năng của bản thân, tự quyết định cuộc sống của mình. Bằng sự nỗ lực cố gắng, dũng cảm vượt qua thử thách, khổ đau, với ước mơ, hoài bão và những suy nghĩ, hành động tích cực, mỗi con người phải luôn hướng về phía trước để làm thay đổi cuộc đời ngày càng tốt đẹp hơn. - Nếu không dám đương đầu và vượt qua những thất bại, khổ đau thì con người sẽ bị nhấn chìm, gục ngã, mãi sống trong bất hạnh và sự tăm tối. <p>+ Bàn luận, mở rộng vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý kiến trên là đúng đắn, sâu sắc, như một lời gợi mở, nhắc nhở về một phương châm sống tích cực khi đứng trước những khó khăn, thử thách trong cuộc sống. - Phê phán những người không có ý chí, tinh thần vượt khó, sống yếu đuối, cam chịu... hoặc có những
--	--

<p>Hoạt động 2: Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được ưu, nhược điểm bài làm của mình.. - Phương tiện: máy chiếu - Kỹ thuật dạy học: Công não, phòng tranh, thông tin - phản hồi. - Hình thức tổ chức: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. - Các bước thực hiện: <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>HS xem lại đáp án, đối chiếu với bài viết của mình, nhận ra ưu, khuyết điểm.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Hoạt động cá nhân: HS xem lại bài làm * Hoạt động cặp đôi: Học sinh trao đổi bài cho nhau để học hỏi. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và</p>	<p>hành động việc làm nhằm thoát khỏi hoàn cảnh sống đen tối theo theo hướng tiêu cực.</p> <p>+ Liên hệ bản thân, rút ra bài học nhận thức và hành động.</p> <p>*Kết thúc vấn đề: khẳng định lại ý nghĩa vấn đề nghị luận</p> <p>d, Sáng tạo: (0,5đ)</p> <p>Thể hiện sự tìm tòi trong diễn đạt, dùng đa dạng các kiểu câu phù hợp với mục đích trình bày. Sử dụng từ ngữ có chọn lọc.</p> <p>e, Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu: (0,5đ)</p> <p>II. Nhận xét chung</p> <p>1. Ưu điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số em bố cục bài viết mạch lạc, rõ ràng; hành văn lưu loát; biết cách làm văn nghị luận. <p>2. Nhược điểm: Một số bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết còn sơ sài, thiếu luận điểm. - Thiên về cảm nhận -> bài viết thiếu hấp dẫn - Bố cục chưa rõ ràng, hành văn còn vụng <p>* Chữa lỗi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lỗi : từ , câu, trình bày.... - Lỗi chính tả <p>IV. Trả bài, rút kinh nghiệm</p>
---	---

<p>thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi. - Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn <p>Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: nhận xét đánh giá, sửa lỗi</p>	
--	--

TIẾT 105 : HƯỚNG DẪN HỌC TẬP TRONG HÈ

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

- Tên bài học:

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP TRONG HÈ

- Hình thức dạy: Dạy học trên lớp

- Chuẩn bị của GV và HS:

+ Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án/thiết kế bài học. Các slides trình chiếu (nếu có). Các phiếu học tập, bao gồm: các sơ đồ để HS điền thông tin, các bài tập dùng để kiểm tra, đánh giá HS trong quá trình đọc hiểu.

+ Chuẩn bị của học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà theo các yêu cầu sau: Đọc trước bài trong SGK Ngữ văn 10, Tập một. Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn tìm hiểu cuối bài. Các sản phẩm chuẩn bị được giao

B: Xác định nội dung – chủ đề bài học:

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP TRONG HÈ

C: Xác định mục tiêu bài học.

1. Về kiến thức, kỹ năng, thái độ

a. Kiến thức

- Củng cố lại kiến thức đã học trong năm học vừa qua, có khả năng nắm bắt khái quát được các vấn đề cơ bản của môn ngữ văn lớp 10, để học tốt hơn chương trình học K11

b. Về kỹ năng

- Rèn kỹ năng ôn tập theo chủ đề, phân môn.
- Kỹ năng đọc hiểu văn bản văn học.

Về thái độ:

- Có ý thức học tập, rèn luyện trong hè.
- Trân trọng yêu mến bộ môn.

2. Định hướng năng lực, phẩm chất HS

a. Năng lực

Giúp HS hình thành một số năng lực trong các năng lực sau:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, CNTT, TT...

- **Năng lực riêng:** sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, cảm thụ thẩm mỹ, ...

b. Phẩm chất: Yêu thương con người, tự chủ ...

D: Thiết kế tiến trình bài học

KHỞI ĐỘNG: HS lên bảng viết tên các nội dung đã học trong chương trình lớp 10

GV tổ chức trò chơi, củng cố kiến thức

HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: HỆ THỐNG BÀI HỌC

Gv chia lớp thành 3 nhóm

Nhóm 1: Hãy nêu những đặc trưng, thể loại của VHDG

Nhóm 2: Kể tên các tác phẩm thơ đã học trong chương trình

Nhóm 3: Thống kê các tác phẩm văn xuôi và thể loại văn xuôi trung đại

A- Phần văn học

I- Văn học dân gian:

1- Đặc trưng cơ bản của văn học dân gian:

- Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng

- Văn học dân gian là sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể.

2, Hệ thống thể loại của văn học dân gian Việt Nam

Gồm 12 thể loại cơ bản (GV kể tên các thể loại và lấy VD chứng minh)

3, Những giá trị cơ bản của văn học dân gian

- Văn học dân gian là kho tri thức vô cùng phong phú về đời sống các dân tộc

- Văn học dân gian có giá trị giáo dục sâu sắc về đạo lí làm người

- Văn học dân gian có giá trị thẩm mỹ to lớn, góp phần quan trọng tạo nên bản sắc riêng của nền văn học dân tộc.

II. Các tác phẩm chủ yếu của nền văn học dân gian

1, **Sử thi:** *Chiến thắng Mtao Mxây* trích *Đăm Săn*

- Có hai loại sử thi dân gian: sử thi thần thoại và sử thi anh hùng

Sử thi *Đăm Săn* thuộc sử thi anh hùng, kể về khát vọng của người Ê- Đê trong buổi đầu chinh phục tự nhiên và mở mang bờ cõi, khát vọng xây dựng một bộ tộc hùng mạnh, tất cả những điều đó được gửi gắm vào hình tượng

người anh hùng mang sức mạnh phi thường.

2, **Truyền thuyết:** *Truyện An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy*

- Truyền thuyết phản ánh lịch sử một cách thần thoại, những câu chuyện dựng nước và giữ nước của ông cha ta được khúc xạ qua lời kể của nhiều thế

hệ để rồi kết tinh thành những hình tượng nghệ thuật đặc sắc, nhuộm màu thần kì mà vẫn thấm đẫm cảm xúc đời thường

- Nội dung và nghệ thuật (GV nêu lại để HS nhớ)

3, **Truyện cổ tích:** *Tám Cám*

- Truyện cổ tích được chia làm ba loại: cổ tích về loài vật, cổ tích thần kì, cổ tích sinh hoạt

- Nội dung và nghệ thuật của truyện cổ tích *Tám Cám* (GV nhắc lại cho HS nắm vững vấn đề)

4, **Truyện cười:** *Tam đại con gà, Nhưng nó phải bằng hai mày*

- Truyện cười có hai loại: truyện cười khôi hài chủ yếu nhằm mục đích giải trí xong vẫn có ý nghĩa giáo dục; truyện cười trào phúng có mục đích phê phán các nhân vật thuộc tầng lớp trên của xã hội

- GV nhắc lại nội dung của hai truyện cười và yêu cầu HS nắm vững khi ôn tập

5, **Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa**

- GV yêu cầu HS nắm vững nội dung và nghệ thuật của ca dao, tính chất hài hước trong ca dao

6. **Đọc thêm:** *Lời tiễn dặn*

- *Tiễn dặn người yêu (Xống chũn xon xao)* của dân tộc Thái là một trong những truyện thơ nổi tiếng trong kho tàng truyện thơ của các dân tộc thiểu số

- GV nhắc lại nội dung của truyện và nội dung của đoạn trích *Lời tiễn dặn*

III- Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ

XIX

1, Phần khái quát

- Các thành phần của văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ

XIX

- Các giai đoạn phát triển của văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

- Những đặc điểm lớn về nội dung và nghệ thuật

2, Các tác phẩm đã học

- Trữ tình: *Tỏ lòng*; *Cảnh ngày hè*; *Nhàn*; *Độc Tiểu Thanh kí*; *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng*; *Cảm xúc mùa thu*

- Đọc thêm: *Cáo bệnh bảo mọi người*; *Hứng trở về*; *Lầu Hoàng Hạc*; *Nỗi oán của người phòng khuê*; *Khe chim kêu*.

- Văn xuôi trung đại: *Phú sông Bạch Đằng*; *Đại cáo bình Ngô*; *Tựa “Trích*

diễn thi tập”; Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn; Chuyện chức phán sự đền Tản Viên; Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ; Truyện Kiều.

- Văn học Trung Quốc: *Hồi trống Cổ Thành; Tào Tháo uống rượu luận anh hùng*

- GV yêu cầu HS nắm vững nội dung và nghệ thuật của từng tác phẩm

B- Phân làm văn

1 - Đặc điểm các loại văn bản

- Đặc điểm của văn bản của văn bản tự sự: kể lại, trình bày lại sự việc, câu chuyện một cách có trình tự...
- Đặc điểm của văn bản thuyết minh: Giới thiệu một số nét cơ bản về đối tượng để thuyết phục người nghe theo quan điểm của người viết.
- Đặc điểm của văn bản nghị luận: Dùng lí lẽ, và thực tế để phân tích, chứng minh, bình luận... một vấn đề thuộc văn học hay đời sống.
- Sở dĩ cần kết hợp các loại văn bản này vì chúng có quan hệ hữu cơ trong thực tế, và vì khi viết, nếu có kết hợp, chất lượng bài viết sẽ tốt hơn
- Chọn sự việc và chi tiết tiêu biểu

+ Sự việc và chi tiết tiêu biểu là những sự việc, chi tiết nổi bật nhất, biểu thị tập trung nhất tư tưởng, chủ đề của tác phẩm tự sự.

+ Khi viết văn bản tự sự, muốn lựa chọn các sự việc, chi tiết tiêu biểu, cần có công quan sát, suy ngẫm, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng..., nhằm phát hiện ra những sự việc, chi tiết nào có ý nghĩa nhất, giúp cho việc bộc lộ chủ đề, xây dựng tính cách nhân vật được rõ nét nhất.

2- Để lập dàn ý cho một bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm, cần lưu ý những điểm sau đây:

- + Dàn ý đó cũng tương tự như dàn ý của bài văn tự sự bình thường khác.
- + Tuy nhiên, trong thân bài (phần chính của truyện), cần bố trí các đoạn để có thể miêu tả và biểu cảm đối với nhân vật, hoàn cảnh nhân vật. Trong phần kết cũng thường có những đoạn biểu cảm.
- + Chú ý: Không nên miêu tả và biểu cảm lan man, chỉ nên tập trung khắc hoạ hình tượng nhân vật, như miêu tả ngoại hình, miêu tả nội tâm, miêu tả và biểu cảm về hoàn cảnh nhân vật v.v...

3- Phương pháp thuyết minh: là một hệ thống những cách thức được sử dụng nhằm đạt được mục đích đặt ra. Phương pháp thuyết minh rất quan trọng đối với bài văn thuyết minh. Nắm được phương pháp, người viết (người nói) mới truyền đạt đến người đọc (người nghe) những hiểu biết về sự vật, sự việc, hiện tượng một cách hiệu quả.

Các phương pháp thuyết minh đã học ở THCS gồm: nêu định nghĩa, liệt kê, nêu ví dụ, dựng số liệu, so sánh, phân loại, phân tích.

Ngoài ra, chương trình còn giới thiệu một số phương pháp mới khác, như: thuyết minh bằng cách chú thích; thuyết minh bằng cách giảng giải nguyên nhân- kết quả (Xem bài học tuần 23).

-Văn bản thuyết minh có mục đích cung cấp cho người nghe (người đọc) những tri thức về sự vật khách quan. Cho nên văn bản trước hết cần chuẩn xác, tiếp đó là phải có tính hấp dẫn.

4 - Cách lập dàn ý cho bài văn thuyết minh:

Muốn lập dàn ý cho bài văn thuyết minh, cần nắm vững các kiến thức cần thiết về dàn ý và có kỹ năng xây dựng dàn ý nói chung; có đầy đủ tri thức cần thiết cho bài thuyết minh của mình; và cuối cùng, cần sắp xếp các ý theo trình tự hợp lý.

+ Cách viết đoạn mở đầu của bài văn thuyết minh: cần nêu đề tài bài viết (như giới thiệu đối tượng nào?); cho người đọc biết mục đích thuyết minh của bài viết; nêu ý nghĩa và tầm quan trọng của đối tượng thuyết minh để thu hút người đọc (người nghe)....

+ Cách viết phần thân bài: Tùy theo từng bài văn cụ thể để lựa chọn cách viết phù hợp. Trong phần thân bài có nhiều đoạn văn với những mục đích, nội dung khác nhau.

5- Cấu tạo của một lập

luận:

Lập luận gồm luận điểm, luận cứ, luận chứng. 6- **Dàn ý cho bài nghị luận**, cần:

- Nhận thức đúng đề bài nghị luận (kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận, phạm vi tài liệu).

- Tìm ý cho bài văn. Tìm ý chính là tìm ra các luận điểm, luận cứ, từ khái quát đến cụ thể, chi tiết.

- Lập dàn ý là việc lựa chọn, sắp xếp, triển khai các luận điểm, luận cứ lồng vào bố cục ba phần sao cho hợp lý.

7- Yêu cầu và cách thức tóm tắt văn bản tự

sự:

- Yêu cầu tóm tắt văn bản tự sự là kể lại hoặc viết lại một cách ngắn gọn những chuyện cơ bản xảy ra với nhân vật chính. Tóm tắt phải trung thành với văn bản gốc.

- Cách thức tóm tắt văn bản tự

sự:

- Đọc kỹ văn bản, nắm được kết cấu, nhân vật, mâu thuẫn, xung đột...

- Kể lại các chi tiết chính dựa theo kết cấu, bố cục, sao cho bật ra mâu thuẫn, xung đột.

Với yêu cầu tóm tắt nhân vật chính nhưng không theo điểm nhìn của truyện, phải xây dựng kết cấu mới, theo điểm nhìn mới.

+ Yêu cầu và cách thức tóm tắt văn bản thuyết minh:

- Yêu cầu: Tóm tắt phải rõ ràng, chính xác, sát với nội dung cơ bản của văn bản gốc.

- Muốn tóm tắt một văn bản thuyết minh ta cần xác định mục đích yêu cầu tóm tắt; đọc văn bản gốc để nắm vững đối tượng thuyết minh; tìm bố cục

văn bản. Từ đó, tóm lược các ý để hình thành văn bản tóm tắt.

- Đặc điểm và cách viết kế hoạch cá nhân:

C-Phản tiếng Việt

1- Hoạt động giao

tiếp

- Hoạt động giao tiếp phải có nhân vật, hoàn cảnh và nội dung giao tiếp.

- + Giao tiếp phải có mục đích;
- + Phải có phương tiện giao tiếp và cách thức giao tiếp;
- + Quá trình giao tiếp gồm: tạo lập và lĩnh hội văn bản.

2. Đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

a. Ngôn ngữ nói: - Là ngôn ngữ của âm thanh, là lời nói trong giao tiếp. Người nói và người nghe trực tiếp trao đổi với nhau (có sự đối vai).

+ Đa dạng ngữ điệu; phối hợp cử chỉ, dáng điệu;...

+ Từ ngữ đa dạng, câu rườm rà, không gọt giũa. Hạn chế bởi không gian và thời gian.

b. Ngôn ngữ viết: Thể hiện bằng chữ viết trên văn bản và tiếp nhận bằng thị giác.

+ Phải biết các kí hiệu chữ viết, quy tắc chính tả, tổ chức văn bản.

+ Có thời gian lựa chọn gọt giũa, nghiền ngẫm => tồn tại trong không gian và thời gian.

+ Từ ngữ phong phú, nhiều cách lựa chọn.

HOẠT ĐỘNG - LUYỆN TẬP

Hoạt động của gv và hs	Yêu cầu cần đạt	
* Hs thảo luận, phát biểu làm các bài tập. Gv nhận xét, khẳng định đáp án.	1. Nêu các thể loại của VBVH theo PCCNNN: Văn bản - Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt: thư, nhật kí, - Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ gọt giũa: + Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật: thơ, truyện, kịch, + Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học: SGK, tạp chí khoa học, + Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận: Tuyên ngôn độc lập, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, + Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính-công vụ: đơn, nghị quyết, + Văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí: phóng sự, bản tin,... 2. Lập Bảng so sánh phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và nghệ thuật	
	PCNNSH	PCNNNT
	- Tính cụ thể	- Tính hình tượng

	<ul style="list-style-type: none"> - Tính cảm xúc - Tính cá thể 	<ul style="list-style-type: none"> - Tính truyền cảm - Tính cá thể hoá 	
	2. Nêu nguồn gốc và quan hệ họ hàng tiếng Việt <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng Việt có nguồn gốc bản địa: vùng đồng bần Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. - Quan hệ họ hàng tiếng Việt: tiếng Việt thuộc dòng Môn Khmer, họ Nam á, quan hệ họ hàng gần gũi với tiếng Mường, tiếng Khơ mer và các tiếng Ba na, tiếng Ca tu. 		

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÀI MỞ RỘNG

Hoạt động của học sinh	Yêu cầu cần đạt
Yêu cầu ôn tập hè theo hướng dẫn	- Sáng tạo, tự học